

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHU VƯƠNG THÌN

**TÍCH HỢP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH
TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT Ở
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHU VƯƠNG THÌN

**TÍCH HỢP GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH
TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT Ở
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Lưu Thiên Sương
2. TS. Trương Thị Hiền

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là hoàn toàn trung thực và chưa từng có ai công bố trong bất kì một công trình nào khác. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về cam đoan của mình trước Hội đồng và Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh!

Tác giả luận án

Chu Vương Thìn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG TRONG LUẬN ÁN

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH, BIỂU ĐỒ

ĐẶT VẤN ĐỀ.....Error! Bookmark not defined.

Chương 1: TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU5

1.1. Quan điểm về đổi mới giáo dục và đào tạo đối với cấp trung học phổ thông tại Việt Nam.....5

1.1.1. Quan điểm chung.....5

1.1.2. Xu hướng đổi mới về giáo dục và đào tạo trên thế giới.....6

1.1.3. Thực tế đổi mới giáo dục và đào tạo cấp trung học phổ thông hiện nay ở Việt Nam.....7

1.2. Cơ sở lý luận về tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông.....9

1.2.1. Cơ sở lý luận về dạy học tích hợp ở trường trung học phổ thông.....9

1.2.2. Cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng sống ở trường trung học phổ thông 14

1.2.3. Cơ sở lý luận về dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông26

1.2.4. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả dạy học36

1.2.5. Chương trình giáo dục trung học phổ thông hiện nay.....41

1.3. Định hướng thử nghiệm tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông.....42

1.3.1. Phương hướng và thực tế42

1.3.2. Xây dựng kế hoạch và nội dung.....43

1.4. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh trung học phổ thông45

1.4.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông45

1.4.2. Đặc điểm sinh lý của học sinh trung học phổ thông46

1.5. Lịch sử nghiên cứu	48
1.5.1. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam	48
1.5.2. Lịch sử nghiên cứu ngoài nước	52
Chương 2: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.....	56
2.1. Đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu.....	56
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu.....	56
2.1.2. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	56
2.2. Phương pháp nghiên cứu	57
2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu khoa học có liên quan.....	57
2.2.2. Phương pháp phỏng vấn.....	57
2.2.3. Phương pháp điều tra xã hội học	58
2.2.4. Phương pháp chọn mẫu	60
2.2.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm.....	60
2.2.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm.....	67
2.2.7. Phương pháp toán học thống kê	68
2.3. Tổ chức nghiên cứu	69
2.3.1. Kế hoạch nghiên cứu.....	69
2.3.2. Địa điểm tổ chức nghiên cứu	70
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	71
3.1. Đánh giá thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	71
3.1.1. Đặc điểm đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	71
3.1.2. Thực trạng tích hợp trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	73
3.1.3. Thực trạng tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	92
3.1.4. Xác định tiêu chí đánh giá tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	

trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	100
3.1.5. Đánh giá thực trạng tích hợp GDKNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	104
3.2. Xác định các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	113
3.2.1. Các yêu cầu khi tổ chức tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông.....	113
3.2.2. Nguyên tắc tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	115
3.2.3. Cơ sở đề xuất các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông.....	118
3.2.4. Các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	121
3.2.5. Thiết kế quy trình dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất.....	129
3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	132
3.3.1. Khái quát về thực nghiệm	132
3.3.2. Đánh giá hiệu quả việc tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.....	134
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	149
KẾT LUẬN	149
KIẾN NGHỊ	150

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN
QUAN ĐẾN LUẬN ÁN
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC**

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CNTT	Công nghệ thông tin
CT	Chương trình
CT GD	Chương trình giáo dục
DH	Dạy học
DHTH	Dạy học tích hợp
GD	Giáo dục
GD KNS	Giáo dục kỹ năng sống
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDPT	Giáo dục phổ thông
GDTC	Giáo dục thể chất
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KNS	Kỹ năng sống
KT -XH	Kinh tế - xã hội
NL	Năng lực
NXB	Nhà xuất bản
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
TDTT	Thể dục thể thao
THPT	Trung học phổ thông
TTTC	Thể thao tự chọn
XPC	Xuất phát cao

DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

Chữ viết tắt

cm

s

kg

m

Chữ viết đầy đủ

Centimét

Giây

Kilôgram

Mét

DANH MỤC CÁC BẢNG TRÌNH BÀY TRONG LUẬN ÁN

Bảng	Nội dung	Trang
Bảng 1.1	Tiêu chuẩn đánh giá thể lực theo lứa tuổi học sinh THPT	37
Bảng 3.1	Kết quả khảo sát số lượng GV và HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong năm học 2020 – 2021	71
Bảng 3.2	Kết quả phỏng vấn về những kỹ năng cơ bản của người giáo viên GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	71
Bảng 3.3	Quan niệm của CBQL, GV về mức độ cần thiết của DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	73
Bảng 3.4	Thực trạng thực hiện DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	74
Bảng 3.5	Thực trạng việc sử dụng hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	76
Bảng 3.6	Thực trạng nội dung DHTH cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	77
Bảng 3.7	Thực trạng sử dụng các PP DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	79
Bảng 3.8	Thực trạng sử dụng kỹ thuật DHTH trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	80
Bảng 3.9	Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	82
Bảng 3.10	Thực trạng sử dụng các phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	84
Bảng 3.11	Thực trạng sử dụng các PP kiểm tra đánh giá trong DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	86
Bảng 3.12	Mức độ nhận thức của HS khi thực hiện DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	87
Bảng 3.13	Mức độ hứng thú của HS khi thực hiện DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	89
Bảng 3.14	Mức độ khó khăn khi thực hiện DHTH trong môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	90
Bảng 3.15	Nguồn thông tin giúp CBQL, GV có hiểu biết về tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT	93
Bảng 3.16	Đánh giá của CBQL, GV về tầm quan trọng của tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT	93

Bảng 3.17	Thực trạng mức độ thực hiện tích hợp GD KNS cho học sinh trong môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	94
Bảng 3.18	Thực trạng hiệu quả tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	95
Bảng 3.19	Thực trạng mức độ thuận lợi khi tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	95
Bảng 3.20	Thực trạng nội dung tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	96
Bảng 3.21	Thực trạng về tính tích cực học tập của HS khi GV sử dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	97
Bảng 3.22	Ưu điểm nổi bật khi vận dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	97
Bảng 3.23	Thực trạng về mục đích khi vận dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	98
Bảng 3.24	Thực trạng ảnh hưởng các yếu tố đến tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	Sau 99
Bảng 3.25	Mức độ ủng hộ của nhà trường và tổ bộ môn đối với việc tổ chức GDTH GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	100
Bảng 3.26	Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí đánh giá KNS cho HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	102
Bảng 3.27	Tổng hợp ý kiến chuyên gia về tính khả thi của việc giảng dạy tích hợp GD KNS trong môn học GDTC cho HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	102
Bảng 3.28	Rubric tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kỹ năng thiết lập mục tiêu	Sau 103
Bảng 3.29	Rubric tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kỹ năng làm việc nhóm	Sau 103
Bảng 3.30	Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí của thang đo kỹ năng thiết lập mục tiêu	Sau 103
Bảng 3.31	Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí của thang đo kỹ năng làm việc nhóm	104
Bảng 3.32	Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối 11 trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	105
Bảng 3.33	Kết quả xếp loại thể lực của học sinh khối 11 trường THPT	106

	trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	
Bảng 3.34	Kết quả khảo sát thực trạng các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu (trước thực nghiệm) của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	108
Bảng 3.35	Kết quả khảo sát thực trạng các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm (trước thực nghiệm) của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	109
Bảng 3.36	Kết quả kiểm tra các test đánh giá thể lực của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm	135
Bảng 3.37	Mức độ tăng trưởng thành tích các test thể lực HS nam và nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm	136
Bảng 3.38	Kết quả phân loại thể lực của HS nam - nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm (theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT)	Sau 136
Bảng 3.39	Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	Sau 138
Bảng 3.40	Kiểm định t-test kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	Sau 138
Bảng 3.41	Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	Sau 139
Bảng 3.42	Bảng kiểm định t-test kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	Sau 140
Bảng 3.43	Mức độ tự cảm nhận của học sinh khi hoàn thành kế hoạch thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS của nghiên cứu	142
Bảng 3.44	Mức độ tự đánh giá về hứng thú của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đối với các giờ học thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS	143
Bảng 3.45	Mức độ tự nhận thức tầm quan trọng của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đối với các giờ học thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS	145
Bảng 3.46	Mức độ tự nhận thức của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột về hiệu quả khi tích hợp giảng dạy GD KNS thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm vào môn học GDTC	146

DANH MỤC CÁC HÌNH, BIỂU ĐỒ TRONG LUẬN ÁN

Hình, biểu đồ	Nội dung	Trang
Hình 2.1	Dụng cụ kiểm tra sức mạnh - Lực bóp tay thuận	61
Hình 2.2	Mô tả hình ảnh thực hiện động tác nằm ngửa gập bụng	61
Hình 2.3	Mô tả hình ảnh thực hiện động tác bật xa tại chỗ	62
Hình 2.4	Mô tả hình ảnh thực hiện động tác xuất phát cao trong test chạy 30m xuất phát cao	63
Hình 2.5	Mô tả hình ảnh thực hiện test chạy con thoi 4x10m	64
Biểu đồ 3.1	Kết quả xếp loại thể lực của HS lớp 11 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	107
Biểu đồ 3.2	Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của học sinh THPT thành phố Buôn Ma Thuột trước thực nghiệm	109
Biểu đồ 3.3	Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học sinh THPT thành phố Buôn Ma Thuột trước thực nghiệm	111
Biểu đồ 3.4	So sánh kết quả xếp loại thể lực của HS nam THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	137
Biểu đồ 3.5	So sánh kết quả xếp loại thể lực của HS nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	137
Biểu đồ 3.6	So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	139
Biểu đồ 3.7	So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm	141
Biểu đồ 3.8	Mức độ hứng thú của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột khi tổ chức DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC	144

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Sự phát triển của khoa học và công nghệ trong bối cảnh hiện nay đang tạo nhiều cơ hội cho những đổi mới giáo dục (GD). Việc đổi mới GD phải được tiếp cận một cách bài bản và thấu đáo trong xác định khoảng cách GD. Từ đó mới có thể xác nhận các mức độ thành công của việc đổi mới trong cái nhìn đối sánh với những hạn chế do cấu trúc chương trình (CT) GD cũ để lại. Đổi mới GD thành công đòi hỏi việc tiếp cận từng bước bao gồm nhiều vấn đề, trong đó chú trọng các vấn đề như đánh giá nhu cầu, thiết kế can thiệp (bao gồm cả chương trình, phương pháp, điều kiện GD, phương hướng giáo dục,...), kiểm tra và phân tích, xác định khả năng duy trì học tập.

Hơn thế nữa, thực trạng đổi mới hoạt động GD hiện nay cho thấy nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng sống (KNS) của học sinh (HS) là nhu cầu chính đáng và cần thiết. Đồng thời, thực trạng đó cũng đặt ra yêu cầu, đòi hỏi các trường phổ thông phải tích cực hơn nữa trong việc đổi mới PPDH theo hướng “HS được trao đổi nhiều hơn, suy nghĩ nhiều hơn”. Việc tạo điều kiện, môi trường phù hợp đối với các hoạt động GD nhằm hướng HS tới sự phát triển có tính chủ động là yếu tố quan trọng để có thể đạt được các mục tiêu của quá trình đổi mới GD, trong đó có mục tiêu nâng cao KNS cho HS (bao gồm các kỹ năng như là: phát hiện vấn đề, giao tiếp, hợp tác làm việc nhóm, sáng tạo, giải quyết vấn đề, năng lực tự học,...).

Dạy học hướng tới cho HS làm chủ KNS giải quyết vấn đề phức hợp gắn liền thực tiễn là một trong những chiến lược mà nền GD của các quốc gia phát triển như Pháp, Bỉ, Thụy sĩ, Canada,... đã triển khai và đang tiếp tục hoàn thiện. Ở Việt Nam hiện nay, cách tiếp cận dạy học theo hướng bồi dưỡng KNS giải quyết vấn đề cho HS đã được nghiên cứu, nhưng mô hình dạy học này vẫn chưa được triển khai chính thức và toàn diện ở các khía cạnh, ở các môn học. Thực tế, phương pháp (PP) giảng dạy truyền thống lấy nội dung kiến thức làm tiêu chí quan trọng nhất vẫn khá phổ biến trong các trường phổ thông. Việc quá chú trọng cách tiếp cận này làm cho các kiến thức giảng dạy bị phân mảnh, bị đóng khung, tách khỏi tình huống thực tiễn, ít có ý nghĩa. Phương pháp dạy học này có thể làm cho HS không có nhiều khả năng ứng dụng các kiến thức đã học. Đối với môn học giáo dục thể chất (GDTC) ở các trường

trung học phổ thông (THPT), nhiều ý kiến cho rằng, môn học này ít được coi trọng. Hơn nữa, cũng tồn tại thực trạng, một số HS ít có hứng thú với môn học hoặc tự gặp khó khăn trong việc tiếp nhận và vận dụng các kiến thức, kỹ năng hoạt động thể chất và thể dục thể thao (TDTT), khó kết nối hệ thống kiến thức đã học để giải quyết vấn đề phức hợp có ý nghĩa và ứng dụng thực tiễn.

Trong CT GDTC dành cho cấp THPT có các kiến thức về khoa học vận động, kỹ năng hoạt động vận động, vệ sinh sức khỏe, PP vận động, rèn luyện thói quen vận động lâu dài,... Hoạt động giảng dạy GDTC hướng tới việc tạo môi trường và cơ hội cho HS rèn luyện đạo đức, nhận thức các quy luật vận động khoa học, kết nối các kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến sự trưởng thành và phát triển các KNS cơ bản. Các quan điểm GD hiện đại cho rằng, HS sẽ làm chủ hệ thống kiến thức này tốt hơn, có ý nghĩa hơn, hiệu quả hơn nếu tổ chức việc dạy học theo hướng tích hợp kiến thức để HS huy động và tự huy động các nguồn lực giải quyết các vấn đề thực tiễn hiệu quả hơn trong cuộc sống, thay vì chỉ áp dụng trong tập luyện và thi đấu thể thao.

Hiện nay, các nghiên cứu thực nghiệm tích hợp GDTC trong các hoạt động giáo dục dành cho HS THPT chưa được nghiên cứu và công bố nhiều trên các tạp chí nghiên cứu GD ở Việt Nam. Vì vậy, một trong các mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các căn cứ khoa học về mặt cơ sở lý luận trong việc giảng dạy tích hợp trong môn học GDTC cho HS cấp THPT.

Trong khoảng 5 năm gần đây, việc áp dụng các biện pháp tích cực, tích hợp vào giảng dạy thực tế tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được HS đón nhận tích cực và có những phản hồi khả quan. Ngoài ra, trong các tiết học, GV thường tổ chức lồng ghép các mảng kiến thức khác có liên quan tới tri thức chung, liên quan đến cuộc sống thực tế xung quanh,... làm cho giờ học tăng tính sinh động, HS hứng thú cao và tích cực tham gia đóng góp, xây dựng bài học nhiều hơn, hiệu quả giải quyết nhiệm vụ GD nâng cao. Tuy nhiên, khi triển khai cách dạy này, một số giáo viên (GV) gặp nhiều khó khăn về việc phối hợp truyền tải dung lượng kiến thức tích hợp trong giờ học do tốn nhiều thời gian để chuẩn bị và giảng dạy hơn. Vì thế, nhiều GV còn e ngại hoặc không thể thực hiện kịp việc tích hợp vào trong các

tiết học những nội dung liên quan. Tuy nhiên, sau quá trình áp dụng và tạo được các kỹ năng ứng dụng dạy học tích cực, tích hợp, liên môn,... nhiều GV đã xác nhận được hiệu quả giảng dạy, qua đó tự tích cực, chủ động trong việc áp dụng PP giảng dạy này trong các giờ học của bản thân. Trong bối cảnh đó, chưa có nghiên cứu nào chú trọng vấn đề trên cho nhóm HS THPT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Vậy thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay như thế nào? Có thể đề xuất những biện pháp tích hợp GD KNS nào cho HS THPT thông qua giờ học GDTC?

Để trả lời cho những câu hỏi trên, tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài: ***“Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở các căn cứ khoa học về lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông, nghiên cứu này hướng tới mục đích đề xuất được các biện pháp tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT. Từ đó, ứng dụng và đánh giá hiệu quả tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, luận án đã tiến hành giải quyết 03 mục tiêu như sau:

Mục tiêu 1: Đánh giá thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Mục tiêu 2: Xác định các biện pháp tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Mục tiêu 3: Ứng dụng và đánh giá hiệu quả tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Giả thuyết khoa học của luận án

- Việc dạy học tích hợp ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC có hiệu quả chưa cao và chưa đáp ứng được yêu cầu GD trong giai đoạn hiện nay.

- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng trên, trong đó năng lực của giáo viên là yếu tố chủ quan và yếu tố cơ sở vật chất, tài liệu học tập là yếu tố khách quan có mức độ ảnh hưởng cao hơn cả.

- Việc xây dựng kế hoạch, chương trình tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đảm bảo sự tích hợp mục tiêu GD KNS với mục tiêu môn GDTC cho HS và thiết kế các tiết học tích hợp GD KNS phù hợp với nội dung môn GDTC cho HS cũng như xây dựng tiêu chí đánh giá sẽ là những biện pháp phù hợp để nâng cao KNS cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Đồng thời, cũng làm tăng tính đa dạng về nội dung, tạo ra sự thu hút, hứng thú cao của HS đối với hoạt động học tập.

5. Ý nghĩa khoa học của nghiên cứu

Kết quả của nghiên cứu góp phần cung cấp và hoàn thiện cơ sở lý luận về việc tích hợp GD KNS vào giờ học GDTC, đồng thời chứng minh việc ứng dụng các kế hoạch GD KNS vào môn học GDTC có thể nâng cao năng lực giảng dạy của GV và KNS của HS. Đồng thời, việc ứng dụng các kế hoạch GD KNS vào môn học GDTC cũng làm tăng mức độ hứng thú của HS đối với các nội dung học tập.

6. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu

Nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng GD và hoạt động GD KNS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Căn cứ thực trạng, nghiên cứu tiến hành xây dựng kế hoạch, chương trình tích hợp GD KNS và ứng dụng giảng dạy tích hợp GD KNS vào giờ học GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả thực nghiệm cung cấp các căn cứ khoa học tin cậy cho việc xác định hiệu quả và khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, cung cấp các căn cứ khoa học cho các kế hoạch GD và nghiên cứu tương đương.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm về đổi mới giáo dục và đào tạo đối với cấp trung học phổ thông tại Việt Nam

1.1.1. Quan điểm chung

Quan điểm chỉ đạo của Nhà nước về đổi mới GD nói chung và GDPT nói riêng được thể hiện trong nhiều văn bản, đặc biệt trong các văn bản quan trọng sau đây:

Luật GD quy định tại số 38/2005/QH11, Điều 28 qui định: “Phương pháp GDPT phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của HS; Phù hợp với đặc điểm từng lớp học, môn học: Bồi dưỡng PP tự học, khả năng làm việc theo nhóm, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức; Tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho HS” [15].

Báo cáo năm 2011 của Ban Chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, khẳng định: “Đổi mới CT, nội dung, PP dạy và học, PP thi, kiểm tra theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng toàn diện, đặc biệt coi trọng lý tưởng, GD truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, năng lực (NL) sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội” (Trích Báo cáo của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI năm 2011 của Đảng Cộng sản Việt Nam).

Chiến lược để phát triển GD giai đoạn từ năm 2011 đến 2020 (ban hành kèm theo Quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ) cũng chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới PPDH và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và NL tự học của người học; Đổi mới kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng theo hướng đảm bảo thiết thực, hiệu quả khách quan và công bằng; Kết hợp kết quả kiểm tra đánh giá trong quá trình GD với kết quả thi”.

Chính vì vậy, thực hiện đổi mới toàn diện, căn bản hệ thống GD là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân trong bối cảnh và yêu cầu mới của xu thế thế giới, nhằm “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả GD, đào tạo, ... GD và giáo dục người Việt Nam theo hướng phát triển toàn diện và phát huy tốt tiềm năng, khả năng sáng tạo” [4], [63].

1.1.2. Xu hướng đổi mới về giáo dục và đào tạo trên thế giới

Các cuộc tranh luận gần đây trong tài liệu về GD bao gồm các câu hỏi liên quan đến tính khả thi của việc phát triển các CT GD và những đổi mới có tính vượt trội và có thể phát triển thành xu hướng GD&ĐT chung [93]. Một số ý kiến chuyên môn đề xuất tiến bộ cũng nêu ra và cho rằng việc đánh giá quy mô lớn các CT có thể được thực hiện và chuyển giao mô hình cho các tổ chức GD trong cộng đồng, đồng thời cũng có các quan điểm GD cho rằng, việc thực hiện các tổng hợp và đánh giá là bắt buộc để xã hội có thể tiến lên một cách có hiệu quả trong việc cải thiện GD [107], [101]. Ngược lại, những người khác coi môi trường GD là một “đồng biến không thể thay đổi” [100], hơn nữa bất kỳ sự đổi mới nào chắc chắn phải được điều chỉnh cho phù hợp với môi trường GD để có thể đạt được giá trị tối đa [90], [103]. Nhu cầu hòa nhập với sự phát triển của xã hội là vấn đề có tính cấp thiết và tác động đến việc đổi mới GD. Tuy nhiên, việc kết hợp đổi mới GD đòi hỏi phải có sự đồng thuận, thống nhất cao giữa lý tưởng về thiết kế ban đầu của đổi mới và thực tế của môi trường mà hoạt động GD được tổ chức thực hiện.

Các nhà GD cũng sử dụng các nghiên cứu, điều tra với mức độ yêu cầu cao, độ tin cậy và tính đại chúng lớn để xác nhận các PP GD đã sử dụng khi tiến hành các chương trình giảng dạy cho HS của mình, đi đôi với điều đó, vẫn phải cố gắng liên kết những PP đổi mới GD với kết quả thực hiện hoạt động giảng dạy thực tế như một quá trình xác minh [95].

Trước sự đổi mới nhanh chóng của thế giới, sự hòa nhập thế giới diễn ra mạnh mẽ về mọi phương diện, các nhà GD thế giới thống nhất cần phải đổi mới hệ thống GD tổng thể nhằm hướng tới một quy trình GD&ĐT khoa học, hợp lý bao gồm việc phát triển các CT, PP giảng dạy, mục tiêu của CT, NL đội ngũ, cơ sở vật chất,... đồng thời cũng đổi mới cả các quá trình nghiên cứu về GD chuyên môn nhằm đảm bảo các hệ thống dữ liệu khoa học làm nền tảng cho các hoạt động đổi mới GD dựa trên căn cứ khoa học thực tế [95]. Một thực tế đáng buồn là các nguồn kinh phí thực hiện cho mọi hoạt động nghiên cứu đổi mới GD hạn chế đã dẫn đến những khó khăn trong xác định các căn cứ khoa học thực tế cho việc đánh giá các PP đổi mới GD trong cộng đồng [96].

1.1.3. Thực tế đổi mới giáo dục và đào tạo cấp trung học phổ thông hiện nay ở Việt Nam

Năm 2016, Việt Nam đã chính thức ban hành cấu trúc quy định đối với ngành GD&ĐT [72], cấu trúc chuẩn đã hạn chế tối đa tính độc lập của các bộ phận GD, trong đó có GDPT, GD nghề nghiệp và GD thường xuyên. Cấu trúc hệ thống GD mới có tính mở rộng về khả năng phát triển, có thể kết hợp các hoạt động GD ở nhiều cấp học, trình độ đào tạo và cách thức thực hiện hoạt động GD&ĐT, qua đó giúp HS tăng khả năng tự lựa chọn về các cấp học phổ thông cơ bản nhằm định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Cấu trúc mới cũng đảm bảo tính thống nhất về đánh giá chất lượng hoạt động GD, khả năng tổng hợp và thống nhất với các chuẩn đánh giá GD quốc tế [76]. Một trong các kết quả quan trọng là đã cấu trúc hệ thống GD đã được ban thành, có tính thể chế với các văn bản hướng dẫn phù hợp với từng cấp độ GD [18]. Ghi nhận các công tác thực hiện chính sách, lợi ích của người dạy, người học đảm bảo, phát hiện và xử lý có báo cáo nhiều hạn chế, sai phạm,... tạo sự quan tâm và thay đổi nhận thức của xã hội đối với cải cách GD hiện tại.

Công tác hoàn thiện và triển khai CT GDPT theo hướng phát triển NL cho HS: Cơ quan đầu ngành là Bộ GD&ĐT đã tích cực, chủ động trong việc xây dựng, ban hành các quy định, hướng dẫn phù hợp với định hướng phát triển do Đảng và Nhà nước ban hành đối với hệ thống GD trong thời điểm hiện nay và phương hướng phát triển tương lai. Một trong các mục tiêu cơ bản của CT GDPT 2018 là hướng tới việc loại bỏ hoàn toàn các hạn chế của CT và PP GD đang thực hiện tại Việt Nam, cụ thể là chuyển từ hoạt động GD hướng về nội dung sang hướng về phát triển NL, phẩm chất và kỹ năng của HS [17].

Công tác kiểm định chất lượng GD liên tục đổi mới theo hướng hiệu quả thực tế và công bằng hơn: “Đổi mới thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng cấp THPT được triển khai theo hướng đánh giá năng lực, kết hợp kết quả quá trình với kết quả cuối năm học” [24]. Hoạt động kiểm định chất lượng GD được thực hiện theo từng cấp với quy định tổ chức rõ ràng và thường xuyên. “Công tác đổi mới thi tốt nghiệp THPT được triển khai theo hướng đánh giá NL, kết hợp kết quả quá trình với kết quả cuối năm học, giảm áp lực và tốn kém cho xã hội, khắc phục tình trạng học lệch, học tủ và đã đi vào nề nếp, hiệu quả hơn” [23].

Công tác giáo dục các phẩm chất tư tưởng, đạo đức và GD KNS cho HS có nhiều kết quả khả quan. Bộ GD&ĐT luôn quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, GD KNS cho HS, đồng thời cũng xác định nhiệm vụ giáo dục và GD này là trọng tâm có tính ưu tiên đối với các tổ chức, cơ quan GD trong việc thực hiện các nhiệm vụ và đổi mới công tác GD. Toàn ngành phấn đấu thực hiện “đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” [11]. Bằng nhiều cách thức, tiêu biểu như các phong trào hoạt động toàn ngành như “mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”, “Xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường”, đi đôi với các phong trào trên, từng hoạt động thay đổi dần dần nội dung, CT, PP giáo dục, GD đạo đức, KNS cho HS, cải thiện và nâng cao môi trường GD phù hợp đối với các hoạt động GD tích cực được triển khai, nhân rộng và có hiệu quả.

Thúc đẩy và tạo điều kiện ứng dụng thường xuyên các công nghệ mới vào hoạt động GD: Ngành GD&ĐT chủ trương tạo điều kiện và cơ chế cho GV sử dụng phù hợp và có chọn lọc các ứng dụng của khoa học kỹ thuật tiên tiến vào nội dung, các giờ giảng dạy thực tế. Hơn thế nữa, ngành GD&ĐT tự bản thân cũng tiến hành triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu GD toàn ngành, hiện đã hoàn thiện cấu trúc và số liệu GD cấp mầm non và GDPT trên 63/63 Sở GD&ĐT thuộc các tỉnh thành trên cả nước. Một trong các kết quả báo cáo được xác nhận là việc ứng dụng các tiến bộ về công nghệ thông tin đã được sử dụng phổ biến trong các trong các hoạt động GD tại các trường học trên cả nước [26]. Các hoạt động GD có tính linh hoạt, phù hợp với từng tình huống thực tế, điều này có thể thấy qua các đợt dịch bệnh Covid-19 vừa qua, tại thời điểm dịch bệnh ảnh hưởng đến xã hội, ngành GD chủ động thay đổi áp dụng có hiệu quả các PP GD thông qua truyền hình, GD trực tuyến,... Kết quả này cho thấy, ngành GD&ĐT vẫn đảm bảo duy trì hoạt động GD trong các điều kiện khó khăn, đáp ứng phương châm “hoàn thành mục tiêu kép vừa hoàn thành kế hoạch, vừa bảo đảm an toàn, phòng chống dịch bệnh, đồng thời góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành GD” [22].

1.2. Cơ sở lý luận về tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

1.2.1. Cơ sở lý luận về dạy học tích hợp ở trường trung học phổ thông

1.2.1.1. Các khái niệm có liên quan

a) Tích hợp

Theo từ điển Việt Nam: “Tích hợp là lắp ráp, kết nối các thành phần của một hệ thống để tạo nên một hệ thống đồng bộ” [84, tr 12-15].

Theo từ điển GD học: “Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch DH” [36, tr 32-34].

Theo tác giả Nguyễn Thị Kim Dung: “Tích hợp (tiếng Anh: Intergration) có nguồn gốc từ tiếng La tinh (intergration) với nghĩa: Xác lập lại cái chung, cái toàn thể, cái thống nhất trên cơ sở những bộ phận riêng lẻ”. Theo cách thực tế nhất, tích hợp được xác định là hoạt động GD được thực hiện thông qua quá trình lựa chọn các nội dung phù hợp sau đó thông qua sự sắp xếp có chủ đích và tuân theo các nguyên tắc sư phạm để thực hiện việc truyền thụ một nội dung GD có tính kết hợp của kiến thức một môn học cụ thể với các kiến thức khác nhưng phù hợp với đặc tính kiến thức hoặc nội dung giảng dạy. Một trong các mục tiêu quan trọng của giai đoạn đổi mới hoạt động GD hiện nay là thiết kế và thực hiện các hoạt động GD tích hợp từ các nội dung giảng dạy, học truyền thống [32, tr10-15].

Theo tác giả Phạm Thị Kim Anh: “Tích hợp (Intergration) được hiểu là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống các kiến thức trong một môn học hoặc giữa các môn học thành một nội dung thống nhất” [1, tr 66-69].

Theo tác giả Cao Thị Thặng: “Tích hợp là sự lồng ghép, sự kết hợp những nội dung các môn học (hoặc các phân môn trong môn học) theo những cách khác nhau”. Theo tác giả Cao Thị Thặng, có hai loại lồng ghép, kết hợp cơ bản sau: Tích hợp các nội dung mới vào các môn học đã có hoặc phối kết hợp các nội dung đã có trong cùng một môn học. và tích hợp để tạo ra môn học mới [72, tr 113-135].

Theo tác giả Cao Cự Giác: “Tích hợp là một hoạt động mà ở đó cần phải kết hợp, liên hệ, huy động các yếu tố, nội dung gần và giống nhau, có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực để giải quyết, làm sáng tỏ vấn đề và cùng một lúc đạt được nhiều mục tiêu khác nhau” [35, tr 17-19].

Tóm lại, việc nhận định khái niệm tích hợp được tiếp cận và diễn giải theo nhiều góc nhìn khác nhau và cơ bản có 2 loại tích hợp: Tích hợp nội dung mới vào môn học đã có mà không phải là tạo ra một môn học hoàn toàn mới hoặc tích hợp các nội dung khác nhau nhưng phù hợp và có mục tiêu cụ thể để tạo ra môn học mới. Trong phạm vi của nghiên cứu này, nghiên cứu xác định sử dụng loại giảng dạy tích hợp theo cách thứ nhất: Tích hợp có lựa chọn nội dung mới với nội dung của một môn học đã có nhưng đảm bảo các nguyên tắc sư phạm và có mục tiêu GD rõ ràng mà không tạo ra môn học mới (hoàn toàn vẫn là môn học cũ).

b) Dạy học tích hợp (DHTH)

Theo tác giả Nguyễn Thị Kim Dung [32]: “DHTH là một quan niệm dạy học nhằm hình thành ở HS những NL giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn dựa trên sự huy động nội dung, kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Điều đó cũng có nghĩa là đảm bảo để mỗi HS biết cách vận dụng kiến thức học được trong nhà trường vào các hoàn cảnh mới lạ, khó khăn, bất ngờ, qua đó trở thành một người công dân có trách nhiệm, một người lao động có NL. DHTH đòi hỏi việc học tập trong nhà trường phải được gắn với các tình huống của cuộc sống mà sau này HS có thể đối mặt vì thế nó trở nên có ý nghĩa đối với HS”. Theo quan điểm này, thực tế thực hiện hoạt động GD sẽ phải đưa DHTH vào tất cả các thành phần GD (nội dung; PP dạy, học; PP kiểm tra đánh giá; tổ chức dạy, học,...).

Theo tác giả Phạm Thị Kim Anh [1]: “DHTH là một cách thức dạy học chú trọng đến việc hình thành, phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng tổng hợp thông qua việc gắn kết, phối hợp các nội dung gắn gũi liên quan, nhằm hình thành ở HS những NL giải quyết vấn đề, đặc biệt là các vấn đề tình huống thực tiễn đa dạng”.

Theo tác giả Cao Cự Giác: “DHTH là định hướng về nội dung và PP dạy học, trong đó GV tổ chức, hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập, thông qua đó hình thành những kiến thức, kỹ năng mới, phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống” [35].

DHTH được cho là một quan điểm sư phạm hay quan niệm/định hướng giảng dạy. Theo tác giả Đỗ Hương Trà và cộng sự năm 2015 [83], “DHTH là một quan điểm sư

phạm, ở đó người học cần huy động mọi nguồn lực để giải quyết một tình huống phức hợp – có vấn đề nhằm phát triển các NL và phẩm chất cá nhân”; Theo tác giả Trần Bá Hoành năm 2006 [39], “DHTH là một quan niệm DH nhằm hình thành ở HS những NL giải quyết vấn đề hiệu quả các tình huống thực tiễn dựa trên sự huy động nội dung, kiến thức, KN thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau”. Theo tác giả Nguyễn Văn Khải năm 2008 [43], “DHTH phải được thể hiện ở cả nội dung CT, PPDH, hình thức tổ chức DH, kiểm tra đánh giá. DHTH tạo ra các tình huống liên kết tri thức các môn học, đó là cơ hội phát triển các NL của HS. Khi xây dựng các tình huống vận dụng kiến thức, HS sẽ phát huy được NL tự lực, phát triển tư duy sáng tạo”. Theo nhà nghiên cứu Xaviers Roegirs năm 1996 [89], “Lí thuyết sự phạm tích hợp là một quan niệm về quá trình học tập trong đó toàn thể các quá trình học tập góp phần hình thành ở HS những NL rõ ràng, có dự tính trước những điều cần thiết cho HS nhằm phục vụ cho quá trình học tập tương lai hoặc hoà nhập HS vào cuộc sống lao động, làm cho quá trình học tập có ý nghĩa”. Theo CT GDPT tổng thể của Bộ GD&ĐT năm ban hành năm 2018 [20]: “DHTH là định hướng DH giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức và kiến thức”.

Tóm lại, DHTH có thể được xác định là một cách thức thực hiện hoạt động giảng dạy mà ở đó các GV là chủ thể thực hiện các hoạt động tổ chức, hướng dẫn để HS sẽ đóng vai trò chủ động trong việc tiếp nhận, phát huy khả năng huy động, liên kết, tổng hợp hóa kiến thức và chuyển biến kiến thức thành kỹ năng,... thuộc các môn học với các lĩnh vực kiến thức kỹ năng khác nhau nhằm thực hiện nhiệm vụ chính của bản thân là học và rèn luyện các kỹ năng phù hợp và có mục tiêu.

1.2.1.2. Dạy học tích hợp ở trường trung học phổ thông

Một số nghiên cứu chuyên sâu của các nhà khoa học đã đưa ra các mô hình dạy học cụ thể theo các hướng tiếp cận.

Cách tiếp cận của nhà nghiên cứu Susan M. Drake [109]: Tác giả đã đề cập đến ba dạng tích hợp là: Tích hợp đa môn; Tích hợp liên môn và xuyên môn.

Cách tiếp cận của nhà nghiên cứu Robin Fogarty[106]: Có 3 loại hình tích hợp CT dạy học được sử dụng phổ biến nhất gồm: Tích hợp nội môn; Tích hợp xuyên môn; Tích hợp từ HS và thông qua HS.

Cách tiếp cận của nhà nghiên cứu Xavier Roegiers[112]: Có 4 cách tích hợp CT GD đưa ra những ứng dụng chung cho nhiều môn học: 1) Để vận dụng được tốt đòi hỏi kiến thức tổng hợp, chung cho nhiều môn học; 2) Những ứng dụng chung cho nhiều môn học được thực hiện ở nhiều thời điểm trong năm học; 3) Phối hợp quá trình học tập những môn học khác nhau bằng chủ đề tự chọn hay dự án tích hợp; 4) Phối hợp nội dung học tập những môn học khác nhau bằng các tình huống tích hợp, xoay quanh các mục tiêu chung cho nhóm môn đó, tạo thành môn học tích hợp.

Theo tài liệu tập huấn “Dạy học tích hợp ở trường trung học cơ sở và THPT” năm 2015 [16], của các báo cáo viên Trần Trung Ninh và cộng sự (2017) [53], Đỗ Hương Trà và cộng sự (2015) [83] có nhiều lí do để thực hiện DHTH, tuy nhiên tập trung ở các lí do cơ bản sau đây :

DHTH làm cho quá trình học tập có ý nghĩa: DHTH giúp hòa nhập các hoạt động của nhà trường vào thực tế đời sống và gắn với nhu cầu HS vì vậy sẽ tạo niềm tin cho HS, giúp HS tích cực huy động và vận dụng tối đa vốn kinh nghiệm của bản thân.

DHTH nhằm phát triển NL HS: Các tình huống trong DHTH thường gắn với thực tiễn cuộc sống, gần gũi và hấp dẫn HS.

Do bản chất tích hợp của quy luật tự nhiên: Bản thân đối tượng tự nhiên là một thể thống nhất, là sự tích hợp của các môn khoa học.

DHTH để thiết lập mối quan hệ giữa các kiến thức, kĩ năng và PP của các môn học: DHTH tạo mối liên hệ trong học tập bằng việc kết nối các môn học khác nhau, nhấn mạnh đến sự phụ thuộc và mối quan hệ giữa các kiến thức, KN và PP của các môn học đó.

Như vậy: Vì sao phải dạy học tích hợp? Có nhiều quan điểm, nhiều hướng nghiên cứu, cách tiếp cận khác nhau:

Theo tác giả Phạm Đức Quang [60]: Hầu hết các công việc trong xã hội đương đại đòi hỏi sự tích hợp một loạt các kỹ năng.

Vì với nhà trường truyền thống, HS được tiếp cận với một tập hợp các sự kiện, yêu cầu ghi nhớ chúng, nhưng sau đó thường không có cơ hội để vận dụng chúng theo cách có thể áp dụng trong tình huống cuộc sống bên ngoài nhà trường.

Học tập theo hướng tích hợp làm cho các nội dung học tập xích lại gần với cuộc sống của con người hơn, gần hơn với cuộc sống lao động, khác hẳn so với môi trường khi mà họ đang còn ở trong trường học.

Hầu hết các GV đã có kinh nghiệm đều cảm thấy rằng: “Không thể đủ thời gian để có thể dạy được tất cả các nội dung theo mong muốn” hoặc “có vẻ như mỗi năm lại có nhiều điều được đưa thêm vào CT nhà trường trong khi đó ngày học không thể đủ dài cho tất cả những gì mà chúng ta mong muốn làm”.

Theo tác giả Cao Cự Giác [35]: Thứ nhất, do mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều ít nhiều có mối liên hệ với nhau; Thứ hai, trong quá trình phát triển của khoa học và GD, nhiều kiến thức, kỹ năng chưa hoặc chưa cần thiết trở thành một môn học trong nhà trường, nhưng lại rất cần trang bị cho HS để họ có thể đối mặt với những thách thức của cuộc sống; Thứ ba, do tích hợp mà các kiến thức gần nhau, liên quan với nhau sẽ được nhập vào cùng một môn học nên số đầu môn học sẽ giảm bớt, tránh được sự trùng lặp không cần thiết về nội dung giữa các môn học nhằm giảm tải cho HS; Thứ tư, khi GV kết hợp tốt PP DHTH, sử dụng các hiện tượng trong thực tiễn cuộc sống, ngoài giúp HS chủ động, tích cực say mê học tập còn lồng ghép được các nội dung khác nhau như: Bảo vệ môi trường, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người thông qua các kiến thức thực tiễn đó.

Theo tác giả Võ Văn Duyên Em [34]: Có 3 điều cần thiết để thực hiện DHTH gồm: Thứ nhất, DHTH góp phần thực hiện mục tiêu GD toàn diện của nhà trường phổ thông; Thứ hai, do bản chất của mối liên hệ giữa các tri thức khoa học (Quá trình dạy học phải làm sao liên kết, tổng hợp hóa các tri thức, đồng thời thay thế “tư duy cơ giới cổ điển” bằng “tư duy hệ thống”. Theo nhà nghiên cứu Xaviers Roegirs [112], nếu nhà trường chỉ quan tâm dạy cho HS các khái niệm một cách rời rạc, thì nguy cơ sẽ hình thành ở HS các “suy luận theo kiểu khép kín”, sẽ hình thành những con người “mù chức năng”, nghĩa là những người đã lĩnh hội kiến thức nhưng không có khả năng sử dụng các kiến thức đó hàng ngày); Thứ 3, góp phần giảm tải học tập cho HS.

Tóm lại, có nhiều quan điểm, hướng nghiên cứu, cách tiếp cận khác nhau về tầm quan trọng, sự cần thiết của công tác DHTH. Cần lưu ý trọng tâm gồm 3 vấn đề cơ bản của sự cần thiết phải DHTH cho HS gồm: Thứ nhất: Góp phần thực hiện mục tiêu GD toàn diện ở các nhà trường phổ thông của Bộ GD&ĐT; Thứ hai: Góp phần giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; Thứ ba: Góp phần giảm tải học tập cho HS.

1.2.2. Cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng sống ở trường trung học phổ thông

1.2.2.1. Các khái niệm có liên quan

a) Kỹ năng sống

Hiện nay có nhiều định nghĩa khác nhau về KNS, theo từng cách tiếp cận khác nhau thì các định nghĩa được tiếp nhận theo từng cách khác nhau, một số quan điểm chủ đạo thường thấy gồm:

Theo tác giả Dương Nghiệp Chí [26]: “KNS gồm hai phần là kỹ năng tư duy và kỹ năng ứng xử, đối phó với các tình huống; KNS là kỹ năng mềm dẻo như giao tiếp, làm việc,...; KNS là kỹ năng thuộc tính cách, không mang tính chuyên môn, nhưng lại cực kỳ cần thiết trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, mọi lứa tuổi”.

Theo tổ chức GD, Khoa học và Văn hóa liên hiệp quốc (UNESCO): KNS gắn liền với 4 trụ cột của GD:

- Học để biết (Learning to know): Bao gồm các kỹ năng về tư duy (nhận thức về hành động; ra quyết định; sáng tạo; giải quyết vấn đề theo hướng phù hợp và sáng tạo; logic;...) và các khả năng huy động kiến thức của bản thân.

- Học để thực hành (Learning to do): Bao gồm các kỹ năng hoạt động thực tế (xác định mục tiêu; PP giải quyết vấn đề; PP huy động để giải quyết mâu thuẫn; PP hoạt động nhóm;...) và khả năng tự chủ thực hiện giải quyết các vấn đề tồn tại.

- Học để trưởng thành (Learning to be): Bao gồm các kỹ năng mềm thuộc về cá nhân như kiểm soát cảm xúc, NL tự nhận thức, NL kiểm soát áp lực căng thẳng của bản thân, khả năng huy động kiến thức, kỹ năng tạo ra tâm lý tự tin,....

- Học để cùng chung sống (Learning to live together): Bao gồm các kỹ năng liên quan đến việc hòa nhập xã hội, cụ thể như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác, kỹ năng xác định và khẳng định bản thân trước tập thể, kỹ năng chia sẻ và cảm thông,...

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) [99]: “KNS là NL tâm lý xã hội, là khả năng ứng phó một cách có hiệu quả với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống. Đó cũng là khả năng của một cá nhân để duy trì một trạng thái khỏe mạnh về mặt tinh thần, biểu hiện qua các hành vi phù hợp và tích cực khi tương tác với người khác, với nền văn hóa và môi trường xung quanh. NL tâm lý xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy sức khỏe theo nghĩa rộng nhất về thể chất, tinh thần và xã hội. KNS là khả năng thể hiện, thực thi NL tâm lý xã hội này”.

Theo tổ chức Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEFF) [110]: “KNS là tập hợp rất nhiều kỹ năng tâm lý xã hội và giao tiếp cá nhân giúp cho con người đưa ra những quyết định có cơ sở, giao tiếp một cách có hiệu quả, phát triển các kỹ năng tự xử lý và quản lý bản thân nhằm giúp họ có cuộc sống lành mạnh và có hiệu quả. Từ KNS có thể thể hiện thành những hành động cá nhân và những hành động đó sẽ tác động đến hành động của những người khác cũng như dẫn đến những hành động nhằm thay đổi môi trường xung quanh, giúp nó trở nên lành mạnh”.

Thông qua các góc nhìn về KNS trên, nghiên cứu cho rằng:

Tùy thuộc vào cách tiếp cận mà mỗi người sẽ nhận thức KNS theo cách khác nhau. Về cơ bản, theo các cách tiếp cận hẹp thường chỉ là các kỹ năng thực hành về NL tâm lý xã hội, ngược lại theo cách tiếp cận mở rộng, KNS được xác định thêm cả những kỹ năng vận động (kỹ năng thực hiện các hoạt động từ tối thiểu đến hoạt động trong các điều kiện đặc thù hoặc khó khăn, an toàn,...).

Do tính chất phức tạp của KNS, vì vậy trong thực tế, các tài liệu về KNS đều đề cập đến mọi lĩnh vực hoạt động từ học tập để chuẩn bị nghề nghiệp, cách học ngoại ngữ, kỹ năng tổ chức trại hè đến kỹ năng làm mẹ. Cũng cần phải chú ý phân biệt giữa những kỹ năng sinh kế (ví dụ: Học đọc viết, học tính toán, học các hoạt động liên quan đến đặc điểm ngành nghề như may vá, nấu ăn,...) hay các kỹ năng sống (ví dụ: Học sơ cứu, bơi, sử dụng thuốc,...) với các định nghĩa nêu trên.

Tóm lại, để xác định chính xác KNS cần phải tiếp cận và hiểu theo nhiều cách, góc độ khác nhau ở từng trường hợp, từng nền văn hóa và xã hội. Hơn nữa, phương hướng và việc thực hiện hóa KNS của mỗi khu vực, nền văn hóa và xã hội cũng có sự khác biệt theo tình hình cụ thể. Chính vì vậy, việc GD KNS cần phải được phát triển

trên mọi khía cạnh cuộc sống để mỗi con người trong xã hội của mình có thể lựa chọn phù hợp các KNS phù hợp, có ý nghĩa và vận dụng vào việc thích ứng cũng như giải quyết các vấn đề khác nhau của từng đối tượng, môi trường khác nhau.

Đồng thuận với quan điểm trên, nhận định về KNS của UNESCO trong việc mở rộng các hoạt động GD KNS cho tất cả mọi đối tượng, đặc biệt chú trọng đối tượng người trẻ tuổi và thanh thiếu niên. Điều này được lý giải như sau: Trường hợp giả định, tiếp cận định nghĩa KNS theo nghĩa hẹp tức là chỉ nhận định vai trò của KNS đối với các kỹ năng về NL tâm lý xã hội sẽ giảm đi ý nghĩa, vai trò và hiệu quả của hoạt động GD đặc thù này; Trường hợp giả định, tiếp cận định nghĩa KNS theo nghĩa rộng (có bao gồm NL tâm lý xã hội) hướng tới sự đa thành phần và tôn trọng khả năng tự lựa chọn của con người đối với sự đa dạng của các KNS tương ứng với các mặt khác nhau vốn luôn tồn tại trong xã hội hiện thực, đồng thời mục tiêu rộng mở hướng tới các giá trị tổng thể hơn (thường đa dạng các mặt như sức khỏe, quan hệ xã hội, cảm giác hạnh phúc, chất lượng cuộc sống,...). Hơn thế nữa, tiếp cận theo nghĩa rộng cũng được nhắc đến các vấn đề hẹp, có tính đặc thù cao hơn. Điều này đề cập tới khả năng con người thực hiện việc quản lý một cách phù hợp đối với bản thân và cộng đồng xã hội trong cuộc sống hàng ngày.

Nhằm phù hợp với các yếu tố con người, chế độ GD và phạm vi nghiên cứu, hướng tiếp cận KNS được lựa chọn là: “Khả năng làm cho hành vi và sự thay đổi của mình phù hợp với cách ứng xử tích cực giúp con người có thể kiểm soát, quản lý có hiệu quả các nhu cầu và những thách thức trong cuộc sống hàng ngày”.

Thông qua tổng hợp các tài liệu nghiên cứu có liên quan, nghiên cứu tiến hành khoanh vùng phạm vi các KNS có liên quan và được chú trọng thực hiện đánh giá trong nghiên cứu này trên đối tượng HS THPT trong dạy học môn GDTC gồm hai kỹ năng như sau: Kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm. Tác giả giới hạn các KNS này để nghiên cứu nhằm GD cho HS THPT trong dạy học môn GDTC vì đây là hai KNS chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ về nội dung, PP và hình thức GD cho HS nói chung, HS THPT nói riêng. Mặt khác, tác giả Luận án cũng đã tích lũy các kinh nghiệm về các kỹ năng này vào thực tế nghiên cứu cũng như công tác.

b) Giáo dục kỹ năng sống

Tùy từng mức độ khác nhau (lớp, trường, ngành), việc tiếp cận khái niệm GD cũng được điều chỉnh theo mức hẹp và rộng [31], [51], [59], [73]. Đối với các nhà trường, việc tiếp cận khái niệm GD được xác định là các quy trình hoạt động hoạt động GD tổng thể (GD đơn thuần và hẹp) thông qua các hoạt động GD quy phạm đặc tính sư phạm. Về quy định, các dạng hoạt động GD được tiến hành trong các cơ sở GD quy định, tất cả đều được quản lý và điều hành theo một mục tiêu chung cho các cơ quan chuyên môn cao nhất về GD&ĐT ban hành. Trong các loại cơ sở GD này, công tác chính là thực hiện các hoạt động GD cho phép và một số hoạt động khác liên quan đến nghiệp vụ GD được quy định theo điều lệ GD, hoạt động chủ đạo của công tác GD là giảng dạy và học tập, ngoài ra các công tác giáo dục phẩm chất con người cũng được xác định là thành phần không thể thiếu.

Thông qua các hoạt động GD, KNS được hình thành và phát triển bằng việc trải nghiệm thực tế các kiến thức, kỹ năng qua đó hình thành và thay đổi dần dần các hành vi và thói quen không phù hợp trước đây, mục tiêu của các hoạt động nói chung là sẽ trang bị đầy đủ cho người học đầy đủ các mặt về cả kiến thức kỹ năng, thái độ và hành vi thích hợp. Chính vì vậy việc hình thành và phát triển các KNS cần phải thông qua các hoạt động GD với các nguyên tắc sư phạm. Theo UNICEF, “GD dựa trên KNS cơ bản là sự thay đổi trong hành vi hay một sự phát triển hành vi nhằm tạo sự cân bằng giữa kiến thức, thái độ, hành vi” [87], [98], [110].

Thông qua xác định giá trị và định nghĩa về KNS và quan niệm về hoạt động GD đã nêu, nghiên cứu xác định: GD KNS là một hoạt động GD có tính định trước, xác định rõ ràng các yếu tố kế hoạch, tổ chức, PP, dự tính kết quả và đánh giá kết quả đạt được, đồng thời cũng có các PP giảng dạy hướng tới việc tạo ra môi trường và động lực thúc đẩy HS tự tiến hành học tập, tự nhận thức và sử dụng kiến thức thành các dạng nhận thức phản ứng có biểu hiện và các hoạt động trả lời theo hướng tích cực, chủ động.

1.2.2.2. Sự cần thiết giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông

Lý do cần phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông được lý giải qua các phương diện sau:

Xét theo yêu cầu xã hội: Do đặc điểm của xã hội hiện nay, sự hình thành và phát triển KNS đã trở thành một yêu cầu quan trọng đối với cá nhân và là tiêu chí về nhân cách con người hiện đại. Hội nghị GD thế giới tại Senegan tháng 4/2000 đã thông qua kế hoạch hành động GD cho cộng đồng (Kế hoạch hành động Dakar) [92] gồm 6 mục tiêu lớn. Trong đó mục tiêu 3 đã vạch ra: “Đảm bảo nhu cầu học tập của tất cả thể hệ trẻ và người lớn được đáp ứng thông qua bình đẳng tiếp cận với các CT học tập và CT GD KNS thích hợp”. Mục tiêu này đã yêu cầu các quốc gia phải đảm bảo người học được tiếp cận những CT GD KNS phù hợp. UNESCO đã xác định những lĩnh vực cần được quan tâm đặc biệt về GD KNS, bao gồm: Liên quan đến việc làm; Liên quan đến sức khỏe, HIV/AIDS và lạm dụng ma túy; Liên quan đến xung đột và bạo lực.

Xét từ góc độ GD: KNS của người học được xác định là một biểu hiện của chất lượng GD. Vì thế, trong mục tiêu 6 của kế hoạch hành động Dakar về GD cho cộng đồng, KNS được coi là một khía cạnh của chất lượng GD, đánh giá chất lượng GD cần tính đến những tiêu chí đánh giá KNS của người học.

Xét từ góc độ văn hóa, chính trị: GD KNS giải quyết một cách tích cực nhu cầu và quyền con người, quyền công dân Việt Nam và quốc tế.

Xét theo yêu cầu của sự phát triển bền vững: Trong số 15 nội dung cơ bản về GD vì sự phát triển bền vững đã được UNESCO xác định thì có rất nhiều nội dung thông nhất với GD KNS để giải quyết các vấn đề cụ thể như: Quyền con người, hòa bình và an ninh, bình đẳng giới, đa dạng văn hóa và hiểu biết về giao lưu văn hóa, sức khỏe, HIV/AIDS, các nội dung về bảo vệ môi trường, giảm nghèo, tinh thần và trách nhiệm tập thể.

1.2.2.3. Giáo dục kỹ năng sống ở trường trung học phổ thông

a) Mục tiêu của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông

Mục tiêu của GD KNS cho HS THPT không dừng lại ở việc làm thay đổi nhận thức cho HS bằng cách cung cấp thông tin, tri thức mà tập trung vào mục tiêu xây dựng hoặc làm thay đổi hành vi của HS theo hướng tích cực, mang tính xây dựng đối với các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. GD KNS giúp HS THPT hiểu được những tác động mà hành vi và thái độ của mình có thể gây ra, có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống. HS

THPT có KNS sẽ biết ứng dụng những nguyên tắc phát triển bền vững vào cuộc sống của mình. Có thể khẳng định, GD KNS cho HS THPT là trang bị cho các HS một chiếc cầu nối giữa hiện tại với tương lai, giúp các HS thích ứng với cuộc sống hiện đại không ngừng biến đổi.

b) Các KNS cần thiết cho học sinh THPT

Kĩ năng sống đối với các học sinh THPT vô cùng quan trọng. Nếu kĩ năng sống không tốt sẽ ảnh hưởng đến sự phấn đấu của học sinh. Sau đây là những kĩ năng sống cần thiết cho học sinh THPT [65], [66], [67].

➤ *Kĩ năng tự nhận thức*

Tự nhận thức là tự mình nhìn nhận, tự đánh giá về bản thân.

Kĩ năng tự nhận thức là khả năng con người hiểu về chính bản thân mình, như cơ thể, tư tưởng, các mối quan hệ xã hội của bản thân; biết nhìn nhận, đánh giá đúng về tiềm năng, tình cảm, sở thích, thói quen, điểm mạnh, điểm yếu,... của bản thân mình; quan tâm và luôn ý thức được mình đang làm gì, kể cả nhận ra lúc bản thân đang cảm thấy căng thẳng.

Tự nhận thức là một KNS rất cơ bản của con người, là nền tảng để con người giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với người khác cũng như để có thể cảm thông được với người khác. Ngoài ra, có hiểu đúng về mình, con người mới có thể có những quyết định, những sự lựa chọn đúng đắn, phù hợp với khả năng của bản thân, với điều kiện thực tế và yêu cầu xã hội. Ngược lại, đánh giá không đúng về bản thân có thể dẫn con người đến những hạn chế, sai lầm, thất bại trong cuộc sống và trong giao tiếp với người khác.

Để tự nhận thức đúng về bản thân cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là giao tiếp với người khác.

➤ *Kĩ năng thiết lập mục tiêu*

Mục tiêu là cái đích mà chúng ta muốn đạt tới trong một khoảng thời gian hoặc một công việc nào đó. Mục tiêu có thể về nhận thức, hành vi hoặc thái độ.

Kĩ năng thiết lập mục tiêu là khả năng của con người biết đề ra mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống cũng như lập kế hoạch để thực hiện được mục tiêu đó.

Mục tiêu có thể được đặt ra trong một khoảng thời gian ngắn, như một ngày, một tuần (mục tiêu ngắn hạn). Mục tiêu cũng có thể cho một thời gian dài như một năm hoặc nhiều năm (mục tiêu dài hạn).

Kĩ năng thiết lập mục tiêu giúp chúng ta sống có mục đích, có kế hoạch và có khả năng thực hiện được mục tiêu của mình.

Muốn cho một mục tiêu có thực hiện thành công thì phải lưu ý đến những yêu cầu sau:

- Mục tiêu phải được thể hiện bằng những ngôn từ cụ thể; trả lời được những câu hỏi như: Ai? Thực hiện cái gì? Trong thời gian bao lâu? Thời điểm hoàn thành mục tiêu là khi nào?

- Khi viết mục tiêu, cần tránh sử dụng các từ chung chung, tốt nhất là đề ra những việc cụ thể, có thể lượng hóa được.

- Mục tiêu đặt ra cần phải thực tế và có thể thực hiện được; không nên đặt ra những mục tiêu quá khó so với khả năng và điều kiện của bản thân.

- Xác định được những công việc, những biện pháp cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu.

- Xác định được những thuận lợi đã có, những địa chỉ có thể hỗ trợ về từng mặt.

- Xác định được những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình thực hiện mục tiêu và các biện pháp cần phải làm để vượt qua những khó khăn đó.

- Có thể chia nhỏ mục tiêu theo từng mốc thời gian thực hiện.

Kĩ năng thiết lập mục tiêu được dựa trên kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tư duy sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...

➤ *Kĩ năng giao tiếp*

Kĩ năng giao tiếp là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp với hoàn cảnh và văn hóa, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bày tỏ ý kiến bao gồm cả bày tỏ về suy nghĩ, ý tưởng, nhu cầu, mong muốn và cảm xúc, đồng thời nhờ sự giúp đỡ và sự tư vấn cần thiết.

Kĩ năng giao tiếp giúp con người biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả, cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc nhưng

không làm hại gây tổn thương cho người khác. Kỹ năng này giúp chúng ta có mối quan hệ tích cực với người khác, bao gồm biết gìn giữ mối quan hệ tích cực với các thành viên trong gia đình- nguồn hỗ trợ quan trọng cho mỗi chúng ta, đồng thời biết cách xây dựng mối quan hệ với bạn bè mới và đây là yếu tố rất quan trọng đối với niềm vui cuộc sống. Kỹ năng này cũng giúp kết thúc các mối quan hệ khi cần thiết một cách xây dựng.

Kỹ năng giao tiếp là yếu tố cần thiết cho nhiều kỹ năng khác như bày tỏ sự cảm thông, thương lượng, hợp tác, tìm kiếm sự giúp đỡ, giải quyết mâu thuẫn, kiểm soát cảm xúc. Người có kỹ năng giao tiếp tốt biết dung hòa đối với mong đợi của những người khác, có cách ứng xử khi làm việc cùng và ở cùng với những người khác trong một môi trường tập thể, quan tâm đến những điều người khác quan tâm và giúp họ có thể đạt được những điều họ mong muốn một cách chính đáng.

➤ *Kỹ năng kiểm soát cảm xúc*

Kiểm soát cảm xúc là khả năng con người nhận thức rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và đối với người khác thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp. Kỹ năng xử lý cảm xúc còn có nhiều tên gọi khác như: xử lý cảm xúc, kiểm chế cảm xúc, làm chủ cảm xúc, quản lý cảm xúc.

Một người biết kiểm soát cảm xúc thì sẽ góp phần giảm căng thẳng giúp giao tiếp và thương lượng hiệu quả hơn, giải quyết mâu thuẫn một cách hài hòa và mang tính xây dựng hơn, giúp ra quyết định và giải quyết vấn đề tốt hơn.

Kỹ năng quản lý cảm xúc cần sự kết hợp với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ứng xử với người khác và kỹ năng ứng phó với căng thẳng, đồng thời góp phần củng cố các kỹ năng này.

➤ *Kỹ năng ứng phó với căng thẳng*

Trong cuộc sống hàng ngày, con người thường gặp những tình huống gây căng thẳng cho bản thân. Tuy nhiên, có những tình huống có thể gây căng thẳng cho người này nhưng lại không gây căng thẳng cho người khác và ngược lại.

Khi bị căng thẳng mỗi người có tâm trạng, cảm xúc khác nhau: cũng có khi là những cảm xúc tích cực nhưng thường là những cảm xúc tiêu cực gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người. Ở một mức độ nào đó, khi

một cá nhân có khả năng đương đầu với căng thẳng thì đó có thể là một tác động tích cực, tạo sức ép buộc cá nhân đó phải tập trung vào công việc của mình, bứt phá thành công. Nhưng mặt khác, sự căng thẳng còn có một sức mạnh hủy diệt cuộc sống cá nhân nếu căng thẳng đó quá lớn, kéo dài và giải tỏa nổi.

Khi bị căng thẳng, tùy từng tình huống, mỗi người có thể có cách ứng phó khác nhau. Cách ứng phó tích cực hay tiêu cực khi căng thẳng phụ thuộc vào cách suy nghĩ tích cực hay tiêu cực của cá nhân trong tình huống đó.

Kĩ năng ứng phó với căng thẳng là khả năng con người bình tĩnh, sẵn sàng đón nhận những tình huống căng thẳng như là một phần tất yếu của cuộc sống, là khả năng nhận biết sự căng thẳng, hiểu được nguyên nhân, hậu quả của căng thẳng, cũng như biết cách suy nghĩ và ứng phó một cách tích cực khi bị căng thẳng.

➤ *Kĩ năng thể hiện sự tự tin*

Tự tin là có niềm tin vào bản thân; tự hài lòng với bản thân; tin rằng mình có thể trở thành một người có ích và tích cực, có niềm tin về tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ.

Kĩ năng thể hiện sự tự tin giúp cá nhân giao tiếp hiệu quả hơn, mạnh dạn bày tỏ suy nghĩ và ý kiến của mình, quyết đoán trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề, thể hiện sự kiên định, đồng thời cũng giúp người đó có suy nghĩ tích cực và lạc quan trong cuộc sống.

Kĩ năng thể hiện sự tự tin là yếu tố cần thiết trong giao tiếp, thương lượng, ra quyết định, đảm nhận trách nhiệm.

➤ *Kĩ năng lắng nghe tích cực*

Lắng nghe tích cực là một phần quan trọng của kĩ năng giao tiếp. Người có kĩ năng lắng nghe tích cực biết thể hiện sự tập trung chú ý và thể hiện sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác (bằng các cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười), biết cho ý kiến phản hồi mà không vội đánh giá, đồng thời có đôi đáp hợp lí trong quá trình giao tiếp.

Người có kĩ năng lắng nghe tích cực thường được nhìn nhận là biết tôn trọng và quan tâm đến ý kiến của người khác, nhờ đó làm cho việc giao tiếp, thương lượng và

hợp tác của họ hiệu quả hơn. Lắng nghe tích cực cũng góp phần giải quyết mâu thuẫn một cách hài hòa và xây dựng.

Kỹ năng lắng nghe tích cực có quan hệ mật thiết với các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, hợp tác, kiềm chế cảm xúc và giải quyết mâu thuẫn.

➤ *Kỹ năng thể hiện sự cảm thông*

Thể hiện sự cảm thông là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh của người khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác vốn là những người rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu rõ cảm xúc và tình cảm của người khác và cảm thông với hoàn cảnh hoặc nhu cầu của họ

Kỹ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử với người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa, đa sắc tộc. Kỹ năng thể hiện sự cảm thông cũng giúp khuyến khích thái độ quan tâm và hành vi thân thiện, gắn gũi với những người cần sự giúp đỡ.

Kỹ năng thể hiện sự cảm thông được dựa trên kỹ năng tự nhận thức và kỹ năng xác định giá trị, đồng thời là yếu tố cần thiết trong kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn, thương lượng, kiên định và kiềm chế cảm xúc.

➤ *Kỹ năng thương lượng*

Thương lượng là khả năng trình bày, suy nghĩ, phân tích và giải thích, đồng thời có thảo luận để đạt được một sự điều chỉnh và thống nhất về cách suy nghĩ, cách làm hoặc một vấn đề gì đó.

Kỹ năng thương lượng bao gồm nhiều yếu tố của kỹ năng giao tiếp như lắng nghe, bày tỏ suy nghĩ và một phần quan trọng của giải quyết vấn đề và giải quyết mâu thuẫn. Một người có kỹ năng thương lượng tốt sẽ giúp giải quyết vấn đề hiệu quả, giải quyết mâu thuẫn một cách xây dựng và có lợi cho tất cả các bên.

Kỹ năng thương lượng có liên quan đến sự tự tin, tính kiên định, sự cảm thông, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và khả năng thỏa hiệp những vấn đề không có tính nguyên tắc của bản thân.

➤ *Kỹ năng làm việc nhóm*

Làm việc nhóm là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung.

Kĩ năng làm việc nhóm là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.

Biểu hiện của người có kĩ năng làm việc nhóm:

- Tôn trọng mục đích, mục tiêu hoạt động chung của nhóm; tôn trọng những quyết định chung, những điều đã cam kết.

- Biết giao tiếp hiệu quả, tôn trọng, đoàn kết và cảm thông, chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.

- Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm. Đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm.

- Nỗ lực phát huy năng lực, sở trường của bản thân để hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được phân công. Đồng thời biết hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác trong quá trình hoạt động.

- Biết cùng cả nhóm đồng cam cộng khổ vượt qua những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành mục đích, mục tiêu hoạt động chung.

- Có trách nhiệm về những thành công hay thất bại của nhóm, về những sản phẩm do nhóm tạo ra.

Có kĩ năng làm việc nhóm là một yêu cầu quan trọng đối với người công dân trong một xã hội hiện đại, bởi vì:

- Mỗi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Làm việc nhóm trong công việc giúp mọi người hỗ trợ, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh trí tuệ, tinh thần và thể chất, vượt qua khó khăn, đem lại chất lượng và hiệu quả cao hơn cho công việc chung.

- Trong xã hội hiện đại, lợi ích của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng đều phụ thuộc vào nhau, ràng buộc lẫn nhau; mỗi người như một cái chi tiết của một cỗ máy lớn, phải vận hành đồng bộ, nhịp nhàng, không thể hành động đơn lẻ.

- Kĩ năng làm việc nhóm còn giúp cá nhân sống hài hòa và tránh xung đột trong quan hệ với người khác.

Để có được hiệu quả trong làm việc nhóm, chúng ta cần vận dụng tốt nhiều KNS khác như: tự nhận thức, xác định giá trị, giao tiếp, thể hiện sự cảm thông, đảm nhận trách nhiệm, ra quyết định, giải quyết mâu thuẫn, kiên định, ứng phó với căng thẳng...

➤ *Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn*

Mâu thuẫn là những xung đột, tranh cãi, bất đồng, bất bình với một hay nhiều người về một vấn đề nào đó.

Mâu thuẫn trong cuộc sống hết sức đa dạng thường bắt nguồn từ sự khác nhau về quan điểm, chính kiến, lối sống, tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa,... Mâu thuẫn thường có ảnh hưởng tiêu cực tới những mối quan hệ của các bên.

Có nhiều cách giải quyết mâu thuẫn. Mỗi người sẽ có cách giải quyết mâu thuẫn riêng tùy thuộc vào vốn hiểu biết, quan niệm, văn hóa và cách ứng xử cũng như khả năng phân tích tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn.

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thỏa mãn được nhu cầu và quyền lợi các bên và giải quyết cả mối quan hệ giữa các bên một cách hòa bình.

Yêu cầu trước hết của kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là phải luôn kiềm chế cảm xúc, tránh bị kích động, nóng vội, giữ bình tĩnh trước mọi sự việc để tìm ra nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn cũng như tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn là một dạng đặc biệt của kĩ năng giải quyết vấn đề. Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn cần được sử dụng kết hợp với nhiều kĩ năng liên quan khác như: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng tư duy phê phán, kĩ năng ra quyết định...

➤ *Kĩ năng tư duy phê phán*

Kĩ năng tư duy phê phán là khả năng phân tích một cách khách quan và toàn diện các vấn đề, sự vật, hiện tượng... xảy ra. Để phân tích một cách có phê phán, con người cần:

Sắp xếp các thông tin thu thập được theo từng nội dung và một cách hệ thống.

- Thu thập thông tin về vấn đề, sự vật, hiện tượng... đó từ nhiều nguồn khác nhau.

- Phân tích, so sánh, đối chiếu, lí giải các thông tin thu thập được, đặc biệt là các thông tin trái chiều.

- Xác định bản chất vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng... là gì?

- Nhận định về những mặt tích cực, hạn chế của vấn đề, tình huống, sự vật, hiện tượng,... đó, xem xét một cách thấu đáo, sâu sắc và có hệ thống.

Kĩ năng tư duy phê phán rất cần thiết để con người có thể đưa ra được những quyết định, những tình huống phù hợp. Nhất là trong xã hội hiện đại ngày nay, khi mà con người luôn phải đối mặt với nhiều vấn đề gay gắt của cuộc sống, luôn phải xử lý nhiều nguồn thông tin đa dạng, phức tạp... thì kĩ năng tư duy phê phán càng trở lên quan trọng đối với mỗi cá nhân.

Kĩ năng tư duy phê phán phụ thuộc vào hệ thốn giá trị cá nhân. Một người có được kĩ năng tư duy phê phán tốt khi biết phối hợp nhịp nhàng với kĩ năng tự nhận thức và kĩ năng xác định giá trị.

1.2.3. Cơ sở lý luận về dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

1.2.3.1. Các khái niệm có liên quan

a) Khái niệm thể chất

Theo các tác giả Nôvicốp A. D, Matveep L. P: “Thể chất là chất lượng cơ thể con người. Đó là những đặc trưng về hình thái, chức năng của cơ thể được thay đổi và phát triển theo từng giai đoạn và các thời kỳ kế tiếp nhau theo quy luật sinh học. Thể chất được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và những điều kiện sống tác động” [54].

Theo nhóm tác giả Nguyễn Toán và Phạm Danh Tôn [82]: “Thể chất chỉ chất lượng thân thể con người. Đó là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống”. Thể chất là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể, được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống [44], [54].

b) Giáo dục thể chất

Là một loại hình GD mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ đích các tố chất vận động của con người [6].

GDTC là “một quá trình GD, trong đó sử dụng hoạt động thể chất như một phương tiện nhằm giúp cho người học đạt được kỹ năng, sức khỏe, kiến thức và với quan điểm là cung cấp cho họ sự phát triển và lợi ích tối ưu” [45].

GDTC là một bộ phận hợp thành quan trọng của nội dung GD toàn diện nhằm giúp thế hệ trẻ có kiến thức cơ bản về thể chất con người. GDTC tác động chủ yếu vào cơ thể con người, qua đó hình thành kỹ năng và thói quen rèn luyện sức khỏe nhằm

làm cho cơ thể được phát triển đều đặn, cân đối, có sức khỏe tốt để sống hạnh phúc, có điều kiện tham gia tích cực vào việc học tập, cuộc sống và lao động.

GDTC được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện hoạt động vận động, GD toàn diện kỹ năng, kỷ luật chặt chẽ, nhằm giúp HS có những kiến thức thái độ, niềm tin và cách cư xử nhằm đạt được một phong cách khỏe mạnh, năng động lâu dài. Để đạt được mục tiêu này cần có sự hợp tác của nhà trường, gia đình và cộng đồng - cùng chia sẻ trách nhiệm cải thiện sức khỏe cho HS [50].

c) Tổ chất thể lực (hay tổ chất vận động)

Theo một số tác giả nước ngoài như Nôvicôp A.D và Matveep L.P (1976) [54], tổ chất thể lực là “một tiêu chí quan trọng đánh giá phát triển của NL cơ thể, là một bộ phận của thể chất cơ thể, là biểu hiện của chức năng các hệ thống cơ quan của cơ thể khi vận động thể lực. Tổ chất thể lực bao gồm sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, khéo léo”.

Cùng quan điểm trên, các tác giả trong nước như Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn [82] cũng cho rằng “Tổ chất thể lực là một bộ phận quan trọng của NL thể chất, mà NL thể chất lại liên quan tới những khả năng, chức năng của hệ thống cơ quan trong cơ thể, thể hiện chính trong hoạt động cơ bắp. Nó bao gồm các tổ chất thể lực như: Sức mạnh, sức nhanh, độ mềm dẻo và sự khéo léo”.

Tác giả Nguyễn Toán và Nguyễn Sĩ Hà [81] cũng xác định: “Tổ chất thể lực là những đặc điểm, mặt, phần tương đối riêng biệt trong thể lực của con người và thường được chia thành 5 loại cơ bản: Sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp động tác và độ dẻo”.

Từ những khái niệm trên của các nhà khoa học trong nước cũng như nước ngoài có thể rút ra một khái niệm chung: Tổ chất thể lực là sự biểu hiện của chức năng, các cơ quan, hệ thống cơ thể, nó bao gồm 5 loại cơ bản: Sức mạnh, sức nhanh, độ mềm dẻo và sự khéo léo (còn gọi là khả năng phối hợp vận động). Nó là tiêu chí đánh giá trình độ phát triển của NL vận động.

d) Phát triển thể chất

Theo tác giả Nông Thị Biên và cộng sự guyễn Quang Quyền [7], “Phát triển thể chất là một quá trình diễn ra liên tục trong suốt cuộc đời của cá thể. Những biến đổi hình thái, chức năng sinh lý và tổ chất vận động là những yếu tố cơ bản để đánh giá sự phát triển thể chất. Phát triển thể chất là một quá trình chịu sự tác động tổng hợp

của các yếu tố tự nhiên- xã hội. Trong đó, các yếu tố xã hội đóng vai trò ảnh hưởng trực tiếp và quyết định sự phát triển thể chất của cơ thể con người”.

Theo tác giả Nguyễn Toán, Nguyễn Sỹ Hà [82], “Phát triển thể chất là quá trình và kết quả của sự biến đổi về hình thái và khả năng chức phận của cơ thể con người, đạt được dưới ảnh hưởng của di truyền, môi trường sống và mức độ tích cực vận động của cá nhân”.

Đánh giá sự phát triển thể chất, dùng các chỉ số nhân trắc như cân nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng cánh tay, chỉ số khối cơ thể (BMI), dung tích sống,... [44].

1.2.3.2. Cấu trúc giờ học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Xây dựng cấu trúc của giờ học GDTC là sử dụng hợp lý thời gian để giải quyết nhiệm vụ giáo dục giáo dưỡng của giờ học. Cơ sở khoa học tự nhiên của cấu trúc giờ học GDTC là quy luật diễn biến khả năng hoạt động thể lực của người tập. Tương ứng với các vùng của trạng thái khả năng hoạt động thể lực, người ta chia buổi tập chính khóa cũng như các hình thức tập luyện TDTT khác thành bốn phần: Mở đầu; Hình thành kiến thức mới; Luyện tập; Vận dụng; kết thúc. Sự phân chia này giúp cho người giáo viên xây dựng được một cấu trúc giờ học khoa học.

Cùng với diễn biến của khả năng hoạt động thể lực, số lượng và đặc điểm các nhiệm vụ của giờ học cũng có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng cấu trúc buổi tập. Bản chất của việc xây dựng cấu trúc giờ học hợp lý là ở chỗ xác định trật tự giải quyết nhiệm vụ sư phạm phù hợp với các trạng thái khả năng hoạt động thể lực và làm phát triển nó.

a) Hoạt động mở đầu

Trên thực tế, việc tổ chức giờ học đã bắt đầu ngay từ trước giờ vào lớp. Trước khi chuông vào lớp, giáo viên đã phải tiến hành những hoạt động tổ chức như: cho học sinh chuẩn bị dụng cụ, sân bãi; nhắc nhở trách nhiệm trực nhật; cho xếp hàng trước khi bước vào sân tập... Những biện pháp tổ chức trước giờ học như vậy tạo nên cảm xúc và tâm thế cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả giờ học.

Nội dung tiếp theo của hoạt động mở đầu là tiếp tục hình thành tâm thế cần thiết cho học sinh bằng các biện pháp: điểm danh hoặc báo cáo sĩ số, phổ biến nhiệm vụ giờ học, các bài tập chú ý. Trong thời gian tổ chức ban đầu đã có thể giải quyết một số

nhiệm vụ giáo dục - giáo dưỡng như về đội hình, đội ngũ, hình thành tư thế đúng, thực hiện chính xác khẩu lệnh...

Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động mở đầu là khởi động chức năng cơ thể để bước vào hoạt động cơ bản. Trong hoạt động mở đầu thường sử dụng các bài tập dễ định lượng vận động và không đòi hỏi nhiều thời gian chuẩn bị như đi bộ, bật nhảy, các bước nhảy múa, các bài tập GDTC phát triển chung, trò chơi vận động đơn giản... Khi thực hiện các bài tập này có thể kết hợp giải quyết những nhiệm vụ dạy học và giáo dục nhất định.

Tuần tự của các bài tập trong hoạt động mở đầu được xác lập theo nhân tố sinh lý và theo tương quan lôgic giữa các bài tập. Thí dụ, khi thực hiện khởi động cần tuân thủ trật tự sao cho có thể tác động lần lượt tới các nhóm cơ chính và tăng dần lượng vận động: khởi động các khớp và các cơ theo thứ tự từ trên xuống dưới và từ trong ra ngoài, khởi động tại chỗ trước sau đó bỏ trợ di chuyển sau.

Nội dung hoạt động mở đầu phải tương ứng với hoạt động trong phần kiến thức mới của giờ học. Việc lựa chọn bài tập, về cơ chế phối hợp và đặc điểm lượng vận động, phải phù hợp với đặc điểm bài tập cơ bản. Trong phần chuẩn bị phải có bài tập dẫn dắt cho các bài tập đầu tiên của phần cơ bản. Trong bài tập thể thao, hoạt động mở đầu được gọi là khởi động. Bản thân khởi động lại gồm khởi động chung và khởi động chuyên môn.

Nhìn chung, người ta dành 10 - 20% thời gian giờ học cho hoạt động mở đầu. Ví dụ, hoạt động mở đầu của giờ học GDTC trong trường phổ thông thường kéo dài 5 - 10 phút, trường hợp 2 tiết trở lên sẽ là 10 - 20 phút.

b) Hoạt động hình thành kiến thức mới

Trong giờ học GDTC, hoạt động hình thành kiến thức mới được dành để giải quyết các nhiệm vụ quan trọng phức tạp nhất của giờ học. Tùy thuộc nội dung cụ thể, phần cơ bản có thể chia thành nhiều phần nhỏ hơn.

Một trong những vấn đề quan trọng trong xác định cấu trúc phần cơ bản là trình tự giải quyết các nhiệm vụ cơ bản của giờ học. Thông thường, những nhiệm vụ phức tạp nhất có liên quan tới tiếp thu kiến thức mới, tiếp thu các động tác phối hợp phức tạp được bố trí giải quyết ngay vào thời điểm đầu tiên của hoạt động hình

thành kiến thức mới. Nếu căn cứ vào các giai đoạn dạy học động tác thì trình tự giải quyết nhiệm vụ sau đây là hợp lý: làm quen, học sâu từng phần, hoàn thiện động tác. Các bài tập rèn luyện các tố chất thể lực thường được thực hiện theo trình tự: bài tập tốc độ, bài tập sức mạnh, bài tập sức bền. Trong các giờ học GDTC, giai đoạn khả năng hoạt động thể lực tối ưu được dành cho tập luyện các bài tập chuyên môn. Ví dụ, hoạt động hình thành kiến thức mới của giờ học chạy cự ly ngắn thì cần dành cho phát triển sức mạnh tốc độ.

Trong hoạt động hình thành kiến thức mới của giờ học có cấu trúc phức tạp, các bài tập chuẩn bị, cơ bản và các bài tập khác chỉ được thực hiện kế tiếp nhau một lần. Trước mỗi bài tập cơ bản có thể thực hiện một hoặc một số bài tập dẫn dắt để tạo tiền đề cho việc thực hiện có hiệu quả bài tập đó.

Để nâng cao trạng thái cảm xúc của người tập và tăng cường tác động tới cơ thể, trong hoạt động hình thành kiến thức mới, ngoài sử dụng phương pháp bài tập định mức chặt chẽ, người ta còn sử dụng rộng rãi phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu...

Thời lượng hoạt động hình thành kiến thức mới phụ thuộc vào khối lượng và cường độ vận động, lứa tuổi, giới tính người tập và nhiều nhân tố khác. Ví dụ, hoạt động hình thành kiến thức mới của giờ học GDTC trong trường phổ thông thường kéo dài 30 - 35 phút, còn trong buổi học gồm 2 tiết thì khoảng 60 - 65 phút.

c) Hoạt động luyện tập

Sử dụng các phương pháp tập luyện có định mức, lặp lại hoặc thay đổi lượng vận động để HS thực hiện bài tập hoặc trò chơi. Sử dụng hình thức tập luyện cá nhân, cặp đôi, tổ, nhóm hoặc cả lớp.

Tăng cường sử dụng PP trò chơi và thi đấu trong buổi tập để rèn luyện, phát triển thể lực.

Sắp xếp nội dung tập luyện cho phù hợp. Các vận động rèn luyện sức nhanh, sự khéo léo nên xếp ở phần đầu, nội dung bài tập phát triển sức mạnh, sức bền nên xếp ở cuối hoạt động luyện tập.

Sắp xếp khối lượng vận động theo thứ tự hợp lý từ nhỏ đến lớn, các bộ phận cơ thể đều được thay nhau hoạt động. Có nhiều hình thức tập luyện và luôn thay đổi để

duy trì không khí hào hứng trong tập luyện của HS. Thời gian tập luyện và nghỉ ngơi cần xen kẽ nhau cho hợp lí.

d) Hoạt động vận dụng, kết thúc

Giáo viên cùng HS tổng kết, nhận xét, nhắc nhở sau tiết học một cách ngắn gọn, súc tích, nêu bật được kết quả buổi tập. Nhận xét, góp ý phải chính xác, cụ thể, mang tính biểu dương, động viên HS.

Cần cập nhật thông tin xã hội tại thời điểm dạy học, đồng thời vận dụng kiến thức của các môn học khác để nhắc nhở HS tích cực vận động, rèn luyện thân thể hằng ngày, tham gia các hoạt động trải nghiệm để có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, môi trường, phòng tránh đuối nước,...

Phần kết thúc giờ học phải được tổ chức sao cho hoạt động chức năng cơ thể giảm xuống dần dần. Tổ chức thu dọn dụng cụ tập luyện, xếp hàng để xuống lớp tự nó đã có tác dụng hồi tĩnh, giảm bớt lượng vận động. Tuy nhiên, để thúc đẩy nhanh quá trình hồi phục trong phần kết thúc người ta thường sử dụng các bài tập nhẹ nhàng như: đi vòng tròn, vừa đi vừa hát, đi lại tự do trên sân tập hoặc trong lớp, vừa đi vừa vươn vai, hít thở sâu và đều theo nhịp chân; đi và chạy chậm quanh sân hoặc chơi trò chơi vận động tĩnh, thả lỏng cơ bắp. Phương pháp và hình thức tập luyện ở phần này phải thoải mái, vui vẻ, giảm dần lượng vận động.

Như đã nêu, trong cấu trúc của hoạt động mở đầu và hoạt động vận dụng, kết thúc cũng phải có nội dung giáo dỡng. Các nhiệm vụ giáo dỡng tiến hành cho hoạt động kết thúc thường là: dạy kĩ năng giảm dần cường độ bài tập, phân tích kết quả tập luyện, chuyển hướng hoạt động...

Nội dung cuối cùng của giờ học là giao nhiệm vụ, bài tập về nhà cho học sinh. Cần nhớ rằng, giờ học GDTC chỉ là một khâu quan trọng của một quá trình. Hiệu quả của GDTC còn phụ thuộc rất nhiều vào hình thức tập luyện ngoại khóa như tự tập, thi đấu, vui chơi... Vì vậy, cần đặc biệt chú ý tới khâu giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh. Xem nhẹ khâu này sẽ làm mất đi mối quan hệ tương hỗ giữa hình thức chính khóa và ngoại khóa.

1.2.3.3. Dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

a) Mục tiêu môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Giúp HS biết lựa chọn môn thể thao phù hợp để rèn luyện sức khỏe; Phát triển hoàn thiện thể chất; Biết điều chỉnh chế độ sinh hoạt và tập luyện; Có trách nhiệm với gia đình và xã hội; Biết đánh giá và định hướng cho bản thân; Khẳng định được giá trị riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung. Thông qua hoạt động GDTC và thể thao trong và ngoài nhà trường, HS hình thành và phát triển ý thức tự giác, sống có trách nhiệm, tự tin, trung thực, có tinh thần hợp tác thân thiện, thể hiện khát khao vươn lên, từ đó có những định hướng cho tương lai phù hợp với NL, sở thích cá nhân, đáp ứng xu thế hội nhập toàn cầu.

b) Yêu cầu cần đạt của môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

NL chăm sóc và phát triển sức khỏe: Nêu được cơ sở khoa học và hướng dẫn mọi người thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh tập luyện; Lựa chọn chế độ dinh dưỡng cơ bản phù hợp với bản thân trong quá trình tập luyện để phát triển sức khỏe; Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên và tham gia các hoạt động xã hội.

Vận động cơ bản và phát triển các tố chất thể lực: Có thói quen và biết lựa chọn các hình thức tập luyện TDTT phù hợp để hoàn thiện, nâng cao kỹ năng vận động đáp ứng yêu cầu cuộc sống hiện đại; Đọc hiểu các chỉ số cơ bản về thể lực; Có thói quen tập luyện TDTT để phát triển các tố chất thể lực; Đánh giá tầm quan trọng của các hoạt động vận động để phát triển thể lực và rèn luyện sức khỏe.

Hoạt động TDTT: Có thói quen và biết lựa chọn nội dung, PP tập luyện phù hợp để nâng cao thành tích thể thao; Thể hiện khả năng giao tiếp, hợp tác với mọi người để tổ chức, xây dựng những hoạt động tích cực trong hoạt động TDTT và trong cuộc sống; Cảm nhận được vẻ đẹp của hoạt động TDTT và thể hiện nhu cầu tập luyện TDTT.

c) Phương pháp dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Định hướng chung: Yêu cầu cơ bản của PP GD là phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của HS, rèn luyện NL tự học, tự tập luyện cho HS, giúp HS có cơ hội và tăng cao khả năng phát triển NL thể chất. GV đóng vai trò thiết kế, tổ chức, cố vấn, trọng tài, hướng dẫn hoạt động tập luyện cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự mình trải nghiệm, tự phát hiện bản thân và phát triển.

Những PP GD cơ bản: GV cần sử dụng linh hoạt, hiệu quả các PP đặc trưng trong dạy, học GDTC: Làm mẫu, sử dụng lời nói, luyện tập và chú trọng sử dụng PP trò chơi, thi đấu, trình diễn. Chú ý sử dụng PP đối xử cá biệt, phù hợp với sức khoẻ, thể chất HS, phát triển năng khiếu chuyên biệt cho HS,...

Sử dụng hợp lý các PP dạy, học phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Chú trọng bồi dưỡng PP tự học, khả năng hợp tác, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhằm hình thành và sự phát triển NL cho HS.

Đặc trưng của GDTC là một loại hình GD mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động và sự phát triển có chủ định các tố chất vận động của con người. Các giai đoạn dạy học động tác nhằm hình thành ở người học kỹ năng vận động, khả năng vận dụng vào thực tế. Việc tổ chức các hoạt động, trang bị kiến thức và hình thành kỹ năng vận động thông qua dạy học động tác và tổ chức các hoạt động, giúp cho HS hình thành và phát triển được các tố chất thể lực cơ bản như: Nhanh, mạnh, bền, khéo léo và mềm dẻo; Khả năng thích ứng của cơ thể; Trí nhớ vận động; Phản ứng của cơ thể; Khả năng chăm sóc và phát triển sức khoẻ; Khả năng hoạt động thể thao;...

1.2.3.4. Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

a) Mục tiêu tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Dạy học tích hợp GD KNS cho HS ở trường THPT thông qua môn GDTC là tích hợp các nội dung trong môn GDTC, tích hợp liên môn trong dạy học GDTC hoặc đưa những nội dung GD KNS phù hợp, có liên quan vào quá trình dạy học môn GDTC theo các chủ đề: Tích hợp GD phòng chống đuối nước; GD phòng tránh chấn thương; GD đạo đức, lối sống; GD pháp luật; GD chủ quyền quốc gia về biên giới, biển, đảo, an toàn giao thông,...

Giống như nhiều mô hình DHTH khác, mục tiêu của DHTH GD KNS cho HS ở trường THPT thông qua môn GDTC hướng tới mục tiêu tổng quát: Kỹ năng tư duy đặc biệt nhấn mạnh đến kỹ năng giải quyết vấn đề trong môn GDTC (phát hiện vấn đề, đề xuất, thực hiện giải pháp và trình bày, bảo vệ kết quả); KNS và làm việc cụ thể như kỹ

năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quyết định giải quyết vấn đề trong dạy học môn GDTC.

Các mục tiêu cụ thể, chi tiết trong dạy học tích hợp ở trường THPT theo yêu cầu đổi mới GD: Tránh sự trùng lặp về nội dung kiến thức, kỹ năng trong môn GDTC với các môn học khác nhau trong CT GD ở trường THPT; Tạo mối liên hệ (màng liên kết) giữa môn GDTC với các môn học khác đặc biệt là các môn trong cùng lĩnh vực và gắn với thực tiễn; Tạo cơ hội để hình thành và phát triển NL chung, NL chuyên biệt theo các lĩnh vực cụ thể cho HS, đặc biệt là NL giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày đáp ứng yêu cầu đổi mới GD; Cụ thể hóa các mục tiêu trong giảng dạy tích hợp ở trường THPT thông qua môn GDTC thể hiện: Tránh sự trùng lặp về nội dung kiến thức, kỹ năng trong môn GDTC thuộc các môn học khác nhau trong CT GD ở trường THPT; Làm cho quá trình học tập môn GDTC của HS có ý nghĩa bằng cách gắn học môn GDTC với cuộc sống thực tiễn; Tạo mối liên hệ giữa môn GDTC với các môn học và giữa GDTC với kiến thức thực tiễn; Tạo cơ hội để hình thành và phát triển NL chung, NL chuyên biệt cho HS trong quá trình học GDTC, đặc biệt là NL vận dụng kiến thức GDTC đã học giải quyết các vấn đề thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD; Cải thiện thái độ, động cơ học tập môn GDTC của HS ở trường THPT; Phát triển ở HS THPT những kỹ năng cơ bản trong môn GDTC.

b) Nội dung tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Nội dung dạy học tích hợp ở trường THPT thông qua môn GDTC không giống như các môn học khác vì là môn chủ yếu thực hành vận động nên rất đa dạng và phong phú.

Tích hợp lồng ghép các môn thể thao có đặc tính giống nhau thành một chủ đề trong môn GDTC gắn với thực tiễn, được xây dựng dựa trên sự liên kết giữa các phần, các bài tập và các động tác có liên quan mật thiết với nhau và được xây dựng sắp xếp lại thành chuỗi các động tác.

Tích hợp thông qua lồng ghép các chủ đề về: Phòng chống đuối nước, phòng chống chấn thương trong thể thao,...

Tích hợp theo mục đích tập luyện TĐTT: Để giải quyết vấn đề trong học tập, trong cuộc sống, đồng thời tránh việc HS phải tập lại bài tập.

Tích hợp theo các chủ đề dạy học căn cứ vào tổ chất vận động: Dựa vào đặc điểm các tổ chất thể lực mà GV có thể kết hợp các bài tập để phát triển thể lực.

Tích hợp các bài tập khác nhau trong dạy học môn GDTC: Dựa vào đặc tính của các bài tập mà GV xây dựng các bài tập với nhau tạo thành hoạt động liên quan, hỗ trợ các kỹ năng kỹ xảo trong hoạt động thể thao.

c) Phương pháp giảng dạy tích hợp kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Trong dạy học GDTC ở trường THPT thường sử dụng các PP dạy học, các kỹ thuật dạy học tích cực phát triển NL HS cụ thể: PP tập luyện có định mức chặt chẽ; PP trò chơi; PP thi đấu; PP sử dụng lời nói; PP đảm bảo tính trực quan; PP dạy học hoàn chỉnh; PP dạy học phân giải; PP sửa động tác sai; PP GD đạo đức, tư tưởng và yêu cầu cơ bản về phát triển nhân cách trong dạy học TĐTT,... Do vậy, về mặt PP dạy học thì không phân biệt giữa dạy học một chủ đề đơn môn hay dạy học theo một chủ đề tích hợp liên môn.

Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo các phần; Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo các giai đoạn; Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo cấu trúc; Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo đặc tính,... Tùy thuộc vào các nội dung kiến thức của GDTC, ứng dụng thực tiễn, đặc điểm HS, điều kiện cơ sở vật chất GV có thể sử dụng từng kĩ thuật cho phù hợp hoặc phối kết hợp các kĩ thuật để mang tính hiệu quả và thực tiễn trong quá trình DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC.

Hơn nữa, dưới góc độ GD, gia đình, xã hội không chỉ là lực lượng tham gia vào quá trình GD mà còn là môi trường GD quan trọng [61]. Trong lĩnh vực GD KNS cho HD THPT, môi trường gia đình và môi trường xã hội có thể tác động theo hướng tích cực hoặc không tích cực đối với quá trình hình thành và phát triển KNS của HS.

d) Hình thức tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Ở trường THPT, môn GDTC được tổ chức dạy dưới hai hình thức truyền thống chủ yếu là hình thức tổ chức dạy học theo tập thể lớp và hình thức tổ chức dạy học theo nhóm.

Hình thức tổ chức dạy học theo tập thể lớp: Dạy học cả lớp là hình thức tổ chức dạy học mà đối tượng tiếp nhận kiến thức là toàn bộ HS trong lớp học.

Hình thức tổ chức dạy học theo nhóm: Dạy học theo nhóm là hình thức tổ chức dạy học hợp tác trong môn GDTC, qua đó HS được tổ chức để cùng nhau phối kết hợp thực hiện các hoạt động học tập mà GV đề ra, với hình thức tổ chức dạy học theo nhóm sẽ khai thác trí tuệ tập thể HS đồng thời HS được rèn luyện thông qua hoạt động tập thể HS để học hỏi lẫn nhau, từng HS có thể bộ lộ ý kiến của mình và nghe ý kiến của người khác để có thể hoàn thành nhiệm vụ và hạn chế sự tiếp nhận thụ động GV, trên cơ sở đó, hiệu quả dạy học sẽ cao hơn.

e) Phương tiện tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Các phương tiện dạy học môn GDTC ở trường THPT được sử dụng thường xuyên trong các tiết học là: Sử dụng các dụng cụ liên quan đến môn học; Sử dụng các mô hình để minh họa các kỹ thuật, động tác được sinh động hơn; Sử dụng các thiết bị tranh, ảnh, vi deo; Sử dụng các thiết bị hỗ trợ; Sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại. Trong thời đại công nghệ hiện nay GV có thể tích hợp các video trong quá trình giảng dạy GDTC sẽ giúp HS được trực tiếp quan sát toàn bộ kỹ thuật, động tác được bao quát nhất.

g) Kiểm tra, đánh giá tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học tích hợp ở trường THPT thông qua môn GDTC phải đảm bảo sự đồng bộ với PP và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng trong dạy học GDTC. Thường được đánh giá thông qua: Bài kiểm tra miệng (phân tích kỹ thuật, làm mẫu kỹ thuật); Kiểm tra thông qua hoàn thành bài tập; Kiểm tra thông qua hoạt động nhóm; Kiểm tra thông qua quá trình tập luyện trên lớp; Kiểm tra thông qua quan sát; Đánh giá đồng đẳng; Tự đánh giá; Đánh giá theo tiêu chí (Rubric),...

1.2.4. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả dạy học

1.2.4.1. Đánh giá kết quả giảng dạy môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

Việc đánh giá kết quả GDTC phải căn cứ vào mục tiêu và các yêu cầu cần đạt trong CT GDTC, bảo đảm toàn diện, khách quan, có phân hoá; Phải kết hợp giữa đánh

giá thường xuyên và định kỳ, kết hợp giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy, học.

Việc đánh giá kết quả GDTC cần thúc đẩy và hỗ trợ HS phát triển các phẩm chất và NL chung, NL chuyên môn, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ hoạt động vận động của HS, qua đó tạo được hứng thú và kích lệ tinh thần tập luyện của HS, đồng thời khuyến khích HS tham gia các hoạt động thể thao ở trong và ngoài nhà trường.

Kết quả học tập môn GDTC của HS THPT được đánh giá bằng 2 hình thức: 1) Theo Quy định về việc đánh giá xếp loại thể lực HS, SV (ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) [25]; 2) Theo kết quả học tập quy định trong CT đào tạo của các Trường THPT (thang điểm 10). Quy định về việc đánh giá xếp loại thể lực HS, SV và tiêu chuẩn đánh giá chung theo lứa tuổi của HS THPT được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.1. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực theo lứa tuổi học sinh THPT

Tuổi	Phân loại	Lực bóp tay thuận (kg)	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (giây)	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
HS nam							
15	Tốt	> 40,9	> 18	> 210	< 5,10	< 12,00	> 1020
	Đạt	≥ 34,0	≥ 13	≥ 191	≤ 6,20	≤ 12,80	≥ 910
16	Tốt	> 43,2	> 19	> 215	< 5,00	< 11,90	> 1030
	Đạt	≥ 36,9	≥ 14	≥ 195	≤ 6,00	≤ 12,70	≥ 920
17	Tốt	> 46,2	> 20	> 218	< 4,90	< 11,85	> 1040
	Đạt	≥ 39,6	≥ 15	≥ 198	≤ 5,90	≤ 12,60	≥ 930
HS nữ							
15	Tốt	> 28,5	> 15	> 164	< 6,10	< 12,40	> 860
	Đạt	≥ 24,5	≥ 12	≥ 147	≤ 7,10	≤ 13,40	≥ 790
16	Tốt	> 29,0	> 16	> 165	< 6,00	< 12,30	> 890
	Đạt	≥ 26,0	≥ 13	≥ 148	≤ 7,00	≤ 13,30	≥ 810
17	Tốt	> 30,3	> 17	> 166	< 5,90	< 12,20	> 920
	Đạt	≥ 26,3	≥ 14	≥ 149	≤ 6,90	≤ 13,20	≥ 830

Các test và PP đánh giá: Theo quy định, các trường học được lựa chọn 4/6 test phù hợp với điều kiện của đơn vị thành các nội dung kiểm tra thể lực theo quy định.

1.2.4.2. *Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống - Đánh giá Rubric (đánh giá theo tiêu chí)*

a) Khái niệm

Đánh giá theo Rubric là một cách đánh giá, công cụ đánh giá được sử dụng khá rộng rãi trong thực tiễn GD và dạy học hiện nay trên thế giới (Rubrica theo tiếng Latin có nghĩa là “vùng đất đỏ”, “phần viết bằng mực đỏ trong các cuốn Kinh thánh, sách cổ”; Tập tục hoặc qui tắc được thiết lập để thực hiện/an established custom or rule of procedure/) [92]. Rubric là bảng mô tả chi tiết có tính hệ thống (theo chuẩn, tiêu chí và mức) những kết quả (kiến thức, kỹ năng, thái độ) mà HS nên làm và cần phải làm để đạt được mục tiêu cuối cùng khi thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Các Rubric dùng trong dạy học được thiết kế cho các mục đích đánh giá khác nhau, song đều dựa trên cùng một nguyên tắc: So sánh, đối chiếu và kiểm chứng kết quả đạt được với các chuẩn và tiêu chí đã được thống nhất xây dựng trước khi thực hiện hoạt động.

b) Phân loại Rubric

Trong thực tiễn dạy học, cùng với các công cụ khác vẫn thường được dùng để đánh giá kết quả học tập, Rubric được thiết kế theo nhiều mẫu, dạng khác nhau tùy theo mục đích đánh giá. Tính ưu việt của Rubric nằm ở chỗ nó cho phép cùng một lúc có thể vừa cho điểm vừa xếp hạng kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Căn cứ vào chức năng và mục đích đánh giá, có thể chia Rubric thành 2 loại: *Rubric Định tính/Tổng hợp (Holistic)*: Thường được sử dụng để đánh giá một cách tổng thể toàn bộ quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc sản phẩm cụ thể. Rubric Định tính không đòi hỏi sự mô tả chi tiết về các tiêu chí (chỉ số) thực hiện của từng công đoạn hay kết quả trung gian [104]; *Định lượng/Phân tích (Analytic)*: Được sử dụng để đánh giá cho điểm từng công đoạn hoặc kết quả trung gian trong quá trình người học thực hiện nhiệm vụ. Các điểm đánh giá thành phần sẽ được cộng lại thành điểm tổng kết cuối cùng [113].

c) Nguyên tắc và qui trình thiết kế Rubric

Nguyên tắc: Một Rubric được thiết kế tốt cần đáp ứng được những nguyên tắc cơ bản sau:

- “Lý tưởng hoá”: Các mô tả tiêu chí cần phải được diễn đạt theo phổ (dải) đi từ mức cao nhất đến mức thấp nhất (hoặc ngược lại).

- Phân hoá: Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được sự khác biệt giữa các mức/cấp độ hoàn thành đối với từng người học và giữa các người học với nhau.

- Khách quan hoá: Các mô tả tiêu chí cần phải thể hiện được hết các đặc tính, khía cạnh của hoạt động hoặc kết quả sản phẩm thực hiện (theo mục tiêu), bởi lẽ tiêu chí đánh giá chính là sự “diễn đạt lại mục tiêu” một cách cụ thể.

- Kích thích, tạo động lực phát triển: Các mô tả tiêu chí cần phải chỉ ra được những định hướng mà người học/người dạy cần hướng tới để thực hiện mục tiêu, giúp người học/người dạy tự đánh giá, đánh giá và cùng đánh giá.

Qui trình thiết kế: Về mặt lí thuyết, bất kỳ một hoạt động đánh giá nào cũng đều dựa trên việc so sánh, đối chiếu và kiểm chứng đặc tính giá trị (tiêu chí cụ thể) của sự vật, hiện tượng với một chuẩn đã được thừa nhận nào đó. Các tiêu chí được đánh giá theo cấp độ tương ứng với các mức chất lượng, giá trị của sự vật hiện tượng và có thể được mã hoá (ví dụ bằng điểm số chất lượng). Do vậy, muốn thiết kế được Rubric trong dạy học, trước hết cần phải xác định: Tính chuẩn (kiến thức, kỹ năng, thái độ); Mục tiêu (môn học, nhiệm vụ công việc); Nhiệm vụ, đối tượng đánh giá; Các tiêu chí (mô tả lại mục tiêu một cách chi tiết); Mức đạt mục tiêu (xếp hạng các tiêu chí).

d) Áp dụng Rubric trong dạy học

Cùng với các phương tiện dạy học khác, Rubric có thể được GV và HS sử dụng thường xuyên, liên tục trong quá trình dạy học với nhiều chức năng khác nhau.

Định hướng, lập kế hoạch, xây dựng động cơ học tập: Rubric có thể được sử dụng như một bản hướng dẫn, mô tả chi tiết, rõ ràng về các mục tiêu cần hướng tới, nhiệm vụ cần thực hiện để đạt kết quả tốt nhất. Từ đó HS dễ dàng, chủ động lập kế hoạch học tập cho bản thân ngay từ khi bắt đầu môn học, chương học (bài học). Trong quá trình triển khai dạy học, GV và HS có thể cùng điều chỉnh các mô tả trong Rubric

cho phù hợp với NL và tiến độ học tập của HS (nâng/giảm độ khó, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí,...).

Mặt khác, HS sẽ hình thành được động cơ học tập đúng đắn, có trách nhiệm hơn thông qua việc nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu của chính bản thân khi so sánh, đối chiếu kết quả đạt được tại các thời điểm hoàn thành khác nhau với các tiêu chí được mô tả trong Rubric...

Hỗ trợ thúc đẩy quá trình dạy học tích cực: Từ các chuẩn cần đạt, mục tiêu, nhiệm vụ cần triển khai, GV và HS có thể thiết kế Rubric để sử dụng nhiều lần trong suốt quá trình dạy học: Trước, trong và sau khi thực hiện nhiệm vụ học tập như một bảng kiểm mục các hoạt động đặc thù của bài học. Rubric có thể được sử dụng linh hoạt trong các hình thức tổ chức dạy học đa dạng như làm việc nhóm, giờ thực hành (thí nghiệm, tham quan thực tế), giờ seminar, tự học, tự nghiên cứu,... Việc thiết kế các bài tập, nhiệm vụ học tập kèm theo Rubric cho phép tăng cơ hội chia sẻ, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm học tập, giữa các cá nhân với nhau, giúp HS rèn NL tư duy bậc cao, tạo môi trường học tập thân thiện,...

Hỗ trợ đánh giá hiệu quả: Rubric được sử dụng như một công cụ đánh giá, tự đánh giá và cùng đánh giá khá hữu hiệu đối với cả HS lẫn GV. Nhờ có các mô tả chi tiết theo các mức độ cần đạt, HS luôn theo dõi được sự tiến bộ của bản thân, bạn cùng học, nhóm học tập. Mặt khác, căn cứ vào các tiêu chí được mô tả, HS có thể giúp cung cấp cho GV những thông tin phản hồi kịp thời, chính xác về mức độ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng của bản thân. Ngược lại, thông qua Rubric, GV cũng có được những thông tin đánh giá một cách khách quan, xác đáng giúp kiểm soát chặt chẽ sự tiến bộ của HS để có các biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Tóm lại, Trong quá trình dạy học, việc giúp HS tự định hướng, có động cơ học tập, phân tích và đánh giá được hoạt động học tập cũng như sử dụng các PP đa dạng để đạt mục tiêu học tập luôn là vấn đề thách thức đối với bất kỳ một người GV nào. Song song với việc áp dụng các phương pháp dạy học (PPDH) tích cực, hiệu quả để thúc đẩy quá trình học tập của HS, mỗi GV luôn cần phải có ý thức cung cấp đầy đủ những

thông tin về sự tiến bộ (mang tính dự báo, định hướng và điều chỉnh) cho bản thân mỗi HS trong suốt quá trình dạy học.

Trong một số trường hợp nhất định, việc đánh giá thuần túy bằng cho điểm (kết thúc việc hoàn thành một nhiệm vụ) khó có thể tạo ra một cơ hội để HS nhận biết được những gì nên làm và cần phải hoàn thiện để đạt kết quả tốt nhất. Vấn đề này đòi hỏi cần phải có một cách kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lý giữa đánh giá truyền thống và đánh giá theo Rubric (theo chuẩn, tiêu chí với những mô tả chi tiết) để giúp HS thành công trong học tập.

1.2.5. Chương trình giáo dục trung học phổ thông hiện nay

1.2.5.1. Chương trình: là bản kê dự kiến công tác sẽ phải làm trong một thời gian, theo một trình tự nhất định hay chương trình là toàn bộ những dự kiến hoạt động theo một trình tự nhất định và trong một thời gian nhất định [38].

1.2.5.2. Chương trình GDTC: Là toàn bộ nội dung học tập, giảng dạy được quy định chính thức cho quá trình giáo dục, trong đó sử dụng hoạt động thể chất như một phương tiện nhằm giúp cho người học đạt được kỹ năng, sức khỏe, kiến thức trong từng lớp học, từng cấp học, bậc học.

Hay, Chương trình GDTC là toàn bộ nội dung học tập, giảng dạy được quy định chính thức cho một loại hình giáo dục mà nội dung chuyên biệt là dạy học vận động (động tác) và phát triển có chủ đích các tổ chất vận động của con người trong từng lớp học, từng cấp học, bậc học.

1.2.5.3. Các yếu tố về chương trình giáo dục trung học phổ thông

Để thực hiện giáo dục KNS cho học sinh THPT thì mục tiêu về giáo dục KNS phải được đặt ra trong chương trình giáo dục THPT. Theo đó, nội dung giáo dục KNS cho học sinh THPT phải được hoạch định; các hình thức, phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phải được xác định cụ thể. Các yếu tố nêu trên phải được mô tả trong văn bản chương trình giáo dục KNS cho học sinh THPT và trở thành một nội dung của chương trình giáo dục THPT.

Phân tích trên cho thấy, nếu vấn đề KNS chưa được đặt ra, chưa được xác định như một yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình giáo dục THPT thì khó có thể thực hiện giáo dục KNS cho học sinh THPT.

1.3. Định hướng thử nghiệm tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

1.3.1. Phương hướng và thực tế

Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD KNS trong dạy học, GD HS với các môn học có ưu thế: Hoạt động GD trên lớp là hoạt động giữ vai trò chủ đạo, quan trọng ở các trường học hiện nay. Tùy theo nội dung, CT của từng môn học, từng loại hình hoạt động, GV có thể lựa chọn các KNS có thể tích hợp lồng ghép một cách thích hợp, vừa sức với tuổi HS THPT, tránh khiên cưỡng và quá tải trong GD KNS cho HS. GV có thể lựa chọn hình thức kết hợp GD trong giảng dạy thông qua các môn học chiếm ưu thế và liên quan trong GD KNS như môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bơi lội,... Thông qua việc GD tích hợp, HS sẽ hứng thú, thoải mái, hưng phấn, nhẹ nhàng, tự nhiên,... trong việc tiếp thu những KNS được tích hợp. Việc tích hợp GD này sẽ làm tăng chất lượng giảng dạy của môn học và đặc biệt hoạt động GD, sẽ có hiệu quả cao bởi khả năng chỉ được hình thành thông qua hoạt động và bằng hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng GD và hình thành, phát triển nhân cách HS một cách toàn diện.

Tổ chức dạy học trên lớp theo hướng lồng ghép, tích hợp nội dung GD KNS trong CT dạy học, GD HS thông qua dạy học trên lớp với các môn học có ưu thế không chỉ thực hiện được các mục tiêu vốn có của bài học gắn với môn học mà còn giúp HS hiểu, trải nghiệm được các KNS gắn với bài học, trên cơ sở đó hình thành được các KNS của mình. Như vậy, hoạt động dạy học trên lớp là điều kiện tốt để phát triển KNS cho HS THPT.

Yêu cầu trong việc lồng ghép, tích hợp GD KNS phải không làm ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu, nội dung, CT môn học cũng như nội dung hoạt động GD cho HS. GV phải có năng lực, kỹ năng thiết kế bài giảng theo hướng lồng ghép, tích hợp; Biết xác lập các mục tiêu của bài giảng và nội dung GD KNS dự kiến đưa vào; Xác định phù hợp các nội dung GD KNS tích hợp vào nội dung bài học có ưu thế; GV phải

có KNS tốt, kiến thức sâu và rộng, nghiệp vụ sư phạm vững vàng. Đặc biệt phải phát huy được tính tích cực của HS, HS cần có thái độ, hứng thú tích cực đối với các môn học và những nội dung GD KNS được tích hợp trong bài học. Những kiến thức lồng ghép, tích hợp trong bài học cho HS cần đơn giản dễ hiểu, gắn với đặc thù địa phương và thói quen vùng miền. Khi đánh giá kết quả môn học và kết quả hoạt động GD tích hợp, GV cần xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả GD lồng ghép KNS và cần phản hồi thông tin tới người học về KNS của HS.

1.3.2. Xây dựng kế hoạch và nội dung

1.3.2.1. Các yêu cầu của một kế hoạch dạy học theo hướng tích hợp

Trang bị cho HS hiểu biết những kiến thức cần thiết, cơ bản về những nội dung cần được tích hợp để từ đó hoàn thành các mục tiêu GD và hướng HS có những cử chỉ, việc làm, hành vi đúng đắn phù hợp với thực tế xã hội.

Phát triển các kỹ năng thực hành, kỹ năng phát hiện và ứng xử tích cực trong học tập cũng như trong thực tiễn cuộc sống.

Giúp HS hứng thú học tập, từ đó khắc sâu và có khả năng ứng dụng kiến thức đã học.

Nội dung tích hợp phải phù hợp với đối tượng HS và CT đào tạo, mục tiêu đầu ra tổng thể.

Tránh áp đặt, giúp HS phát triển NL.

Để thực hiện GD KNS cho HS THPT thì mục tiêu về GD KNS phải được đặt ra trong CT GD THPT. Theo đó, nội dung GD KNS cho HS THPT phải được hoạch định; Các hình thức, PP GD KNS cho HS phải được xác định cụ thể. Các yếu tố nêu trên phải được mô tả trong văn bản CT GD KNS cho HS THPT và trở thành một nội dung của CT GD THPT.

Phân tích trên cho thấy, nếu vấn đề KNS chưa được đặt ra, chưa được xác định như một yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của CT GD THPT thì khó có thể thực hiện GD KNS cho HS THPT.

1.3.2.2. Mục tiêu, phương pháp, nội dung của kế hoạch dạy học theo hướng tích hợp

Mục tiêu: HS hiểu được bản chất của kế hoạch dạy học tích hợp; Làm cho quá trình học tập có ý nghĩa bằng cách gắn học tập kiến thức, kỹ năng GDTC và KNS với cuộc sống hàng ngày, trong quan hệ với các tình huống cụ thể mà HS sẽ gặp sau này,

hòa nhập thế giới học đường với thế giới cuộc sống; Phân biệt cái cốt yếu với cái ít quan trọng hơn; Dạy sử dụng kiến thức trong tình huống cụ thể. Thay vì tham nhồi nhét cho HS nhiều kiến thức lí thuyết đủ loại, dạy học tích hợp chú trọng tập rượt cho HS vận dụng các kiến thức kĩ năng học được vào các tình huống thực tế, có ích cho cuộc sống sau này làm công dân, làm người lao động, làm cha mẹ, có NL sống tự lập; Xác lập mối quan hệ giữa các khái niệm đã học và khả năng ứng dụng thực tế. Trong quá trình học tập, HS lần lượt học những kiến thức, kỹ năng GDTC (chung và chuyên môn), đồng thời sẽ tích hợp những kiến thức và KNS phù hợp, điều quan trọng là GV cần hướng dẫn để HS biết đặt các khái niệm đã học trong những mối quan hệ, phạm vi vấn đề cần giải quyết, cần rèn luyện và tích lũy.

Phương pháp: PP dạy học theo hướng tích hợp GD KNS vào môn GDTC là lồng ghép nội dung GD KNS vào các giờ học GDTC quy định, tùy theo từng tiết dạy mà lồng ghép tích hợp ở các mức độ như liên hệ, lồng ghép bộ phận, toàn phần,... từ đó GD và rèn KNS, giá trị sống cho HS.

Nội dung: Dạy học theo hướng lồng ghép tích hợp: Nội dung tích hợp được bao gồm những nội dung như tích hợp GD đạo đức, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; GD phòng chống tham nhũng; Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Bảo vệ môi trường; GD về dân số, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; GD về tài nguyên và môi trường, chủ quyền biển đảo theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT,...; Mức độ tích hợp tùy theo từng nội dung giờ học để lựa chọn mức độ và nội dung tích hợp: GV lựa chọn các nội dung đưa vào giờ học GDTC đối với các nội dung GD KNS từ mức liên hệ, tích hợp bộ phận tới tích hợp toàn phần; Vận dụng kỹ thuật dạy học tích hợp trong lồng ghép GD KNS vào giờ học GDTC: Phương thức tích hợp các nội dung GD rất đa dạng, phụ thuộc vào đặc điểm của CT GD. Người ta đưa ra hai dạng chính tích hợp các nội dung GD như sau:

Dạng tích hợp thứ nhất: Vẫn duy trì các giờ học GDTC riêng rẽ, trong khi các nội dung GD KNS được tích hợp trong các thời điểm thích hợp với nội dung giảng dạy GDTC (GDTC là chính). Có hai cách thực hiện dạng giảng dạy tích hợp loại này như sau: 1) Thực hiện các ứng dụng tích hợp với nhiệm vụ học tập GDTC vào cuối các CT giảng dạy môn GDTC theo các kỳ giảng dạy; 2) Thực hiện ứng dụng GD KNS vào

từng giờ học GDTC với CT giảng dạy được thống nhất và xây dựng có kiểm soát chuyên môn.

Nhằm nâng cao khả năng thực hiện các nội dung giảng dạy GDT và tích hợp GD KNS, nghiên cứu xác định một số chú ý cơ bản như sau: Tích hợp các nội dung GD KNS phù hợp với nội dung giảng dạy GDTC.

1.4. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh trung học phổ thông

1.4.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông

Tuổi HS THPT là giai đoạn đã trưởng thành về mặt thể lực, nhưng sự phát triển cơ thể còn chưa vững chắc, các em bắt đầu thời kỳ phát triển tương đối êm ả về mặt sinh lý. Sự phát triển của hệ thần kinh có những thay đổi quan trọng do cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng của não phát triển, cấu trúc của tế bào bán cầu đại não có những đặc điểm như trong cấu trúc tế bào não của người lớn, số lượng dây thần kinh liên hợp tăng lên, liên kết các phần khác nhau của vỏ não lại, điều đó tạo tiền đề cần thiết cho sự phức tạp hóa hoạt động phân tích, tổng hợp của vỏ bán cầu đại não trong quá trình học tập và rèn luyện [5].

Ở HS THPT tính chủ định trong nhận thức được phát triển, tri giác có mục đích đã đạt tới mức cao, quan sát trở nên có mục đích, hệ thống và toàn diện hơn, tuy nhiên nếu thiếu sự chỉ đạo của GV thì quan sát của các em cũng khó đạt hiệu quả cao [40]. Vì vậy, GV cần quan tâm hướng quan sát của các em vào những nhiệm vụ nhất định, không vội kết luận khi chưa tích lũy đủ các sự kiện. Cũng ở lứa tuổi này các em đã có khả năng tư duy lý luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập sáng tạo. Tư duy của các em chặt chẽ hơn, có căn cứ và nhất quán hơn, tính phê phán cũng phát triển [40]. Có thể nói nhận thức của HS THPT chuyển dần từ nhận thức cảm tính sang nhận thức lý tính, nhờ tư duy trừu tượng dựa trên kiến thức các khoa học và vốn sống thực tế của các em đã tăng dần. Hứng thú học tập của các em gắn liền với khuynh hướng nghề nghiệp, ý thức học tập đã thúc đẩy sự phát triển tính chủ định trong các quá trình nhận thức và NL điều khiển bản thân, điều này giúp các em có thể tham gia hoạt động GD với vai trò chủ thể của các hoạt động đó [52].

Sự phát triển tự ý thức là một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển nhân cách của HS THPT, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tâm lý của các em [49]. HS THPT

có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình: Quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất nhân cách và NL riêng, xuất hiện ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng, tình cảm nghĩa vụ đó là những giá trị nổi trội và bền vững. Các em có khả năng đánh giá về mặt mạnh, yếu của bản thân mình và những người xung quanh, có những biện pháp kiểm tra đánh giá sự tự ý thức bản thân như viết nhật ký, tự kiểm điểm trong tâm tưởng, biết đối chiếu với các thân tượng, các yêu cầu của xã hội, nhận thức vị trí của mình trong xã hội, hiện tại và tương lai [52].

Học sinh THPT là lứa tuổi quyết định sự hình thành nhân sinh quan, thế giới quan về xã hội, tự nhiên, các nguyên tắc và quy tắc cư xử. Chỉ số đầu tiên của sự hình thành thế giới quan là sự phát triển hứng thú nhận thức đối với những vấn đề thuộc nguyên tắc chung nhất của vũ trụ, những quy luật phổ biến của tự nhiên, xã hội và của sự tồn tại xã hội loài người [49]. Ở lứa tuổi này các em có nhu cầu được sinh hoạt với các bạn cùng lứa tuổi, cảm thấy mình cần cho nhóm, có uy tín, có vị trí nhất định trong nhóm, muốn được bàn bè thừa nhận. Đây là cơ sở cho việc HS thích tham gia tổ chức hoạt động GD ngoài giờ lên lớp [40].

Tóm lại, sự phát triển nhân cách của HS THPT là một giai đoạn rất quan trọng, giai đoạn chuyển đổi từ trẻ em lên người lớn. Đây là lứa tuổi đầu thanh niên với những đặc điểm tâm lý đặc thù khác với tuổi thiếu niên, các em đã đạt tới sự trưởng thành về thể lực và sự phát triển nhân cách [52]. Đặc điểm tâm lý của HS THPT là điều kiện thuận lợi cho việc GD KNS cho các em có hiệu quả. Các lực lượng GD phải biết phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục những hạn chế trong sự phát triển tâm lý lứa tuổi này để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức thích hợp, phát huy được tính tích cực chủ động của các em trong hoạt động GD theo định hướng của mục tiêu GD KNS.

1.4.2. Đặc điểm sinh lý của học sinh trung học phổ thông

Lứa tuổi 15-17 là thời kỳ đạt được sự trưởng thành về mặt thể lực, nhưng sự phát triển cơ thể còn kém so với sự phát triển cơ thể của người lớn. Hình thể đạt được sự hoàn chỉnh về cấu trúc và phối hợp giữa các chức năng. Thời kỳ này, con người đạt được 9/10 chiều cao và 2/3 trọng lượng của cơ thể trưởng thành [38].

Hệ thần kinh: Hệ thần kinh tiếp tục phát triển để đi đến hoàn thiện. Não bộ đã đạt được trọng lượng tối đa (trung bình =1400 gram) và số tế bào thần kinh đã phát triển

đầy đủ tới trên một trăm tỷ nơron [38]. Quan trọng hơn, chính ở lứa tuổi này, hoạt động thần kinh cấp cao đã đạt đến mức trưởng thành. Một tế bào thần kinh có thể nhận tin từ 1200 nơron trước và gửi đi 1200 nơron sau, bảo đảm một sự liên lạc vô cùng rộng, chi tiết và tinh tế giữa vô số kênh vào và vô số kênh ra làm cho trí tuệ của người HS THPT vượt xa trí tuệ của HS THCS [38].

Tuy nhiên, tổng khối lượng của vỏ não không tăng nhiều, chủ yếu cấu tạo trong vỏ não phức tạp hơn, khả năng tư duy, nhất là khả năng phân tích, tổng hợp, trừu tượng hóa phát triển rất thuận lợi cho hình thành phản xạ có điều kiện. Ngoài ra ở lứa tuổi này, do sự hoạt động mạnh của tuyến giáp trạng, tuyến sinh dục, tuyến yên làm cho tính hưng phấn của thần kinh chiếm ưu thế [38], [52]. Giữa hưng phấn và ức chế không cân bằng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động thể lực, nên bắt buộc phải sử dụng các bài tập sao cho phù hợp [75].

Hệ tuần hoàn: Hệ tuần hoàn đang phát triển và hoàn thiện, khả năng co bóp của cơ tim phát triển do đó nâng cao khá rõ lưu lượng máu/phút, tim của nam mỗi phút đập 70-80 lần, của nữ 75-85 lần, cung cấp số lượng máu gần tương đương với tuổi trưởng thành [38]. Phản ứng của tim đối với lượng vận động thể lực đã khá chính xác, tim trở nên dẻo dai hơn.

Hệ xương: Tuy chiều cao vẫn phát triển nhưng chậm dần. Ở lứa tuổi này, hệ xương tiếp tục cốt hóa và phát triển mạnh, cột sống tương đối đã ổn định nhưng vẫn chưa được củng cố, vẫn dễ bị cong vẹo, hình dáng, xương chi trên, xương chi dưới, xương hông... vẫn chưa được cốt hóa hoàn toàn nên dễ bị biến dạng [38]. Xương chậu của nữ to và yếu hơn của nam, vì vậy không nên cho nữ tập luyện với khối lượng và cường độ lớn như nam.

Hệ cơ: Ở lứa tuổi này, các bắp cơ lớn phát triển tương đối nhanh (cơ đùi, cơ cánh tay), còn các cơ nhỏ như cơ bàn tay, cơ ngón tay phát triển chậm hơn, khả năng co duỗi và thả lỏng cơ cao. Trong giai đoạn này hệ cơ phát triển mạnh nên các em thích dùng các hoạt động về lực, thích dùng sức hơn chứ không thích các hoạt động tỉ mỉ, khéo léo,... [38]. Vì vậy sử dụng các bài tập sức mạnh là hợp lí, nhưng phải phù hợp với đặc điểm sinh lí ở lứa tuổi này.

Hệ hô hấp: Hệ hô hấp cũng đã hoàn thiện, tần số thở giống người lớn khoảng 10-20 lần/phút. Lồng ngực nở nang, trung bình của nam khoảng 75-80cm. Dung tích sống lớn hơn, diện tích tiếp xúc của phổi khoảng 120-200cm², dung lượng phổi khoảng 4-5 lít. Các cơ hô hấp, sự điều hòa, khả năng hấp thụ oxy đều có tăng cường hoặc cải tiến [38]. Vì vậy phát triển sức bền ở lứa tuổi này là phù hợp.

1.5. Lịch sử nghiên cứu

1.5.1. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

1.5.1.1. Dạy học tích hợp ở trường trung học phổ thông

Thời gian gần đây đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề dạy học tích hợp, trong đó vấn đề được các nhà nghiên cứu quan tâm là việc xây dựng CT và sách giáo khoa theo quan điểm tích hợp. Xu hướng DHTH ở Việt Nam nhằm mục tiêu rút gọn thời lượng trình bày tri thức của nhiều môn học và chú trọng tập dượt cho HS cách vận dụng tổng hợp các tri thức vào thực tiễn.

Có thể điểm qua một số nghiên cứu về dạy học tích hợp ở Việt Nam.

Theo tác giả Nguyễn Thị Ánh Tuyết, ở trường phổ thông, GV bộ môn có thể tích hợp GD hướng nghiệp ở các mức độ khác nhau: Như kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống các kiến thức GD hướng nghiệp với kiến thức môn học thành nội dung thống nhất, ở mức độ tích hợp nội dung GD hướng nghiệp trùng với nội dung bài học, các vấn đề GD hướng nghiệp được lựa chọn rồi lồng ghép vào CT các môn học ở chỗ thích hợp (sau mỗi bài, mỗi chương) nhưng vẫn đảm bảo CT môn học được giữ nguyên, các kiến thức GD hướng nghiệp tuy không được nêu rõ trong sách giáo khoa nhưng dựa vào kiến thức bài học ở chỗ thuận lợi GV liên hệ nội dung GD hướng nghiệp vào bài giảng một cách hợp lí [85].

Theo tác giả Dương Tiến Sỹ với đề tài luận án “GD môi trường qua dạy HS thái lớp 11 THPT”, kết quả nghiên cứu đã xác định được một số PP tích hợp và logic tổ chức hoạt động dạy HS học tích hợp được GD môi trường ở trường THPT đã đạt được hai đích lớn, đó là tích hợp được tri thức và tổ chức được hoạt động nhận thức của HS một cách tự giác, sáng tạo. Tuy nhiên kết quả chưa đề cập đến quy trình thiết kế tài liệu cho người học theo quan điểm tích hợp [68].

Theo tác giả Trần Bá Hoàn: Việc DHTH ở các trường phổ thông không chỉ liên quan với việc thiết kế nội dung CT mà còn đòi hỏi sự thay đổi đồng bộ về cách tổ chức dạy học, đổi mới PP dạy và học, thay đổi việc kiểm tra đánh giá [39].

Trong công trình nghiên cứu “Vận dụng quan điểm tích hợp trong việc phát triển CT GD Việt Nam giai đoạn sau 2015”, tác giả Nguyễn Anh Dũng đã trình bày tổng quan các vấn đề lí luận và thực tiễn về xu thế tích hợp trong CT GD của một số nước trên thế giới. Đồng thời cũng đi sâu phân tích thực trạng việc vận dụng quan điểm dạy và học tích hợp trong CT GD Việt Nam từ đó đề xuất giải pháp vận dụng quan điểm tiếp cận tích hợp vào việc phát triển CT GDPT Việt Nam sau năm 2015 [33].

Tác giả Nguyễn Phúc Chính đã thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Bộ với tên “Hình thành NL dạy học tích hợp cho GV THPT” [27]. Tác giả đã nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn và nghiên cứu biên soạn tài liệu DHTH một số môn học ở trường THPT, tổ chức tập huấn hình thành NL dạy học tích hợp cho GV THPT.

Tóm lại, có thể thấy DHTH là quan điểm sư phạm không mới đối với các nước trên thế giới nhưng lại mới vận dụng vào thực tiễn dạy học ở Việt Nam. Nhìn chung, sự vận dụng quan điểm sư phạm tích hợp trong dạy học ở Việt Nam còn ở mức độ rất hạn chế và chỉ chú trọng đến tích hợp nội dung.

1.5.1.2. Dạy học tích hợp kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống

Thuật ngữ KNS được người Việt Nam bắt đầu biết đến từ CT của UNICEF (1996) “GD KNS để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường” [12]. Thông qua quá trình thực hiện CT này, nội dung của khái niệm KNS và GD KNS ngày càng được mở rộng.

Trong giai đoạn đầu tiên, khái niệm KNS được giới thiệu trong CT này chỉ bao gồm những KNS cốt lõi như: Kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng kiên định và kỹ năng đạt mục tiêu. Giai đoạn 2 của CT mang tên “GD sống khỏe mạnh và KNS”.

Cùng với việc triển khai CT nêu trên, vấn đề KNS và GD KNS cho HS đã được quan tâm nghiên cứu. Những nghiên cứu về các vấn đề trên trong giai đoạn này có xu hướng xác định những kỹ năng cần thiết ở các lĩnh vực hoạt động mà thanh thiếu niên tham gia và đề xuất các biện pháp để hình thành những kỹ năng này cho thanh thiếu niên (trong đó có HS THPT). Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu cho hướng

nghiên cứu này là: Phạm Đình Nghiệp (2000), Cẩm nang tổng hợp kỹ năng hoạt động thanh thiếu niên [49]; Trần Thời (1998), Kỹ năng thanh niên tình nguyện [74].

Một trong những người đầu tiên có những nghiên cứu mang tính hệ thống về KNS và GD KNS ở Việt Nam là tác giả Nguyễn Thanh Bình. Với một loạt các bài báo, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và giáo trình, tài liệu tham khảo, tác giả Nguyễn Thanh Bình đã góp phần đáng kể vào việc tạo ra những hướng nghiên cứu về KNS và GD KNS ở Việt Nam [8], [9], [10], [11], [12].

Xác định những vấn đề lí luận cốt lõi về KNS và GD KNS [16], [19], [20]. Đồng thời, một số nghiên cứu khác cũng được tìm thấy theo các vấn đề có liên quan như: KNS cho HS tuổi vị thành niên [56]; Một số cơ sở tâm lý của việc GD KNS cho HS và những nghiên cứu của một số tác giả khác [31], [59], [69] [70], [79] [88].

Các công trình nghiên cứu về KNS và GD KNS của các tác giả như: Đặng Quốc Bảo [5]; Nguyễn Thanh Bình [8], [9] [10], [11], [12]; Phạm Thị Nga [48]; Phạm Văn Nhân [51]; Trần Thời [74], cũng nhất quán về mục tiêu của GD KNS là: “Nâng cao tiềm năng của con người để có hành vi thích ứng và tích cực nhằm đáp ứng nhu cầu, sự thay đổi, các tình huống của cuộc sống hàng ngày, đồng thời tạo ra sự thay đổi và nâng cao chất lượng cuộc sống”.

Theo hướng nghiên cứu này có một số công trình nghiên cứu như: Một số cơ sở tâm lý của việc GD KNS cho HS [55]; KNS cho tuổi vị thành niên [56] và những nghiên cứu của một số tác giả khác như: Lê Kim Dung [31]; Võ Quang Phúc [59]; Nguyễn Đức Thạc [69]; Hà Nhật Thăng [70], [71]; Trần Thời [74], Lưu Thị Thu Thủy [79]; Huỳnh Khải Vinh [88],...

Một số công trình nghiên cứu theo hướng nghiên cứu này đã đề cập đến những thách thức liên quan đến GD pháp luật, GD KNS cho HS như đề tài: “Ý thức pháp luật của HS, SV ở Tỉnh Phú Thọ” (Luận văn Thạc sĩ Luật học) của tác giả Phùng Thị Lan Anh [2]. Một nghiên cứu khác của tác giả Phan Thanh Vân cũng đã mô tả sinh động, chi tiết và hoàn thiện đầy đủ cấu trúc và cách thức tiếp cận cũng như quá trình hiện thực hóa các hướng dẫn về GD KNS cho đối tượng là HS THPT [86].

- Tác giả Nguyễn Hữu Đức (2010): Quản lí GD KNS cho HS Trường THPT Trần Hưng Đạo Nam Định trong giai đoạn hiện nay (bằng GD ngoại khóa), Luận văn Thạc

sỹ ngành Quản lý GD, Trường Đại học GD [30]. Với kết quả nghiên cứu chính là lựa chọn và đề xuất các biện pháp về hoạt động quản lý phù hợp cho hoạt động GD KNS đối với HS của các nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

- Tác giả Nguyễn Thị Thu Hằng (2013): GD KNS cho HS dân tộc thiểu số thuộc các tỉnh khu vực miền núi phía bắc (qua các môn học Tự nhiên và xã hội, khoa học), Luận án Tiến sỹ Khoa học GD, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử GD [37]. Với kết quả nghiên cứu chính là dựa vào đặc điểm, nguyên tắc của GD KNS; Tập chung vào mối quan hệ giữa các thành tố của quá trình GD KNS cho HSTH người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc thông qua giảng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Luận án đã đề xuất được hai nhóm biện pháp theo hướng khai thác các thành phần của nội dung môn học (để khai thác các kiến thức liên quan đến KNS chung và KNS riêng mang tính chất đặc thù, gắn với ngữ cảnh cụ thể của môn học, HS) và áp dụng các PP, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập tích cực qua đó thúc đẩy HS tự chủ trong việc tìm kiếm tri thức, nâng cao KNS tổng thể, đồng thời cải thiện chất lượng GD KNS trong cách thực hiện công tác giảng dạy và học tập các môn học trên.

- Luận án Tiến sỹ về GD học, chuyên ngành Quản lý các hoạt động GD của tác giả Hoàng Thúy Nga (2016) được tiến hành thực hiện nghiên cứu về hoạt động quản lý công tác GD KNS cho các HS tiểu học khu vực thành phố Hà Nội và kết luận: Kết quả nghiên cứu chính là đề xuất biện pháp quản lý các hoạt động GD KNS ở các trường Tiểu học đáp ứng yêu cầu phát triển KNS cho HS trong bối cảnh thực hiện xu hướng đổi mới GD Tiểu học hiện nay [47].

- Tác giả Lương Quốc Hùng (2020) trong Luận án Tiến sỹ khoa học GD, nghiên cứu về các hoạt động GD KNS cho đối tượng là các HS cấp Tiểu học (lớp 1, 2, 3) ở Thành phố Cần Thơ tích hợp CT GDTC. Với kết quả nghiên cứu chính là đề xuất mô hình phù hợp trong công tác giảng dạy, học tập tích hợp về GD KNS trong giờ GDTC và hoạt động vui chơi giải trí ngoại khóa của các HS, qua đó góp phần hoàn thành mục tiêu GD theo hướng phát triển toàn diện cho đối tượng nghiên cứu [41].

- Tác giả Nguyễn Kế Bình (2021) trong Luận án Tiến sỹ khoa học GD, tiến hành nghiên cứu ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực và KNS cho HS lứa tuổi 6-7 tại một số Trường Tiểu học nội thành, Thành phố Hồ Chí Minh. Với kết quả nghiên cứu chính là lựa chọn thành công và ứng dụng trò chơi vận động để phát triển thể lực và KNS trong các tiết học chính khóa và ngoại khóa nhằm góp phần hoàn

thành các mục tiêu GD theo hướng phát triển toàn diện cho nhóm HS là đối tượng nghiên cứu [7].

Tóm lại, có thể thấy dạy học tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT không phải là PP tích hợp mới đối với nhiều chế độ GD nước ngoài, tuy nhiên vấn đề này chưa được quan tâm và thực hiện ứng dụng thường xuyên tại các trường học ở Việt Nam. Hơn nữa, việc vận dụng tích hợp GD KNS ở Việt Nam còn ở mức độ rất hạn chế.

1.5.2. Lịch sử nghiên cứu ngoài nước

1.5.2.1. Dạy học tích hợp ở trường trung học phổ thông

Khi nghiên cứu về mức độ ứng dụng PP giảng dạy và học tập tích hợp trong việc thực hiện GD, tác giả nhà nghiên cứu D'Hainaut I. (1980) nêu quan điểm về các mức độ tích hợp với các môn học là “đơn môn”, “đa môn”, “liên môn”, “xuyên môn” [97]. Hơn nữa, vào năm 1981, tổ chức GD thế giới đã thành lập trung tâm thông tin chuyên dùng hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và học tập theo PP tích hợp kiến thức, mục đích của trung tâm này là cung cấp các hệ thống kiến thức cơ bản và mở rộng cho việc thiết kế các CT, kế hoạch và nội dung giảng dạy, học tập theo hướng tích hợp nội dung đối với các hệ thống GD trên toàn thế giới. Năm 1983, trong công trình nghiên cứu khoa học GD về vấn đề tích hợp là “Các quá trình tích hợp trong khoa học GD và thực tiễn GD - dạy học Chủ nghĩa Cộng sản” khái niệm tích hợp đã được đưa vào GD học Chủ nghĩa Cộng sản Xô Viết và vào đầu những năm 1990, dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng bộ GD&ĐT Liên Bang Nga V.T. Phormenko, các nhà GD Liên bang Nga đã tiến hành nghiên cứu CT tích hợp một cách có hệ thống với cụm đề tài “Xây dựng quá trình dạy học trên cơ sở tích hợp”. Các tác giả tiến hành xác lập các phương thức xây dựng CT giảng dạy và học tập theo hướng tích hợp nội dung trong tất cả hệ thống GD thời điểm đó, đưa ra cách phân loại các phương thức đó, hình thành khái niệm về các sự kiện tích hợp và cần được tích hợp. Năm 1991, nhà nghiên cứu GD J. Fogarty đã đưa ra 3 mức độ tích hợp trong CT dạy học là tích hợp trong từng môn học (còn gọi là tích hợp nội môn), xuyên môn, tích hợp theo đối tượng tiếp nhận GD và thông qua cảm nhận, mong muốn của đối tượng tiếp nhận CT GD, cùng với 10 cách tích hợp CT dạy học có cấu trúc khác nhau [94].

Khi xác định lợi thế của PP giảng dạy và học tập theo hướng tích hợp nội dung kiến thức, một số quan điểm từ các nhà nghiên cứu GD chuyên môn xác định rằng, các CT giảng dạy và học tập theo PP tích hợp kiến thức có hiệu quả kích thích sự huy động kiến thức của người học, tăng cường hứng thú đối với việc khám phá các nội dung giảng dạy của GD và có thể tìm thấy và nắm bắt của người tiếp nhận CT, nâng cao NL giải quyết vấn đề và đạt được hiệu quả học tập cao hơn [115].

Tác giả, nhà khoa học Barab và Landa (1997) cũng chứng minh, khi HS có thể tự chuyển hướng sự tập chung của bản thân vào nội dung học tập hoặc hướng sự chú ý cao vào việc vận dụng kiến thức giải quyết các các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ học tập thì tính tự chủ sẽ tăng tiến, hiệu quả học tập cũng tăng tương ứng [108].

Theo tác giả, nhà khoa học Marshall C. (2004), CT giảng dạy và học tập bằng PP tích hợp nội dung cần chú trọng đến nhu cầu và khả năng tiếp thu kiến thức phù hợp với mong muốn của đối tượng tiếp nhận CT GD, thông qua “động cơ nội tại” đối với nội dung học tập để hướng người học tăng cường sự chú ý và mong muốn tăng cường kiến thức sẽ đem lại hiệu quả tốt hơn nhiều so với gò ép [114].

Tác giả, nhà khoa học Wraga W.G. (2009) lại nhấn mạnh, việc ứng dụng giảng dạy và học tập bằng PP tích hợp nội dung có thể được xác định là nhân tố trọng yếu dẫn đến chuyển biến nội dung học tập từ khô khan, một chiều thành mối liên kết đa chiều giữa người dạy với người học, giữa kiến thức với thực tế [111].

Hiệu quả rõ ràng của giảng dạy và học tập bằng PP tích hợp nội dung được thực hiện thông qua các PP giảng dạy theo nhóm, các PP giảng dạy có tích hợp sử dụng sự tiến bộ của công nghệ là phương tiện truyền tải và kết nối kiến thức cũng như mối quan hệ của GV và HS, quá trình tiến hành hoạt động giảng dạy và học tập dựa theo nguyên tắc ngang bằng, tính chủ động và tích cực của người học được xác định là một yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng hoạt động GD, hơn nữa người học được tự bản thân tham gia và xác định chính xác nhiệm vụ, kiến thức và kỹ năng của bản thân [94].

Đối với việc tổ chức GD có sử dụng giảng dạy và học tập bằng PP tích hợp nội dung, vai trò của GV cần phải có tính tự tích cực, sáng tạo và linh hoạt hơn. Báo cáo của nhóm tác giả Virtue D.C., và cộng sự (2009) chứng minh, để có thể thích ứng với các hoạt động GD thông qua giảng dạy bằng PP tích hợp nội dung, các GV cần xác định được chính xác các nội dung cần tích hợp kiến thức, cũng có

thể dần dần tiến hành thông qua việc phân đoạn và giảng dạy tích hợp từng phần nhỏ để làm quen và trải nghiệm [91]. Theo một cách nhìn khác, giảng dạy bằng PP tích hợp nội dung cũng có thể được tiến hành nhằm giải quyết các nhu cầu kiến thức và kỹ năng của HS, thông qua quá trình đáp ứng các nhu cầu này, GV có thể thu nhận lại các kết quả và đánh giá phù hợp để có thể tăng cường sáng tạo và phát triển NL giảng dạy theo hướng tích hợp, như vậy việc giảng dạy bằng PP tích hợp nội dung có thể được xác định là một phương tiện có ý nghĩa thúc đẩy sự hoàn thiện và tăng tiến của NL giảng dạy của các GV [91], [102].

1.5.2.2. Dạy học tích hợp kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

Căn cứ vào các yếu tố nêu trên, nội dung và cấu trúc cơ bản của hoạt động GD KNS cần quan tâm sẽ là: Nội dung GD KNS thuộc UNICEF, cụ thể là “CT GD những giá trị sống” với tất cả là 12 yếu tố giá trị cơ bản cần thiết phải trang bị cho đối tượng HS và SV thế giới [105]. Hướng lựa chọn này tương ứng với một dự án của UNESCO được tiến hành tại Đông Nam Á, dự án này cũng được xác định có tính hệ thống và tiêu biểu đối với các nghiên cứu về GD KNS [98]. Dự án nghiên cứu này thu được cho thấy, CT và các tài liệu cơ bản về tổ chức hoạt động GD KNS đối với các hoạt động GD nội khóa rất hạn chế, tuy nhiên hoạt động GD KNS trong các hoạt động GD ngoại khóa rất phong phú cả về cách thức tổ chức, nội dung, PP và hình thức thực hiện, cụ thể như sau: Tiến hành lồng ghép KNS vào các CT GD cơ bản của các môn học chính khóa theo các mức độ khác nhau; Chỉ tiến hành giảng dạy và GD KNS đặc thù cho các nhóm đối tượng đặc thù.

Tóm lại, đa số các CT GD cơ bản trong khu vực đều hướng vào thực hiện giảng dạy tích hợp nội dung chủ yếu là kết hợp có chọn lọc kiến thức và kỹ năng từ PP giảng dạy truyền thống (giảng dạy chú trọng truyền thụ 1 chiều) và tích hợp nội dung môn học với một số kiến thức có lựa chọn và liên quan rõ ràng đến nội dung kiến thức, kỹ năng được tiến hành giảng dạy theo tiết (mang đầy đủ tính chất của PP giảng dạy tích hợp liên môn. Tùy thuộc vào từng quá trình thực hiện và từng chế độ GD khác nhau, sự khác biệt được thể hiện phụ thuộc vào phương hướng phát triển và mục tiêu GD của khu vực đó, không có tính thống nhất chung.

Tiểu kết chương 1: Thông qua tổng hợp các cơ sở lý luận trong, ngoài nước nghiên cứu hình thành cơ sở lý luận cơ bản cho việc ứng dụng phương pháp DHTH giáo dục KNS trong môn GDTC cho đối tượng HS THPT. Các cơ sở lý luận phù hợp với các quy định GD&ĐT quy định, đồng thời phù hợp với các đặc điểm hoạt động GD cho HS THPT nói chung. Thông qua quá trình tìm kiếm và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu có liên quan, nghiên cứu xác định vấn đề nghiên cứu của Luận án không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu đã từng được công bố. Nghiên cứu cũng xác định, hệ thống cơ sở lý luận của vấn đề mà nghiên cứu đã tổng hợp thành công có giá trị nền tảng cho việc thực hiện nghiên cứu này, đồng thời cung cấp các căn cứ cho việc mở rộng áp dụng DHTH đa dạng các nội dung.

Về phương pháp dạy học theo hướng tích hợp GD KNS vào môn GDTC là lồng ghép nội dung GD KNS vào các giờ học GDTC quy định, tùy theo từng tiết dạy mà lồng ghép tích hợp ở các mức độ như liên hệ, lồng ghép bộ phận, toàn phần,... từ đó GD và rèn KNS, giá trị sống cho HS.

Về nội dung dạy học theo hướng lồng ghép tích hợp tùy theo từng nội dung giờ học để lựa chọn mức độ và nội dung tích hợp. Giáo viên lựa chọn các nội dung đưa vào giờ học GDTC đối với các nội dung GD KNS từ mức liên hệ, tích hợp bộ phận tới tích hợp toàn phần.

Trọng tâm của chương này là khung lý luận về dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT gồm đầy đủ các thành tố của quá trình dạy học tích hợp GD KNS.

Nội dung cơ sở lý luận về dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trình bày trong chương này có vai trò quan trọng, làm cơ sở để nghiên cứu, khảo sát thực trạng và đề xuất các giải pháp tổ chức dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu của xã hội với giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm) cho HS trong giảng dạy và học tập môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

2.1.2. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

2.1.2.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tích hợp GD KNS vào giảng dạy môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Xây dựng kế hoạch và đánh giá hiệu quả thực tế của việc ứng dụng tích hợp GD KNS vào giảng dạy môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

2.1.2.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát tại 12 trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; tiến hành thực nghiệm giảng dạy tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên; THPT Trần Phú; THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long.

- Trường THPT Thực hành Cao Nguyên theo phường thuộc dân tộc kinh.
- Trường THPT Trần Phú theo xã thuộc dân tộc kinh.
- Trường THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long thuộc dân tộc thiểu số.

2.1.2.3. Giới hạn về khách thể được khảo sát

- Luận án khảo sát 655 đối tượng thuộc 12 trường THPT trên địa bàn nghiên cứu gồm 3 nhóm đối tượng: Nhóm 1 gồm 28 cán bộ quản lý (CBQL) thuộc 12 trường THPT trên địa bàn nghiên cứu; Nhóm 2 gồm 48 GV dạy môn GDTC thuộc 12 trường THPT trên địa bàn nghiên cứu; Nhóm 3 gồm 579 học sinh khối 11 của 3 trường thuộc đối tượng nghiên cứu.

a) Điều tra thực trạng

Khách thể phỏng vấn:

- 28 CBQL của 12 trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.
- 48 GV dạy thể dục của 12 trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Khảo sát thực nghiệm

Khách thể thực nghiệm: Gồm 579 HS của các trường trường THPT, cụ thể:

- Trường THPT Thực hành Cao Nguyên: (200 HS trong đó 98 HS nam và 102 HS nữ).
- Trường THPT Trần Phú: (244 HS trong đó 116 HS nam và 128 HS nữ).
- Trường THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Lơng: (135 HS trong 41 HS nam và 94 HS nữ).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu khoa học có liên quan

Luận án tiến hành lựa chọn, thu thập và thực hiện việc phân loại, phân tích các vấn đề kiến thức có liên quan, tổng hợp các yếu tố cơ sở lý luận, phương hướng và cách thức giải quyết vấn đề nghiên cứu có liên quan [64], các vấn đề cụ thể như sau:

Nghiên cứu tiến hành tìm kiếm, phân tích và tổng hợp các công văn, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về các hoạt động đổi mới GD tại Việt Nam từ trước đến nay và có liên quan đến hướng nghiên cứu của luận án này.

Nghiên cứu tiến hành tìm kiếm, phân tích và tổng hợp các tài liệu về lí luận thực hiện công việc dạy học tích hợp và dạy học tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm) trong và ngoài nước.

Nghiên cứu tiến hành tìm kiếm và phân tích và tổng hợp các tài liệu khoa học liên quan đến vấn đề lí luận về dạy học môn GDTC, dạy học tích hợp trong môn GDTC.

Nghiên cứu tiến hành tìm kiếm, phân tích và tổng hợp các tài liệu về các yếu tố cơ sở áp dụng lý luận áp dụng PP giảng dạy, học tập có tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm) trong môn GDTC.

Mục tiêu của PP là hệ thống và chuẩn hóa các cơ sở, kiến thức có liên quan, hình thành cơ sở lý luận đối với vấn đề nghiên cứu và PP giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

Mục đích sử dụng PP: Thu thập các thông tin có liên quan đến các vấn đề nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu thông qua việc tổ chức phỏng vấn trực tiếp bằng hỏi - trả lời

giữa thành viên nghiên cứu và các đối tượng phỏng vấn với các nội dung có liên quan về các vấn đề nghiên cứu [64].

Nhóm đối tượng phỏng vấn 1 là 28 CBQL của các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; nhóm đối tượng phỏng vấn 2 là 48 GV giảng dạy môn học GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; đối tượng phỏng vấn 3 là 579 HS tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên; THPT Trần Phú; THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long thuộc nhóm đối tượng khảo sát của nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu còn thực hiện xin ý kiến một số chuyên gia là những người am hiểu sâu về vấn đề tính khả thi và cơ hội tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT.

Các nội dung phỏng vấn: Phỏng vấn, trao đổi với GV về các yếu tố mục đích, vai trò, ý nghĩa, mức độ quan trọng của việc tiến hành hoạt động giảng dạy, học tập theo hướng tích hợp và dạy học tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm) ở các trường THPT thông qua tích hợp nội dung GD với môn GDTC. Kết quả là các số liệu biểu thị các phản hồi ý kiến tương ứng với các vấn đề được phỏng vấn của các đối tượng phỏng vấn về việc đánh giá đúng thực trạng sử dụng, hiệu quả và chất lượng giảng dạy, học tập theo PP tích hợp và dạy học tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm) qua đó thúc đẩy và tạo môi trường GD phát triển NL của HS đáp ứng các yêu cầu GD mới và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Phỏng vấn, trao đổi với HS về các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, phương pháp, hiệu quả,... của hoạt động giảng dạy, học tập tích hợp GD KNS thông qua tích hợp với CT giảng dạy môn GDTC ở trường THPT. Từ đó đánh giá đúng thực trạng hiệu quả giảng dạy, học tập theo PP tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm) trong môn GDTC theo thực tế.

2.2.3. Phương pháp điều tra xã hội học

Đề tài sử dụng phương pháp điều tra xã hội học nhằm tìm hiểu về thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được sử dụng trong khảo sát bao gồm:

(1) Thu thập số liệu và trung cầu ý kiến thông qua các phiếu hỏi. Đây là phương pháp chính trong khảo sát. Thiết kế 3 dạng phiếu hỏi, mỗi phiếu hỏi ý kiến tương ứng

với 3 nhóm đối tượng khảo sát là: Cán bộ quản lý, Giáo viên và học sinh. Mỗi phiếu gồm một bộ câu hỏi được lựa chọn, xin ý kiến tư vấn, phù hợp với mục đích khảo sát và đa dạng về hình thức.

Quy trình khảo sát thông qua phiếu hỏi ý kiến được thực hiện theo các bước

- Bước 1: Trên cơ sở lý luận thực tiễn về tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật, luận án xây dựng bộ câu hỏi để khảo sát các nội dung cụ thể.

- Bước 2: Điều tra thử trên tất cả giáo viên trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật và học sinh của 3 trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần Phú, THPT Dân tộc Nội Trú Nơ Trang Long. Trước khi gửi phiếu hỏi ý kiến cho các đối tượng khảo sát, tác giả gặp gỡ để trao đổi mục đích khảo sát, giải thích nội dung và hướng dẫn trả lời từng câu hỏi.

- Bước 3: Thu thập, phân tích số liệu khảo sát thử. Sau đó xin ý kiến của các chuyên gia và hoàn thiện bộ câu hỏi khảo sát cho các đối tượng trên địa bàn nghiên cứu.

- Bước 4: Thực hiện khảo sát tại các trường trong địa bàn khảo sát

- Bước 5: Thu thập dữ liệu từ phiếu hỏi, tiến hành xử lý và phân tích kết quả khảo sát.

(2) Phỏng vấn 28 Cán Bộ quản lý, 48 giáo viên và 579 học sinh. Mục đích của phỏng vấn là nhằm đối chiếu, so sánh những thông tin thu thập được qua phiếu khảo sát và đánh giá trực tiếp của các đối tượng khảo sát. Đồng thời, qua phỏng vấn để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thực nghiệm sau này.

- Đối với cán bộ quản lý: Tìm hiểu về những kỹ năng cơ bản của người giáo viên; mức độ cần thiết; thực trạng thực hiện; nguồn thông tin; tầm quan trọng và mức độ ủng hộ của nhà trường đối với việc tổ chức dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật.

- Đối với giáo viên: Tìm hiểu về những kỹ năng cơ bản của người giáo viên; mức độ cần thiết; thực trạng thực hiện; thực trạng việc sử dụng hình thức; nội dung; phương pháp; hình thức tổ chức; phương tiện; phương pháp kiểm tra đánh giá ; mức độ nhận

thức; hứng thú; khó khăn; nguồn thông tin; tầm quan trọng; thực trạng hiệu quả; mức độ thuận lợi; nội dung tích hợp; thực trạng về tính tích cực học tập; ưu điểm nổi bật; mục đích khi vận dụng; thực trạng ảnh hưởng các yếu tố và mức độ ủng hộ của nhà trường đối với việc tổ chức dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật.

- Đối với học sinh: Tìm hiểu mức độ nhận thức; hứng thú; quan trọng; hiệu quả của HS về sự cần thiết phải dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật để phát triển năng lực học sinh.

2.2.4. Phương pháp chọn mẫu

Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu nhiều bậc (Multi - stage sampling) và chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling).

Bước 1: Chọn trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật (gồm 12 trường).

Bước 2: Chọn 03 trường trong số 12 trường (gồm 01 trường thuộc xã, 01 trường thuộc phường, 01 trường dân tộc thiểu số).

Bước 3: Chọn khối lớp 11 của 03 trường trên.

Bước 4: Chọn một số lớp trong khối 11 của 03 trường trên.

Kết quả chọn mẫu như sau:

TT	Tên trường	Khối	Nam	Nữ	Tổng
1	THPT Thực hành Cao Nguyên	11	98	102	200
2	THPT Trần phú	11	116	128	244
3	THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long	11	41	94	135
Tổng			255	324	579

2.2.5. Phương pháp kiểm tra sự phạm

Nghiên cứu thực hiện kiểm tra đánh giá trên 579 HS khối 11 các trường THPT Thực hành Cao Nguyên; THPT Trần Phú; THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long.

Nội dung, hình thức và PP kiểm tra được chia thành 2 loại:

2.2.5.1. Đánh giá thực trạng thể lực của học sinh tham gia nghiên cứu

Các test đánh giá thể lực được lựa chọn sử dụng theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành [14]. Cụ thể gồm:

1) Test sức mạnh - Lực bóp tay thuận (kg):

- Mục đích kiểm tra: Đánh giá tổ chất sức mạnh ở cẳng tay.

- Dụng cụ: Lực kế bóp tay theo kiểu Collin (hình):

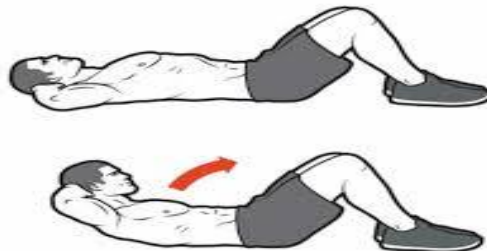
- Cách thực hiện: HS kiểm tra đứng ở tư thế chuẩn bị cơ bản, 2 chân duỗi thẳng, tự nhiên, khoảng cách 2 chân tương ứng bằng khoảng 2 vai, lực kế được cầm bằng tay thuận với góc gập tương ứng khoảng 45^0 tại khớp khuỷu của tay thuận, tay còn lại thả lỏng và để tự nhiên theo hướng thuận của tư thế cơ thể. Người thực hiện cầm lực kế hướng vào trong cơ thể, các ngón tay nắm chặt lực kế phần tay cầm di động và gắng sức bóp chặt hết mức lực kế để có thể đạt được hiệu quả tốt nhất về thành tích. Kết quả được tính là chỉ số thành tích cao của 2 lần thực hiện với quãng nghỉ giữa 2 lần =15 giây và mức độ chính xác đến 0.1 kg.

- Đơn vị tính: Kilogram (kg) [14].



Hình 2.1. Dụng cụ kiểm tra sức mạnh - Lực bóp tay thuận

2) Test đánh giá sức mạnh bền - Nằm ngửa gập bụng (số lần/30 giây):



Hình 2.2. Mô tả hình ảnh thực hiện động tác nằm ngửa gập bụng

- Mục đích sử dụng: Đánh giá sức mạnh bền các nhóm cơ bụng.

- Yêu cầu về dụng cụ: Thảm cao su (hoặc tương đương) có kích cỡ 1m x 2m.

- Cách thực hiện: HS thực hiện được yêu cầu ngồi lên thảm, yêu cầu góc gập tại khớp gối giữa cẳng chân và đùi tương ứng 90^0 , 2 bàn chân đặt trên sàn, thảm hoặc nền nơi kiểm tra, 2 lòng bàn tay đặt chồng lên nhau hoặc đan chéo đặt sau đầu (hoặc sau gáy, 2 khuỷu tay gập tự nhiên theo các hướng dẫn trước). Một người hỗ trợ (có thể là bạn cùng học) thực hiện động tác ngồi xổm dùng 2 tay đặt lên phần mu bàn chân của người thực hiện, dùng trọng lượng và sức lực của cơ thể cố gắng cố định bàn chân của người thực hiện tại 1 vị trí trên mặt nền đã đặt chân. Khi có hiệu lệnh bắt đầu kiểm tra (bắt đầu tính giờ) người thực hiện nhanh chóng thực hiện động tác chuyển tư thế từ chuẩn bị, hướng về sau để tạo thành tư thế nằm ngửa, với 2 bả vai hướng có gắng chạm mặt nền thảm sau đó co cơ bụng để nâng cơ thể lên trên và hướng về trước tới góc của trục dọc thân trên với mặt nền vượt qua góc 90^0 . Mỗi lần thực hiện chu kỳ đã nêu trên được tính 1 lần thực hiện, yêu cầu thực hiện đúng kỹ thuật đã hướng dẫn trong 30 giây với số lần đạt được làm thành tích.

- Đơn vị tính: Số lần/30 giây [14].

3) *Test đánh giá sức mạnh bột phát – Test bột xa tại chỗ (cm):*



Hình 2.3. Mô tả hình ảnh thực hiện động tác bột xa tại chỗ

- Mục đích sử dụng: Đánh giá sức mạnh bột phát của các nhóm cơ chân.

- Yêu cầu về dụng cụ: Có thể sử dụng thảm chuyên môn (1 x 3m) hoặc hồ bột, nhảy xa có cát, cùng với thước đo (có thể là thước cứng hoặc thước mềm) có chuẩn thang đo, sau đó người kiểm tra thực hiện kẻ vẽ các mức đánh giá xuống mặt nền thực hiện kiểm tra (mức kiểm tra từ 0 đến 3m).

- Cách thực hiện: Người được kiểm tra vào tư thế chuẩn bị với tư thế thân người đứng thẳng, 2 tay giơ lên cao song song và cố gắng vươn ra sau đầu, 2 chân duỗi thẳng, bàn chân và các ngón chân đặt ngay sau mép vạch tính điểm. Khi có hiệu lệnh

thực hiện, người thực hiện nhanh chóng gấp đôi hạ thấp trọng tâm, 2 tầng lãng từ trên ra trước, xuống dưới và ra sau đến vị trí chệch sau thấp, tư thế thân người hơi đổ về trước, góc gấp của đùi và cẳng chân lớn hơn góc 90^0 . Sau đó người thực hiện nhanh chóng thực hiện động tác đạp mạnh 2 chân ra sau, đẩy cơ thể về trước và lên trên, đồng thời 2 tay lãng nhanh và mạnh theo hướng ra trước lên trên hỗ trợ đẩy cơ thể về trước. Khi tiếp đất, người thực hiện cố gắng thực hiện động tác ổn định cơ thể và giảm chấn thông qua động tác gấp nhiều ở khớp gối và lãng tay từ trên xuống dưới theo tư thế bay trên không xuống. Thành tích thu được là độ dài tính từ vạch xuất phát (điểm 0cm) đến điểm tiếp xúc gần nhất của cơ thể người thực hiện đối với vạch xuất phát.

- Đơn vị tính: Centimeters (cm) [14].

4) *Test đánh giá sức nhanh – Test chạy 30m xuất phát cao (s):*



Hình 2.4. Mô tả hình ảnh thực hiện động tác xuất phát cao trong test chạy 30m xuất phát cao

- Mục đích sử dụng: Đánh giá sức nhanh của đối tượng kiểm tra.

- Cách thực hiện: Người thực hiện tiến hành kiểm tra chạy trên đường chạy (tốt nhất đường chạy chuyên môn, nếu không có có thể chọn các đường chạy phù hợp) có chiều dài tối thiểu 40m (thẳng, trống, bằng phẳng và có độ rộng tối thiểu 2m cho mỗi ô chạy theo người chạy). Tùy thuộc điều kiện và số lượng đường chạy đáp ứng tiêu chuẩn để người kiểm tra tiến hành chạy với số người chạy tương ứng. Đường chạy phải được đánh dấu rõ ràng các khoảng cách: Điểm xuất phát, kết thúc (có thể sử dụng các vạch kẻ hoặc mốc đánh dấu phù hợp), đường giảm tốc (tối thiểu 10m), phạm vi đường chạy (độ rộng tối thiểu 2m).

Số lượng người kiểm tra được xác định gồm người ra hiệu lệnh xuất phát (hô khẩu lệnh vào chỗ, chuẩn bị và chạy) bằng cờ hiệu và khẩu lệnh tại điểm xuất phát.

Một người khác đứng tại vị trí vạch đích (điểm đường chạy dài 30m) và sử dụng đồng hồ bấm giờ chuyên môn, thực hiện động tác bấm giờ khi người thực hiện kiểm tra thực hiện hiệu lệnh xuất phát (bằng cả cờ hiệu và khẩu lệnh), lưu ý số lượng người kiểm tra thực hiện bấm giờ tương ứng với số đường chạy có người thực hiện kiểm tra chạy. Đối với đối tượng kiểm tra, tuân thủ sự điều khiển của người kiểm tra, trước khi xuất phát cần phải tự thực hiện các khâu khởi động theo hướng dẫn. Khi thực hiện chạy, người chạy có thể tiến hành chạy bằng chân trần, đi giày thể thao (không sử dụng các loại dép, guốc,...). Khi có khẩu lệnh vào chỗ, người chạy tiến về vị trí trước vạch xuất phát, khi có khẩu lệnh chuẩn bị thì nhanh chóng hơi cúi người về trước, tư thế chân trước sau (cách nhau trước sau tương ứng bằng khoảng 2 lần vai), 2 tay ở tư thế gấp ở khớp khuỷu, tay trước sau so le với 2 chân. Khi có hiệu lệnh xuất phát (bằng khẩu lệnh miệng và cờ) thì nhanh chóng đáp mạnh về sau đẩy cơ thể về trước và tăng tốc độ hướng về điểm đích theo đúng phần đường mình được phân chạy. Thành tích được tính cho 1 lần duy nhất thực hiện chạy, với đơn vị tính theo từng phần lẻ của giây (1/10 giây).

- Đơn vị tính: Giây (s) [14].

5) *Test đánh giá NL phối hợp vận động – Test chạy con thoi 4x10m (s):*



Hình 2.5. Mô tả hình ảnh thực hiện test chạy con thoi 4x10m

- Mục đích sử dụng: Đánh giá NL phối hợp vận động của người kiểm tra.

- Dụng cụ cần có: Thước đo độ dài, đồng hồ bấm giờ chuyên môn và các mốc đánh dấu điểm xuất phát phù hợp. Đường chạy được chuẩn bị cho kiểm tra phải đảm bảo đủ rộng, đúng tiêu chuẩn cơ bản để thực hiện việc chạy (rộng, phẳng, có độ ma sát cơ bản đáp ứng hoạt động chạy liên tục, có kích thước tối thiểu 15m chiều dài, độ rộng tối thiểu 1,2m, 2 điểm có mốc đánh dấu cố định và khoảng rộng đường vòng quy định 2m).

- Cách thực hiện: Người kiểm tra điều khiển và bấm giờ thông qua khẩu lệnh “vào chỗ - sẵn sàng - chạy” tương tự như kiểm tra chạy 30m xuất phát cao. Khi người kiểm tra chạy đến vị trí 10m đầu tiên thì nhanh chóng thực hiện chạy vòng qua điểm mốc và tiếp tục chạy ngược trở về điểm xuất phát theo đường chạy cùng phía. Người thực hiện chạy liên tục theo chu kỳ đã nêu trên với 4 quãng đường 10m (tổng 3 lần vượt qua vạch 10m phía đối diện điểm xuất phát).

- Đơn vị tính thành tích thu được: Số Giây (s) tiến hành chạy quãng đường quy định với chỉ số lẻ 1/10 giây cho mỗi người trên mỗi lần chạy [14].

6) Test đánh giá sức bền ưa khí – Test chạy tùy sức 5 phút (m):

- Mục đích sử dụng: Đánh giá sức bền chung (ưa khí) của người kiểm tra.

- Dụng cụ cần có: Đồng hồ bấm giờ chuyên môn, tích kê hoặc số đánh dấu cho các đối tượng kiểm tra thực hiện chạy cùng lúc. Đường chạy có độ dài tối thiểu 52m (50m cho đoạn đường chạy và 1m mỗi đầu cho việc vòng qua điểm mốc đánh dấu), đường chạy phải có độ rộng tối thiểu 2m, tại mỗi đầu có vạch hoặc mốc đánh dấu điểm xuất phát và điểm thực hiện chạy vòng, trên đường chạy có vạch ngăn 2 phần đường chạy (có thể sử dụng vạch kẻ hoặc cá đường dây ngăn cách). Trên toàn đoạn đường được đánh dấu khoảng cách (từng 5m cho mỗi đoạn) nhằm xác định rõ thành tích chạy.

- Cách thực hiện: Có 2 nhóm người kiểm tra, trong đó có 1 người vừa thực hiện khẩu lệnh xuất phát và kết thúc vừa thực hiện bấm giờ (thời gian thực hiện nội dung kiểm tra là 5 phút), một nhóm khác kiểm tra thành tích (số m chạy được của người thực hiện kiểm tra chạy trong thời gian 5 phút) số lượng của nhóm này tương đương với số người kiểm tra thực hiện chạy (với chế độ kiểm soát 1 người kiểm tra một người chạy). Đối với người kiểm tra chạy, mỗi người sẽ được phát một số đeo hoặc tích kê và một người kiểm tra thành tích (theo tỷ lệ 1-1), sau đó người kiểm tra phụ trách xuất phát và tính giờ sẽ hướng dẫn khẩu lệnh xuất phát, thời gian và các khẩu lệnh tương ứng. Sau khi người kiểm tra nắm được quy trình, sẽ được hướng dẫn vào vị trí xuất phát (đã có thời gian tự khởi động phù hợp) và thực hiện các khẩu lệnh, xuất phát như đã hướng dẫn. Thành tích được tính là quãng đường đã chạy được trong thời

gian 5 phút với số lẻ từng m. Kết thúc hoạt động chạy kiểm tra, đối tượng kiểm tra được yêu cầu thực hiện các hoạt động thả lỏng phù hợp.

- Đơn vị tính thành tích: Mét (m) [14].

Thiết kế tổ chức hoạt động kiểm tra: Thiết kế hoạt động kiểm tra tuân theo các nguyên tắc kiểm tra thể lực được quy định theo quy định của Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực HS, SV do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành [13] và tuân theo tuần tự (lần lượt từ test lực bóp tay; Nằm ngửa gập bụng; Bật xa tại chỗ; Chạy 30m XPC; Chạy con thoi 4x10m; Chạy 5 phút tùy sức). Với quy trình kiểm tra ở mỗi lớp HS kiểm tra trong 2 tiết (90 phút), cứ 10 HS lập thành một tổ, lần lượt thực hiện theo thứ tự quy định các test kiểm tra quy định.

2.2.5.2. *Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống*

Đánh giá tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm) phải là một hoạt động được xác định chính xác và kế hoạch thực hiện tích hợp kiến thức và kỹ năng và thái độ cùng với ứng dụng thực tế [83]. Đánh giá sẽ bao gồm một loạt các kiến thức, kỹ năng đủ để chứng minh NL tích hợp GD KNS. Về cơ bản sẽ gồm các nội dung sau:

1) So sánh, đối chiếu KNS được hình thành và phát triển trong quá trình học tập với khung KNS đã đề xuất [104], [113].

2) Trong quá trình đánh giá phải công bố kết quả mà HS đạt được để họ hiểu rõ mức độ các KNS của bản thân [104], [113].

3) Cung cấp cho GV khung KNS của HS để làm cơ sở xác định các nội dung đánh giá [104], [113].

Mục tiêu, nội dung, PP và hình thức đánh giá theo tiếp cận kỹ năng của HS sẽ gồm có các vấn đề như sau:

- Định lượng chính xác mục tiêu đánh giá: Mục tiêu đánh giá phải rõ ràng, các mục tiêu phải được biểu hiện dưới dạng có thể quan sát được, định lượng được [104].

- *Nội dung đánh giá:*

+ Kỹ năng thiết lập mục tiêu: Mức độ rõ ràng của mục tiêu; Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu; Mức độ có thể đạt được của mục tiêu; Tính thực tiễn của mục tiêu; Kế hoạch để có thể đạt thành mục tiêu.

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm: Đóng góp của cá nhân cho nhóm; Khả năng giải quyết vấn đề; Thái độ trong làm việc nhóm; Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công; Khả năng hợp tác với những người cùng nhóm; Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm; Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm.

- PP thực hiện đánh giá: Đánh giá phải có sự phối hợp từ nhiều PP, hình thức không đồng nhất: Đánh giá bằng các hoạt động giảng dạy các môn nghiệp vụ; Tự tiến hành đánh giá của HS; Đánh giá theo cách đồng đẳng [104], [113].

- Tiến hành đánh giá: Đối tượng tham gia đánh giá sẽ là chính các GV cùng với tự bản thân các HS sẽ là người được tổ chức để tiến hành thu thập các chứng cứ (định tính và định lượng) minh chứng bằng biểu hiện các yếu tố, thành phần (hoặc mức độ) kiến thức và kỹ năng đã đạt được so với các chuẩn tiêu chí học tập [113].

2.2.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Nghiên cứu tiến hành thiết kế kế hoạch DHTH nội môn dạng lồng ghép GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm), đồng thời tiến hành tổ chức thực hiện DHTH và DHTH GD KNS tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên; THPT Trần phú; THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long thông qua môn GDTC. Qua đó, kết hợp với kết quả việc thực hiện hoạt động điều tra, quan sát và tiến hành tổng hợp, phân tích để có thể đánh giá kết quả thực nghiệm thông qua hiệu quả DHTH và DHTH GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm) trong môn GDTC tại các cơ sở nghiên cứu tiến hành hoạt động thực nghiệm.

Đối tượng thực nghiệm: Tích hợp GD KNS (kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm) cho HS trong dạy học môn GDTC.

Khách thể nghiên cứu: 579 HS nam, nữ trường THPT Thực hành Cao Nguyên; THPT Trần phú; THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long. Cụ thể: 98 HS nam và 102 HS nữ THPT Thực hành Cao Nguyên; 116 HS nam và 128 HS nữ THPT Trần phú, 41 HS nam và 94 HS nữ THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long.

Thời gian thực nghiệm: Từ tháng 09 năm 2022 đến tháng 05 năm 2023 (gồm 02 tiết/buổi; 01 buổi/tuần với tổng thời lượng thực nghiệm là 70 tiết).

Hình thức thực nghiệm: Hình thức thực nghiệm so sánh trình tự (tự đối chiếu)

Nội dung thực nghiệm: Chương trình môn học GDTC ở THPT năm học 2022 – 2023 của Bộ GD&ĐT tích hợp phát triển kỹ năng sống cho HS.

Mẫu kế hoạch dạy học thực nghiệm của nghiên cứu được trình bày cụ thể trong phần phụ lục 7 của luận án.

Tiêu chí đánh giá:

- *Đánh giá định lượng:* Sử dụng các tiêu chí đánh giá: Thẻ lực (Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thẻ lực HS, SV do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành [15]).

- *Đánh giá định tính:* Kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm của HS thông qua giờ học GDTC của HS các trường THPT trên địa bàn thành phố Buon Ma Thuột.

2.2.7. Phương pháp toán học thống kê

Tất cả các thông tin nghiên cứu được lượng hóa chuyên thành số liệu để tiến hành phân tích. Số liệu thu được thông qua việc thực hiện các công tác nghiên cứu sẽ được tổng hợp và xử lý thông qua phần mềm Microsoft Office 2021 Professional Plus Retail – IBM Excel 2021 [42] hoặc thông qua phần mềm IBM SPSS Statistics 22.0. Các mô tả cơ bản được sử dụng gồm: Trung bình; Độ lệch chuẩn; Phương sai; Hệ số biến sai; t Students; Khi bình phương; Nhịp tăng trưởng Brondi (W%) [87]. Cụ thể:

- **Chỉ số Trung bình cộng (\bar{x}):**

$$\bar{x} = \frac{\sum_{i=1}^n x_i}{n}$$

- **Phương sai (σ_x^2):**

$$\sigma_x^2 = \frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n} \quad (n \geq 30)$$

- **Độ lệch chuẩn (σ_x):**

$$\sigma_x = \sqrt{\frac{\sum (x_i - \bar{x})^2}{n}} \quad (n \geq 30)$$

- **Hệ số biến sai (Cv):**

$$C_v = 100 \frac{\sigma}{x}$$

- Chỉ số (t) Student:

$$t = \frac{\bar{x}_d}{\sigma_d} \sqrt{n} \quad (\text{với } n \geq 30)$$

- Nhịp tăng trưởng Brondi (W%):

$$W\% = \frac{100(V_2 - V_1)}{0,5(V_1 + V_2)} \%$$

- Kiểm định Cronbach's Alpha

Để phân tích dữ liệu định lượng, luận án tiến hành kiểm định độ tin cậy của các thang đo đã được sử dụng trong điều tra chính thức. Quy ước mức độ giá trị của hệ số *Cronbach's Alpha* theo thống kê được xác định như sau: Từ 0.8 đến gần bằng 1 (thang đo lường rất tốt); từ 0.7 đến gần bằng 0.8 (thang đo lường sử dụng tốt); từ 0.6 trở lên (thang đo lường đủ điều kiện).

Về quy trình, tất cả số liệu được lượng hóa và nhập vào Excel và SPSS, các quá trình thực hiện hoạt động xử lý và phân tích số liệu được thực hiện thông qua các công thức toán học trên Excel và hàm phân tích trên SPSS.

- Cách thức xử lý số liệu khảo sát

Luận án thu thập thông tin qua phiếu hỏi và phỏng vấn. Các thông tin định tính được phân tích, tổng hợp để tìm ra đặc điểm chung. Các thông tin định lượng được xử lý theo các công thức thống kê toán học.

Số liệu thu thập qua các phiếu khảo sát được tổng hợp và xử lý trên phần mềm Microsoft Excel và phần mềm thống kê SPSS.

Đánh giá kết quả lựa chọn từng nội dung theo điểm trung bình như sau:

* Mức độ 1 : Mức độ yếu $0 \leq \text{ĐTB} < 1$

* Mức độ 2 : Trung bình : $1 \leq \text{ĐTB} < 2$

* Mức độ 3 : Khá $2 \leq \text{ĐTB} < 3$

* Mức độ 4: Mức độ tốt: $3 \leq \text{ĐTB} < 4$

2.3. Tổ chức nghiên cứu

2.3.1. Kế hoạch nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2023 và được chia làm các giai đoạn cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2020, nghiên cứu xác định công việc cần thực hiện và hoàn thành gồm: Xác định hướng nghiên cứu, thu thập, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến hướng nghiên cứu; Xin ý kiến chỉ đạo, hoàn thiện hướng nghiên cứu; Báo cáo và hoàn thiện đề cương, phương hướng và công việc nghiên cứu.

Giai đoạn 2. Từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021 gồm các công việc nghiên cứu gồm: Nghiên cứu tài liệu và xin ý kiến chỉ đạo khoa học, hoàn thiện cơ sở, tổng quan vấn đề nghiên cứu; Xây dựng phiếu phỏng vấn liên quan đến các nội dung nghiên cứu cụ thể, tiến hành khảo sát để đánh giá thực trạng thực tế liên quan đến các vấn đề nghiên cứu tại cơ sở nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu; Tiến hành phỏng vấn, xử lý kết quả thu được sau hoạt động phỏng vấn, đánh giá kết quả và so sánh thực trạng có liên quan đã thu được; Giải quyết mục tiêu 1.

Giai đoạn 3: Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022, gồm các công việc nghiên cứu như sau: Xây dựng các biện pháp, xây dựng các thang đo; Xây dựng kế hoạch thực nghiệm; Giải quyết mục tiêu 2.

Giai đoạn 4: Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 gồm các công việc nghiên cứu như sau: Tổ chức thực nghiệm, đánh giá hiệu quả ứng dụng và các vấn đề liên quan, xử lý số liệu nghiên cứu; Giải quyết mục tiêu 3; Viết và báo cáo 3 chuyên đề, tiểu luận tổng quan; Hoàn thiện luận án; Thông qua sinh hoạt khoa chuyên môn; Viết và đăng bài báo; Chuẩn bị bảo vệ Hội đồng khoa học cấp cơ sở.

Giai đoạn 5: Từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024 gồm các công việc nghiên cứu như sau: Hoàn thiện luận án theo góp ý của Hội đồng cơ sở và phản biện độc lập; Chuẩn bị bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường.

2.3.2. Địa điểm tổ chức nghiên cứu

- Đơn vị chủ thể quản lý nghiên cứu là Trường Đại học TĐTT TP.HCM
- 03 trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, gồm: Trường THPT Thực hành Cao Nguyên; Trường THPT Trần Phú; Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long.
- Trường Đại học Tây Nguyên.

Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.1.1. Đặc điểm đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.1.1.1. Đặc điểm đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất và học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Bảng 3.1. Kết quả khảo sát số lượng GV và HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong năm học 2020 – 2021

Số trường	Số lớp	Số GV GDTC	Số HS	Tỷ lệ GV GDTC/trường	Tỷ lệ lớp/GV GDTC	Tỷ lệ HS/GV GDTC
12	181	48	7226	4.0	3.77	150.54

(Nguồn: Tổng hợp)

Các trường THPT công trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột có trường Dân tộc nội trú, trường chuyên, trường thực hành. Qua thống kê bảng 3.1 cho thấy, HS là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 36.13%; tỷ lệ GV GDTC/trường, tỷ lệ lớp/GV GDTC và tỷ lệ HS/GV GDTC, tương đối đảm bảo các điều kiện cơ bản để có thể thực hiện các hoạt động GDTC quy chuẩn.

Bảng 3.2. Kết quả phỏng vấn về những kỹ năng cơ bản của người giáo viên GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=76)

TT	Kỹ năng sư phạm	Đảm bảo		Chưa đảm bảo	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%
1	Kỹ năng tổ chức và quản lý giờ học.	74	97.37	2	2.63
2	Kỹ năng làm mẫu (thị phạm) động tác.	70	92.11	6	7.89
3	Kỹ năng phát hiện những sai lầm thường mắc và đưa ra biện pháp sửa chữa.	69	90.79	7	9.21

4	Kỹ năng biên soạn kế hoạch, tiến trình, giáo án giảng dạy.	68	89.47	8	10.53
5	Kỹ năng sử dụng bài tập, dụng cụ hỗ trợ dẫn dắt (phương tiện dạy học).	73	96.05	3	3.95
6	Kỹ năng sử dụng các phương pháp giảng dạy.	70	92.11	6	7.89
7	Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.	69	90.79	7	9.21
8	Kỹ năng giảng giải, phân tích kỹ thuật động tác.	75	98.68	1	1.32
9	Kỹ năng tổ chức, trọng tài thi đấu.	70	92.11	6	7.89

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả khảo sát ở bảng 3.2 cho thấy: 100% GV tham gia giảng dạy môn GDTC đều thông qua các chương trình đào tạo chuyên ngành GDTC và 100% đều đạt chuẩn trình độ từ cử nhân GDTC trở lên. Đội ngũ GV giảng dạy GDTC đảm bảo theo các tiêu chuẩn chung về đặc điểm nghề nghiệp. Đặc biệt là các kỹ năng cơ bản của người giáo viên khi tham gia giảng dạy môn GDTC đều đảm bảo những kỹ năng sư phạm cần thiết của người giáo viên.

3.1.1.2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập môn học giáo dục thể chất tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Khảo sát cơ bản về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động học tập môn học GDTC của các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cho thấy:

- Về sân bãi hiện có để thực hiện các hoạt động dạy và học theo chương trình quy định của môn học, đa phần đáp ứng ở mức độ trung bình.
- Về dụng cụ, tài liệu liên quan phục vụ các nội dung trong chương trình môn học còn thiếu, chất lượng từ kém tới trung bình, chưa đáp ứng yêu cầu nội dung học tập cũng như phát triển các hoạt động ngoại khóa tập luyện.
- Thực trạng cơ sở vật chất tại các đại điểm nghiên cứu hầu hết đều trong tình trạng đáp ứng nhu cầu tối thiểu, phù hợp với hiện trạng về lượng đào tạo, tuy nhiên không có khả năng đáp ứng các nhu cầu ngoại khóa của HS. Những hạn chế tồn tại trong vấn đề cơ sở vật chất được xác định là trở ngại đáng kể đối với GV trong việc áp

dụng và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và tiến hành hoạt động giáo dục tích cực trong giờ học GDTC, điều này làm giảm tính thu hút và hứng thú của HS.

3.1.2. Thực trạng tích hợp trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.1.2.1. Quan niệm của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ cần thiết của việc dạy học tích hợp cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để tìm hiểu và đánh giá quan điểm của các cán bộ quản lý (CBQL), GV về mức độ cần thiết tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn nhận thức của CBQL, GV về mức độ cần thiết của việc DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Đối tượng phỏng vấn thực là 28 CBQL, 48 GV giảng dạy môn GDTC trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Quá trình phỏng vấn được chia thành 5 cấp theo thứ tự mức độ cần thiết, quan trọng của quan niệm trong thực tế, cụ thể là: 1) Rất cần thiết; 2) Cần thiết; 3) Bình thường; 4) Ít cần thiết; 5) Không cần thiết. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.3.

Bảng 3.3. Quan niệm của CBQL, GV về mức độ cần thiết của DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 76)

TT	Mức độ phỏng vấn	n	Tỷ lệ (%)
1	Rất cần thiết	22	28.95
2	Cần thiết	35	46.04
3	Bình thường	13	17.11
4	Ít cần thiết	3	3.95
5	Không cần thiết	3	3.95
Σ		76	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.3 cho thấy: Có sự khác biệt về quan điểm của GV về mức độ cần thiết của việc DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể: Ở mức “rất cần thiết” có tổng 22 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 28.95%; Mức độ “Cần thiết” có tổng 35 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 46.04%; Mức độ “Bình thường” có tổng 13 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 17.11%; Tổng số CBQL, GV lựa chọn ở mức ít và không cần thiết 6 CBQL, GV chiếm 7.9%. Như vậy, 74.99% số GV đã lựa chọn mức độ “Cần thiết” và “rất cần thiết” cho thấy việc DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột là cần thiết.

3.1.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện việc dạy học tích hợp cho học sinh trong môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để tìm hiểu thực trạng thực hiện DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn, khảo sát 28 CBQL, 48 GV tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Quá trình phỏng vấn được chia thành 5 cấp theo thứ tự mức độ cần thiết, quan trọng của thực trạng thực hiện DHTH trong thực tế, cụ thể là: 1) Rất thường xuyên; 2) Thường xuyên; 3) thỉnh thoảng; 4) Hiếm khi; 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.4.

Bảng 3.4. Thực trạng thực hiện DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 76)

TT	Mức độ phỏng vấn	n	Tỷ lệ (%)
1	Rất thường xuyên	0	0
2	Thường xuyên	32	42.10
3	Thỉnh thoảng	38	50.00
4	Hiếm khi	3	3.95
5	Chưa bao giờ	3	3.95
Σ		76	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của Luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.4 cho thấy: Có sự khác biệt về thực trạng sử dụng phương pháp DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể: Ở mức “rất thường xuyên” có tổng 0 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 0%; Mức độ “thường xuyên” có tổng 32 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 42.10%; Mức độ “thỉnh thoảng” có tổng 38 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 50.00%; Mức độ “hiếm khi” và “chưa bao giờ” có tổng 06 CBQL, GV lựa chọn, chiếm 7.9%.

Kết quả thu được cũng chứng minh phần lớn GV dạy môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tham gia khảo sát đã từng thực hiện DHTH trong quá trình giảng dạy thực tế, tuy nhiên mức độ thực hiện tùy từng GV.

Tóm lại, Qua các kết quả trình bày ở bảng 3.3 và bảng 3.4 thể hiện rằng đa số ý kiến cho rằng DHTH tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC là “Cần thiết” và “rất cần thiết” và việc thực hiện DHTH ở trường THPT trong dạy học môn GDTC “thường xuyên và thỉnh thoảng”. Như vậy, giữa nhận thức về mức độ rất cần thiết của việc DHTH tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC là trái ngược giữa nhận thức và thực hiện thực tế.

3.1.2.3. Thực trạng hình thức, nội dung dạy học tích hợp cho học sinh trong môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

- Thực trạng hình thức DHTH cho học sinh trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định thực trạng sử dụng các hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV trực tiếp giảng dạy.

Các hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp thành 5 loại gồm:

Hình thức 1) Tích hợp trong nội bộ môn học GDTC;

Hình thức 2) Tích hợp môn GDTC với môn học khác;

Hình thức 3) Tích hợp theo chủ đề;

Hình thức 4) Tích hợp thông qua các hoạt động trải nghiệm;

Hình thức 5) Hình thức khác.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 cấp theo thứ tự mức độ cần thiết, quan trọng của việc sử dụng các hình thức DHTH trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.5.

Bảng 3.5. Thực trạng việc sử dụng hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Các hình thức DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Tích hợp trong nội bộ môn học GDTC	n	20	23	5	0	0	48
	%	41.67	47.92	10.42	0	0	100
Tích hợp môn GDTC với môn học khác	n	0	0	7	18	23	48
	%	0	0	14.58	37.50	47.92	100
Tích hợp theo chủ đề	n	4	7	13	17	7	48
	%	8.33	14.58	27.08	35.42	14.58	100
Tích hợp thông qua các hoạt động trải nghiệm	n	0	0	10	23	15	48
	%	0	0	20.83	47.92	31.25	100
Hình thức khác:...	n	0	0	7	8	33	48
	%	0	0	14.58	16.67	68.75	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.5 cho thấy các chuyên gia đều nhận định các GV GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chủ yếu sử dụng hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC trong nội bộ môn GDTC còn các hình thức khác ít sử dụng hơn, chủ yếu ở mức “không thường xuyên”, “hiếm khi” và “chưa khi nào”. Như vậy, các GV vẫn có thói quen sử dụng hình thức dạy học truyền thống hơn các hình thức dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS. Kết quả này có thể do các điều kiện tích hợp cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột còn chưa đáp ứng được với yêu cầu của sự đổi mới hình thức dạy học cũng như phương pháp dạy học. Đây là vấn đề đáng được quan tâm để tạo sự thay đổi trong sử dụng hình thức tích hợp cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT nói chung và trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng.

- Thực trạng nội dung DHTH cho HS trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định thực trạng nội dung DHTH tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các nội dung DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 6 loại gồm:

Nội dung 1) Tích hợp lồng ghép các môn thể thao có đặc tính giống nhau thành một chủ đề;

Nội dung 2) Tích hợp thông qua lồng ghép các chủ đề về: Phòng chống đuối nước, phòng chống chấn thương trong thể thao;

Nội dung 3) Tích hợp theo mục đích tập luyện TDTT;

Nội dung 4) Tích hợp theo các chủ đề dạy học căn cứ vào tổ chất vận động;

Nội dung 5) Tích hợp các bài tập khác nhau trong dạy học môn GDTC;

Nội dung 6) Tích hợp các nội dung khác.

Quá trình phỏng vấn được chia thành 2 mức theo dạng câu hỏi đóng, cụ thể là: Có và không sử dụng. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.6.

Bảng 3.6. Thực trạng nội dung DHTH cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Nội dung DHTH	Có sử dụng		Không sử dụng	
	n	%	N	%
Tích hợp lồng ghép các môn thể thao có đặc tính giống nhau thành một chủ đề	37	77.08	11	22.92
Tích hợp thông qua lồng ghép các chủ đề về: Phòng chống đuối nước, phòng chống chấn thương trong thể thao	37	77.08	11	22.92
Tích hợp theo mục đích tập luyện TDTT	36	75.00	12	25.00
Tích hợp theo các chủ đề dạy học căn cứ vào tổ chất vận động	38	79.17	10	20.83
Tích hợp các bài tập khác nhau trong dạy học môn GDTC	36	75.00	12	25.00
Tích hợp các nội dung khác...	39	81.25	9	18.75

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.6 cho thấy việc DHTH tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã được đa số các GV áp dụng thực tế, hơn nữa các nội dung tích hợp rất đa dạng với nhiều nội dung khác nhau. Tất cả các nội dung tích hợp cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đều được sử dụng với tỷ lệ $>70\%$ và được trải đều trên tất cả các nội dung. Trong đó, nội dung DHTH theo các chủ đề dạy học căn cứ vào tổ chức vận động có tỷ lệ lựa chọn cao nhất là 79.17% và 81.25%.

3.1.2.4. Thực trạng sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích hợp cho học sinh trong môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

- Thực trạng sử dụng phương pháp DHTH cho HS trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định thực trạng việc sử dụng các phương pháp DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các phương pháp DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp qua khảo sát thực tế giảng dạy gồm:

- 1) PP tập luyện có định mức chặt chẽ;
- 2) PP trò chơi;
- 3) PP thi đấu;
- 4) PP sử dụng lời nói;
- 5) PP đảm bảo trực quan;
- 6) PP dạy học hoàn chỉnh;
- 7) PP dạy học phân giải;
- 8) PP phòng sửa động tác sai;
- 9) PP GD đạo đức, tư tưởng và yêu cầu cơ bản về phát triển nhân cách trong dạy học TDTT;
- 10) Các PP DHTH khác.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự mức độ cần thiết, quan trọng của PP trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Quá trình phỏng vấn được thực hiện 2 lần. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.7.

Bảng 3.7. Thực trạng sử dụng các PP DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Các hình thức DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
PP tập luyện có định mức chặt chẽ	n	11	27	9	1	0	48
	%	22.92	56.25	18.75	2.08	0	100
PP trò chơi	n	6	29	9	4	0	48
	%	12.50	60.42	18.75	8.33	0	100
PP thi đấu	n	8	28	9	2	1	48
	%	16.67	58.33	18.75	4.17	2.08	100
PP sử dụng lời nói	n	12	28	6	2	0	48
	%	25.00	58.33	12.50	4.17	0	100
PP đảm bảo trực quan	n	13	27	4	4	0	48
	%	27.08	56.25	8.33	8.33	0	100
PP dạy học hoàn chỉnh	n	10	28	7	3	0	48
	%	20.83	58.33	14.58	6.25	0	100
PP dạy học phân giải	n	11	26	7	4	0	48
	%	22.925	54.17	14.58	8.33	0	100
PP phòng sửa động tác sai	n	8	29	5	5	1	48
	%	16.67	60.42	10.42	10.42	2.08	100
PP giáo dục đạo đức, tư tưởng và yêu cầu cơ bản về phát triển nhân cách trong dạy học TDTT	n	14	31	2	1	0	48
	%	29.17	64.58	4.17	2.08	0	100
Các PP DHTH khác...	n	9	32	5	2	0	48
	%	18.75	66.67	10.42	4.17	0	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.7 cho thấy, đa số GV đã sử dụng đa dạng các PP DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với mức lựa chọn ở mức rất thường xuyên và thường xuyên từ 72% đến

93%. Như vậy, các PP giảng dạy cơ bản đều đảm bảo các hoạt động giảng dạy thu hút cao đối với HS.

- Thực trạng sử dụng kỹ thuật DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để xác định thực trạng việc sử dụng kỹ thuật DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn 48 GV tham gia giảng dạy thực tế trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các kỹ thuật DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 5 loại gồm:

- 1) Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các phần;
- 2) Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các giai đoạn;
- 3) Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các cấu trúc;
- 4) Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các đặc tính;
- 5) Kỹ thuật khác.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng của việc sử dụng các kỹ thuật DHTH trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.8.

Bảng 3.8. Thực trạng sử dụng kỹ thuật DHTH trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Các kỹ thuật DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các phần	n	12	31	4	1	0	48
	%	25	64.58	8.33	2.08	0	100
Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các giai đoạn	n	9	30	4	4	1	48
	%	18.75	62.50	8.33	8.33	2.08	100
Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các cấu trúc	n	10	29	5	3	1	48
	%	20.83	60.42	10.42	6.25	2.08	100

Các kỹ thuật DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Kỹ thuật sử dụng các bài tập theo các đặc tính	n	7	28	8	3	2	48
	%	14.58	58.33	16.67	6.25	4.12	100
Kỹ thuật khác...	n	6	27	8	5	2	48
	%	12.50	56.25	16.67	10.42	4.17	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Qua bảng số liệu cũng cho thấy, đa số GV đã sử dụng đa dạng các kỹ thuật DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với mức lựa chọn ở mức rất thường xuyên và thường xuyên từ 68% đến 89%. Kết quả này xác nhận các GV đã sử dụng thường xuyên các kỹ thuật DHTH trong giờ học GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, các HS có thể đã quen thuộc với các kỹ thuật DHTH trong môn GDTC. Trong trường hợp này, việc tích hợp một số nội dung GD khác vào các giờ học GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột có thể trở nên dễ dàng hơn.

3.1.2.5. Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức tích hợp, phương tiện trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

- Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức tích hợp trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để xác định thực trạng việc sử dụng các hình thức DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu phỏng vấn 48 GV tham gia giảng dạy thực tế trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các hình thức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 6 loại gồm:

Hình thức 1) Dạy học trên lớp;

Hình thức 2) Tổ chức hoạt động trải nghiệm;

Hình thức 3) Dạy học theo nhóm;

Hình thức 4) Dạy học đối xử cá biệt;

Hình thức 5) Dạy học giao bài tập;

Hình thức 6) Kỹ thuật khác.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng của việc sử dụng các hình thức DHTH trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.9.

Bảng 3.9. Thực trạng sử dụng các hình thức tổ chức DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Các hình thức DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Dạy học trên lớp	n	10	27	9	2	0	48
	%	20.83	56.25	18.75	4.17	20.83	100
Tổ chức hoạt động trải nghiệm	n	6	22	18	2	0	48
	%	12.50	45.83	37.50	4.17	0	100
Dạy học theo nhóm	n	10	29	7	2	0	48
	%	20.83	60.42	14.58	4.17	0	100
Dạy học đối xử cá biệt	n	6	27	13	2	0	48
	%	12.50	56.25	27.08	4.17	0	100
Dạy học giao bài tập	n	8	30	8	2	0	48
	%	16.67	62.50	16.67	4.17	0	100
Kỹ thuật khác...	n	8	24	12	4	0	48
	%	16.67	50.00	25.00	8.33	0	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Qua bảng số liệu cũng cho thấy, GV đã sử dụng đa dạng các hình thức DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với mức lựa chọn ở mức rất thường xuyên và thường xuyên từ 58% đến 81%. Kết quả này xác nhận các GV đã sử dụng thường xuyên các hình thức DHTH trong giờ học GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma

Thuật. Hơn nữa, theo ghi nhận từ các khảo sát và trao đổi, quan sát của nghiên cứu, đa số GV đã quen thuộc với các hình thức DHTH nội môn, việc áp dụng DHTH trong các giờ dạy được tiến hành thường xuyên. Tuy nhiên, một số GV cũng không nhận thức việc mình đã áp dụng các hình thức DHTH đối với các giờ giảng dạy của bản thân.

- Thực trạng sử dụng phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định thực trạng việc sử dụng các phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế trong môn GDTC cho HS tại trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 6 loại gồm:

Phương tiện 1) Sử dụng các dụng cụ liên quan đến môn học;

Phương tiện 2) Sử dụng các mô hình;

Phương tiện 3) Sử dụng các thiết bị tranh, ảnh, video;

Phương tiện 4) Sử dụng các thiết bị hỗ trợ;

Phương tiện 5) Sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại;

Phương tiện 6) Phương pháp khác.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng của việc sử dụng các phương tiện DHTH trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.10.

Bảng 3.10. Thực trạng sử dụng các phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Các phương tiện DHTH		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Sử dụng các dụng cụ liên quan đến môn học	n	12	31	4	1	0	48
	%	25	64.58	8.33	2.08	0	100
Sử dụng các mô hình	n	7	28	9	4	0	48
	%	14.58	58.33	18.75	8.33	0	100
Sử dụng các thiết bị tranh, ảnh, video	n	8	28	10	2	0	48
	%	16.67	58.33	20.83	4.17	0	100
Sử dụng các thiết bị hỗ trợ	n	9	27	8	4	0	48
	%	18.75	56.25	16.67	8.33	14.58	100
Sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại	n	6	21	18	3	0	48
	%	12.5	43.75	37.50	6.25	12.5	100
Phương pháp khác...	n	2	25	16	3	2	48
	%	4.17	52.08	33.33	6.25	4.17	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Qua bảng số liệu cũng cho thấy, đa số GV đã sử dụng đa dạng các phương tiện DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với mức lựa chọn ở mức rất thường xuyên và thường xuyên từ 56% đến 89%. Kết quả thu được cho thấy các GV giảng dạy môn GDTC trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã sử dụng thường xuyên các phương tiện DHTH trong dạy học thực tế, hơn nữa theo các kết quả khảo sát trực tiếp, quan sát, thảo luận thực tế của nghiên cứu nhận thấy một số nhỏ GV đã quen thuộc và sử dụng thường xuyên các phương tiện DHTH trong các giờ dạy thực tế, cũng còn tồn tại một số nhỏ GV không sử dụng các phương tiện DHTH (chủ yếu rơi vào các trường hợp mới tiếp nhận công tác và một số sắp sửa nghỉ hưu, một số GV không thể sử dụng các thiết bị giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu,...). Ngoài ra, nghiên cứu cũng ghi nhận một số GV sử dụng các phương tiện DHTH nhưng không có nhận thức về việc sử dụng chúng như một phương pháp mới mà vẫn chỉ coi như phương tiện dạy học bình thường.

3.1.2.6. Thực trạng hoạt động kiểm tra đánh giá tích hợp trong dạy học môn giáo dục thể chất cho học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định thực trạng việc thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 8 loại gồm:

Phương pháp 1) Kiểm tra miệng;

Phương pháp 2) Đánh giá thông qua hoàn thành bài tập;

Phương pháp 3) Đánh giá thông qua hoạt động nhóm;

Phương pháp 4) Đánh giá thông qua quá trình tập luyện trên lớp;

Phương pháp 5) Đánh giá đồng đẳng;

Phương pháp 6) Tự đánh giá;

Phương pháp 7) Đánh giá qua quan sát;

Phương pháp 8) Phương pháp kiểm tra, đánh giá khác:...

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng của việc sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá trong DHTH trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất thường xuyên; Mức 2) Thường xuyên; Mức 3) Không thường xuyên; Mức 4) Hiếm khi; Mức 5) Chưa bao giờ. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.11.

Bảng 3.11. Thực trạng sử dụng các PP kiểm tra đánh giá trong DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Phương pháp kiểm tra, đánh giá		Kết quả phỏng vấn					
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Σ
Kiểm tra miệng	n	8	23	12	5	0	48
	%	16.67	47.92	25	10.42	0	100
Đánh giá thông qua hoàn thành bài tập	n	6	30	8	4	0	48
	%	12.50	62.50	16.67	8.33	0	100
Đánh giá thông qua hoạt động nhóm	n	7	28	10	3	0	48
	%	14.58	58.33	20.83	6.25	0	100
Đánh giá thông qua quá trình tập luyện trên lớp	n	6	29	9	4	0	48
	%	12.50	60.42	18.75	8.333	0	100
Đánh giá đồng đẳng	n	8	23	11	4	2	48
	%	16.67	47.92	22.92	8.33	4.17	100
Tự đánh giá	n	8	28	10	2	0	48
	%	16.67	58.33	20.83	4.17	16.67	100
Đánh giá qua quan sát	n	10	27	8	2	1	48
	%	20.83	56.25	16.67	4.17	2.08	100
Phương pháp kiểm tra, đánh giá khác:...	n	6	25	11	5	1	48
	%	12.50	52.08	22.92	10.42	2.08	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Qua bảng số liệu cũng cho thấy, đa số GV đã sử dụng đa dạng các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, với mức lựa chọn ở mức rất thường xuyên và thường xuyên từ 64% đến 77%. Kết quả thu được cho thấy các GV giảng dạy môn GDTC trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã sử dụng thường xuyên các phương tiện DHTH trong dạy học thực tế công việc.

Qua thực trạng sử dụng các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả DHTH trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu nhận thấy các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả DHTH

ở trường THPT trong dạy học môn GDTC chủ yếu sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá theo năng lực học tập của HS khi vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. Một số phương pháp đánh giá khác tạo cho học sinh sự hứng thú, sáng tạo, kích thích học sinh tập luyện như đánh giá thông qua hoạt động nhóm, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá lại ít được GV lựa chọn áp dụng.

3.1.2.7. Thực trạng mức độ nhận thức và hứng thú của học sinh trong dạy học tích hợp môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

- Mức độ nhận thức

Nhằm xác định thực trạng mức độ nhận thức của HS trong DHTH môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Mức độ nhận thức về các hoạt động DHTH cho HS trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tổng hợp từ các nguồn tài liệu nghiên cứu và thống kê thông qua khảo sát thực tế giảng dạy sau đó được nghiên cứu tổng hợp thành 3 loại gồm: Kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Tốt; Mức 2) Khá; Mức 3) Trung bình; Mức 4) Yếu; Mức 5) Kém. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.12.

Bảng 3.12. Mức độ nhận thức của HS khi thực hiện DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ	Kiến thức		Kĩ năng		Thái độ	
	n	%	n	%	N	%
Tốt	12	25	13	27.08	28	58.33
Khá	27	56.25	28	58.33	15	31.25
Trung bình	7	14.58	6	12.50	5	10.42
Yếu	2	4.17	1	2.08	0	0
Kém	0	0	0	0	0	0
Σ	48	100	48	100	48	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được cũng cho thấy:

+ Mức độ nhận thức về kiến thức của HS khi tiếp nhận phương pháp DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chủ yếu đạt loại tốt và khá chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn các mức còn lại (đạt 81.25%). Không ghi nhận kết quả HS tại nhóm kém.

+ Mức độ nhận thức về kỹ năng của HS khi tiếp nhận phương pháp DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chủ yếu đạt loại tốt và khá chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn các mức còn lại (đạt 85.42%). Hơn nữa, cũng không ghi nhận kết quả HS tại nhóm kém.

+ Mức độ nhận thức về thái độ của HS khi tiếp nhận phương pháp DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột chủ yếu đạt loại tốt và khá chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn các mức còn lại (đạt 89.58%). Hơn nữa, cũng không ghi nhận kết quả HS tại nhóm kém.

- Mức độ hứng thú học tập

Nhằm xác định thực trạng mức độ hứng thú của HS trong DHTH môn GDTC tại các Trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Mức độ hứng thú của HS về các hoạt động DHTH trong dạy học môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được đánh giá bằng 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng, cụ thể là: Mức 1) Rất hứng thú ; Mức 2) Hứng thú; Mức 3) Hứng thú bình thường; Mức 4) Ít hứng thú; Mức 5) Không hứng thú. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.13.

Bảng 3.13. Mức độ hứng thú của HS khi thực hiện DHTH môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ	n	%
Rất hứng thú	13	27.08
Hứng thú	28	58.33
Hứng thú bình thường	6	12.5
Ít hứng thú	1	2.083
Không hứng thú	0	0
Σ	48	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.13 cho thấy: Đa số GV, HS đã có những hứng thú và tạo ra những sự quan tâm tích cực đối với việc thực hiện các hoạt động DHTH trong môn GDTC. Việc tăng mức độ hứng thú là điều kiện thuận lợi cho việc thu hút HS vào các nội dung học tập. HS có nhiều hứng thú với các nội dung học tập sẽ là tiền đề cho việc phát triển môn học và thực hiện những biện pháp ứng dụng hoặc can thiệp theo hướng nâng cao chất lượng và phong trào hoạt động học tập.

3.1.2.8. Khó khăn khi thực hiện dạy học tích hợp trong môn giáo dục thể chất cho học sinh ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Nhằm xác định những khó khăn khi thực hiện việc DHTH cho HS trong môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiếp tục tiến hành phỏng vấn đối với 48 GV tham gia giảng dạy thực tế môn GDTC tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.14.

Bảng 3.14. Mức độ khó khăn khi thực hiện DHTH trong môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

TT	Mức độ	N	%
1	Nghiên cứu chương trình môn học để lựa chọn nội dung/chủ đề tích hợp	5	10.42
2	Xác định các kỹ năng cần hình thành cho HS	8	16.67
3	Xác định mục tiêu bài học tích hợp	12	25.00
4	Thiết kế kế hoạch bài học tích hợp	10	20.83
5	Thiết kế các hoạt động học tập	15	31.25
6	Thiết kế phương pháp và lựa chọn kỹ thuật, hình thức tổ chức DHTH	17	35.42
7	Lựa chọn các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá	7	14.58
8	Tổ chức thực hiện dạy học	2	4.17
9	Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	32	66.67
10	Không đủ thời gian	2	4.17
11	Chưa hiểu đầy đủ về DHTH	16	33.33
12	Nguồn tài liệu về DHTH còn hạn chế	0	0
13	HS chưa hứng thú với hình thức DHTH	4	8.333
14	Ý kiến khác	2	4.17

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của luận án)

Kết quả thu được từ bảng 3.14 cho thấy:

1) Về nghiên cứu chương trình môn học để lựa chọn nội dung/chủ đề tích hợp thu được 10.42%. Kết quả biểu thị đa số GV đã có thể lựa chọn nội dung và chủ đề tích hợp phù hợp với những yêu cầu giảng dạy thực tế tại các trường và các yêu cầu GD của trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột;

2) Về xác định các kỹ năng cần hình thành cho HS thu được 16.67%. Như vậy tỷ lệ GV cần bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ giảng dạy theo hướng DHTH và dạy học tích cực là tương đối cao, đây cũng là hạn chế lớn về việc xác định kỹ năng cần hình thành cho HS quyết định đến việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp, phương tiện, nội dung và phương pháp tổ chức giờ dạy học cơ bản;

3) Về xác định mục tiêu bài học tích hợp thu được 25.00%. Nghiên cứu cho rằng, việc xác định các nội dung DHTH cần nhiều kinh nghiệm dạy học thực tế, cần nhiều kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học mới, có tính hiện đại và tính liên kết cao, trong khi đó, một bộ phận GV có thể gặp khó khăn rất lớn trong vấn đề kết nối các phương pháp, công nghệ với thực tế giảng dạy;

4) Về thiết kế kế hoạch bài học tích hợp thu được 20.83%. Kết quả thể hiện tính thực tế và quan hệ rõ ràng đối với khó khăn trong việc xác định xác mục tiêu bài học tích hợp. Theo đó, xác định chính xác mục tiêu bài học là tiền đề để thiết kế tốt các kế hoạch giảng dạy tích hợp hiệu quả;

5) Về thiết kế các hoạt động học tập thu được 31.25%. Tương tự như khó khăn về việc xác định mục tiêu bài học và thiết kế kế hoạch học tập tích hợp, sự khó khăn của việc thiết kế các hoạt động học tập có tính liên quan chặt chẽ đến kiến thức, kỹ năng giảng dạy tích hợp, đồng thời liên quan trực tiếp đến kinh nghiệm thực hiện việc giảng dạy tích hợp. Đa số các GV môn GDTC chưa thực sự áp dụng thường xuyên phương pháp giảng dạy tích cực, tích hợp sẽ gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thiết kế các hoạt động học tập;

6) Về thiết kế phương pháp và lựa chọn kỹ thuật, hình thức tổ chức DHTH thu được 35.42%. Việc thiết kế phương pháp và lựa chọn kỹ thuật, hình thức tổ chức DHTH có thể được cải thiện thông qua việc thực hiện thường xuyên các giờ học tích cực và tích hợp;

7) Về lựa chọn các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá thu được 14.58%. Kết quả này khẳng định, đa số GV đã quen thuộc với các hình thức kiểm tra đánh giá tích cực và tích hợp, điều này cũng có thể cho thấy các GV đã áp dụng sâu các kỹ thuật dạy học tích cực và tích hợp trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân;

8) Về tổ chức thực hiện dạy học thu được 4.17%. Kết quả khẳng định đa số GV đã có kỹ năng tổ chức tốt giờ học, kết quả cũng thể hiện năng lực nghề nghiệp của GV đảm bảo các yếu tố căn bản của hoạt động GD liên quan đến môn học;

9) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu thu được 66.67%. Kết quả cho thấy việc đầu tư toàn diện cho việc đảm bảo các điều kiện hoạt động giảng dạy môn GDTC còn rất nhiều bất cập, việc hạn chế về cơ sở vật chất và trang thiết bị có thể được xác định là khó khăn chính dẫn đến chất lượng giảng dạy, mục tiêu GD bị ảnh hưởng;

10) Về không đủ thời gian thu được 4.17% GV cho rằng khó khăn trong cả hai lần phỏng vấn. Kết quả thu được cho thấy đại đa số GV đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của hoạt động công tác cơ bản theo quy định GD. Vấn đề được xác định là thuận lợi cho việc thực hiện các thực nghiệm tiếp theo của nghiên cứu, việc đáp ứng đúng các yêu cầu công việc cơ bản cho phép nghiên cứu giảm thiểu tối ưu các sai số ảnh hưởng tới nghiên cứu này;

11) Về không hiểu đầy đủ về DHTH thu được 33.33%. Kết quả thu được cho thấy, việc phổ cập kiến thức và kỹ năng thực DHTH chưa được áp dụng triệt để cho tất cả GV cũng như môn học. Đây là cơ sở để nghiên cứu xây dựng chương trình tập huấn đối với các GV tham gia thực nghiệm của nghiên cứu, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến DHTH thuộc vấn đề nghiên cứu;

12) Về nguồn tài liệu về DHTH còn hạn chế thì không có GV cho rằng khó khăn. Nguồn tài liệu về các vấn đề DHTH theo lý thuyết chung có thể được tìm thấy mở rộng trên tất cả các phương tiện internet công cộng, điều này cung cấp cho GV những cơ hội mở trong việc tự tiếp nhận và ứng dụng kiến thức;

13) Về HS chưa hứng thú với hình thức DHTH thu được 8.33%. Kết quả thu được cho thấy vẫn còn một số HS chưa thật sự hứng thú đối với môn học GDTC, cũng chứng minh những phương pháp GD hiện tại chưa thật sự thu hút và tạo ra tính hứng thú. Cần có những sự điều chỉnh phù hợp cho các trường hợp cụ thể và áp dụng triệt để nguyên tắc đối đãi cá biệt đối với một số nội dung GD đặc thù như GDTC;

14) Về ý kiến khác thu được 4.17% GV cho rằng khó khăn. Kết quả cho thấy tính thống nhất cao về nội dung và các hạn chế do nghiên cứu tổng hợp.

3.1.3. Thực trạng tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.1.3.1. Thực trạng hiểu biết của cán bộ quản lý, giáo viên về tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để tìm hiểu thực trạng hiểu biết của CBQL, GV về tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, luận án tiến hành khảo sát ý kiến 28 CBQL, 48GV về nguồn thông tin giúp CBQL,

GV có hiểu biết về tích hợp GD KNS và mức độ thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở các bảng 3.15 và bảng 3.16.

Bảng 3.15. Nguồn thông tin giúp CBQL, GV có hiểu biết về tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT (n = 76)

Nguồn thông tin	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thông qua tập huấn của Bộ GD&ĐT	22	28.95
Thông qua tập huấn của Sở GD&ĐT	40	52.63
Thông qua báo, tạp chí GD	43	56.58
Thông qua truyền hình	41	53.95
Thông qua tìm hiểu trên Internet	35	46.05
Chưa biết	28	36.84

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Bảng 3.16. Đánh giá của CBQL, GV về tầm quan trọng của tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT (n = 76)

Mức quan trọng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất quan trọng	27	35.53
Quan trọng	35	46.05
Bình thường	13	17.11
Ít quan trọng	2	2.63
Không quan trọng	0	0
Tổng	76	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Qua kết quả khảo sát trình bày trong bảng 3.15 cho thấy phần lớn CBQL, GV đã tìm hiểu, tiếp cận với thông tin về dạy học tích hợp GD KNS cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC. Tuy nhiên, hầu hết CBQL, GV tự cập nhật thông tin về DHTH qua báo, tạp chí giáo dục (56.58%), qua truyền hình (53.95%), qua internet (46.05%). Đặc biệt có tới 36.84% số CBQL, GV chưa tiếp cận những thông tin về DHTH. Tỷ lệ CBQL, GV được tham gia các lớp tập huấn về DHTH do Bộ GD, Sở GD tổ chức còn thấp, với 28.95% và 52.63%.

Từ kết quả trên bảng 3.16 cho thấy phần lớn CBQL, GV có nhận thức rõ ràng với mức độ "Rất quan trọng" và "Quan trọng" = 35.53% và 46.05% cho rằng phải HDTH giáo dục KNS cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC để phát triển kỹ năng của HS và đáp ứng yêu cầu đổi mới GD trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít CBQL, GV cho rằng việc DHTH giáo dục KNS cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC là bình thường và ít quan trọng (17.11% và 2.63%).

3.1.3.2. Thực trạng mức độ thực hiện tích hợp, mức độ hiệu quả, mức độ thuận lợi khi tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Tìm hiểu thực trạng mức độ thực hiện hoạt động DHTH, mức độ hiệu quả, mức độ thuận lợi khi tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Luận án tiến hành khảo sát 28 CBQL, 48 GV tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả khảo sát được trình bày trong các bảng 3.17, 3.18 và 3.19.

Bảng 3.17. Thực trạng mức độ thực hiện tích hợp GD KNS cho học sinh trong môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất thường xuyên	2	4.17
Thỉnh thoảng	22	45.83
Thỉnh thoảng	17	35.42
Hiếm khi	5	10.42
Chưa bao giờ	2	4.17
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Qua khảo sát mức độ thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.17) cho thấy việc thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS ở mức độ rất thường xuyên còn rất ít GV thực hiện chỉ đạt 4.17%; Tỷ lệ GV thực hiện ở mức độ thường xuyên và thỉnh thoảng chiếm 45.83% và 35.42%; Kết quả ghi nhận chỉ có 10.42% và 4.17% số GV xác nhận bản thân hiếm khi và chưa bao giờ thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS trong các giờ dạy học môn GDTC.

Bảng 3.18. Thực trạng hiệu quả tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất hiệu quả	7	14.58
Hiệu quả	28	58.33
Bình thường	12	25.00
Ít hiệu quả	1	2.08
Không hiệu quả	0	0
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Về thực trạng mức độ hiệu quả khi DHTH giáo dục KNS cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.18) cho thấy việc thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS ở mức độ rất hiệu quả có rất ít GV đạt được, tỉ lệ này chỉ chiếm 14.58%; Tỷ lệ lớn GV đánh giá ở mức độ hiệu quả và bình thường chiếm 53.33% và 25%; Kết quả thu được cũng cho thấy còn 2.08% số GV cho rằng khi trong dạy học môn GDTC, nếu thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sẽ ít mang lại hiệu quả.

Bảng 3.19. Thực trạng mức độ thuận lợi khi tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất thuận lợi	3	6.25
Thuận lợi	21	43.75
Bình thường	17	35.42
Ít thuận lợi	6	12.5
Không thuận lợi	1	2.08
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Khảo sát thực trạng mức độ thuận lợi khi DHTH giáo dục KNS cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.19) cho thấy việc thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS ở mức độ rất thuận lợi có rất ít GV đánh giá, tỷ lệ thực tế thấp 6.25%; Tỷ lệ GV đánh giá ở mức độ thuận lợi và bình thường chiếm

43.75% và 35.42%; Kết quả thu được có tới 12.5% và 2.08% GV nhận định khi thực hiện DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột là ít thuận lợi và không thuận lợi.

3.1.3.3. Thực trạng nội dung tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để tìm hiểu thực trạng nội dung DHTH ở các trường THPT, luận án tiến hành khảo sát 48 giáo viên dạy GDTC trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.20.

Bảng 3.20. Thực trạng nội dung tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

TT	Nội dung dạy học tích hợp GD KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	Trả lời của giáo viên	
		Có sử dụng	Chưa sử dụng
1	Tích hợp GDKNS để giải quyết vấn đề trong thực tiễn	15	33
2	Tích hợp GDKNS để vận dụng kiến thức vào các môn thể thao	48	0
3	Tích hợp GDKNS định hướng thực hành trong môn GDTC	38	10
4	Tích hợp KNS làm việc nhóm giữa các học sinh	33	15
5	Tích hợp KNS thiết lập mục tiêu để đạt kết quả	14	34
6	Tích hợp KNS theo các chủ đề hướng nghiệp	8	40
7	Tích hợp KNS để phòng tránh chấn thương	39	9
8	Tích hợp KNS để phòng chống đuối nước	36	12

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Qua số liệu khảo sát cho thấy hoạt động DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được thực hiện với nhiều sự đan xen giữa nhiều nội dung. Điều này chứng tỏ rằng nội dung DHTH giáo dục KNS trong môn học GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã được thực hiện trước đây, tuy nhiên với các mức độ thực hiện chưa đồng đều và chỉ tập trung ở một số kỹ năng đơn giản như vận dụng kiến thức vào các môn thể thao để phòng tránh chấn thương.

3.1.3.4. *Thực trạng về ưu điểm khi tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột*

Để đánh giá ưu điểm khi tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, luận án tiến hành phỏng vấn 48 GV dạy GDTC trên địa bàn nghiên cứu thực trạng về hứng thú học tập của HS khi GV sử dụng phương pháp DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC, về ưu điểm nổi bật, mục đích khi sử dụng tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả khảo sát được trình bày tại các bảng 3.21, bảng 3.22 và bảng 3.32.

Bảng 3.21. Thực trạng về tính tích cực học tập của HS khi GV sử dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mức độ hứng thú của học sinh	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất hứng thú	6	12.5
Hứng thú	27	56.25
Bình thường	13	27.08
Ít hứng thú	2	4.17
Không hứng thú	0	0
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Bảng 3.22. Ưu điểm nổi bật khi vận dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Ưu điểm nổi bật	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tạo ra những thành công trong học tập	23	47.92
Nâng cao kỹ năng vận động cho học sinh	13	27.08
Tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển kỹ năng kỹ xảo vận động	2	4.17
Tăng cường sức khỏe và thái độ tích cực với môn học	10	20.83
Ý kiến khác...	0	0
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Bảng 3.23. Thực trạng về mục đích khi vận dụng PP DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 48)

Mục đích	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Gây hứng thú cho học sinh	27	56.25
Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh	11	22.92
Đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với nội dung nhận thức bài học	5	10.42
Phát triển các kỹ năng thiết lập mục tiêu, làm việc nhóm ... cho học sinh	5	10.42
Ý kiến khác...	0	0
Tổng	48	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Từ kết quả khảo sát trình bày trong bảng 3.21 về thực trạng hứng thú của HS khi GV sử dụng phương pháp DHTH giáo dục KNS cho HS ở các trường THPT cho thấy: Kết quả thu được chỉ ghi nhận 12.5% HS rất hứng thú khi GV sử dụng phương pháp này; Tỷ lệ GV đánh giá HS khi có mức độ hứng thú và bình thường chiếm 56.25% và 27.08%; Kết quả cũng cho thấy có tới 4.17% HS ít hứng thú với phương pháp DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Tìm hiểu thực trạng về tính ưu điểm nổi bật khi GV vận dụng phương pháp DHTH giáo dục KNS cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.22) cho thấy việc sử dụng phương pháp này đã thu được những thành công nhất định trong học tập cho HS với tỷ lệ GV lựa chọn chiếm 47.92%; Tỷ lệ GV nhận thức ưu điểm hoạt động giảng dạy trên đã nâng cao kỹ năng vận động cho HS chiếm 27.08% số GV; Nhận thức ưu điểm của phương pháp giúp HS tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển kỹ năng kỹ xảo vận động chiếm 4.17% số GV lựa chọn; Nhận thức

ưu điểm của phương pháp giúp HS tăng cường sức khỏe và thái độ tích cực hơn với môn học được GV lựa chọn với tỷ lệ 20.83%. Như vậy qua khảo sát đa số GV nhận định vận dụng phương pháp DHTH giáo dục KNS trong môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã tạo ra những thành công nhất định và đa dạng trong việc học tập của HS.

Khảo sát về mục đích khi GV vận dụng phương pháp DHTH GD KNS trong môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.23) cho thấy: Đa số GV lựa chọn mục đích khi vận dụng phương pháp này đã hoàn thành mục đích gây hứng thú cho HS (chiếm tỷ lệ 56.25%); Mục đích rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho HS được 22.92% số GV lựa chọn; Mục đích đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính thực tế, phù hợp với nội dung nhận thức bài học và phát triển các kỹ năng thiết lập mục tiêu, làm việc nhóm,... cho HS được số ít GV lựa chọn, chỉ chiếm 10.42%. Như vậy qua khảo sát cho thấy đa số GV đều cho rằng sử dụng phương pháp này nhằm tạo ra hứng thú cho HS. Kết quả này cho thấy nhận thức của GV về mục đích DHTH giáo dục KNS không đầy đủ, thiếu tính thực tế và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiến hành các hoạt động DHTH trong môn GDTC.

3.1.3.5. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến việc tổ chức tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để khảo sát thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 48 giáo viên dạy GDTC trên địa bàn nghiên cứu. Phỏng vấn nhận định của giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng với 3 mức: Mức 1) Rất ảnh hưởng; Mức 2) ảnh hưởng; Mức 3) Không ảnh hưởng. Kết quả phỏng vấn được trình bày trong bảng 3.24 và 3.25.

Bảng 3.24. Thực trạng ảnh hưởng các yếu tố đến tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

(n = 48)

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Nhận thức của CBQL, GV, HS về DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	45	93.75	3	6.25	0	0
2	Năng lực DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	44	91.66	4	8.34	0	0
3	Tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	43	89.58	5	10.42	0	0
4	Cơ sở vật chất phục vụ trong dạy DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	43	89.58	5	10.42	0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Bảng 3.25. Mức độ ủng hộ của nhà trường và tổ bộ môn đối với việc tổ chức GDTH GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n = 76)

Mức độ hứng thú của học sinh	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất ủng hộ	43	56.58
Ủng hộ	21	27.63
Bình thường	9	11.84
Ít ủng hộ	3	3.95
Không ủng hộ	0	0
Tổng	76	100

(Nguồn: Kết quả khảo sát của luận án)

Qua khảo sát cho ta thấy 100% số CBQL, GV được khảo sát đánh giá cả 4 yếu tố đều ảnh hưởng nhiều đến DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (bảng 3.24). Hơn nữa, lãnh đạo các nhà trường và các tổ chuyên môn ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đều rất tạo điều kiện và ủng hộ cho hoạt động tổ chức tổ chức dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong dạy học môn Giáo dục thể chất cho học sinh. Đây là điều kiện thuận lợi lớn để các GV có cơ chế thực hiện thường xuyên các hoạt động giảng dạy tích cực trong nghiên cứu này cũng như thực tế công việc của bản thân.

3.1.4. Xác định tiêu chí đánh giá tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để đánh giá hiệu quả việc DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nghiên cứu tiến hành đánh giá hiệu quả DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thông qua thực nghiệm thực tế, quá trình đánh giá được căn cứ vào các tiêu chí đánh giá định lượng và định tính, cụ thể như sau:

3.1.4.1. Phương pháp đánh giá định lượng

Kiểm tra các test đánh giá thể lực của khách thể thực nghiệm được quy định căn cứ theo quyết định về đánh giá tiêu chuẩn thể lực của Bộ GD&ĐT (Quyết định 53) theo độ tuổi và giới tính thời điểm trước và sau thực nghiệm.

3.1.4.2. Phương pháp đánh giá định tính

Luận án tiến hành xác định các KNS cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thông qua bảng hỏi, luận án tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Thu thập, tổng hợp tất cả KNS cần thiết và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm sinh lý của học sinh THPT.

Trên cơ sở mục đích, yêu cầu và nội dung GDKNS do Bộ GD&ĐT hướng dẫn, qua nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu, luận án đã tổng hợp được 12 KNS đặc trưng dành cho học sinh THPT, bao gồm: (1) Kỹ năng nhận thức, (2) Kỹ năng thiết lập mục tiêu, (3) Kỹ năng giao tiếp, (4) Kỹ năng kiểm soát cảm xúc, (5) Kỹ năng ứng phó với căng thẳng, (6) Kỹ năng thể hiện sự tự tin, (7) Kỹ năng lắng nghe tích cực, (8) Kỹ năng thể hiện sự thông cảm, (9) Kỹ năng thương lượng, (10) Kỹ năng làm việc nhóm, (11) Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, (12) Kỹ năng tư duy phê phán. Tất cả KNS được tiến hành phỏng vấn lựa chọn các KNS có tính khoa học, chuyên môn và đảm bảo phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT.

Bước 2: Khảo sát các KNS phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT.

Các KNS được phỏng vấn bởi 28 CBQL, 48 GV của các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột để lựa chọn các KNS cần thiết để đánh giá thực trạng và giảng dạy cho học sinh THPT. Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các thành phần của KNS (bảng 3.26) cho thấy Cronbach's alpha = 0.935, các biến quan sát đều có tương quan biến tổng > 0.3. Kết quả này cho thấy 12 KNS được đưa vào đánh giá đều đảm bảo độ tin cậy. Trong đó có 04 biến (kỹ năng) có hệ số tương quan biến tổng ở mức rất cao, đó là Kỹ năng thiết lập mục tiêu (0.936), Kỹ năng làm việc nhóm (0.925), Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn (0.915), Kỹ năng tư duy phê phán (0.908). Kết quả được trình bày ở bảng 3.26.

Bảng 3.26. Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí đánh giá KNS cho HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=76)

TT	Kỹ năng sống	Cronbach's alpha	
		Corrected Item – Total Correlation	Cronbach's alpha
1	Kỹ năng nhận thức	0.813	0.935
2	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	0.936	
3	Kỹ năng giao tiếp	0.798	
4	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc	0.750	
5	Kỹ năng ứng phó với căng thẳng	0.815	
6	Kỹ năng thể hiện sự tự tin	0.816	
7	Kỹ năng lắng nghe tích cực	0.788	
8	Kỹ năng thể hiện sự thông cảm	0.811	
9	Kỹ năng thương lượng	0.768	
10	Kỹ năng làm việc nhóm	0.925	
11	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	0.915	
12	Kỹ năng tư duy phê phán.	0.908	

Tuy nhiên, qua trao đổi và tổng hợp các ý kiến của chuyên gia về tính khả thi của việc giảng dạy tích hợp GD KNS trong môn học GDTC. Đồng thời, đảm bảo các điều kiện như: Năng lực của giáo viên, đối tượng thực nghiệm, điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian thực nghiệm, chương trình, kế hoạch giảng dạy của các trường... cho thực nghiệm các đánh giá hiệu quả KNS cho học sinh THPT thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả được trình bày tại bảng 3.27.

Bảng 3.27. Tổng hợp ý kiến chuyên gia về tính khả thi của việc giảng dạy tích hợp GD KNS trong môn học GDTC cho HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=76)

TT	Kỹ năng sống	Mức độ phù hợp							
		Năng lực GV		CSVC		Kế hoạch GD		Năng lực HS	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kỹ năng nhận thức	33	43.42	38	50.00	44	57.89	42	55.26
2	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	66	86.84	68	89.47	71	93.42	65	85.53
3	Kỹ năng giao tiếp	25	32.89	43	56.58	37	48.68	38	50.00
4	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc	37	48.68	41	53.95	42	55.26	42	55.26
5	Kỹ năng ứng phó với căng thẳng	39	51.31	47	61.84	47	61.84	36	47.37
6	Kỹ năng thể hiện sự tự tin	34	44.73	45	59.21	34	44.74	33	43.42
7	Kỹ năng lắng nghe tích cực	32	42.10	43	56.58	38	50.00	44	57.89
8	Kỹ năng thể hiện sự thông cảm	36	47.36	48	63.16	44	57.89	41	53.95
9	Kỹ năng thương lượng	37	48.68	41	53.95	41	53.95	43	56.58
10	Kỹ năng làm việc nhóm	64	84.21	72	94.74	69	90.79	65	85.53
11	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	41	53.94	37	48.68	44	57.89	37	48.68
12	Kỹ năng tư duy phê phán.	43	56.57	41	53.95	32	42.11	44	57.89

Từ kết quả tổng hợp ý kiến chuyên gia về tính khả thi của việc giảng dạy tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC. Luận án bước đầu lựa chọn 02 KNS được CBQL, GV được cho là phù hợp để đưa vào thực nghiệm bao gồm: Kỹ năng thiết lập mục tiêu và Kỹ năng làm việc nhóm

Bước 3: Cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá KNS

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp các KNS cần thiết và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tâm sinh lý học sinh THPT và tiến hành khảo sát các KNS phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý học sinh THPT. Tác giả tiến hành trao đổi, xin ý kiến của các thầy, cô là những giảng viên, chuyên gia trong giáo dục tại Trường Đại học Tây Nguyên, sở giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk về cơ sở xây dựng thang đo và bộ tiêu chí đánh giá thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Bước 4: Xác định tiêu chí đánh giá KNS

Sau khi xác định được thông qua phỏng vấn, KNS phù hợp dùng để đánh giá thực trạng KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột luận án tiến hành xác định tiêu chí và kiểm định độ tin cậy các tiêu chí (kiểm định Cronbach's alpha) rubric đánh giá KNS của kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm.

Đối với kỹ năng thiết lập mục tiêu cho HS gồm 3 mức độ như sau: Yếu, trung bình, tốt. Mỗi mức độ ứng với một điểm số từ 1 đến 3, trong đó 3 là mức cao nhất và 1 là mức thấp nhất và được xây dựng cụ thể như trình bày trong bảng 3.28.

Đối với kỹ năng làm việc nhóm cho HS gồm 4 mức độ như sau: Yếu, trung bình, khá, tốt. Mỗi mức độ ứng với một điểm số từ 1 đến 4, trong đó 4 là mức cao nhất và 1 là mức thấp nhất và được xây dựng cụ thể như trong bảng 3.29.

Kết quả kiểm định Cronbach's alpha cho thấy (bảng 3.30, bảng 3.31) thang đo kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item – Total Correlation > 0.3). Hệ số Cronbach's Alpha = 0.923 và 0.920 (lớn hơn 0.8) nên thang đo lường rất tốt. Nói cách khác, các tiêu chí sử dụng đánh giá rubric kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm đều đạt độ tin cậy.

Bảng rubric đánh giá mức độ thực hiện KNS này sẽ là căn cứ để GV sử dụng chấm điểm việc thực hiện các bài tập và cũng là căn cứ để xác định mức độ KNS mà người học đạt được.

Bảng 3.28. Rubric tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kỹ năng thiết lập mục tiêu

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Mức độ thực hiện
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	1	Mục tiêu đưa ra không được rõ ràng hoặc quá chung chung.
		2	Mục tiêu được đưa ra, nhưng thiếu hành động mô tả về những gì sẽ thực hành để đạt mục tiêu
		3	Mục tiêu được đưa ra rõ ràng và có hành động mô tả về những gì sẽ thực hành để đạt mục tiêu
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	1	Mục tiêu thiếu cấu trúc để đánh giá. Không thể đo lường mục tiêu
		2	Mục tiêu có thể được đánh giá được, nhưng với mức độ chưa ràng.
		3	Có thể đánh giá mục tiêu trong suốt cả buổi/tuần thực hành.
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	1	Mục tiêu không phù hợp với năng lực cá nhân, quá khó để đạt được
		2	Mục tiêu phần nào phù hợp với năng lực cá nhân
		3	Mục tiêu phù hợp với năng lực cá nhân và các điều kiện cần có để đạt được mục tiêu
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	1	Mục tiêu không thực tế và không liên quan đến nội dung môn học giáo dục thể chất
		2	Mục tiêu có liên quan đến nội dung môn học giáo dục thể chất
		3	Mục tiêu liên quan rõ đến nội dung môn học giáo dục thể chất
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	1	Kế hoạch không rõ người thực hiện, chưa thấy các hành động cụ thể và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu
		2	Kế hoạch cho thấy người thực hiện, các hành động và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu nhưng chưa cụ thể và chưa rõ ràng
		3	Kế hoạch thấy rõ người thực hiện, thấy các hành động cụ thể và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu

Bảng 3.29. Rubric tiêu chí đánh giá mức độ phát triển kỹ năng làm việc nhóm

TT	Tiêu chí	Mức độ đánh giá	Mức độ thực hiện
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	1	Thường xuyên đưa ra những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia tất cả các hoạt động.
		2	Thường xuyên cung cấp những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia phần lớn hoạt động.
		3	Đôi khi cung cấp những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia vào các hoạt động khi được yêu cầu.
		4	Hiếm khi đưa ra những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Từ chối tham gia một số hoạt động.
2	Khả năng giải quyết vấn đề	1	Tích cực tham gia và đề xuất mức độ thực hiện cho các hoạt động.
		2	Điều chỉnh các mức độ thực hiện do người khác đề xuất.
		3	Không đề xuất mức độ thực hiện nhưng sẵn sàng thực hiện các mức độ do người khác đề xuất.
		4	Không cố gắng giải quyết vấn đề hoặc giúp người khác giải quyết vấn đề hoặc để những người khác tự thực hiện.
3	Thái độ trong làm việc nhóm	1	Thường xuyên tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Luôn tích cực tham gia các hoạt động được giao.
		2	Thỉnh thoảng tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Thường có thái độ tích cực về các hoạt động được giao.
		3	Hiếm khi tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm.

			Thường có thái độ tích cực về các hoạt động được giao.
		4	Không bao giờ tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Thường có thái độ tiêu cực về các hoạt động được giao.
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được phân công	1	Luôn tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra. Thể hiện sự tự tin trong các hoạt động
		2	Tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra trong hầu hết thời gian. Được tin tưởng bởi các thành viên nhóm
		3	Tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra trong một khoảng thời gian. Để các thành viên khác trong nhóm đôi khi phải thúc giục và nhắc nhở
		4	Hiếm khi tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra. Thường xuyên bị nhắc nhở nhiệm vụ từ các thành viên nhóm
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	1	Luôn luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ người khác. Tham gia tất cả các hoạt động nhóm
		2	Thường xuyên lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ người khác. Hầu như tham gia các hoạt động nhóm
		3	Có lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của người khác, nhưng đôi khi không tham gia vào các hoạt động trong nhóm.
		4	Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ người khác. Thường xuyên không tham gia các hoạt động của nhóm.
6	Thời gian tham gia hoạt động tập	1	Tham gia hoạt động tập luyện đầy đủ; tuân thủ giờ tập cùng nhóm
		2	Tham gia hầu hết các hoạt động nhưng thời gian tập có đôi khi không tuân thủ cùng thời gian của nhóm.
		3	Tham gia hoạt động tập luyện nhưng mức độ tập trung chưa

	luyện trong nhóm		cao; thời gian chữa được tuân thủ đúng
		4	Ít tham gia hoạt động tập luyện; khi được khuyến khích có tham gia nhưng mức độ tập trung kém
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	1	Tôn trọng tất cả các thành viên trong nhóm. Thoải mái trao đổi kinh nghiệm, có ý kiến đóng góp cho nhóm và luôn thể hiện ý thức nhóm trong các hoạt động
		2	Tôn trọng tất cả các thành viên trong nhóm. Phân lớn thời gian thoải mái trao đổi kinh nghiệm với nhóm và có những đóng góp cụ thể.
		3	Tôn trọng các thành viên trong nhóm, nhưng một số thành viên trong nhóm không cảm thấy thoải mái khi kết hợp và đóng góp không nhiều.
		4	Cạnh tranh cá nhân; không thoải mái trong các hoạt động phối hợp

Bảng 3.30. Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí của thang đo kỹ năng thiết lập mục tiêu

TT	Tiêu chí	Cronbach's alpha	
		Corrected Item – Total Correlation	Cronbach's alpha
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	0.865	0.923
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	0.786	
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	0.842	
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	0.889	
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	0.798	

Bảng 3.31. Kết quả kiểm định Cronbach's alpha các tiêu chí của thang đo kỹ năng làm việc nhóm

TT	Tiêu chí	Cronbach's alpha	
		Corrected Item – Total Correlation	Cronbach's alpha
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0.852	0.920
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0.912	
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0.863	
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0.856	
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0.773	
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	0.854	
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0.921	

Khi Phân tích các khái niệm của KNS và khái quát thành những tiêu chí, cũng chính là các tiêu chí dùng để đánh giá các KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Kết quả đã khái quát được 12 tiêu chí của 02 KNS trên dùng để đánh giá học sinh trước và sau khi thực nghiệm cụ thể: KN thiết lập mục tiêu (5 tiêu chí), KN làm việc nhóm (7 tiêu chí).

3.1.5. Đánh giá thực trạng tích hợp GDKNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.1.5.1. Đánh giá thực trạng thể lực của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Để đánh giá thực trạng thể lực của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, luận án dựa vào các tiêu chí đánh giá chuẩn thể lực của Bộ GD&ĐT (Quyết định 53) theo độ tuổi và giới tính để kiểm tra đánh giá thể chất của khách thể nghiên cứu gồm: Lực bóp tay thuận (kg); Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây); Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 30m XPC (s); Chạy con thoi 4x10m (s) và Chạy tùy sức 5 phút (m).

Sau đó tính toán các tham số thống kê giá trị trung bình (\bar{x}); độ lệch chuẩn (σ); hệ số biến thiên (C_v), sai số tương đối của giá trị trung bình (ε) và độ lớn của mẫu (n). Kết quả được trình bày tại các bảng 3.32.

Bảng 3.32. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối 11 trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=579)

TT	Tiêu chí đánh giá	Học sinh nam (255)				Học sinh nữ (324)			
		\bar{x}	σ	$C_v\%$	p	\bar{x}	σ	$C_v\%$	p
1	Lực bóp tay thuận (kg)	38.32	2.67	6.97	0.05	26.86	2.81	10.46	0.05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	15.76	5.03	31.92	0.05	13.23	3.12	23.58	0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	204.24	15.87	7.77	0.05	151.58	10.83	7.14	0.05
4	Chạy 30m XPC (s)	5.83	0.37	6.35	0.05	6.79	0.86	12.67	0.05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12.34	0.85	6.89	0.05	13.01	1.07	8.22	0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	942.6	33.78	3.58	0.05	841.39	52.96	6.29	0.05

Số liệu tại bảng 3.32 cho thấy, hệ số biến thiên (C_v), tham số phản ánh độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu, quần thể; ở tất cả các chỉ số của khách thể nghiên cứu đều cho thấy: các chỉ số có độ đồng nhất cao (đồng nghĩa với độ phân tán dao động nhỏ) giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v < 10\%$) là lực bóp tay thuận (HS nam), bật xa tại chỗ (cm), chạy 30m XPC (HS nam), chạy con thoi 4x10m và chạy tùy sức 5 phút.

Các chỉ số có độ đồng nhất thấp gồm: là lực bóp tay thuận (HS nữ), chạy 30m XPC (HS nữ), nằm ngửa gập bụng (HS nữ), nằm ngửa gập bụng (HS nam).

Đánh giá thể lực của HS lớp 11 theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT

Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT [14] ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT về đánh giá, xếp loại thể lực HSSV được phân loại theo đánh giá tốt, đạt và không đạt, kết quả đánh giá trên HS lớp 11 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT được trình bày tại bảng 3.33.

Bảng 3.33. Kết quả xếp loại thể lực của học sinh khối 11 trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (n=579)

Học sinh nam (n=255)									
TT	Tiêu chí đánh giá	\bar{x}	σ	Kết quả kiểm tra					
				Tốt		Đạt		Chưa đạt	
				SL	%	SL	%	SL	%
1	Lực bóp tay thuận (kg)	38.32	2.67	33	12.94	195	76.47	27	10.59
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	15.76	5.03	27	10.59	216	84.71	12	4.71
3	Bật xa tại chỗ (cm)	204.24	15.87	21	8.24	219	85.88	15	5.88
4	Chạy 30m XPC (s)	5.83	0.37	33	12.94	201	78.82	21	8.24
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	12.34	0.85	15	5.88	204	80.00	36	14.12
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	942.6	33.78	27	10.59	186	72.94	42	16.47
Tổng				156	10.20	1221	79.80	153	10
Học sinh nữ (n=324)									
1	Lực bóp tay thuận (kg)	26.86	2.81	30	9.26	261	80.56	33	10.19
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	13.23	3.12	24	7.41	273	84.26	27	8.33
3	Bật xa tại chỗ (cm)	151.58	10.83	21	6.48	282	87.04	21	6.48
4	Chạy 30m XPC (s)	6.79	0.86	18	5.56	282	87.04	24	7.41
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.01	1.07	15	4.63	270	83.33	39	12.04
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	841.39	52.96	24	7.41	252	77.78	48	14.81
Tổng				132	6.79	1620	83.33	192	9.88

Lực bóp tay thuận (kg): Xếp loại tốt ở HS nam có 33 HS chiếm tỷ lệ 12.94%; trong khi đó ở HS nữ, có 30 HS chiếm tỷ lệ 9.26%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 195 HS chiếm tỷ lệ 76.47%; ở HS nữ, có tổng số 261 HS chiếm tỷ lệ 80.56%. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 27 HS chiếm tỷ lệ 10.59%; Ở HS nữ, có 33 HS chiếm tỷ lệ 10.19%.

Nằm ngửa gập bụng (lần): Xếp loại tốt ở HS nam có 27 HS chiếm tỷ lệ 10.59%; trong khi đó ở HS nữ, có 24 HS chiếm tỷ lệ 7.41%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 216 HS chiếm tỷ lệ 84.71%; ở HS nữ, có tổng số 273 HS chiếm tỷ lệ 84.26%. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 12 HS chiếm tỷ lệ 4.71%; Ở HS nữ, có 27 HS chiếm tỷ lệ 8.33%.

Bật xa tại chỗ (cm): Xếp loại tốt ở HS nam có 21 HS chiếm tỷ lệ 8.24%; trong khi đó ở HS nữ, có 21 HS chiếm tỷ lệ 6.48%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 219 HS chiếm tỷ lệ 85.88%; ở HS nữ, có tổng số 282 HS chiếm tỷ lệ 87.04. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 15 HS chiếm tỷ lệ 5.88%; Ở HS nữ, có 21 HS chiếm tỷ lệ 7.41%.

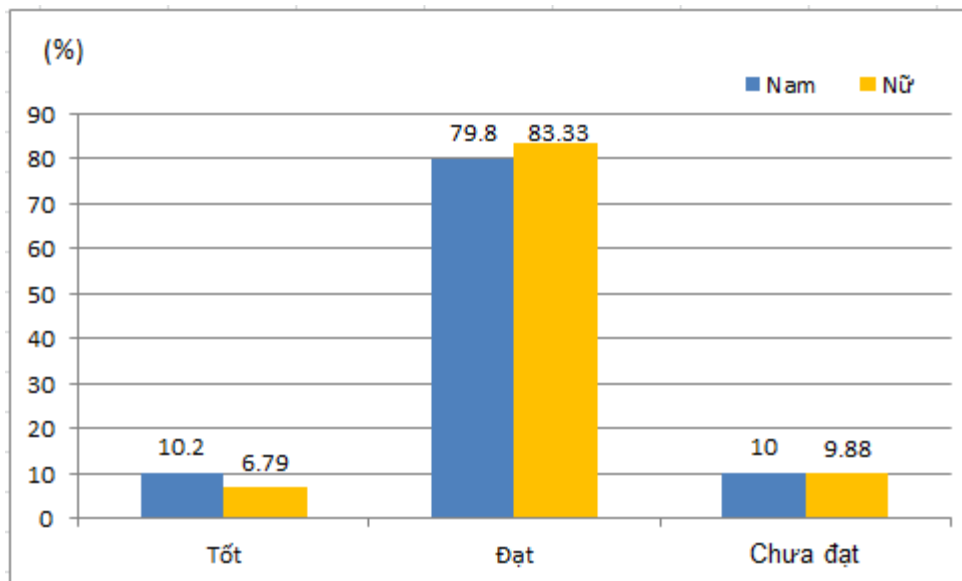
Chạy 30m XPC (giây): Xếp loại tốt ở HS nam có 33 HS chiếm tỷ lệ 12.94; trong khi đó ở HS nữ, có 18 HS chiếm tỷ lệ 5.56%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 201 HS chiếm tỷ

lệ 78.82%; ở HS nữ, có tổng số 282 HS chiếm tỷ lệ 87.04%. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 21 HS chiếm tỷ lệ 8.24%; Ở HS nữ, có 24 HS chiếm tỷ lệ 7.41%.

Chạy con thoi 4x10m (giây): Xếp loại tốt ở HS nam có 15 HS chiếm tỷ lệ 5.88%; trong khi đó ở HS nữ, có 15 HS chiếm tỷ lệ 4.63%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 204 HS chiếm tỷ lệ 80.00%; ở HS nữ, có tổng số 270 HS chiếm tỷ lệ 83.33%. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 36 HS chiếm tỷ lệ 14.12%; Ở HS nữ, có 39 HS chiếm tỷ lệ 12.04%.

Chạy tùy sức 5 phút (m): Xếp loại tốt ở HS nam có 27 HS chiếm tỷ lệ 10.59%; trong khi đó ở HS nữ, có 24 HS chiếm tỷ lệ 7.41%. Xếp loại đạt ở HS nam, có 186 HS chiếm tỷ lệ 72.94%; ở HS nữ, có tổng số 252 HS chiếm tỷ lệ 77.78%. Xếp loại chưa đạt ở HS nam có 42 HS chiếm tỷ lệ 16.47%; Ở HS nữ, có 48 HS chiếm tỷ lệ 14.81%.

Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại thể lực của HS THPT lớp 11 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định đánh giá thể lực HSSV của Bộ GD&ĐT: xếp loại tốt ở HS nam chiếm tỷ lệ 10.20% và ở HS nữ chiếm tỷ lệ 6.79%; xếp loại đạt ở HS nam chiếm tỷ lệ 79.80% và ở HS nữ chiếm tỷ lệ 83.33%; xếp loại chưa đạt ở HS nam chiếm tỷ lệ 10.00% và ở HS nữ chiếm tỷ lệ 9.88%, thể hiện tại biểu đồ 3.2.



Biểu đồ 3.1. Kết quả xếp loại thể lực của HS lớp 11 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT

3.1.5.2. Đánh giá thực trạng KNS của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

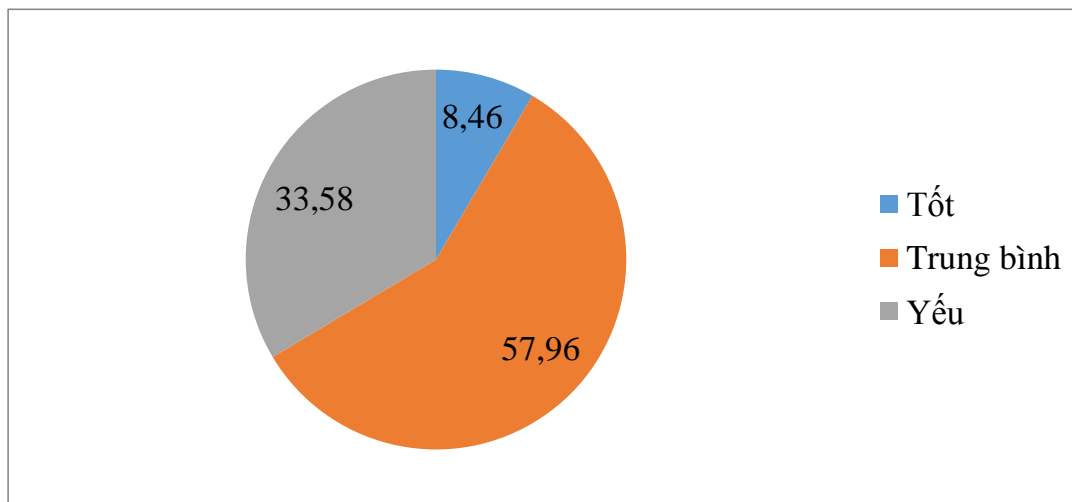
- Kỹ năng thiết lập mục tiêu: Để đánh giá mức độ đạt được của HS về kỹ năng thiết lập mục tiêu trước khi tiến hành thực nghiệm, HS thực hiện các bài tập để đánh giá các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu và sử dụng thang rubric để đánh giá các tiêu chí đó. Số liệu sau khi thu được đã được đem xử lý thống kê và kết quả được thể hiện ở bảng 3.34.

Bảng 3.34. Kết quả khảo sát thực trạng các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu (trước thực nghiệm) của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=579)

TT	Mức độ Tiêu chí	Tốt		Trung bình		Yếu	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)							
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	17	8.50	124	62.00	59	29.50
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	42	21.00	118	59.00	40	20.00
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	4	2.00	130	65.00	66	33.00
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	15	7.50	109	54.50	76	38.00
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	23	11.50	111	55.50	66	33.00
Trường THPT Trần phú (n=244)							
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	13	5.33	157	64.34	74	30.33
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	34	13.93	145	59.43	65	26.64
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	10	4.10	167	68.44	67	27.46
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	19	7.79	124	50.82	101	41.39
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	21	8.61	128	52.46	95	38.93
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (n=135)							
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	5	3.70	78	57.78	52	38.52
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	22	16.30	73	54.07	40	29.63
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	4	3.11	79	58.52	52	38.52
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	7	5.19	62	45.93	66	48.89
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	9	6.67	73	53.89	53	39.26
Tổng cộng		245	8.46	1678	57.96	972	33.58

Từ số liệu ở bảng 3.34 có thể nhận thấy: Trước thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt mức tốt ở các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu ở các trường THPT trên địa bàn thành phố

Buôn Ma Thuột rất thấp chiếm tỉ lệ 8.46% trên tổng các tiêu chí, mà chủ yếu tập trung vào mức trung bình chiếm tỉ lệ 57.86% trên tổng các tiêu chí và mức yếu chiếm tỉ lệ cao 33.58%. Được thể hiện tại biểu đồ 3.2.



Biểu đồ 3.2. Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của học sinh THPT thành phố Buôn Ma Thuột trước thực nghiệm

Kỹ năng làm việc nhóm: Để đánh giá mức độ đạt được của HS về kỹ năng làm việc nhóm trước và sau khi tiến hành thực nghiệm, HS thực hiện các bài tập để đánh giá các tiêu chí làm việc nhóm và sử dụng thang rubric để đánh giá các tiêu chí đó. Số liệu sau khi thu được đã được đem xử lí thống kê và kết quả được thể hiện ở bảng 3.35.

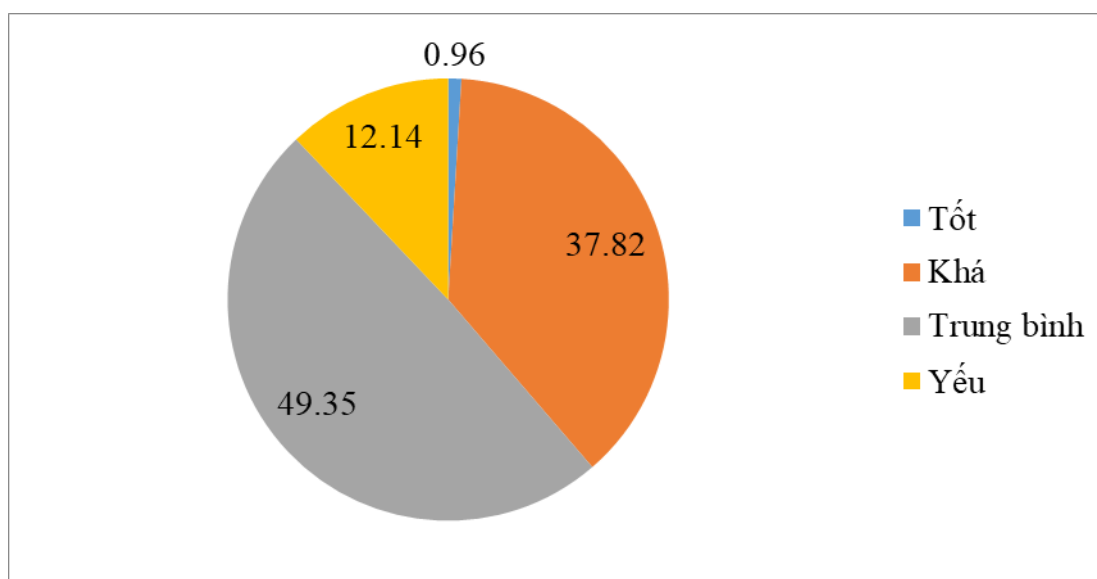
Bảng 3.35. Kết quả khảo sát thực trạng các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm (trước thực nghiệm) của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (n=579)

TT	Mức độ Tiêu chí	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)									
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0.00	93	46.50	92	46.00	15	7.50
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0.00	41	20.50	134	67.00	25	12.50
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0.00	73	36.50	121	60.50	6	3.00
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0.00	79	39.50	93	46.50	28	14.00

5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0.00	61	30.50	99	49.50	40	20.00
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	25	12.50	89	44.50	72	36.00	14	7.00
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0.00	68	34.00	96	48.00	36	18.00
Trường THPT Trần phú (n=244)									
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0.00	91	37.30	134	54.92	19	7.79
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0.00	76	31.15	145	59.43	23	9.43
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0.00	116	47.54	114	46.72	14	5.74
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0.00	106	43.44	118	48.36	20	8.20
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0.00	88	36.07	120	49.18	36	14.75
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	2	0.82	132	54.10	74	30.33	36	14.75
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0.00	89	36.48	123	50.41	32	13.11
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (n=135)									
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0.00	52	38.52	64	47.41	19	14.07
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0.00	26	19.26	75	55.56	34	25.19
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0.00	47	34.81	78	57.78	10	7.41
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0.00	53	39.26	64	47.41	18	13.33
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0.00	42	31.11	69	51.11	24	17.78
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	12	8.89	66	48.89	46	34.07	11	8.15
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0.00	45	33.33	69	51.11	21	15.56
Tổng cộng		39	0.96	1533	37.82	2000	49.35	481	11.87

Kết quả trình bày ở bảng 3.35 cho ta thấy rằng: Trước thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt mức tốt ở các tiêu chí của kỹ năng làm việc nhóm chỉ có 1 trong 7 tiêu chí đạt tốt với tỉ lệ

0.96%; mà chủ yếu tập trung vào mức khá, trung bình với tỉ lệ 37.82% và 49.35%; mức yếu cũng đạt tỉ lệ cao lên đến 11.87%, được thể hiện tại biểu đồ 3.3.



Biểu đồ 3.3. Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học sinh THPT thành phố Buôn Ma Thuột trước thực nghiệm

Tóm lại: Kết quả khảo sát thực trạng chung của các GV giảng dạy GDTC cơ bản đảm bảo theo chuẩn nghề nghiệp, để có thể hòa nhập được với xu hướng phát triển và yêu cầu của tiến trình đổi mới GD thế giới hiện nay cần tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực.

Căn cứ vào khảo sát số lượng lớn các chuyên gia và GV, việc tổ chức hoạt động DHTH tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trong dạy học môn GDTC là cần thiết, tuy nhiên việc tổ chức hoạt động này trong thực tế là ít thường xuyên, các GV quen thuộc và lựa chọn phương pháp giảng dạy truyền thống (truyền thụ một chiều) trong việc thực hiện công việc của bản thân. Một số GV đã sử dụng các phương pháp DHTH trong giờ học GDTC, tuy nhiên việc DHTH trải đều trên tất cả các nội dung của chuyên môn mà chưa có tích hợp với các yếu tố khác, dẫn đến thiếu tính trọng điểm, giảm hiệu quả hoạt động GD, hơn nữa các phương pháp, kỹ thuật dạy học sử dụng trong DHTH chưa có tính đổi mới, dẫn đến sự nhàm chán trong hoạt động giảng dạy, giảm tính hứng thú của HS. Việc sử dụng các hình thức và phương tiện DHTH chủ yếu theo hình thức nội môn, có tính lặp lại từ các cấp học

trước, đồng thời hình thức, nội dung kiểm tra đánh giá cũng không có tính đổi mới, dẫn đến hiệu quả thấp.

Trong quá trình thực hiện hoạt động DHTH giáo dục KNS, các nhà chuyên môn và GV đều cho rằng HS rất quan tâm đến vấn đề này, tuy nhiên trong quá trình thực hiện GV và các đơn vị đã nhận được nhiều sự quan tâm từ nhiều phía, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn cho việc tổ chức thực tế và thường xuyên, các khó khăn đến từ nhiều khía cạnh trong đó có cả cơ chế chính sách và các yếu tố cơ sở vật chất và từ chính bản thân các GV.

Tiểu kết mục tiêu 1:

Qua các bước tổng hợp tài liệu, phỏng vấn và phân tích độ tin cậy nội tại luận án xác định được các tiêu chí đánh giá tích hợp GDKNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột gồm: 01 tiêu chí đánh giá định lượng và 2 KNS với 12 tiêu chí đánh giá định tính để đánh giá thực trạng GDKNS cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Qua nghiên cứu thực trạng dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cho thấy:

1. Giáo viên đã sử dụng dạy học tích hợp, dạy học tích hợp thông qua môn GDTC ở mức độ thỉnh thoảng và thường xuyên. Tuy nhiên dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT thì hầu như chưa thực hiện, chủ yếu GV thực hiện ở mức hiếm khi còn hầu hết là chưa thực hiện, nên hiệu quả chưa cao và chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình mới.

2. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng trên, trong đó các yếu tố: Năng lực của giáo viên là yếu tố chủ quan và yếu tố cơ sở vật chất, tài liệu học tập là yếu tố khách quan có mức độ ảnh hưởng cao hơn cả

3. Việc nghiên cứu thực trạng về dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT là cơ sở thực tiễn rất đáng để luận án khẳng định thêm một lần nữa dạy học tích hợp GD KNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới và tính thiết thực của việc phải nghiên cứu đề tài này.

4. Kết quả của việc đánh giá thực trạng của học sinh ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cho thấy:

Về thể lực: Số lượng HS khối 11 trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột xếp loại chưa đạt theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT là khá cao.

Về KNS: Qua đánh giá các tiêu chí ở kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho thấy tỉ lệ HS đạt mức tốt rất ít mà chủ yếu tập trung vào mức trung bình và yếu.

5. Kết quả nghiên cứu thực tiễn còn là cơ sở quan trọng để xây dựng các biện pháp trong dạy học tích hợp GD KNS ở trường THPT nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và dạy học trong môn GDTC nói riêng.

3.2. Xác định các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.2.1. Các yêu cầu khi tổ chức tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông

Dựa trên kết quả phỏng vấn các yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức lựa chọn và tích hợp GD KNS trong quá trình giảng dạy môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, luận án xác định các yêu cầu cần phải đảm bảo khi tổ chức các thực hiện việc lựa chọn và tiến hành tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Các yêu cầu vừa là nguyên tắc cơ bản, vừa là điều kiện đảm bảo để hoạt động được thực hiện có tính hướng mục tiêu rõ ràng, đồng thời vừa mang lại hiệu quả thực tế, vừa đảm bảo các nguyên tắc sư phạm, quy định về chương trình GD và tính khoa học.

3.2.1.1. Yêu cầu đối với giáo viên tham gia giảng dạy

- Thứ nhất: GV phải hiểu được bản chất của việc tích hợp GD KNS dạy học môn GDTC: Hoạt động tích hợp GD KNS là một PPDH tích cực, ở đó các hoạt động của HS được tổ chức và liên kết với nhau trong những hoạt động chung nhằm thực hiện các nhiệm vụ, bài tập được giao.

Khi vận dụng PPDH tích hợp GD KNS cho HS cần phải biết phân chia HS ra các nhóm để thực hiện các bài tập kết hợp với các kỹ năng khác nhau. Từ đây, sẽ hình

thành cho HS học tập, rèn luyện các kỹ năng thông qua các bài tập thể chất, tập luyện tập thể hay chia nhóm.

- Thứ hai: GV phải nhận thức và thực hiện tốt được vai trò của người dạy trong quá trình tổ chức các hoạt động tích hợp GD KNS.

Trong quá trình vận dụng DHTH giáo dục KNS, GV phải đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển quá trình hoạt động của lớp và khích lệ các HS trong quá trình tập luyện. Các công việc cơ bản của người GV cần phải xác định những hoạt động cần thiết sau:

- + Thu thập thông tin về người học.
- + Xác định mục tiêu chung của hoạt động.
- + Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện cần thiết.
- + Lựa chọn các nội dung, chủ đề thích hợp để tổ chức hoạt động.
- + Nghiên cứu giao nhiệm vụ cho các HS hoạt động có khoa học và phù hợp.
- + Tổ chức, hướng dẫn, điều khiển các hoạt động.
- + Tổng kết và đánh giá kết thúc sau mỗi hoạt động.

3.2.1.2. Yêu cầu đối với học sinh

- Nhận thức đúng và đầy đủ nhiệm vụ được giao. HS phải tập trung chú ý lắng nghe GV phổ biến các nhiệm vụ học tập để biết được nhiệm vụ cụ thể của mình cũng như các yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Đồng thời nếu chưa rõ về nhiệm vụ thì có thể trao đổi và hỏi lại trực tiếp GV.

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực, tự giác luyện tập.

- Các hoạt động học của HS phải được thực hiện dưới sự giám sát, tổ chức, điều khiển và hướng dẫn của GV.

- Phải tập trung cao độ khi tham gia các hoạt động cụ thể đề ra.

3.2.1.3. Yêu cầu về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học có tác động nhất định đến quá trình DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buon Ma Thuật. Cơ sở vật chất tốt tạo môi trường thoải mái cho cả người dạy và người học. Phương tiện dạy học tốt, đặc biệt là phương tiện hiện đại giúp GV tăng thêm sự hấp dẫn của bài học, lôi cuốn HS qua những hình ảnh, phim minh họa, thí nghiệm, những sơ đồ hoá kiến thức nội dung bài giảng giúp HS được trực quan

quan sát các hiện tượng các thí nghiệm, dễ nhớ bài, nhớ lâu hơn và có thể áp dụng ngay vào giải quyết các tình huống thực tiễn của cuộc sống.

Cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình tổ chức DHTH giáo dục KNS như sân bãi dụng cụ phải được đảm bảo và sắp xếp sao cho phù hợp để góp phần mang lại hiệu quả cao của quá trình tập luyện. Để chuẩn bị cho các hoạt động thì cả GV và HS đều phải chuẩn bị các phương tiện cần thiết liên quan đến môn học như: sân bãi, dụng cụ tập luyện, tranh ảnh, video,... để phục vụ cho các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình tập luyện.

3.2.2. Nguyên tắc tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.2.2.1. Đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình môn giáo dục thể chất

Nguyên tắc này yêu cầu việc tổ chức DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột phải góp phần thực hiện mục tiêu dạy học môn GDTC: Nội dung tích hợp phải đảm bảo các kiến thức, kỹ năng, thái độ và các năng lực chuyên môn cho HS.

Các nội dung GD KNS đưa vào bài học phải có mối quan hệ mật thiết với kiến thức sẵn có trong bài học. Kiến thức của bài học được xem là nền tảng cho kiến thức GD KNS được tích hợp vào. Nói cách khác, khi tích hợp nội dung GD KNS vào bài học nào GV cần tìm hiểu kỹ nội dung kiến thức bài học, từ đó GV lựa chọn các kiến thức tích hợp GD KNS làm cụ thể hơn cho kiến thức về môn GDTC, phù hợp với nội dung bài học. Điều này giải thích tại sao phải lựa chọn những kiến thức về tích hợp GD KNS có mối quan hệ với môn GDTC.

3.2.2.2. Đảm bảo tính vừa sức

Nguyên tắc này yêu cầu khi tổ chức dạy học tích hợp GD KNS trong môn GDTC cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, GV cần lưu ý: Các nội dung tích hợp GD KNS đưa vào bài học phải có tính hệ thống, tránh sự trùng lặp, ngoài ra, các kiến thức này phải phù hợp với trình độ của HS, không gây quá tải cho HS trong việc tiếp thu nội dung chính của bài học. Như vậy, những kiến thức đưa vào bài học cần được sắp xếp đúng chỗ, hợp lí, làm cho kiến thức môn học phong phú, phù hợp với thực tiễn. Khi tham gia học tập, HS cảm thấy hứng thú vì được cung cấp

những kiến thức mới. Để làm được điều này, ngay từ đầu năm học, GV phải khảo sát, nắm cụ thể mục đích yêu cầu, hệ thống kiến thức, kỹ năng của toàn bộ môn học cần tích hợp nội dung GD KNS, mối liên hệ giữa các mục trong bài, các bài học, điều này giúp GV nắm vững chương trình để dự kiến các kiến thức GD KNS cần liên hệ, bổ sung, mở rộng và sắp xếp kiến thức thành một hệ thống.

3.2.2.3. Đảm bảo tính xác thực với thực tiễn

Để đảm bảo nguyên tắc này, khi dạy học, các nội dung GD KNS được đưa vào bài học làm ví dụ minh họa hay liên hệ, bổ sung cho kiến thức bài học phải phản ánh đúng thực tế của cuộc sống, cập nhật được thông tin mới nhất như: GD kỹ năng phòng chống đuối nước, GD kỹ năng phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDTT, GD kỹ năng làm việc nhóm hay kỹ năng thiết lập mục tiêu trong các bài học,...

3.2.2.4. Đảm bảo tính linh hoạt và sáng tạo

Nguyên tắc này yêu cầu việc tổ chức tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC phải góp phần làm cho kiến thức môn GDTC càng thêm phong phú, sát với thực tiễn và cuộc sống. GV cần linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn nội dung GD KNS, vận dụng những PPDH phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế, không nên cứng nhắc trong triển khai mà cần vận dụng hợp lí.

- Vận dụng linh hoạt các biện pháp dạy học tích hợp GD KNS giúp cho mỗi GV cùng một nội dung có thể có những cách triển khai khác nhau về hình thức tập luyện.

- Đảm bảo tính linh hoạt và sáng tạo của DHTH giáo dục KNS còn thể hiện qua năng lực của GV và điều kiện cơ sở vật chất để lựa chọn PPDH phù hợp. Tùy vào từng nội dung học tập, mỗi GV sẽ vận dụng những PPDH khác nhau.

- Đảm bảo tính linh hoạt và sáng tạo còn thể hiện qua HS có nhiều cách tạo ra kết quả học tập khác nhau.

3.2.2.5. Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả

Các biện pháp đề xuất phải tạo ra hiệu quả trong quá trình rèn luyện hình kỹ năng và phát triển NL của HS, chúng giúp HS lĩnh hội được tri thức một cách chính xác, sâu sắc và toàn diện để ứng dụng vào việc giải quyết các tình huống học tập khác nhau. Để làm được điều đó cần tạo cơ hội cho HS tự lĩnh hội và làm chủ tri thức của mình thông

qua sự tự giác, tích cực học tập bằng lòng say mê, thật sự khao khát muốn tìm tòi, khám phá thế giới tri thức.

Sau khi xác định tính chuẩn xác của nội dung GD KNS đã khảo sát, để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức DHTH giáo dục KNS cần chú ý những vấn đề cụ thể sau:

- Lựa chọn các nội dung GD KNS gần gũi, gắn với cuộc sống của HS. HS được trải nghiệm trong môi trường học tập thực tiễn, bằng vốn kinh nghiệm hiện có của cá nhân, các em tự khám phá những thông tin qua bài học dựa trên quá trình khảo sát, điều tra, thu thập thông tin,... qua đó khắc sâu các kiến thức thông qua các hoạt động tập luyện gắn liền với thực tiễn.

- DHTH giáo dục KNS trong môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột phải hướng đến phát triển ở HS các kỹ năng gắn liền với hoạt động thực tiễn. GV cần vận dụng phối hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động nhận thức và kỹ năng vận động của HS thông qua việc vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học; Đồng thời góp phần hình thành và phát triển các NL chung (thiết lập mục tiêu, làm việc nhóm, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và NL chuyên môn (thực hành kỹ thuật, thể lực, phối hợp vận động,...).

3.2.2.6. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn dạy học ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Xây dựng kế hoạch và chương trình DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột cần quan tâm đến khả năng của đội ngũ GV, cơ sở vật chất, sự đầu tư của các nhà trường cũng như khả năng tiếp thu của HS và những yêu cầu của xã hội với chất lượng GD. DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột phải đảm bảo đa phần đội ngũ GV hiện nay có thể vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với cơ sở vật chất và môn học của từng nhà trường.

3.2.2.7. Đảm bảo phù hợp đặc điểm thực tế của học sinh

Nếu tổ chức phù hợp và thành công công tác DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sẽ tạo ra được

khả năng tiếp thu lĩnh hội tri thức khoa học, khả năng ứng dụng vào thực tiễn của cuộc sống. Vấn đề nghiên cứu, thảo luận, áp dụng phải đảm bảo thiết thực có tính ứng dụng thực tiễn cao trong cuộc sống, giải quyết được các vấn đề gặp trong cuộc sống. Tránh tình huống xa lạ không có tính thực tiễn, không phù hợp với kiến thức, kỹ năng hiện có của HS. Xây dựng các bài DHTH sao cho mọi HS đều có điều kiện tự do bày tỏ ý kiến cá nhân, thể hiện các nét riêng biệt đặc thù riêng cho HS, phát triển khả năng cá nhân của từng em và khả năng liên kết hoạt động nhóm giữa các em.

3.2.3. Cơ sở đề xuất các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông

3.2.3.1. Cơ sở pháp lý

Ngày 03/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy chế về giáo dục thể chất, nêu rõ: “*Giáo dục thể chất là là hoạt động giáo dục bắt buộc nhằm giáo dục, bảo vệ và tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên*” [13].

Ngày 11/11/2013 Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 2160/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Quyết định nêu rõ: “*Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đặc biệt coi trọng giảng dạy TDTT nội khóa, ngoại khóa, quy định tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cho học sinh ở các cấp, có quy chế bắt buộc đối với công tác giáo dục thể chất trong nhà trường*” [77].

Ngày 9/10/2000, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố lệnh về việc ban hành Pháp lệnh TDTT đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X thông qua ngày 25/9/2000. Pháp lệnh có 9 chương, 59 điều, trong đó có một chương, 6 điều quy định về TDTT trường học. Điều 14 của Pháp lệnh ghi rõ: “*TDTT trường học bao gồm giáo dục thể chất và hoạt động TDTT ngoại khóa cho người học. Giáo dục thể chất trong trường học là chế độ giáo dục bắt buộc, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất, góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho người học. Nhà nước khuyến khích hoạt động TDTT ngoại khóa trong nhà trường*” [21].

Điều 15 của Pháp lệnh TDTT ngày 25/9/2000 quy định: “*Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban TDTT thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng, chỉ đạo, thực hiện chương trình giáo dục thể chất. Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của người học, quy định hệ thống thi đấu TDTT trường học*” [21].

Luật giáo dục do Quốc hội khóa 11 ban hành năm 2005 ghi rõ: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;...” [46]; [62]

Nghị quyết số 29/NQ/TW, ngày 04/11/2013 [3] chỉ rõ: “Đối với giáo dục phổ thông, ... Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. ...”.

Nghị quyết số 29/NQ/TW, ngày 04/11/2013, [3] đã đề ra mục tiêu cụ thể: “Đối với giáo dục phổ thông, Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn... Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015”.

Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ [28] đã nêu rõ quan điểm về đổi mới chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo: “*Triển khai đổi mới chương trình giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực; phát triển năng lực và phẩm chất người học; chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống; nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*”.

Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra mục tiêu: “... *gắn giáo dục thể chất, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống;*”.[78]

Việc dạy KNS hiện nay là vô cùng quan trọng, học hỏi KNS giúp cho các em có thêm được sự tự tin cũng như khả năng tự vệ, có những kinh nghiệm sống cơ bản để bước vào xã hội. Thời gian qua, Bộ GD&ĐT cũng đã có Thông tư hướng dẫn các trường chú trọng việc dạy KNS cho mầm non, tiểu học, trung học cơ sở... Rồi Bộ, các Sở GD&ĐT

cũng đã tổ chức được một số buổi tập huấn cho cán bộ, giáo viên; kêu gọi các trường tăng cường dạy KNS cho học sinh. Tuy nhiên, cho đến nay việc dạy KNS vẫn chỉ là dạy lồng ghép trong các môn học khác và nơi làm, nơi không. Vì vậy, việc GDKNS trong nhà trường hiện nay đang ở trạng thái nửa chừng, chưa rộng khắp, đồng bộ.

Các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định Công tác thể dục thể thao góp phần khôi phục và tăng cường sức khỏe cho nhân dân. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể trở thành thói quen hàng ngày của nhân dân, trước hết là thế hệ trẻ. Nâng cao giáo dục thể chất trong các trường Đại học và Cao đẳng. Trong 15 năm đổi mới, từ năm 1986 đến nay, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX và Nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng về cải cách giáo dục, luôn khẳng định sự cần thiết phải nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học các cấp.

Theo Văn bản số 4108/BGDĐT-GDTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2017-2018, Đối với công tác giáo dục thể chất, các cơ sở giáo dục tổ chức, thực hiện chương trình môn học giáo dục thể chất đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Đổi mới phương pháp giáo dục thể chất theo hướng phát triển năng lực học sinh - sinh viên (HS-SV), tạo sự hứng thú, yêu thích cho HS-SV khi tham gia tiết Thể dục. Về hoạt động thể thao trường học, đẩy mạnh việc thành lập các câu lạc bộ thể thao trong nhà trường, cơ sở giáo dục; tăng cường tổ chức hoạt động thể thao, tạo điều kiện cho HS-SV, cán bộ giáo viên được thường xuyên tham gia tập luyện, thi đấu nhằm duy trì, nâng cao sức khỏe, thể lực phục vụ tốt lao động, học tập. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các trường phổ thông triển khai tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, bài võ cổ truyền và hô các khẩu ngữ sau khi tập thể dục tập thể theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, trọng tài cho cán bộ, giáo viên, cán bộ phụ trách công tác giáo dục thể chất, thể thao trường học. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, công tác phòng, chống tai nạn đuối nước HS-SV đối với các trường, cơ sở giáo dục. Nghiên cứu Điều lệ Hội Thể

thao học sinh Việt Nam, tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố cho phép vận động thành lập hội thể thao học sinh tại các tỉnh, thành phố.

3.2.3.2. Cơ sở lý luận

Kết quả nghiên cứu lý luận về lồng ghép tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT cho thấy: Trên cơ sở giới hạn của đề tài nghiên cứu và lý luận cơ bản về các kỹ năng cụ thể, có thể quan tâm đến lý luận về kỹ năng thiết lập mục tiêu, kỹ năng làm việc nhóm. Đây là hai kỹ năng quan trọng và thiết thực đối với con người nhằm giúp học sinh tốt hơn với bạn bè, cuộc sống và sự thay đổi của bản thân trong bối cảnh và sẽ giải quyết hiệu quả hơn các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập. Thông qua đó, con người sẽ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình và tạo ra cơ hội phát triển bản thân. Đây cũng là giới hạn, phạm vi nghiên cứu và thực nghiệm của đề tài.

3.2.3.3. Cơ sở thực tiễn

Luận án đã sử dụng phương pháp nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi để tiến hành phỏng vấn 579 học sinh và 48 giáo viên dạy môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nhằm thu thập căn cứ, góp phần làm rõ thực trạng tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất. Bảng hỏi gồm các câu hỏi mở và các câu hỏi có định hướng câu trả lời để các khách thể cho ý kiến.

Các số liệu nghiên cứu thu thập sau quá trình điều tra bằng bảng hỏi (phỏng vấn) được sử lý bằng các thuật toán thống kê để đưa ra kết quả. Căn cứ vào câu trả lời của khách thể, tác giả tiến hành xây dựng các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuột.

3.2.4. Các biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Biện pháp 1: Xây dựng kế hoạch và chương trình tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

a) Mục đích và ý nghĩa của biện pháp

Xây dựng kế hoạch và chương trình tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC là khâu quan trọng để đảm bảo cho quá trình DHTH nói chung, tích hợp GD KNS trong giảng dạy môn GDTC nói chung.

b, Cách thực hiện

- Phân tích chương trình môn học GDTC

Bước này nhằm xác định nội dung học tập phù hợp với nội dung dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, thiết kế mục tiêu học tập, yêu cầu học tập trong DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, xác định các phương tiện và các học liệu đáp ứng mục tiêu và nội dung học tập phù hợp, dự kiến các hình thức tổ chức học tập bao gồm qui mô, địa điểm, không gian, cảnh quan và thời gian.

Tương ứng với các nội dung học tập cần xác định các nhiệm vụ học tập và tương ứng với các nhiệm vụ học tập phải xác định từng nhiệm vụ cụ thể của cá nhân và của nhóm học tập. GV phải luôn đóng vai trò là người tổ chức hướng dẫn, quản lí, giúp đỡ HS trong quá trình thực hiện.

- Nghiên cứu thực trạng HS và điều kiện tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Quan sát để hiểu rõ các phong cách tập luyện, thể lực và những đặc điểm cá nhân của HS từ đó làm căn cứ cơ bản để gợi ý HS ghép nhóm tập luyện, phân công nhiệm vụ và thực hiện vai trò tư vấn, giám sát HS khi tiến hành tập luyện, luôn tư vấn giúp đỡ khi HS gặp khó khăn trong quá trình hoạt động.

Nghiên cứu các điều kiện tập luyện để làm căn cứ lựa chọn hình thức hoạt động, phương tiện và học liệu phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

- Thiết kế các hoạt động của HS và GV trong việc tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (phụ lục 7).

Tổ chức các nội dung học tập dưới dạng hoạt động, với nhiều phương án hoạt động của HS. Các hình thức hoạt động thích hợp với DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

thường sử dụng hỗn hợp các phương pháp dạy học tích cực như dạy học hoàn chỉnh, dạy học phân giải, trò chơi, thi đấu,... nghiên cứu trường hợp điển hình, giải quyết vấn đề, nghiên cứu bài học và các chiến lược phát triển giá trị.

Các hoạt động của HS phải đồng thời đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Thích hợp với các nguyên tắc DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT, phải là những hoạt động để phát huy NL của HS như NL cá nhân, NL hợp tác trong dạy học.

+ Tạo cơ hội để HS trực tiếp thực hành, trải nghiệm các hoạt động khác nhau bao gồm: Hoạt động trò chơi, thi đấu,... qua đó vận kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề học tập và liên hệ thực tiễn của cuộc sống.

Tương ứng với các nguyên tắc DHTH, việc tiến hành DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và các việc tổ chức các hoạt động có liên quan của HS cần xác định các nhiệm vụ hoạt động của GV, hoạt động của GV căn bản mang tính tổ chức hỗ trợ, quản lí, điều chỉnh, tư vấn, không thực hiện thay HS trong quá trình dạy học. Đây chính là thiết kế phương pháp dạy học của GV.

- Thiết kế môi trường tích hợp GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Đó là tổ chức các yếu tố môi trường như qui mô và thành phần nhóm, các yếu tố khách quan, các quan hệ giao tiếp, các nội quy, quy định trong thực hiện động tác, cách thức và qui tắc hành vi, các tình huống dạy học, liên hệ giữa các tình huống đó với nhau và với tâm lí chung của nhóm, của lớp. Việc thiết kế môi trường học tập phù hợp trong DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT luôn gắn với những ứng dụng thực tiễn của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Xác định các kỹ thuật phản hồi, giám sát, đánh giá và điều chỉnh học tập trong DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT.

Xác định rõ kỹ thuật phản hồi, cụ thể hóa và thông báo cho HS chuẩn bị và tiến hành. GV chỉ can thiệp khi các nhóm hoặc cá nhân gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. GV luôn quan sát và tiếp cận thông tin phản hồi từ HS trong quá trình dạy học tích hợp.

Biện pháp 2: Tích hợp mục tiêu GD KNS với mục tiêu môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

a) Mục tiêu của GD KNS và mục tiêu của GDTC cho học sinh THPT

Mục tiêu của GD KNS cho HS THPT gồm cung cấp thông tin, tri thức; xây dựng hoặc làm thay đổi hành vi của HS theo hướng tích cực, mang tính xây dựng đối với các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; giúp HS hiểu được những tác động mà hành vi và thái độ của mình có thể gây ra, có thái độ và hành vi tích cực đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, đối với các vấn đề của cuộc sống. Giúp HS có KNS biết ứng dụng những nguyên tắc phát triển bền vững vào cuộc sống của mình. Có thể khẳng định, GD KNS là trang bị cho các HS biết liên hệ hiện tại với tương lai, giúp các HS thích ứng với cuộc sống hiện đại không ngừng biến đổi.

Mục tiêu GDTC ở trường THPT Giúp HS biết lựa chọn môn thể thao phù hợp để rèn luyện sức khỏe; phát triển hoàn thiện thể chất; biết điều chỉnh chế độ sinh hoạt và tập luyện; có trách nhiệm với gia đình và xã hội; biết đánh giá và định hướng cho bản thân; khẳng định được giá trị riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung. Giúp HS hình thành và phát triển ý thức tự giác, sống có trách nhiệm, tự tin, trung thực, có tinh thần hợp tác thân thiện, thể hiện khát khao vươn lên, từ đó có những định hướng cho tương lai phù hợp với NL, sở thích cá nhân, đáp ứng xu thế hội nhập toàn cầu.

b) Mục đích và ý nghĩa của biện pháp

Đưa KNS vào các hoạt động GD trong nhà trường phổ thông là một trong những vấn đề hiện được các nhà quản lý GD cũng như dư luận xã hội quan tâm. Tích hợp mục tiêu GD KNS vào mục tiêu môn GDTC là một trong số các biện pháp GD KNS cho HS THPT theo quan điểm GD tích hợp. Theo đó, GD KNS được xác định như mục tiêu của GD THPT và cần phải tích hợp trong tất cả các môn học và các hoạt động trong nhà trường, đặc biệt là trong môn học GDTC.

c) Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Để tích hợp mục tiêu GD KNS trong dạy học môn GDTC, vấn đề đầu tiên cần quan tâm là tổ chức các hoạt động theo tiếp cận KNS. Quá trình tích hợp mục tiêu GD KNS vào mục tiêu môn học GDTC gồm các công việc sau:

- Thiết kế các mục tiêu của GD KNS: Mục tiêu của GD KNS được thiết kế cho chương trình GD KNS đối với từng lứa tuổi HS THPT (khối lớp) và với từng KNS cụ thể cần hình thành và phát triển cho HS ở từng khối lớp. Trong đó, thiết kế mục tiêu cho từng KNS cụ thể là quan trọng nhất vì nó cụ thể hóa mục tiêu chung của GD KNS cho HS THPT và là chất liệu để tích hợp vào các nội dung của môn học GDTC. Mục tiêu đó phải bao hàm các lĩnh vực học tập của HS khi tiếp cận KNS như tri thức, kỹ năng và thái độ.

- Phân tích các mục tiêu của môn học GDTC để tích hợp mục tiêu của GD KNS. Mục tiêu của môn học GDTC cho HS THPT đã được hoạch định trong nội dung môn học GDTC. Do vậy, cần phân tích các mục tiêu này, đặc biệt là các mục tiêu của mỗi tiết học trong chương trình môn học GDTC của từng khối lớp để lựa chọn các mục tiêu phù hợp với mục tiêu GD KNS là cơ sở cho việc tích hợp trong thực tế giảng dạy.

- Thể hiện mục tiêu tích hợp của GD KNS và môn học GDTC. Đây là bước cuối cùng của quá trình tích hợp mục tiêu của GD KNS với mục tiêu môn học GDTC. Sản phẩm của bước này là mục tiêu tích hợp của GD KNS và môn học GDTC được thể hiện cho từng tiết học của môn học GDTC theo khối lớp HS ở các trường THPT. Như vậy, các mục tiêu tích hợp được xác định là cơ sở để thiết kế nội dung cho mỗi tiết học của môn học GDTC. Việc thực hiện chủ đề này cho phép thực hiện đồng thời cả mục tiêu của GD KNS và mục tiêu của môn học GDTC.

d) Điều kiện để thực hiện biện pháp

Để tích hợp mục tiêu GD KNS trong dạy học môn GDTC cho HS THPT, ngoài việc phải nắm vững kỹ thuật xác định mục tiêu dạy học, GD và chương trình giảng dạy ở các trường THPT, người thiết kế còn phải nắm vững các khái niệm công cụ và bản chất của quan điểm sư phạm tích hợp.

Biện pháp 3: Thiết kế một số tiết học tích hợp GD KNS phù hợp với nội dung môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

a) Mục đích và ý nghĩa của biện pháp

Thiết kế một số giáo án GD KNS phù hợp với các nội dung, hoạt động trong dạy học môn GDTC là tích hợp nội dung GD KNS vào nội dung môn học GDTC cho HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Biện pháp cho phép tạo ra nội dung GD

thống nhất giữa nội dung GD KNS và nội dung môn học GDTC. Biện pháp này không chỉ có ý nghĩa với việc thực hiện tốt các nội dung GD KNS mà còn có tác dụng trong việc tạo sức hấp dẫn cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nội hàm của biện pháp là luôn làm mới các hình thức thực hiện theo từng giáo án cụ thể; đa dạng hóa các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động để thu hút HS tích cực tham gia vào các hoạt động của môn học. Sự mới lạ bao giờ cũng có sức hấp dẫn đối với HS THPT, tạo cho các em say mê khám phá. Nếu các hoạt động nội dung đơn điệu, hình thức không phong phú, HS dễ chán nản hoặc thờ ơ.

Việc thiết kế các chủ đề GD KNS phù hợp với các tiết học trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1. Phân tích chương trình môn học GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột để xác định những tiết học nào của chương trình có thể thiết kế được các chủ đề về GD KNS: Căn cứ vào phân phối chương trình môn học GDTC của từng khối, thiết kế phân tích các nội dung và hình thức hoạt động của từng tiết học thuộc chương trình để xác định có thể thiết kế được các chủ đề GD KNS nào làm cơ sở cho việc tích hợp vào nội dung hình thức hoạt động trong dạy học môn GDTC.

Bước 2. Thiết kế các chủ đề giáo dục KNS để tích hợp vào nội dung môn học GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột:

Sau khi đã xác định được các KNS có thể được tích hợp trong nội dung, hoạt động để thực hiện các tiết học môn GDTC, bước tiếp theo là thiết kế chủ đề để giáo dục kỹ năng đó cho HS.

c) Điều kiện để thực hiện biện pháp

- GV phải nắm vững chương trình, phân phối chương trình môn học GDTC của từng khối, đặc biệt là khối trực tiếp giảng dạy.

- Giáo viên nắm được nội dung của các KNS cơ bản cần GD cho HS; GV phải có kỹ năng thiết kế hoạt động GD, thiết kế kế hoạch, giáo án dạy học theo quan điểm dạy học tích cực.

- Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng yêu cầu tối thiểu về các phương tiện phục vụ chủ đề đã được thiết kế.

Biện pháp 4: Xây dựng tiêu chí đánh giá tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

a) Mục đích và ý nghĩa của biện pháp

Kiểm tra, đánh giá là một trong những khâu quan trọng của quá trình dạy học và GD. Xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sẽ giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình, HS tự đánh giá được các khả năng của bản thân.

Xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột giúp:

- Nhận định thực trạng tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột từ đó giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. Thông qua đó GV cũng phải nhận ra ưu điểm và hạn chế của mình để đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực DHTH cho bản thân.

- Làm sáng tỏ mức độ đạt được các KN so với khung GD KNS để điều chỉnh hoạt động học tập. Sử dụng kết quả đánh giá này để hoàn thiện khung GD KNS.

- Kết quả của đánh giá chính là cơ sở để các nhà quản lý xây dựng lại chương trình môn học cho phù hợp.

b) Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Đánh giá tích hợp GD KNS là một quá trình tích hợp kiến thức và kỹ năng và thái độ cùng với ứng dụng thực tế. Đánh giá sẽ bao gồm một loạt các kiến thức, kỹ năng. Biện pháp này bao gồm các nội dung sau:

- So sánh, đối chiếu KNS được hình thành và phát triển trong quá trình học tập với khung KNS đã đề xuất.

- Trong quá trình đánh giá phải công bố kết quả mà HS đạt được để họ hiểu rõ mức độ các KNS của bản thân.

- Cung cấp cho GV khung KNS của HS để làm cơ sở xác định các nội dung đánh giá.

c) Điều kiện để thực hiện biện pháp

Để thực hiện được biện pháp này cần xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá theo tiếp cận khả năng người học.

- Xác định mục tiêu đánh giá: Mục tiêu đánh giá phải rõ ràng, các mục tiêu phải được biểu hiện dưới dạng có thể quan sát được, định lượng được. Từ đó mới đánh giá được phạm vi hình thành KNS của HS. Cho nên khi xác định mục tiêu đánh giá cần lưu ý:

+ Đánh giá KNS phải là một quá trình tích hợp kiến thức và kỹ năng cùng với ứng dụng thực tế. Đánh giá sẽ bao gồm một loạt các kiến thức, kỹ năng đủ để chứng minh KNS.

+ Đảm bảo độ tin cậy: Việc đánh giá KNS của HS phải dựa trên những bằng chứng cụ thể, những bằng chứng thu thập được qua từng hoàn cảnh, tình huống cụ thể. Khi đánh giá cần sử dụng nhiều phương pháp và phương tiện khác nhau để tăng độ tin cậy.

- Xây dựng thanh rubric tiêu chí đánh giá tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

+ GV đánh giá thông qua giảng dạy các môn nghiệp vụ. Kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

+ Hoạt động tự đánh giá của HS: GV công bố khung GDKNS và bảng tiêu chí đánh giá để HS tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân, từ đó xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

+ Đánh giá đồng đẳng: HS sẽ tham gia vào việc đánh giá sản phẩm là giáo án tích hợp, công việc của các bạn ở trong nhóm, lớp.

Tiến hành đánh giá: GV cũng như chính bản thân HS sẽ là người thu thập các chứng cứ để chứng minh đã hình thành được các mức độ so với tiêu chí nghề nghiệp.

c) Điều kiện thực hiện biện pháp

- Xác định được mục tiêu đánh giá phải rõ ràng, các mục tiêu phải được biểu hiện dưới dạng có thể quan sát được, định lượng được. Từ đó mới đánh giá được phạm vi tiến hành tích hợp GD KNS cụ thể của HS.

- GV phải giữ vai trò chủ đạo trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, công cụ đánh giá. GV phải có trình độ chuyên môn vững vàng, nghiệp vụ sư phạm giỏi và luôn có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật những kiến thức mới liên quan đến tích hợp GD KNS ở THPT. GV phải có kiến thức, hiểu biết về đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận KNS, hiểu rõ các triết lý đánh giá đang được sử dụng hiện nay để áp dụng vào hoạt động đánh giá.

- GV phải đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá, cụ thể:

+ Đánh giá được khả năng HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được để soạn được một giáo án tích hợp và thực hiện bài dạy tích hợp.

+ Mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của người học so với chính họ thay vì đánh giá, xếp hạng giữa người học với nhau.

+ Kết quả của kiểm tra, đánh giá là quá trình thực hiện được nhiệm vụ càng khó và phức tạp hơn sẽ được coi là có KN cao hơn.

+ Đánh giá thông qua sản phẩm của HS (giáo án tích hợp).

- HS phải tự giác, tích cực, chủ động trong đánh giá KNS, được thể hiện ở những điều sau:

+ Nhận thức rõ vai trò của đánh giá tích hợp KNS đối với môn học GDTC để thực hiện một cách tự giác và có trách nhiệm đối với hoạt động này.

+ Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm trong quá trình đánh giá, tự đánh giá và đánh giá bạn học. Tự đánh giá và đánh giá bạn học một cách khách quan theo tiêu chí đã đề ra, không thiên vị hoặc đánh giá thiếu chính xác. Trong quá trình đánh giá HS cần chỉ ra những ưu, nhược điểm của bản thân và đề xuất hướng sửa chữa, khắc phục những nhược điểm đó.

3.2.5. Thiết kế quy trình dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất

a) Phân tích chương trình môn học giáo dục thể chất

Bước này nhằm xác định nội dung học tập phù hợp với nội dung dạy học môn

giáo dục thể chất ở trường THPT, thiết kế mục tiêu học tập, yêu cầu học tập trong dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất, xác định các phương tiện và các học liệu đáp ứng mục tiêu và nội dung học tập phù hợp, dự kiến các hình thức tổ chức học tập bao gồm qui mô, địa điểm, không gian, cảnh quan và thời gian.

Tương ứng với các nội dung học tập cần xác định các nhiệm vụ học tập và tương ứng với các nhiệm vụ học tập phải xác định từng nhiệm vụ cụ thể của cá nhân và của nhóm học tập. GV phải luôn đóng vai trò là người tổ chức hướng dẫn, quản lí, giúp đỡ học sinh trong quá trình thực hiện.

b) Nghiên cứu học sinh và điều kiện dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất

Qua quan sát để hiểu rõ các phong cách tập luyện, thể lực và những đặc điểm cá nhân của HS. Đó là căn cứ cơ bản để gợi ý HS ghép nhóm tập luyện, phân công nhiệm vụ và thực hiện vai trò tư vấn, giám sát HS khi tiến hành tập luyện, luôn tư vấn giúp đỡ khi học sinh gặp khó khăn trong quá trình hoạt động.

Nghiên cứu các điều kiện tập luyện trong dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất là căn cứ lựa chọn hình thức hoạt động, phương tiện và học liệu phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

c) Thiết kế các hoạt động của học sinh và giáo viên trong dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất

Tổ chức các nội dung học tập dưới dạng hoạt động, với nhiều phương án hoạt động của HS. Các hình thức hoạt động thích hợp với dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất thường sử dụng hỗn hợp các phương pháp dạy học tích cực như dạy học hoàn chỉnh, dạy học phân giải, trò chơi, thi đấu,... nghiên cứu trường hợp điển hình, giải quyết vấn đề, nghiên cứu bài học và các chiến lược phát triển giá trị.

Các hoạt động của học sinh phải đồng thời đảm bảo 2 loại yêu cầu sau:

- Thích hợp với các nguyên tắc dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất, phải là những hoạt động để phát huy năng lực của học sinh, năng lực cá nhân, năng lực hợp tác trong dạy học.

- Tạo cơ hội để HS trực tiếp thực hành, trải nghiệm các hoạt động khác nhau bao gồm: Hoạt động trò chơi, thi đấu,... kiến thức thực tiễn để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Tương ứng với các nguyên tắc dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất và các hoạt động của HS, cần xác định các nhiệm vụ hoạt động của GV, hoạt động của GV căn bản mang tính tổ chức hỗ trợ, quản lí, điều chỉnh, tư vấn, không thực hiện thay HS trong quá trình dạy học. Đây chính là thiết kế phương pháp dạy học của GV.

d) Thiết kế môi trường dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất

Đó là tổ chức các yếu tố môi trường như qui mô và thành phần nhóm, các yếu tố khách quan, các quan hệ giao tiếp, các nội quy, quy định trong thực hiện động tác, cách thức và qui tắc hành vi, các tình huống dạy học, liên hệ giữa các tình huống đó với nhau và với tâm lí chung của nhóm, của lớp. Việc thiết kế các môi trường học tập trong dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất luôn gắn với những ứng dụng thực tiễn của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

e) Xác định các kỹ thuật phản hồi, giám sát, đánh giá và điều chỉnh học tập trong dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất

Ngay cả mảng này cũng tập trung vào HS. Những chuẩn bị như thế nào cần được cụ thể hóa thông báo cho HS để các em chuẩn bị và tiến hành. GV chỉ can thiệp khi các nhóm hoặc cá nhân gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. GV luôn quan sát và tiếp cận thông tin phản hồi từ HS trong quá trình dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất.

Tiểu kết mục tiêu 2:

1. Nghiên cứu xây dựng thành công kế hoạch thực nghiệm ứng dụng 04 biện pháp DHTH giáo dục KNS (thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm) vào trong các giờ học GDTC cho HS tại đơn vị thực nghiệm (trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long). Quá trình thực nghiệm được tiến hành trong năm học 2022 - 2023 (từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023). Thiết kế

hoạt động thực nghiệm được nghiên cứu tiến hành từ hoạt động tập huấn (cho các đối tượng tham gia nghiên cứu trước quá trình thực nghiệm) đến việc kiểm tra đánh giá đối tượng (sau thực nghiệm). Các quy trình và hoạt động thực nghiệm được xây dựng trước theo các tiêu chuẩn nghiên cứu khoa học, đảm bảo tính tin cậy và phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế.

2. Trên cơ sở lí luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng được 4 biện pháp tích hợp GDKHS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đó là: Xây dựng kế hoạch và chương trình tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; Tích hợp mục tiêu GD KNS với mục tiêu môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; Thiết kế một số tiết học tích hợp GD KNS phù hợp với nội dung môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; Xây dựng tiêu chí đánh giá tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Các biện pháp đưa ra đều nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của người học. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích HS có thái độ tích cực trong rèn luyện, tạo ra động cơ học tập bên trong của mỗi HS.

4. Ngoài ra để thực hiện tốt các biện pháp nêu trên cần trang bị cho ý thức học tập khoa học, hiện đại, thay đổi phương thức học tập truyền thống; trang bị các nguồn lực cần thiết cho việc rèn luyện, đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhà trường để HS có cơ hội phát triển các kỹ năng cần thiết.

5. Trên cơ sở các biện pháp, tác giả tiến hành thiết kế quy trình dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn giáo dục thể chất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

3.3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.3.1. Khái quát về thực nghiệm

3.3.1.1. Quy trình thực nghiệm

Bước 1: Chuẩn bị thực nghiệm.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch và tập huấn cho GV dạy môn GDTC tại các trường thực nghiệm.

Với mục đích phản ánh đúng thực tế của thực nghiệm về DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột các GV tham gia quá trình thực nghiệm được tập huấn, hướng dẫn một cách chi tiết nhất thông qua các bài giảng DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột do nghiên cứu chuẩn bị và thực hiện mẫu.

Tiến hành tổ chức thảo luận với các GV nhằm đưa ra cách thức đánh giá các bước thực hiện tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thông qua việc chuẩn bị tiến trình bài dạy tích hợp GD KNS sống cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột gồm: Xác định chủ đề, xây dựng giáo án, phân công nhiệm vụ cụ thể theo nhóm và cá nhân để HS chuẩn bị, thực hiện tiến trình lên lớp DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Bước 3: Tiến hành thực nghiệm.

- Khảo sát đầu vào của HS: Đo lường mức độ đạt được;
- Thực hiện đánh giá các KNS đã nêu trong phần giới hạn thực nghiệm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực nghiệm.

- Xử lý kết quả về mặt định lượng;
- Xử lý kết quả về mặt định tính.

3.3.1.2. Đối tượng, nội dung, hình thức thực nghiệm và đánh giá kết quả

- **Khách thể thực nghiệm:** 579 HS khối 11 trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- **Nội dung thực nghiệm:** Tổ chức thực nghiệm lồng ghép một số KNS trong dạy học môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

bằng cách thiết kế và tổ chức thực hiện tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC bằng các tiết học cụ thể.

- **Hình thức thực nghiệm:** Hình thức thực nghiệm so sánh trình tự (tự đối chiếu).

- **Tiêu chí đánh giá:** Đánh giá hiệu quả việc tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột mới được xây dựng thực nghiệm thông qua việc sử dụng các tiêu chí đánh giá định lượng và định tính do nghiên cứu xác định và lựa chọn.

Đánh giá định lượng: Thể lực của HS khối 11 tại THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long sau thực nghiệm ứng dụng các biện pháp do luận án lựa chọn và tiến hành ứng dụng thực nghiệm. Phương tiện đánh giá: Luận án sử dụng các test đánh giá thể lực Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT về đánh giá, xếp loại thể lực HSSV

Đánh giá định tính: KNS của HS khối 11 tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long sau thực nghiệm ứng dụng các biện pháp do Luận án lựa chọn và tiến hành ứng dụng thực nghiệm. Phương tiện đánh giá: Luận án sử dụng bộ tiêu chí đánh giá rubric để đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời luận án tiến hành đánh giá từ góc độ nhận thức của HS sau thời gian thực nghiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm.

3.3.1.3. Địa điểm, thời gian thực nghiệm

- **Địa điểm thực nghiệm:** Thực nghiệm tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long.

- **Thời gian thực nghiệm:** Năm học 2022 - 2023 (từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023).

3.3.2. Đánh giá hiệu quả việc tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học môn giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.3.2.1. Đánh giá kết quả thể lực

Trước khi tiến hành thực nghiệm và kết thúc thời gian thực nghiệm (năm học 2022 – 2023), năng lực thể chất của của 579 HS khối 11 tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long được kiểm tra. Trong đó có 255 HS nam và 324 HS nữ. Sử dụng 6 test đánh giá thể lực theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực cho HS gồm: Lực kế tay thuận (kg); Nằm ngửa gập bụng (lần/30giây); Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 30m XPC (giây); Chạy con thoi 4x10m (giây); Chạy tùy sức 5 phút (m). Kết quả kiểm tra được thể hiện qua bảng 3.36, bảng 3.37 và bảng 3.38.

Bảng 3.36. Kết quả kiểm tra các test đánh giá thể lực của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm (n = 579)

TT	Tiêu chí đánh giá	HS nam (255)				HS nữ (324)			
		\bar{x}	σ	$C_v\%$	ϵ	\bar{x}	σ	$C_v\%$	ϵ
1	Lực bóp tay thuận (kg)	42.66	2.12	4.97	0.05	28.32	2.97	10.49	0.05
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	19.14	3.81	19.91	0.05	14.74	1.72	11.67	0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	213.87	11.04	5.16	0.05	162.89	7.11	4.36	0.05
4	Chạy 30m XPC (s)	5.19	0.25	4.82	0.05	6.23	0.56	8.99	0.05
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	11.82	0.73	6.18	0.05	12.43	0.94	7.56	0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1018.3	26.89	2.64	0.05	885.16	37.23	4.21	0.05

Số liệu tại bảng 3.36 cho thấy, hệ số biến thiên (C_v), tham số (σ) phản ánh độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu, quần thể; Ở tất cả các chỉ số của khách thể nghiên cứu cho thấy:

- Đối với thể lực của nhóm HS nam: Các chỉ số có độ đồng nhất cao (đồng nghĩa với độ phân tán dao động nhỏ) giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v < 10\%$): Lực bóp tay thuận (kg); bật xa tại chỗ (cm); chạy 30m XPC (s); chạy con thoi 4x10m (s); chạy tùy sức 5 phút (m) và chỉ duy nhất nằm ngửa gập bụng (lần) là chỉ số có độ đồng nhất trung bình ($10\% < C_v \leq 20\%$).

- Đối với thể lực của nhóm HS nữ: Cả các chỉ số có độ đồng nhất cao (đồng nghĩa với độ phân tán dao động nhỏ) giữa các cá thể nghiên cứu ($Cv < 10\%$): Bật xa tại chỗ (cm); chạy 30m XPC (s); chạy con thoi 4x10m (s); chạy tùy sức 5 phút (m); các chỉ số lực bóp thuận tay (kg) và nằm ngửa gập bụng (lần) có độ đồng nhất trung bình ($10\% < Cv \leq 20\%$).

Bảng 3.37. Mức độ tăng trưởng thành tích các test thể lực HS nam và nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm

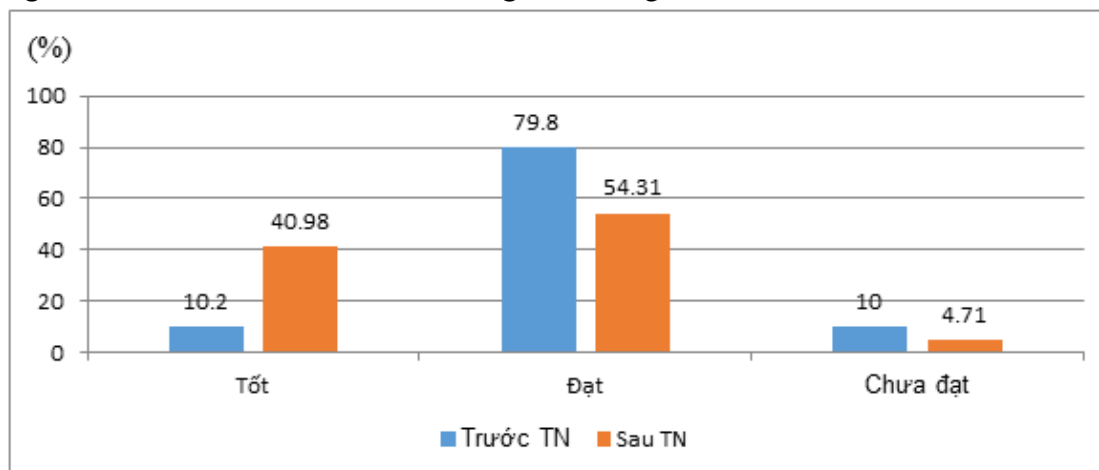
Nam (n=255)						
TT	Test	Trước TN	Sau TN	W%	t	p
1	Lực bóp tay thuận (kg)	38.32±2.67	42.66±2.12	10.72	6.83	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	15.76±5.03	19.14±3.81	19.37	11.94	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	204.24±15.87	213.87±11.04	4.61	13.95	<0.001
4	Chạy 30m XPC (giây)	5.83±0.37	5.19±0.25	11.62	6.18	<0.001
5	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	12.34±0.85	11.82±0.73	4.30	8.81	<0.001
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	942.6±33.78	1018.3±26.89	7.72	5.04	<0.001
Nữ (n=324)						
1	Lực bóp tay thuận (kg)	26.86±2.81	28.32±2.97	5.29	23.46	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	13.23±3.12	14.74±1.72	10.80	9.27	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	151.58±10.83	162.89±7.11	7.19	7.14	<0.001
4	Chạy 30m XPC (giây)	6.79±0.86	6.23±0.56	8.60	14.06	<0.001
5	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	13.01±1.07	12.43±0.94	4.56	6.72	<0.001
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	841.39±52.96	885.16±37.23	5.07	5.78	<0.001

Qua các bảng 3.37 thấy rằng: Ở cả 2 nhóm HS nam và nữ thực nghiệm tại trường THPT Thực hành Cao Nguyên đều có sự tăng trưởng về thể lực sau thực nghiệm và sự khác biệt ở ngưỡng xác suất $p < 0.001$.

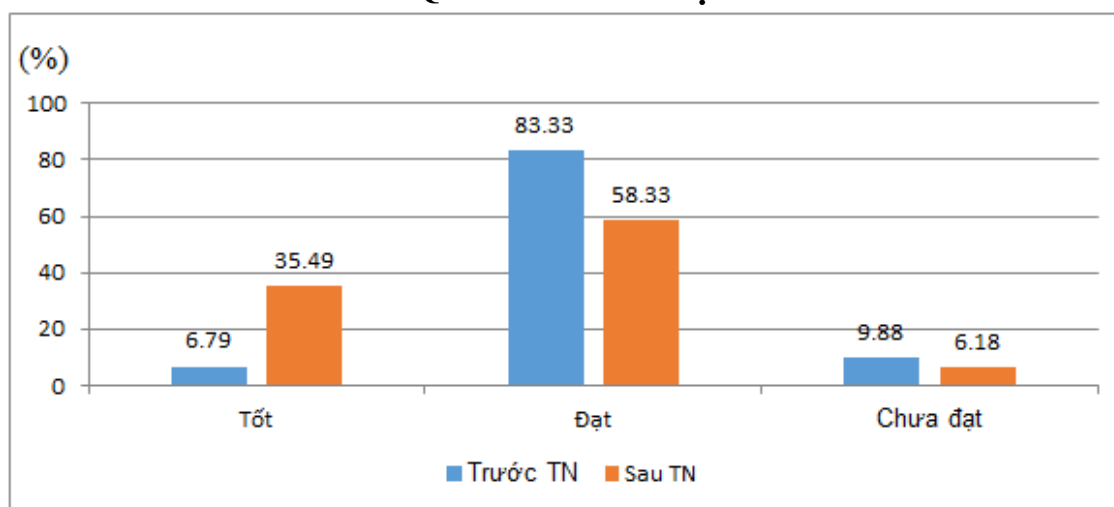
Bảng 3.38. Kết quả phân loại thể lực của HS nam - nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm (theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT)

TT	Test	Trước TN						Sau TN					
		Tốt		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Đạt		Chưa đạt	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
HS nam (n = 255)													
1	Lực bóp tay thuận (kg)	33	12.94	195	76.47	27	10.59	102	40.00	141	55.29	12	4.71
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	27	10.59	216	84.71	12	4.71	87	34.12	159	62.35	9	3.53
3	Bật xa tại chỗ (cm)	21	8.24	219	85.88	15	5.88	111	43.53	138	54.12	6	2.35
4	Chạy 30m XPC (s)	33	12.94	201	78.82	21	8.24	117	45.88	123	48.24	15	5.88
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	15	5.88	204	80.00	36	14.12	84	32.94	153	60.00	18	7.06
6	Chạy tuý sức 5 phút (m)	27	10.59	186	72.94	42	16.47	126	49.41	117	45.88	12	4.71
HS nữ (n = 324)													
1	Lực bóp tay thuận (kg)	30	9.26	261	80.56	33	10.19	132	40.74	171	52.78	21	6.48
2	Nằm ngửa gập bụng (lần)	24	7.41	273	84.26	27	8.33	114	35.19	189	58.33	21	6.48
3	Bật xa tại chỗ (cm)	21	6.48	282	87.04	21	6.48	135	41.67	171	52.78	18	5.56
4	Chạy 30m XPC (s)	18	5.56	282	87.04	24	7.41	114	35.19	198	61.11	12	3.70
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	15	4.63	270	83.33	39	12.04	81	25.00	213	65.74	30	9.26
6	Chạy tuý sức 5 phút (m)	24	7.41	252	77.78	48	14.81	114	35.19	192	59.26	18	5.56

Qua bảng 3.38 cho thấy ở cả 2 nhóm HS nam và nữ sau thực nghiệm số lượng HS đạt kết quả kiểm tra thể lực ở 6 test tăng so với trước thực nghiệm. Đặc biệt, sau thực nghiệm tỷ lệ HS đạt kết quả kiểm tra thể lực loại tốt cao hơn hẳn, đồng thời tỷ lệ HS không đạt tiêu chuẩn kiểm tra thể lực đã giảm xuống, được thể hiện tại biểu đồ 3.4 và 3.5.



Biểu đồ 3.4. So sánh kết quả xếp loại thể lực của HS nam THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT



Biểu đồ 3.5. So sánh kết quả xếp loại thể lực của HS nữ THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT

3.3.2.2. Đánh giá rubic

a. Đánh giá theo chuẩn thang rubic

- Kỹ năng thiết lập mục tiêu: Để đánh giá mức độ đạt được của HS về kỹ năng thiết lập mục tiêu trước khi tiến hành thực nghiệm, HS thực hiện các bài tập để đánh giá các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu và sử dụng thang rubric để đánh giá các tiêu chí đó. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.39.

Bảng 3.39. Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buon Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

TT	Mức độ Tiêu chí	Tốt				Trung bình				Yếu			
		Trước TN		Sau TN		Trước TN		Sau TN		Trước TN		Sau TN	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)													
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	17	8.50	67	33.50	124	62.00	88	44.00	59	29.50	45	22.50
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	42	21.00	73	36.50	118	59.00	100	50.00	40	20.00	27	13.50
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	4	2.00	49	24.50	130	65.00	114	57.00	66	33.00	37	18.50
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	15	7.50	55	27.50	109	54.50	86	43.00	76	38.00	59	29.50
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	23	11.50	65	32.50	111	55.50	92	46.00	66	33.00	43	21.50
Tổng cộng		101	10.10	309	30.90	592	59.20	480	48.00	307	30.70	211	21.10
Trường THPT Trần phú (n=244)													
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	13	5.33	77	31.56	157	64.34	100	40.98	74	30.33	67	27.46
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	34	13.93	85	34.84	145	59.43	115	47.13	65	26.64	44	18.03
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	10	4.10	55	22.54	167	68.44	132	54.10	67	27.46	57	23.36
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	19	7.79	63	25.82	124	50.82	98	40.16	101	41.39	83	34.02

5	Kế hoạch đạt mục tiêu	21	8.61	75	30.74	128	52.46	105	43.03	95	38.93	64	26.23
Tổng cộng		97	7.95	355	29.10	721	59.10	550	45.08	402	32.95	315	25.82
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (n=135)													
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	5	3.70	41	30.37	78	57.78	55	40.74	52	38.52	39	28.89
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	22	16.30	45	33.33	73	54.07	63	46.67	40	29.63	27	20.00
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	4	3.28	29	21.48	79	58.52	73	54.07	52	38.52	33	24.44
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	7	5.19	33	24.44	62	45.93	53	39.26	66	48.89	49	36.30
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	9	6.67	40	29.63	73	54.07	58	42.96	53	39.26	37	27.41
Tổng cộng		47	7.03	188	27.85	365	54.07	302	44.74	263	38.96	185	27.41

Từ số liệu ở bảng 3.39 có thể nhận thấy:

Trước thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt mức tốt ở các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu rất ít mà chủ yếu tập trung vào mức trung bình và yếu. Sau thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm. Ngược lại, tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình và yếu ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đều giảm so với trước thực nghiệm. Như vậy sau thực nghiệm có sự khác biệt đáng kể về kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS trước và sau thực nghiệm.

Để làm rõ hơn sự khác biệt về kết quả đạt được kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm, cụ thể:

Đối với trường THPT Thực hành Cao Nguyên tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 30.90% cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỉ lệ 10.10%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 48.00% giảm so với trước thực nghiệm là 59.20%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức yếu ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 21.10% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 30.70%.

Đối với trường THPT Trần Phú tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 29.10% cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỉ lệ 7.95%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 45.08% giảm so với trước thực nghiệm là 59.10%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức yếu ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 25.82% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 32.95%.

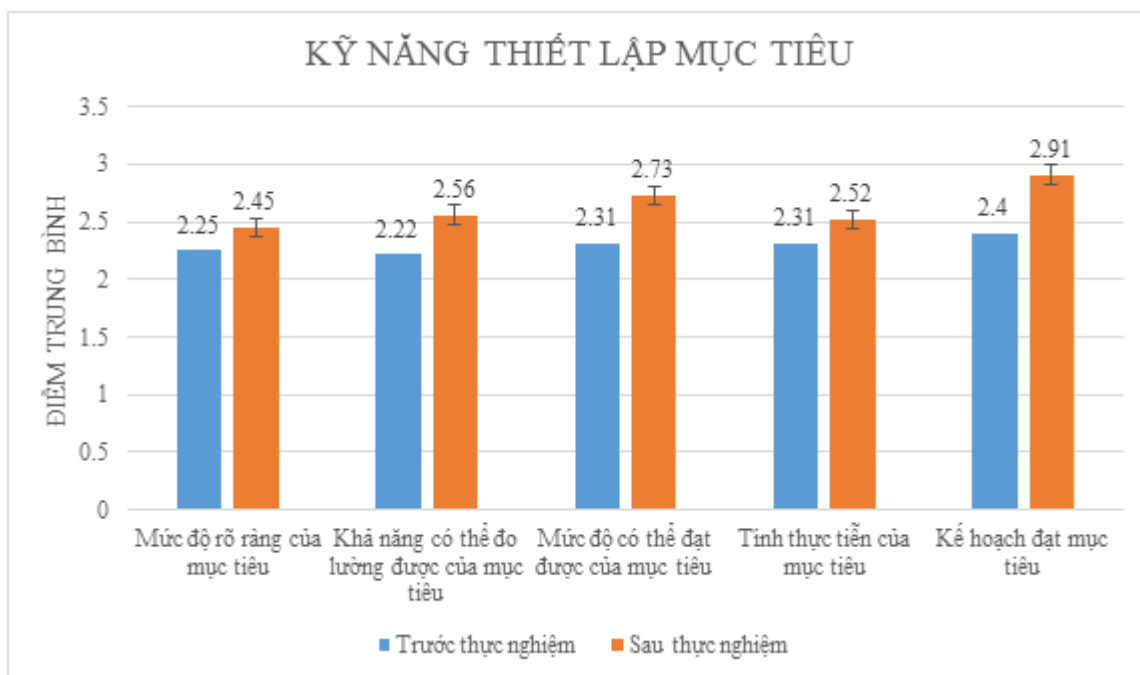
Đối với trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 27.85% cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỉ lệ 7.03%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 44.74% giảm so với trước thực nghiệm là 54.07%; tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức yếu ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỉ lệ 27.41% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 38.96%.

Để khẳng định tính chính xác về mức độ thực hiện các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu ban đầu đạt được, luận án thực hiện việc so sánh điểm trung bình bằng kiểm định t-test ghép cặp. Kết quả trình bày ở bảng 3.40.

Bảng 3.40. Kiểm định t-test kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

TT	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	Trước TN		Sau TN		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)						
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	2.31	0.29	2.49	0.33	0.05
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	2.29	0.31	2.61	0.42	0.05
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	2.37	0.17	2.73	0.21	0.05
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	2.36	0.12	2.51	0.15	0.05
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	2.53	0.32	2.95	0.32	0.05
Trường THPT Trần Phú (n=244)						
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	2.11	0.23	2.45	0.24	0.05
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	2.21	0.14	2.52	0.19	0.05
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	2.23	0.23	2.68	0.25	0.05
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	2.19	0.36	2.47	0.41	0.05
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	2.22	0.11	2.89	0.23	0.05
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (n=135)						
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	2.33	0.47	2.41	0.66	0.05
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	2.16	0.45	2.55	0.53	0.05
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	2.33	0.41	2.78	0.29	0.05
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	2.38	0.39	2.58	0.58	0.05
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	2.45	0.5	2.89	0.41	0.05

Kết quả thể hiện ở bảng 3.40 cho thấy: Kiểm định t-test với với ngưỡng ý nghĩa 0.05 cho biết có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của 5 tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu trước và sau thực nghiệm. Như vậy, có thể khẳng định mức độ thực hiện kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS sau thực nghiệm tốt hơn so với trước thực nghiệm, được thể hiện qua biểu đồ 3.6.



Biểu đồ 3.6. So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết lập mục tiêu của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

- Kỹ năng làm việc nhóm: Để đánh giá mức độ đạt được của HS về kỹ năng làm việc nhóm trước và sau khi tiến hành thực nghiệm, HS thực hiện các bài tập để đánh giá các tiêu chí làm việc nhóm và sử dụng thang rubric để đánh giá các tiêu chí đó. Số liệu sau khi thu được đã được đem xử lý thống kê và kết quả được thể hiện ở bảng 3.41.

Bảng 3.41. Kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

TT	Mức độ Tiêu chí	Tốt				Khá				Trung bình				Yếu			
		Trước TN		Sau TN		Trước TN		Sau TN		Trước TN		Sau TN		Trước TN		Sau TN	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)																	
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0	55	27.50	93	46.5	101	50.50	92	46	44	22.00	15	7.5	0	0
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0	53	26.50	41	20.5	103	51.50	134	67	44	22.00	25	12.5	0	0
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0	61	30.50	73	36.5	113	56.50	121	60.5	26	13.00	6	3	0	0
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0	57	28.50	79	39.5	111	55.50	93	46.5	32	16.00	28	14	0	0
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0	65	32.50	61	30.5	123	61.50	99	49.5	12	6.00	40	20	0	0
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	25	12.50	67	33.50	89	44.5	95	47.50	72	36	38	19.00	14	7	0	0
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0	61	30.50	68	34	109	54.50	96	48	30	15.00	36	18	0	0
Tổng cộng		25	1.79	419	29.93	504	36.00	755	53.93	707	50.50	226	16.14	164	11.71	0	0
Trường THPT Trần phú (n=244)																	
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0	63	25.82	91	37.3	124	50.82	134	54.92	57	23.36	19	7.79	0	0
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0	60	24.59	76	31.15	127	52.05	145	59.43	57	23.36	23	9.43	0	0
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0	70	28.69	116	47.54	139	56.97	114	46.72	35	14.34	14	5.74	0	0

4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0	65	26.64	106	43.44	136	55.74	118	48.36	43	17.62	20	8.2	0	0
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0	74	30.33	88	36.07	152	62.30	120	49.18	18	7.38	36	14.75	0	0
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	2	0.82	77	31.56	132	54.1	117	47.95	74	30.33	50	20.49	36	14.75	0	0
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0	70	28.69	89	36.48	134	54.92	123	50.41	40	16.39	32	13.11	0	0
Tổng cộng		2	0.12	479	28.04	698	40.87	929	54.39	828	48.48	300	17.56	180	10.54	0	0
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long (n=135)																	
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	0	0	33	24.44	52	38.52	67	49.63	64	47.41	35	25.93	19	14.07	0	0
2	Khả năng giải quyết vấn đề	0	0	32	23.70	26	19.26	68	50.37	75	55.56	35	25.93	34	25.19	0	0
3	Thái độ trong làm việc nhóm	0	0	37	27.41	47	34.81	75	55.56	78	57.78	23	17.04	10	7.41	0	0
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	0	0	34	25.19	53	39.26	74	54.81	64	47.41	27	20.00	18	13.33	0	0
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	0	0	40	29.63	42	31.11	82	60.74	69	51.11	13	9.63	24	17.78	0	0
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	12	8.89	41	30.37	66	48.89	63	46.67	46	34.07	31	22.96	11	8.15	0	0
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	0	0	37	27.41	45	33.33	72	53.33	69	51.11	26	19.26	21	15.56	0	0
Tổng cộng		12	1.27	254	26.88	331	35.03	501	53.02	465	49.21	190	20.11	137	14.50	0	0

Kết quả trình bày ở bảng 3.41 cho ta thấy rằng: Tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt và khá ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm. Ngược lại, tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình và yếu ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đều giảm so với trước thực nghiệm. Như vậy sau thực nghiệm có sự khác biệt đáng kể về kỹ năng làm việc nhóm của HS trước và sau thực nghiệm.

Để làm rõ hơn sự khác biệt về kết quả đạt được kỹ năng làm việc nhóm của HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột sau thực nghiệm, cụ thể:

Đối với trường THPT Thực hành Cao Nguyên tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 29.93% cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỷ lệ 1.79%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức khá ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 53.93% tăng mạnh so với trước thực nghiệm là 36.00%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình và yếu ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 16.14% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 62.21%.

Đối với trường THPT Trần Phú tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 28.04% cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỷ lệ 0.12%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức khá ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 54.39% tăng so với trước thực nghiệm là 40.87%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình và yếu ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 17.56% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 59.02%.

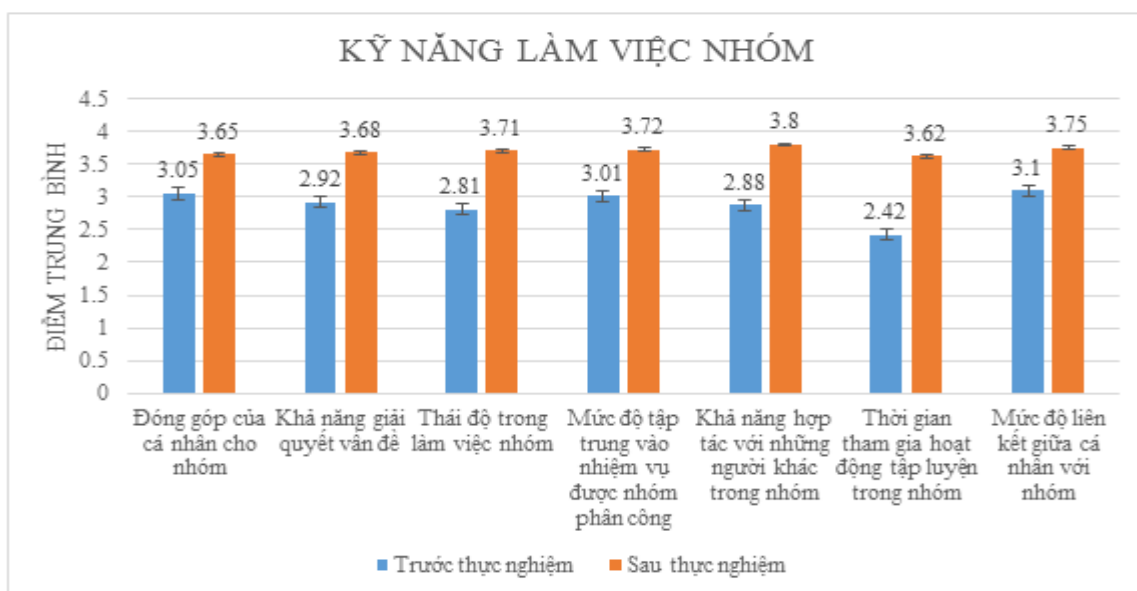
Đối với trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 26.88 % cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm với tỷ lệ 1.27%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức khá ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 53.02% tăng so với trước thực nghiệm là 35.03%; tỷ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức trung bình và yếu ở 7 tiêu chí sau khi thực nghiệm đạt tỷ lệ 20.11% giảm mạnh so với trước thực nghiệm là 63.70%.

Để khẳng định tính chính xác về mức độ thực hiện các tiêu chí của kỹ năng làm việc nhóm của HS, luận án thực hiện việc so sánh điểm trung bình của 7 tiêu chí trước và sau thực nghiệm bằng kiểm định t-test, với mức ý nghĩa 0.05.

Bảng 3.42. Bảng kiểm định t-test kết quả khảo sát các tiêu chí đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

TT	Kỹ năng làm việc nhóm	Trước TN		Sau TN		Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Trường THPT Thực hành Cao Nguyên (n=200)						
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	3.09	0.38	3.72	0.23	0.05
2	Khả năng giải quyết vấn đề	2.85	0.29	3.75	0.21	0.05
3	Thái độ trong làm việc nhóm	2.87	0.32	3.79	0.19	0.05
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	3.09	0.32	3.83	0.25	0.05
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	2.81	0.35	3.87	0.23	0.05
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	2.58	0.31	3.76	0.36	0.05
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	3.26	0.39	3.79	0.28	0.05
Trường THPT Trần Phú (n=244)						
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	2.97	0.45	3.45	0.27	0.05
2	Khả năng giải quyết vấn đề	2.95	0.28	3.63	0.18	0.05
3	Thái độ trong làm việc nhóm	2.86	0.35	3.64	0.21	0.05
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	3.11	0.31	3.72	0.25	0.05
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	2.83	0.22	3.78	0.16	0.05
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	2.32	0.34	3.69	0.24	0.05
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	3.11	0.33	3.71	0.27	0.05
Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Lơng (n=135)						
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	3.09	0.34	3.78	0.49	0.05
2	Khả năng giải quyết vấn đề	2.96	0.27	3.66	0.51	0.05
3	Thái độ trong làm việc nhóm	2.7	0.29	3.7	0.17	0.05
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	2.83	0.51	3.61	0.34	0.05
5	Khả năng hợp tác với những người khác trong nhóm	3	0.33	3.75	0.15	0.05
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	2.36	0.43	3.41	0.33	0.05
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	2.93	0.27	3.75	0.14	0.05

Kết quả thể hiện ở bảng 3.42 cho thấy: Kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của 7 tiêu chí của kỹ năng làm việc nhóm trước và sau thực nghiệm ở ngưỡng xác suất 0.05. Nói cách khác, kỹ năng làm việc nhóm của HS sau quá trình thực nghiệm là tốt hơn hẳn so với trước thực nghiệm, kết quả được thể hiện tại biểu đồ 3.7.



Biểu đồ 3.7. So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá kỹ làm việc nhóm của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột trước và sau thực nghiệm

b. Đánh giá theo tự báo cáo và cảm nhận của học sinh

- Tự đánh giá hiệu quả học tập theo nội dung thực nghiệm của nghiên cứu

Mức độ tự cảm nhận, đánh giá của HS về việc tiến hành DHTH giáo dục KNS trong môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tiến hành đánh giá thông qua phỏng vấn trực tiếp đối tượng thực nghiệm của nghiên cứu (579 HS khối 11 gồm trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long). Phiếu phỏng vấn được phân thành 3 phần liên quan đến kiến thức, kỹ năng và thái độ do các HS tự cảm nhận đạt được sau quá trình thực nghiệm của nghiên cứu.

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Tốt; Mức 2) Khá; Mức 3) Trung bình; Mức 4) Yếu; Mức 5) Kém. Quá trình phỏng vấn được thực hiện 2 lần. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.43.

Bảng 3.43. Mức độ tự cảm nhận của học sinh khi hoàn thành kế hoạch thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS của nghiên cứu (n = 579)

Mức độ	Kiến thức		Kỹ năng		Thái độ	
	n	%	n	%	n	%
HS nam (n = 225)						
Tốt	117	45.88	111	43.53	120	47.06
Khá	84	32.94	90	35.29	81	31.76
Trung bình	30	11.76	42	16.47	39	15.29
Yếu	24	9.41	9	3.53	15	5.88
Kém	0	0.00	3	1.18	0	0.00
Σ	255	100	255	100	255	100
HS nữ (n = 324)						
Tốt	147	45.37	132	40.74	150	46.30
Khá	105	32.41	111	34.26	111	34.26
Trung bình	54	16.67	60	18.52	45	13.89
Yếu	18	5.56	21	6.48	15	4.63
Kém	0	0.00	0	0.00	3	0.93
Σ	324	100	324	100	324	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của Luận án vào tháng 5/2023).

Kết quả thu được từ bảng 3.43 cho thấy: So với kết quả thu được từ đánh giá của các GV trước thực nghiệm, có sự thay đổi lớn về nhận thức tự đánh giá của chính các HS. Kết quả ghi nhận ở cả HS nam và nữ, tỷ lệ mức tốt, khá chiếm đa số ở cả 3 khía cạnh đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ (mức khá và tốt lần lượt đạt: $\approx 78\%$; 75% đến 78% ; 78% đến 80%). Kết quả thu được từ yếu tố thái độ thu được có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các hoạt động GD nói chung. Nhìn từ góc cạnh giáo dục nhân cách, việc hình thành thái độ học tập tốt được xác định là nền tảng cho sự nỗ lực học tập lâu dài của HS, thái độ tốt còn được xác định là chỉ tiêu quan trọng để có thể dự đoán kết quả học tập của chính các HS về sau.

- Tự đánh giá mức độ hứng thú đối với hoạt động học tập theo nội dung thực nghiệm của nghiên cứu

Mức độ tự cảm nhận, đánh giá của HS về việc tiến hành DHTH giáo dục KNS trong môn GDTC cho HS tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được tiến hành đánh giá thông qua phỏng vấn trực tiếp đối tượng thực nghiệm của nghiên cứu (579 HS khối 11 trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT TRẦN PHÚ, THPT Dân tộc NƠ TRANG LONG).

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất hứng thú; Mức 2) Hứng thú; Mức 3) Bình thường; Mức 4) Không hứng thú; Mức 5) Rất không hứng thú. Quá trình phỏng vấn được thực hiện 2 lần. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.44.

Bảng 3.44. Mức độ tự đánh giá về hứng thú của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đối với các giờ học thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS (n = 579)

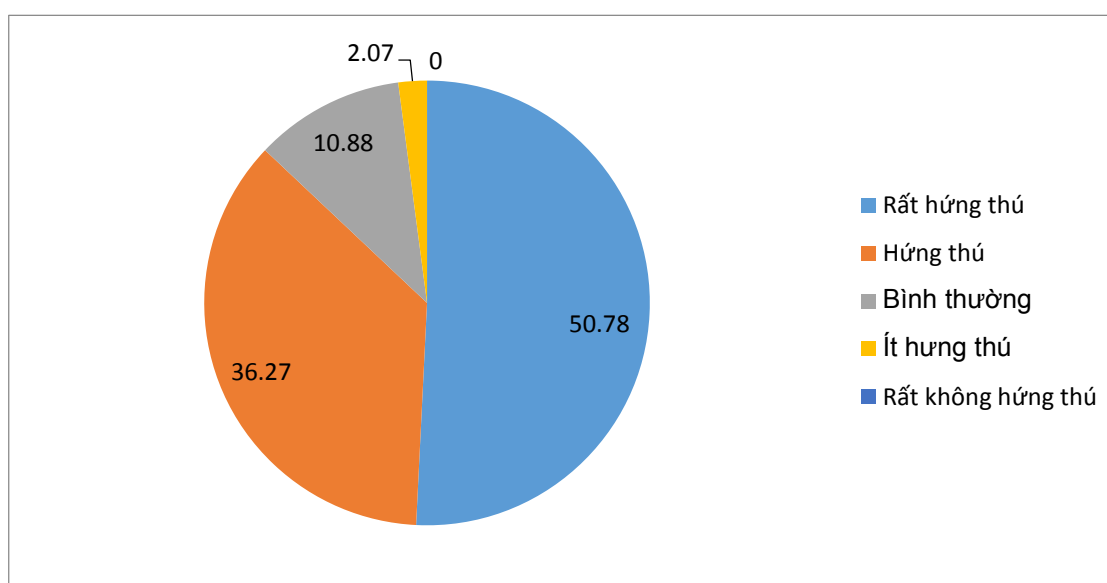
Mức độ	HS nam (n = 225)		HS nữ (n = 324)	
	N	%	n	%
Rất hứng thú	132	51.76	162	50.00
Hứng thú	93	36.47	117	36.11
Bình thường	27	10.59	36	11.11
Không hứng thú	3	1.18	9	2.78
Rất không hứng thú	0	0.00	0	0.00
Σ	255	100	324	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của Luận án vào tháng 5/2023).

Kết quả thu được từ bảng 3.44 cho thấy: Tỷ lệ HS xác nhận có hứng thú đến rất hứng thú chiếm tỷ lệ cao ở nhóm HS nam và nữ, tỷ lệ lần lượt = 88 và 86%. Mức độ hứng thú cao cho phép GV thuận lợi trong việc tiếp tục triển khai hướng DHTC tích hợp KNS mà nghiên cứu đã tiến hành vào các giờ giảng dạy sau nghiên cứu. Đồng thời cũng là điều kiện thuận lợi để các GV có thể thiết kế, triển khai các hướng phát triển công tác GDTC nhằm tăng cường lượng hoạt động thể chất và học tập cho HS trong tương lai.

Kết quả cũng khẳng định việc ứng dụng các biện pháp DHTH của nghiên cứu vào đối tượng thực tế đã kích thích và phát triển hứng thú tự thân của HS đối với môn học GDTC và nội dung thực nghiệm.

Không chỉ dừng lại phân tích kết quả ở trên, luận án còn tìm hiểu hứng thú của HS gặp trong quá trình thực nghiệm thông qua thu thập ý kiến của HS bằng phiếu điều tra sau khi tiến hành thực nghiệm. Kết quả thu được, được xử lý thống kê và thể hiện ở biểu đồ 3.8.



Biểu đồ 3.8. Mức độ hứng thú của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột khi tổ chức DHTH GD KNS trong dạy học môn GDTC

Kết quả biểu thị tại biểu đồ 3.2 cho thấy: 50.78% (294 HS) cảm thấy rất hứng thú; 36.27% (210 HS) khẳng định có hứng thú; 10.88% (63 HS) cho rằng bình thường; Chỉ có 2.07% (12 HS) cảm thấy ít hứng thú; Không có HS nào không hứng thú khi thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC. Như vậy, tỉ lệ HS cảm thấy hứng thú và rất hứng thú khi thực hiện DHTH giáo dục KNS cho HS trong dạy học môn GDTC đạt ở mức cao (đạt 87.05%).

- Nhận thức mức độ quan trọng của HS đối với việc DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC

Mức độ tự nhận thức tính quan trọng của việc DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC của HS tham gia nghiên cứu được đánh giá thông qua phỏng vấn tự báo cáo. Tổng số đối tượng tham gia phỏng vấn theo các giờ học đã tiến hành (phỏng vấn

được tiến hành vào giờ học cuối) trên các HS tại các đơn vị tiến hành thực nghiệm (579 HS khối 11 trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long).

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất quan trọng; Mức 2) Quan trọng; Mức 3) Bình thường; Mức 4) Ít quan trọng; Mức 5) Không quan trọng. Quá trình phỏng vấn được thực hiện 2 lần. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.45.

Bảng 3.45. Mức độ tự nhận thức tầm quan trọng của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đối với các giờ học thực nghiệm ứng dụng DHTH GD KNS (n = 579)

Mức độ	HS nam (n = 225)		HS nữ (n = 324)	
	n	%	n	%
Rất quan trọng	123	48.24	144	44.44
Quan trọng	84	32.94	108	33.33
Bình thường	42	16.47	54	16.67
Ít quan trọng	6	2.35	15	4.63
Không quan trọng	0	0.00	3	0.93
Σ	255	100	324	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của Luận án vào tháng 5/2023).

Kết quả thu được từ bảng 3.45 cho thấy: Tỷ lệ HS tự đánh giá mức độ quan trọng và rất quan trọng chiếm tỷ vượt trội, tỷ lệ lần lượt là 207/255 (chiếm tỷ lệ 81.18%) HS nam và 252/324 (chiếm tỷ lệ 77.77%) HS nữ. Như vậy, thông qua hoạt động thực nghiệm của nghiên cứu, các HS được tiếp xúc với nội dung giảng dạy tích hợp GD KNS trong môn GDTC, kết quả thu được về mức độ nhận thức tầm quan trọng đã cho thấy các HS tự nhận thức giá trị của hoạt động này mà trước đây các em chưa được trải qua. Sự đổi mới trong nhận thức cho thấy sự mở rộng về kiến thức kỹ năng, đồng thời cũng là sự chuyên biến về tư duy trong việc tiếp nhận nhưng phương pháp mới xen kẽ với nội dung truyền thống đơn điệu. Kết quả cũng xác nhận kết quả thu được về sự thay đổi thái độ của HS sau hoạt động thực nghiệm của nghiên cứu này.

- Nhận thức tự đánh giá về mức độ hiệu quả khi giáo viên tích hợp giảng dạy giáo dục kỹ năng sống thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm vào môn học GDTC

Mức độ tự nhận thức mức độ hiệu quả của hoạt động DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC của HS tham gia nghiên cứu được đánh giá thông qua phỏng vấn tự báo cáo. Tổng số đối tượng tham gia phỏng vấn theo các giờ học đã tiến hành (phỏng vấn được tiến hành vào giờ học cuối) trên các HS tại các đơn vị tiến hành thực nghiệm (579 HS khối 11 trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long).

Các mức độ phỏng vấn được chia thành 5 mức theo thứ tự tính cần thiết, quan trọng trong thực tế, cụ thể là: Mức 1) Rất hiệu quả; Mức 2) Hiệu quả; Mức 3) Bình thường; Mức 4) Ít hiệu quả; Mức 5) Không hiệu quả. Quá trình phỏng vấn được thực hiện 2 lần. Kết quả phỏng vấn được mô tả cụ thể thông qua bảng 3.46.

Bảng 3.46. Mức độ tự nhận thức của HS THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột về hiệu quả khi tích hợp giảng dạy GD KNS thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm vào môn học GDTC (n = 579)

Mức độ	HS nam (n = 225)		HS nữ (n = 324)	
	N	%	n	%
Rất hiệu quả	114	44.71	135	41.67
Hiệu quả	78	30.59	90	27.78
Bình thường	42	16.47	63	19.44
Ít hiệu quả	18	7.06	30	9.26
Không hiệu quả	3	1.18	6	1.85
Σ	225	100	324	100

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn của Luận án vào tháng 5/2023).

Kết quả thu được từ bảng 3.46 cho thấy: Tỷ lệ HS tự đánh giá mức độ hiệu quả và rất hiệu quả chiếm tỷ vượt trội, tỷ lệ lần lượt 192 HS nam và 225 HS nữ. Như vậy, thông qua hoạt động thực nghiệm của nghiên cứu, các HS được tiếp xúc với nội dung giảng dạy tích hợp GD KNS trong môn GDTC, kết quả thu được về mức độ nhận thức tính hiệu quả tổng thể đã cho thấy các HS tự nhận thức giá trị của hoạt động này mà trước đây các em chưa được trải qua. Tuy nhiên sự khác biệt về tỷ lệ của hai nhóm HS

nam và nữ có sự khác biệt, sự khác biệt được nghiên cứu xác định do tính chất và đặc điểm về giới đối với môn học chủ đạo là GDTC tác động đến tâm lý HS, theo đó các sự chú ý và hứng thú của nam đối với các hoạt động chủ đạo của giờ học GDTC cao hơn so với nữ, điều này cũng cần được chú ý trong các vấn đề xây dựng các kế hoạch giảng dạy và tích hợp các dạng KNS trong các môn học khác nhau.

Hơn nữa, theo quan điểm của nghiên cứu, sự đánh giá chủ quan từ HS còn nhiều hạn chế, lý giải cho vấn đề được đưa ra gồm: 1) HS có tính hạn chế về nhận thức liên quan đến các vấn đề kiến thức môn học, đồng thời cũng chưa có nhiều cơ hội thực sự trải nghiệm đa dạng các dạng dạy học tích hợp trong các môn học, vì vậy tính hứng thú có thể xuất hiện từ xuất phát điểm thấp và mang tính nhất thời, tính hiệu quả cũng vì vậy có thể bị đánh giá theo ảnh hưởng của mức độ hứng thú; 2) Sự biến đổi các hình thức ban đầu của giờ học quen thuộc thành các dạng giờ học tích cực cho phép HS tham gia và quá trình tổ chức lớp học, việc này cải thiện trạng thái tâm lý chung của HS, sự thay đổi tâm lý theo hướng tích cực có thể được xác định là một trong các nguyên nhân HS nhận định tính hiệu quả cao hơn so với các tiêu chí đánh giá quy định. Kết quả đánh giá có tính hạn chế và chủ quan của HS, tuy nhiên kết quả cũng cho thấy các HS đã có tính nhận thức về hiệu quả việc học theo phương pháp tích hợp GD KNS vào môn học GDTC cho HS.

Tiểu kết mục tiêu 3:

Kết quả kiểm tra định lượng thu được trong quá trình nghiên cứu cho thấy: Trước thực nghiệm, thể lực của các HS tham gia nghiên cứu có tính đồng nhất trung bình ($10\% < C_v \leq 20\%$). Sau thực nghiệm, thể lực của HS có sự khác biệt so với trước thực nghiệm, kết quả được xác nhận tại ngưỡng $p < 0.001$, hơn nữa tỷ lệ HS ở mức không đạt tại thời điểm sau thực nghiệm giảm so với trước thực nghiệm, ngược lại tỷ lệ HS ở mức đạt và tốt tăng lên đáng kể (đều tăng trên 20% ở tất cả các test).

Kết quả kiểm tra định tính thu được sau thực nghiệm cho thấy: Trước thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt mức tốt ở các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu rất ít mà chủ yếu tập trung vào mức trung bình và yếu. Sau thực nghiệm, tỉ lệ HS đạt các tiêu chí ở mức tốt ở 5 tiêu chí sau khi thực nghiệm cao hơn hẳn so với trước thực nghiệm (kết quả được xác nhận với $\text{sig.} = 0.05$). Kỹ năng làm việc nhóm, kết quả thu được sau thực

nghiệm thông qua kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của 7 tiêu chí của kỹ năng làm việc nhóm trước và sau thực nghiệm ở ngưỡng xác suất 0.05, căn cứ vào điểm số trung bình thu được cho thấy kết quả thu được của HS sau quá trình thực nghiệm tốt hơn hẳn so với trước thực nghiệm.

Kết quả đánh giá định tính từ chính các đối tượng thụ hưởng kế hoạch giảng dạy thực nghiệm là các HS khối 11 tại trường thực nghiệm là trường THPT Thực hành Cao Nguyên, THPT Trần phú, THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long cũng cho thấy: Tỷ lệ HS xác nhận có hứng thú đến rất hứng thú chiếm tỷ lệ cao ở nhóm HS nam và nữ, tỷ lệ lần lượt 88% và 86%; Tỷ lệ HS tự đánh giá mức độ quan trọng và rất quan trọng chiếm tỷ vượt trội, tỷ lệ lần lượt 207 và 252 của HS nam và nữ; Tỷ lệ HS tự đánh giá mức độ hiệu quả và rất hiệu quả chiếm tỷ vượt trội, tỷ lệ lần lượt 192 và 225 của HS nam và nữ.

Như vậy, kết quả đánh giá từ định lượng, định tính (theo tiêu chuẩn và theo chủ quan của HS) đều xác nhận hiệu quả sau thực nghiệm thu được tốt hơn so với trước thực nghiệm về cả thể lực (tại ngưỡng xác suất $p < 0.001$), kỹ năng sống (sig. = 0.05) và cảm nhận chủ quan từ HS (trên 68% HS lựa chọn ở các mức ưu tiên tốt mức 1 và 2).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Qua các bước tổng hợp tài liệu, phỏng vấn và phân tích độ tin cậy nội tại, luận án xác định được các tiêu chí đánh giá tích hợp GDKNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột gồm: 01 tiêu chí đánh giá định lượng và 2 KNS với 12 tiêu chí đánh giá định tính để đánh giá thực trạng GDKNS cho học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay, giáo viên đã thực hiện dạy học tích hợp và dạy học tích hợp ở trường THPT trong dạy học môn GDTC được đánh giá ở mức độ cần thiết và rất cần thiết. Tuy nhiên, việc dạy học tích hợp ở trường THPT trong dạy học môn GDTC ở mức thường xuyên và thỉnh thoảng, nên hiệu quả chưa cao và chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình mới. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng trên, trong đó các yếu tố: Năng lực của giáo viên là yếu tố chủ quan và yếu tố cơ sở vật chất, tài liệu học tập là yếu tố khách quan có mức độ ảnh hưởng cao hơn cả.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn là cơ sở quan trọng để luận án xây dựng các biện pháp trong dạy học tích hợp GDKHS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Qua đánh giá các tiêu chí ở kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho thấy tỉ lệ HS đạt mức tốt rất ít mà chủ yếu tập trung vào mức trung bình và yếu.

Kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm là hai kỹ năng tỏ rõ sự phù hợp để tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các biện pháp tích hợp GDKHS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột mà luận án đã được tiến hành thực nghiệm và tỏ rõ tính khả thi. Đó là: (1) Xây dựng kế hoạch và chương trình tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; (2) Tích hợp mục tiêu GD KNS với mục tiêu môn GDTC cho HS ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; (3) Thiết kế một số tiết học tích hợp GD KNS phù hợp với nội dung môn GDTC cho HS ở các trường

THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; (1) Xây dựng tiêu chí đánh giá tích hợp GD KNS cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Các biện pháp mà luận án đưa ra đều nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của người học. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích HS có thái độ tích cực trong rèn luyện, tạo ra động cơ học tập bên trong của mỗi HS.

KIẾN NGHỊ

1) Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Các biện pháp tích hợp GDKHS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột mà luận án đã được tiến hành thực nghiệm và tỏ rõ tính khả thi. Vì vậy, Sở GD&ĐT có thể xem xét, cho phép áp dụng đại trà các chương trình giảng dạy, kế hoạch giảng dạy và các biện pháp tích hợp giáo dục KNS thông qua giảng dạy môn GDTC trong trường THPT.

2) Đối với các trường THPT

Kiến nghị các nhà trường, các GV tiếp tục tự học tự nghiên cứu các chương trình giảng dạy tích cực, phù hợp nhằm cung cấp cho HS các chương trình giảng dạy chất lượng, có tính thu hút và sự ủng hộ của HS. Kiến nghị trường THPT Thực hành Cao Nguyên, trường THPT Trần phú, trường THPT DTNT Nữ Trang Long tiếp tục sử dụng và hoàn thiện chương trình thực nghiệm cho các kế hoạch giảng dạy lâu dài trong môn GDTC và các môn học khác. Các trường THPT khác trong trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tham khảo và xây dựng kế hoạch tương đương nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo.

3) Đối với các nhà nghiên cứu

Kiến nghị các nhà nghiên cứu tiếp tục quan tâm đến vấn đề nghiên cứu đã tiến hành, trên cơ sở đó phát triển và mở rộng hướng nghiên cứu nhằm cung cấp hệ thống hoàn thiện các kế hoạch DHTH môn GDTC, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, chất lượng GD toàn xã hội nói chung.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Chu Vương Thìn, Lưu Thiên Sương, Trương Thị Hiền (2023), Thực trạng dạy học tích hợp trong môn giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, *Tạp chí khoa học và Đào tạo TDTT*, số 04/2023.
2. Chu Vương Thìn, Lưu Thiên Sương, Trương Thị Hiền (2023), “Life skills education for students in teaching physical at Buon Ma Thuot high school”, *Quantum Journal of Social Sciences and Humanities* (QJSSH) eISSN: 2716-6481.
3. Chu Vương Thìn, Lưu Thiên Sương, Trương Thị Hiền (2023), “The effective integration assessment of life skills education for students in teaching physical education at high schools in Buon Ma Thuot city”, *International Journal of Social Science And Human Research* ISSN (print): 2644-0679, ISSN (online): 2644-0695.
4. Chu Vương Thìn, Lưu Thiên Sương, Trương Thị Hiền (2023), Thực trạng thể lực của học sinh trung học phổ thông trên địa thành phố Buôn Ma Thuột, *Tạp chí khoa học và Đào tạo thể thao*, số 26, 12-2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

- 1 Phạm Thị Kim Anh (2012), *Đào tạo và bồi dưỡng GV như thế nào để đáp ứng yêu cầu DHTH trong chương trình GDPT sau năm 2015*. Hội thảo Khoa học: DHTH và Dạy học phân hóa ở Trường Trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015, p. 66-69.
- 2 Phùng Thị Lan Anh (2013), *Ý thức pháp luật của HS, SV ở tỉnh Phú Thọ*. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, ĐH Quốc gia, Hà Nội.
- 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo*.
- 4 Lê Khánh Bằng (1993), *Tổ chức quá trình dạy học ở trường phổ thông*. Bộ GD&ĐT, Hà Nội.
- 5 Đặng Quốc Bảo (2003), *Quan điểm phát triển con người, đo chỉ số phát triển con người và những vấn đề đặt ra cho công tác GD&ĐT trong những năm đầu của thế kỷ 21*. Tạp chí GD. 70/2003, Hà Nội.
- 6 Nông Thị Biên và cộng sự (2007), *Giáo trình Y học TDDT, Trường ĐHSPTDDT Hà Nội*. NXB TDDT Hà Nội, p. 10.
- 7 Nguyễn Kế Bình (2021), *Nghiên cứu ứng dụng trò chơi vận động để phát triển thể lực và KNS cho HS lứa tuổi 6-7 tại một số trường Tiểu học nội thành, Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án Tiến sĩ khoa học GD, Trường ĐHTDDT TP HCM.
- 8 Nguyễn Thanh Bình (2007), *GD KNS, Giáo trình dành cho SV Cao đẳng Sư phạm*. NXB ĐHSPT Hà Nội.
- 9 Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề GD KNS*. NXB ĐHSPT Hà Nội.
- 10 Nguyễn Thanh Bình (2017), *Biện pháp nâng cao chất lượng GD KNS cho HS, SV Đồng Nai*. Tạp chí khoa học, Trường ĐHTD Đồng Nai.
- 11 Nguyễn Thanh Bình (2018), *Thử nghiệm một số chủ đề GD KNS cho HS*

- THPT*. Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP TP HCM. p. 174-183.
- 12 Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Kim Dung, Lưu Thu Thủy, Vũ Thị Sơn (2003), *Những nghiên cứu và thực hiện chương trình GD KNS ở Việt Nam*. Viện Chiến lược và CT GD, Hà Nội, 2003.
 - 13 Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2001), *Quy chế về công tác Giáo dục Thể chất*.
 - 14 Bộ GD&ĐT (2008), *Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành*.
 - 15 Bộ GD&ĐT (2010), *Luật GD*. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
 - 16 Bộ GD&ĐT (2015), *Tài liệu tập huấn: DHTH ở trường Trung học cơ sở và THPT*. NXB ĐHSP Hà Nội.
 - 17 Bộ GD&ĐT (2016), *Thông tư ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy*.
 - 18 Bộ GD&ĐT (2016), *Thông tư ban hành thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục*.
 - 19 Bộ GD&ĐT (2018), *CT GDGD môn Khoa học tự nhiên*, Ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.
 - 20 Bộ GD&ĐT (2018), *CT GDPT, chương trình tổng thể*, Ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.
 - 21 Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Chỉ thị số 2268/CT-BGDĐT*.
 - 22 Bộ GD&ĐT (2020), *Bộ GD&ĐT đã tổ chức xây dựng và đóng góp vào Hệ tri thức Việt số hóa gần 5.000 bài giảng điện tử e-learning có chất lượng; Cập nhật hơn 2.000 video các bài giảng trực tuyến trên truyền hình; hơn 900 đề án tuyển sinh của các trường ĐH, cao đẳng (giai đoạn 2017-2019)*.
 - 23 Bộ GD&ĐT (2020), *Kết quả này thể hiện rõ nét nhất trong năm 2020, khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, Bộ GD&ĐT đã báo cáo, đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức thi thành hai đợt phù hợp tình hình dịch bệnh của từng địa phương. Cùng sự vào cuộc quyết liệt, trách nhiệm của các địa phương, kỳ thi được tổ chức thành công, vừa bảo*

đảm an toàn phòng, chống dịch, vừa đáp ứng yêu cầu tổ chức kỳ thi gọn nhẹ, hiệu quả, khách quan, công bằng, minh bạch và nghiêm túc, được nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

- 24 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (2008), *Quy định về việc đánh giá xếp loại thể lực HS, SV ban hành theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*
- 25 Dương Nghiệp Chí (2014), *GDTC gắn với GD KNS*. Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện Thể thao, Hội nghị khoa học quốc tế về TDTT, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh.
- 26 Nguyễn Phúc Chính (2012), *Hình thành NL DHTH cho GV các trường THPT*. Đề tài cấp Bộ trọng điểm, Trường ĐH Thái Nguyên, Bộ GD&ĐT.
- 27 Chính phủ, Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014, *về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29/NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.*
- 28 Vũ Cao Đàm (2012), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục.
- 29 Nguyễn Hữu Đức (2010), *Quản lý GD KNS cho HS Trường THPT Trần Hưng Đạo trong giai đoạn hiện nay (thông qua hoạt động GD ngoài giờ lên lớp)*. Luận văn Thạc sỹ Quản lý GD, chuyên ngành Quản lý GD, Trường ĐH GD, ĐH Quốc gia Hà Nội.
- 30 Lê Kim Dung (2003), *Chương trình thực nghiệm GD sống khỏe mạnh và KNS với sự hỗ trợ của UNICEF*. Báo cáo tại Hội thảo "Chất lượng GD và KNS" từ 23-25/10/2003, Hà Nội.
- 31 Nguyễn Thị Kim Dung (2012), *Dạy học tích hợp trong CT GD Phổ thông*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: DHTH và Dạy học phân hóa ở Trường Trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau

- năm 2015, p. 10-15.
- 32 Nguyễn Anh Dũng (2017), *Phương án thực hiện quan điểm tích hợp trong phát triển CT GDPT Việt Nam giai đoạn sau năm 2015*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học GD Việt Nam.
- 33 Đỗ Văn Duyên Em (2015), *Tích hợp trong giảng dạy bộ môn*. Hội thảo khoa học: DHTH và Dạy học phân hóa ở trường Trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới CT và SGK sau năm 2015.
- 34 Cao Cự Giác (2017), *DHTH - cơ sở cho sự phát triển NL HS*. p. <http://khoaahoc.vinhuni.edu.vn>. truy cập ngày 05 tháng 02 năm 2022.
- 35 Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo, Bùi Hiền (2012), *Từ điển GD học*. NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
- 36 Nguyễn Thị Thu Hằng (2013), *GD KNS cho HS dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía bắc Việt Nam (qua các môn học Tự nhiên và xã hội, khoa học)*. Luận án Tiến sỹ khoa học GD, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử GD, Viện Khoa học GD Việt Nam.
- 37 Huỳnh Trung Hiếu (2016), *Giáo trình Y học TĐTT*. NXB ĐHQG TP.HCM.
- 38 Trần Bá Hoàn (2006), *Dạy học tích hợp*. Tạp chí Khoa học Giáo dục. 12: p. 11-14.
- 39 Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan (1988), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học Sư phạm*. NXB GD Hà Nội.
- 40 Lương Quốc Hùng (2020), *Nghiên cứu GD KNS cho HS Tiểu học lớp 1, 2, 3 ở Thành phố Cần Thơ tích hợp chương trình GDTC*. Luận án Tiến sỹ khoa học GD, Trường ĐH TĐTT TP HCM.
- 41 Hướng dẫn sử dụng bộ công cụ văn phòng điện tử, <https://ghichu.vn/blog/huong-dan-su-dung-office-2021/>, truy cập ngày 11 tháng 6 năm 2021.
- 42 Nguyễn Văn Khải (2008), *Vận dụng tư tưởng sư phạm tích hợp vào dạy học vật lý ở trường THPT để nâng cao chất lượng GD HS*. Báo cáo tổng

kết đề tài khoa học cấp Bộ mã số B2006-TN04-01.

- 43 Hoàng Trọng Kim (2004), *Nhi khoa, CT Đại học*. NXB Y học, TP Hồ Chí Minh, p. tr.45-54, 71-72.
- 44 Kwanboonchan S (2016), *GDTC và TDTT*. Hội thảo Khoa học quốc tế: Hội nhập quốc tế về GDTC và TDTT cơ hội và thách thức, kỷ niệm 40 năm thành lập trường ĐHSP TDTT TP.HCM.
- 45 Luật Giáo dục sửa đổi (2005), NXB Lao động Hà Nội.
- 46 Hoàng Thúy Nga (2016), *Quản lý hoạt động GD KNS cho HS Tiểu học Thành phố Hà Nội*. Luận án Tiến sỹ Khoa học GD, chuyên ngành Quản lý GD, Viện Khoa học GD Việt Nam.
- 47 Phạm Thị Nga (2016), *Quản lý hoạt động GD giá trị sống và KNS cho HS Trường Trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới GD*. Luận án Tiến sỹ Quản lý GD, Trường ĐH GD, ĐHQG Hà Nội.
- 48 Phạm Đình Nghiệp (2000), *GD tư tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới*. NXB Thanh Niên.
- 49 Lương Thị Ánh Ngọc, Tạ Hoàng Thiện (2015), *Giáo trình GD học TDTT, Trường ĐH TDTT TP.HCM*. NXB ĐHQG TP.HCM.
- 50 Phạm Văn Nhân (2005), *Cẩm nang tổng hợp về kỹ năng hoạt động thanh thiếu niên (Tập 1)*. NXB Trẻ.
- 51 Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*. NXB ĐHQG Hà Nội.
- 52 Trần Trung Ninh và cộng sự (2017), *DHTH Hóa học – Vật lí – Sinh học*. NXB ĐHSP Hà Nội.
- 53 Nôvicốp A.D., Matveep L.P. (1976), *Lý Luận và PP GDTC (phạm Trọng Thanh và Lê Văn Lãm dịch)*. NXB TDTT Hà Nội, p. 10.
- 54 Đỗ Thị Oanh, Một số cơ sở tâm lý học của việc GD KNS cho HS., Đề tài KHCN cấp Bộ, Mã số B 2007-17-57, Hà Nội., 2008.
- 55 Nguyễn Thị Oanh (2005), *KNS cho tuổi vị thành niên*. NXB Trẻ.
- 56 Nguyễn Thị Oanh, (2007), *Làm việc theo nhóm*, NXB Trẻ.
- 57 Huỳnh Trung Phong (2023), *Nghiên cứu ứng dụng trò chơi vận động để*

phát triển thể lực và KNS cho HS lứa tuổi 6-7 tại một số trường Tiểu học nội thành, Thành phố Hồ Chí Minh. Luận án Tiến sỹ khoa học GD, Trường ĐH TDTT TP HCM.

- 58 Võ Quang Phúc (1991), *Muốn trẻ hư thành công dân tốt.* NXB GD, Hà Nội.
- 59 Phạm Đức Quang (2012), *Đôi nét về tích hợp CT giảng dạy môn Toán.* Bộ GD&ĐT, Hội thảo khoa học: “DHTH – Dạy học phân hóa trong CT GDPT” tại TP HCM.
- 60 Lê Đức Quảng (1998), *PP và tư liệu giảng dạy môn GD công dân.* NXB GD Hà Nội.
- 61 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Giáo dục, Luật số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội.*
- 62 Quốc Hội nước CHXHXN Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.* Hà Nội.
- 63 Nguyễn Xuân Sinh và cộng sự (1999), *Giáo trình PP Nghiên cứu khoa TDTT.* NXB TDTT Hà Nội.
- 64 Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Tất Thiên, Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm, (2019), *Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 10,* NXB GD Việt Nam.
- 65 Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Lê Bảo Hoàng, Nguyễn Thị Diễm My, Nguyễn Thị Xuân Phương, Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm, (2019), *Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 11,* NXB GD Việt Nam.
- 66 Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Mai Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Diễm My, Bùi Hồng Quân, Huỳnh Tông Quyền, (2019), *Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 12,* NXB GD Việt Nam.
- 67 Dương Tiến Sỹ, GD môi trường qua dạy HS thái lớp 11 PTTH, ĐHSP, ĐHQG Hà Nội., 1999.
- 68 Nguyễn Đức Thạc (2004), *Rèn luyện KNS một hướng tiếp cận mới về chất*

- lượng GD&ĐT. Tạp chí GD, số 81/2004, Hà Nội.*
- 69 Hà Nhật Thăng (1998), *Nội dung và giải pháp tổ chức GD cộng đồng nhằm ngăn chặn và hạn chế tệ nạn xã hội ở đô thị.* Viện Khoa học GD, Hà Nội.
- 70 Hà Nhật Thăng (2005), *Thực hành tổ chức hoạt động GD.* NXB GD Hà Nội.
- 71 Cao Thị Thặng và cộng sự (2012), *Một số kết quả nghiên cứu bước đầu, đề xuất giải pháp thực hiện quan điểm tích hợp trong việc đổi mới CT GDPT Việt Nam theo định hướng phát triển NL giai đoạn sau 2015.* Bộ GD&ĐT, Hội thảo khoa học: “DHTH – Dạy học phân hóa trong CT GDPT” TP HCM. p. 113-135.
- 72 Cao Thị Thặng, Nguyễn Thị Hồng (2003), *Nghiên cứu xu hướng tích hợp một số môn học khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội trong nhà trường phổ thông ở một số nước trên thế giới.* Đề tài cấp viện C12, Viện Khoa học GD Việt Nam.
- 73 Trần Thời (1998), *Kỹ năng thanh niên tình nguyện.* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 74 Vũ Đức Thu (2007), *Giáo trình Lý luận và PP TĐTT.* NXB ĐHSPTP.HCM.
- 75 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (2016), *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18-10-2016 phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.*
- 76 Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2160/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 phê duyệt “Quy hoạch phát triển TĐTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.*
- 77 Thủ tướng Chính phủ (2016), quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2016, *Phê duyệt đề án tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025.*
- 78 Lưu Thị Thu Thủy (2008), *GD ý thức pháp luật cho HS THPT Tỉnh Phú Thọ trong tình hình hiện nay.* Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trung tâm Bồi

dưỡng Giảng viên Lý luận Chính trị, ĐH Quốc gia, Hà Nội.

- 79 Nguyễn Thị Tinh (2006), *Lí luận dạy ĐH - PP cùng tham gia*. Tài liệu giảng dạy ĐH, ĐHSP - ĐH Thái Nguyên.
- 80 Nguyễn Toán, Nguyễn Sỹ Hà (2004), *Giáo trình Lý luận và PP TĐTT*. Trường ĐHSP Tp.Hồ Chí Minh, p. tr20, 148.
- 81 Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và PP TĐTT*. NXB TĐTT, Hà Nội p. 123.
- 82 Đỗ Hương Trà và cộng sự (2015), *DHTH phát triển NL HS, Quyển 1 “Khoa học tự nhiên”*. NXB ĐHSP, Hà Nội.
- 83 Từ điển Điện tử, *Khái niệm “Tích hợp”*. <http://tratu.soha.vn/dict>, truy cập ngày 15 tháng 12 năm 2021.
- 84 Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2008), *Tích hợp GD hướng nghiệp trong quá trình dạy học Sinh học 9, Luận văn Thạc sĩ*. Trung tâm Học liệu – ĐH Thái Nguyên.
- 85 Phan Thanh Vân (2010), *GD KNS cho HS THPT thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp*. Luận án Tiến sĩ GD học, chuyên ngành Lý luận và Lịch sử GD.
- 86 Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp Thống kê trong TĐTT*. NXB TĐTT, Hà Nội.
- 87 Huỳnh Khái Vinh (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 88 Xavier Roegirs (1996) (biên dịch: Đào Ngọc Quang, N.N.N., *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các NL ở nhà trường*. NXB GD.

TIẾNG ANH

- 89 Berliner D. (2002), *Educational research: The hardest science of them all 18–20*. Educational Researcher.
- 90 Virtue D.C., Wilson J.L., Ingram N. (2009), *In overcoming obstacles to curriculum integration, L.E.S.S. can be more!*. Middle School Journal.

- 91 Dakar Framework for Action (2000), World Education Forum, Senegan.
- 92 Regehr G. (2010), It's NOT rocket science: Rethinking our metaphors for research in health professions education. *Medical Education*.
- 93 Ronin J. Fogarty (1991), Ten ways to integrate curriculum, in *The Association for supervision and curriculum development*.
- 94 Shea JA, Arnold L, M. KV. (2004), A RIME perspective on the quality and relevance of current and future medical education research. *Acad Med*.
- 95 Collins J.J. (2006), Medical education research: challenges and opportunities 1. *Radiology*.
- 96 D'hainaut L. (1980), *Des fins aux objectifs de l'éducation*. Brussels, Labor. Paris, Nathan, (1977), 2nd edition (1980), p. p445.
- 97 Honey M., Pearson G., Schweing H. (2014), *STEM Integration in K-12 Education: Status, Prospects, and an Agenda for Research*. National Academies Press.
- 98 Cecilia Moya, *Life Skills Approaches to Improving Youth s Sexual and Reproductive Health*, www.Advocates for Youth.org.
- 99 Howell M.D. (2008), The grand challenges in academic medicine: Patient care in academic settings. Presentation at the Academic Medicine Invited Session: Annual Meeting of the Association of American Medical Colleges, San Antonio, TX.
- 100 Whitcomb M.E. (2002), Research in medical education: What do we know about the link between what doctors are taught and what they do? *Academic Medicine*.
- 101 Daugherty M.K. (2013), The Prospect of an “A” in STEM Education. *Journal of STEM Education: Innovations and Research*.
- 102 Haidet P., K.P.A., Bentley S., Blatt B., Chou C. L., Fortin A.H., et al. (2006), Not the same everywhere. Patient-centered learning environments at nine medical schools. *Journal of General Internal Medicine*.
- 103 Mertler C.A. (2001), Designing scoring rubrics for your classroom. *Practical Assessment, Research & Evaluation*.

- 104 Capraro R.M., Capraro M.M., Morgan J.R. (2013), STEM project based learning: An integrated science, technology, engineering, and mathematics (STEM) approach. Springer Science & Business Media.
- 105 Fogarty R. (1991), *The mindful school: How to Integrated the Curricula*. Palatine IL: Skylight.
- 106 Slavin R.E. (2008), *Perspective on evidence-based research in education: What works? Issues in synthesizing educational program evaluations*. Educational Researcher.
- 107 Barab S.A., Landa A. (1997), *Designing effective interdisciplinary anchors*. Educational Leadership.
- 108 Drake S. (2012), *Creating Standards - Based Integrated Curriculum: The Common Core State Standards Edition*.
- 109 Unicef (2006), *Children in conflict with law, Children Protection information sheet*.
- 110 Wraga W.G. (2009), *Toward a connected core curriculum*. Educational Horizon.
- 111 Roegiers X. (2010), *Des curricula pour la formation professionnelle initiale: La Pédagogie de l'Intégration comme cadre de réflexion et d'action pour l'enseignement technique et professionnel*. De Boeck Supérieur.
- 112 Moskal B.M., Jonh A.L. (2000), *Scoring Rubric Development: Validity and Reliability*. Practical Assessment, Research and Evaluation.
- 113 Marshall C. (2004), *Social Justice Challenges to Educational Administration: Introduction to a Special Issue*. Educational Administration Quarterly.
- 114 Marla Clayton, et al (2010), *Designing Multidisciplinary Integrated Curriculum Units*. ConnectEd: The California Center for College and Career.

PHỤ LỤC NGHIÊN CỨU

PHỤ LỤC 1

PHIẾU PHỎNG VẤN

*(Dành cho cán bộ quản lý ở các trường THPT trên địa bàn
thành phố Buôn Ma thuật)*

Kính thưa Quý Thầy (Cô)!

Để tiếp cận nội dung DHTH giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng cho HS nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GD trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài **“Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật”**. Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây bằng cách đánh khoanh tròn (hoặc tích “√”) vào những ô phù hợp hoặc viết thêm ý kiến vào những chỗ trống (...).

Rất mong sự hợp tác của Quý Thầy/Cô.

Mọi thông tin thu thập được đều được giữ kín và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

Mọi ý kiến phản hồi, xin quý thầy/cô gửi về: Chu Vương Thìn – Giảng viên Bộ môn Giáo dục Thể chất, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên.

ĐT: 0975930600 - 0832734735, email: cvthin@ttn.edu.vn

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

Câu 1. Thầy (Cô) cho biết ý kiến về mức độ cần thiết của việc DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới Giáo dục trong giai đoạn hiện nay?

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Cần thiết bình thường
4. Ít cần thiết
5. Không cần thiết

Câu 2. Hiện nay Thầy (Cô) có thực hiện DHTH cho HS thông qua môn GDTC trong quá trình giảng dạy của mình ở mức độ nào?

1. Rất thường xuyên
2. Thường xuyên
3. thỉnh thoảng
4. Hiếm khi
5. Chưa bao giờ

Câu 3. Trong số các kỹ năng sư phạm nào dưới đây thầy (cô) cảm thấy chưa đảm bảo tự tin khi tham gia trong quá trình giảng dạy?

TT	Kỹ năng sư phạm	Đảm bảo	Chưa đảm bảo
1	Kỹ năng tổ chức và quản lý giờ học		
2	Kỹ năng làm mẫu (thí phạm) động tác		
3	Kỹ năng phát hiện những sai lầm thường mắc và đưa ra biện pháp sửa chữa.		
4	Kỹ năng biên soạn kế hoạch, tiến trình, giáo án giảng dạy.		
5	Kỹ năng sử dụng bài tập, dụng cụ hỗ trợ dẫn dắt (phương tiện dạy học)		
6	Kỹ năng sử dụng các phương pháp giảng dạy		
7	Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh		
8	Kỹ năng giảng giải, phân tích kỹ thuật động tác.		
9	Kỹ năng tổ chức, trọng tài thi đấu.		

Câu 4: Thầy/Cô cho biết nguồn thông tin giúp các Thầy/ Cô hiểu biết về DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

TT	Nguồn thông tin	Đồng ý	Không đồng ý
1	Thông qua tập huấn của Bộ GD&ĐT		
2	Thông qua tập huấn của Sở GD&ĐT		
3	Thông qua báo, tạp chí giáo dục		
4	Thông qua truyền hình		
5	Thông qua tìm hiểu trên Internet		

6	Chưa biết		
---	-----------	--	--

Câu 5. Thầy (Cô) cho biết ý kiến về mức độ quan trọng của việc DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

- 1. Rất quan trọng
- 2. Quang trọng
- 3. Bình thường
- 4. Ít quan trọng
- 5. Không quan trọng

Câu 6: Nhà trường và Tổ bộ môn có ủng hộ cho thầy (cô) DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột không?

- 1. Rất ủng hộ
- 2. Ủng hộ
- 3. Bình thường
- 4. Ít ủng hộ
- 5. Không ủng hộ

Câu 7: Thầy (Cô) có đề xuất gì để DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột đạt hiệu quả cao?

.....

Thầy/cô vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Họ và tên:.....**Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ

Thâm niên công tác:

- 1. Dưới 5 năm
- 2. Từ 5 đến dưới 10 năm
- 3. Từ 10 đến dưới 20 năm
- 4. Từ 20 năm trở lên

Học vị: 1. Trung cấp 2. Cao đẳng 3. Đại học 4. Thạc sĩ 5. Tiến sĩ

Đơn vị công tác:

1. Trường THPT Thực hành Cao Nguyên, phường EaTam
2. Trường THPT Dân tộc Nội trú Tây Nguyên, phường Thành nhất
3. Trường THPT Trần Phú, xã Hòa Phú
4. Trường THPT Lê Duẩn, phường Khánh Xuân
5. Trường THPT Buôn Ma Thuột, phường Tự An
6. Trường THPT Chuyên Nguyễn Du, phường Tân An
7. Trường THPT Cao Bá Quát, xã ÊaTu
8. Trường THPT Chu Văn An, phường Thống nhất
9. Trường THPT Hồng Đức, phường Tân Tiến
10. Trường THPT Lê Quý Đôn, phường Tân Lợi
11. Trường THPT Phú Xuân, phường Tân An
12. Trường THPT Dân tộc Nội trú Nơ Trang Long, phường Khánh Xuân

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho giáo viên dạy môn giáo dục thể chất ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật)

Kính thưa Quý Thầy (Cô)!

Đề tiếp cận nội dung DHTH giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng cho HS nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GD trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài **“Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật”**. Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây bằng cách đánh khoanh tròn (hoặc tích “√”) vào những ô phù hợp hoặc viết thêm ý kiến vào những chỗ trống (...).

Rất mong sự hợp tác của Quý Thầy/Cô.

Mọi thông tin thu thập được đều được giữ kín và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

Mọi ý kiến phản hồi, xin quý thầy/cô gửi về: Chu Vương Thìn – Giảng viên Bộ môn Giáo dục Thể chất, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên.

ĐT: 0975930600 - 0832734735, email: cvthin@ttn.edu.vn

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

Câu 1. Thầy (Cô) cho biết ý kiến về mức độ cần thiết của việc DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuật đáp ứng yêu cầu đổi mới Giáo dục trong giai đoạn hiện nay?

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Rất cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| 2. Cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| 3. Cần thiết bình thường | <input type="checkbox"/> |
| 4. Ít cần thiết | <input type="checkbox"/> |
| 5. Không cần thiết | <input type="checkbox"/> |

Câu 2. Hiện nay Thầy (Cô) có thực hiện DHTH cho HS thông qua môn GDTC trong quá trình giảng dạy của mình ở mức độ nào?

1. Rất thường xuyên
2. Thường xuyên
3. thỉnh thoảng
4. Hiếm khi
5. Chưa bao giờ

Câu 3. Trong số các kỹ năng sư phạm nào dưới đây thầy (cô) cảm thấy chưa đảm bảo tự tin khi tham gia trong quá trình giảng dạy?

TT	Kỹ năng sư phạm	Đảm bảo	Chưa đảm bảo
1	Kỹ năng tổ chức và quản lý giờ học	1	2
2	Kỹ năng làm mẫu (thị phạm) động tác	1	2
3	Kỹ năng phát hiện những sai lầm thường mắc và đưa ra biện pháp sửa chữa.	1	2
4	Kỹ năng biên soạn kế hoạch, tiến trình, giáo án giảng dạy.	1	2
5	Kỹ năng sử dụng bài tập, dụng cụ hỗ trợ dẫn dắt (phương tiện dạy học)	1	2
6	Kỹ năng sử dụng các phương pháp giảng dạy	1	2
7	Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	1	2
8	Kỹ năng giảng giải, phân tích kỹ thuật động tác.	1	2
9	Kỹ năng tổ chức, trọng tài thi đấu.	1	2

Câu 4. Khi DHTH thông qua môn GDTC tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Thầy (Cô) đã sử dụng những hình thức DHTH nào dưới đây và Thầy (Cô) đã vận dụng ở mức độ nào dưới đây?

Ghi chú: Trong trường hợp thầy (cô) cảm thấy các hình thức đã nêu chưa đầy đủ có thể bổ sung các hình thức trong phần 5-Hình thức khác (đề nghị ghi rõ tên hình thức đề xuất).

TT	Hình thức DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào
1	Tích hợp trong nội bộ môn học GDTC	1	2	3	4	5
2	Tích hợp môn GDTC với môn học khác	1	2	3	4	5
3	Tích hợp theo chủ đề	1	2	3	4	5
4	Tích hợp thông qua các hoạt động trải nghiệm	1	2	3	4	5
5	Hình thức khác:...	1	2	3	4	5

Câu 5. Thầy (Cô) đã thực hiện những nội dung DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột nào dưới đây?

TT	Nội dung DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Sử dụng nội dung của GV	
		Có sử dụng	Chưa sử dụng
1	Tích hợp lồng ghép các môn thể thao có đặc tính giống nhau thành một chủ đề	1	2
2	Tích hợp thông qua lồng ghép các chủ đề về: Phòng chống đuối nước, phòng chống chấn thương trong thể thao	1	2
3	Tích hợp theo mục đích tập luyện thể dục thể thao		
4	Tích hợp theo các chủ đề dạy học căn cứ vào tổ chất vận động	1	2
5	Tích hợp các bài tập khác nhau trong dạy học môn GDTC	1	2
6	Tích hợp các nội dung khác...	1	2

Câu 6. Trong DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Thầy (Cô) đã sử dụng những PP dạy học nào dưới đây và cho biết mức độ sử dụng?

TT	PP DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa bao giờ
1	PP tập luyện có định mức chặt chẽ	1	2	3	4	5
2	PP trò chơi	1	2	3	4	5
3	PP thi đấu	1	2	3	4	5
4	PP sử dụng lời nói	1	2	3	4	5
5	PP đảm bảo trực quan	1	2	3	4	5
6	PP dạy học hoàn chỉnh	1	2	3	4	5
7	PP dạy học phân giải	1	2	3	4	5
8	PP phòngng sửa động tác sai	1	2	3	4	5
9	PP GD đạo đức, tư tưởng và yêu cầu cơ bản về phát triển nhân cách trong dạy học TDDT	1	2	3	4	5
10	PP dạy học khác...	1	2	3	4	5

Câu 7. Trong DHTH thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Thầy (Cô) đã sử dụng những kĩ thuật dạy học nào dưới đây và cho biết mức độ sử dụng?

TT	Kĩ thuật DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào

1	Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo các phần	1	2	3	4	5
2	Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo các giai đoạn	1	2	3	4	5
3	Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo cấu trúc	1	2	3	4	5
4	Kĩ thuật sử dụng các bài tập theo các đặc tính	1	2	3	4	5
5	Kĩ thuật khác:...	1	2	3	4	5

Câu 8. Trong DHTH thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Tây (Cô) đã sử dụng những hình thức tổ chức dạy học nào dưới đây và cho biết mức độ sử dụng?

TT	Hình thức tổ chức DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào
1	Dạy học trên lớp	1	2	3	4	5
2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	1	2	3	4	5
3	Hình thức dạy học theo nhóm	1	2	3	4	5
4	Hình thức dạy học đối xử cá biệt	1	2	3	4	5
5	Hình thức dạy học giao bài tập	1	2	3	4	5
6	Hình thức khác:.....	1	2	3	4	5

Câu 9. Trong DHTH thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Thầy (Cô) đã sử dụng những những phương tiện dạy học nào sau đây và sử dụng ở mức độ nào?

TT	Phương tiện DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào
1	Sử dụng các dụng cụ liên quan đến môn học	1	2	3	4	5
2	Sử dụng các mô hình	1	2	3	4	5
3	Sử dụng các thiết bị tranh, ảnh, video	1	2	3	4	5
4	Sử dụng các thiết bị hỗ trợ	1	2	3	4	5
5	Sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại	1	2	3	4	5
6	PP khác.....	1	2	3	4	5

Câu 10. Trong DHTH thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, Thầy (Cô) đã sử dụng những những PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo PP nào sau đây và sử dụng ở mức độ nào?

TT	PP kiểm tra đánh giá	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào
1	Kiểm tra miệng	1	2	3	4	5
2	Đánh giá thông qua hoàn thành bài tập	1	2	3	4	5
3	Đánh giá thông qua hoạt động nhóm	1	2	3	4	5

4	Đánh giá thông qua quá trình tập luyện trên lớp	1	2	3	4	5
5	Đánh giá đồng đẳng	1	2	3	4	5
6	Tự đánh giá	1	2	3	4	5
7	Đánh giá qua quan sát	1	2	3	4	5
8	PP kiểm tra, đánh giá khác:.....	1	2	3	4	5

Câu 11. Theo Thầy/Cô, HS đạt được mức độ nào dưới đây khi thực hiện DHTH thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

TT	Mức độ nhận thức	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Kiến thức	1	2	3	4	5
2	Kỹ năng	1	2	3	4	5
3	Thái độ	1	2	3	4	5

Câu 12. Theo Thầy (Cô), hứng thú học tập của HS trong các giờ DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột mà Thầy (Cô) đã thực hiện đạt ở mức độ nào dưới đây?

1. Rất hứng thú
2. Hứng thú
3. Hứng thú bình thường
4. Ít hứng thú
5. Không hứng thú

Câu 13. Xin Thầy (Cô) cho biết những khó khăn mà Thầy/Cô gặp phải khi thực hiện DHTH thông qua môn GDTC ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

(Lưu ý: Câu hỏi nhiều lựa chọn)

1	Nghiên cứu chương trình môn học để lựa chọn nội dung/chủ đề tích hợp
2	Xác định các kỹ năng cần hình thành cho HS

3	Xác định mục tiêu bài học tích hợp
4	Thiết kế kế hoạch bài học tích hợp
5	Thiết kế các hoạt động học tập
6	Thiết kế PP và lựa chọn kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học tích hợp
7	Lựa chọn các PP và hình thức kiểm tra, đánh giá
8	Tổ chức thực hiện dạy học
9	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu
10	Không đủ thời gian
11	Chưa hiểu đầy đủ về DHTH
12	Nguồn tài liệu về DHTH còn hạn chế
13	HS chưa hứng thú với hình thức DHTH
14	Ý kiến khác:.....

Câu 14: Thầy/Cô cho biết nguồn thông tin giúp các Thầy/ Cô hiểu biết về DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

TT	Nguồn thông tin	Đồng ý	Không đồng ý
1	Thông qua tập huấn của Bộ GD&ĐT		
2	Thông qua tập huấn của Sở GD&ĐT		
3	Thông qua báo, tạp chí giáo dục		
4	Thông qua truyền hình		
5	Thông qua tìm hiểu trên Internet		
6	Chưa biết		

Câu 15. Thầy (Cô) cho biết ý kiến về mức độ quan trọng của việc DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

1. Rất quan trọng
2. Quang trọng

3. Bình thường
4. Ít quan trọng
5. Không quan trọng

Câu 16. Hiện nay Thầy (Cô) có thực hiện DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình giảng dạy của mình ở mức độ nào?

1. Rất thường xuyên
2. Thường xuyên
3. Thỉnh thoảng
4. Chỉ thực hiện khi dự giờ, thao giảng
5. Chưa khi nào

Câu 17: Theo các thầy (Cô) việc DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột mang lại hiệu quả như thế nào?

1. Rất hiệu quả
2. Hiệu quả
3. Bình thường
4. Ít hiệu quả
5. Không hiệu quả

Câu 18: Khi DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, các Thầy (Cô) có thấy thuận lợi trong giảng dạy không?

1. Rất thuận lợi
2. Thuận lợi
3. Bình thường
4. Ít thuận lợi
5. Không thuận lợi

Câu 19: Thầy cô cho biết ý kiến về nội dung DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

TT	Nội dung DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	Sử dụng nội dung dạy học của GV	
		Có sử dụng	Chưa sử dụng
1	Tích hợp GD KNS để giải quyết vấn đề trong thực tiễn	1	2
2	Tích hợp GD KNS để vận dụng kiến thức vào các môn thể thao	1	2
3	Tích hợp GD KNS định hướng thực hành trong môn GDTC	1	2
4	Tích hợp KNS làm việc nhóm giữa các HS	1	2
5	Tích hợp KNS thiết lập mục tiêu để đạt kết quả	1	2
6	Tích hợp KNS theo các chủ đề hướng nghiệp	1	2
7	Tích hợp KNS để phòng tránh chấn thương	1	2
8	Tích hợp KNS để phòng chống đuối nước	1	2

Câu 20: Theo Thầy (Cô), HS có tích cực học tập khi GV sử dụng PP DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình giảng dạy không ?

1. Rất hứng thú
2. Hứng thú
3. Bình thường
4. Ít hứng thú
5. Không hứng thú

Câu 21: Theo Thầy (Cô), việc vận dụng PP DHTH giáo dục KNS trong giảng dạy môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột có các ưu điểm nổi bật gì:

(Lưu ý: Câu hỏi nhiều lựa chọn)

1	Tạo ra những thành công trong học tập
2	Nâng cao kỹ năng vận động cho HS
3	Tích cực, sáng tạo trong học tập, phát triển kỹ năng kỹ xảo vận động
4	Tăng cường sức khỏe và thái độ tích cực với môn học
5	Ý kiến khác...

Câu 22: Các Thầy (cô) thường sử dụng PP DHTH giáo dục KNS trong dạy học môn GDTC cho HS tại các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột để làm gì?

(Lưu ý: Câu hỏi nhiều lựa chọn)

1	Gây hứng thú cho học sinh
2	Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho HS
3	Đổi mới PPDH, phù hợp với nội dung nhận thức bài học
4	Phát triển các kỹ năng thiết lập mục tiêu, làm việc nhóm... cho HS
5	Ý kiến khác...

Câu 23: Theo thầy cô, những yếu tố nào ảnh hưởng đến hoạt động DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột?

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Nhận thức của CBQL, GV, HS về DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	1	2	3
2	Năng lực DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	1	2	3
3	Tính tích cực chủ động sáng tạo của HS trong DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	1	2	3

4	Cơ sở vật chất phục vụ trong DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC	1	2	3
---	---	---	---	---

Câu 24. Trong DHTH giáo dục KNS ở trường THPT thông qua môn GDTC, Thầy (Cô) đã sử dụng những những PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo PP nào sau đây và sử dụng ở mức độ nào?

TT	PP kiểm tra đánh giá	Mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Không thường xuyên	Hiếm khi	Chưa khi nào
1	Kiểm tra thực hành (1 tiết)	1	2	3	4	5
2	Kiểm tra 15 phút	1	2	3	4	5
3	Hồ sơ học tập	1	2	3	4	5
4	Đánh giá thông qua hoàn thành bài tập	1	2	3	4	5
5	Đánh giá thông qua hoạt động nhóm	1	2	3	4	5
6	Đánh giá thông qua quá trình tập luyện trên lớp	1	2	3	4	5
7	Đánh giá đồng đẳng	1	2	3	4	5
8	Tự đánh giá	1	2	3	4	5
9	Đánh giá qua quan sát	1	2	3	4	5
10	PP kiểm tra, đánh giá khác:.....	1	2	3	4	5

Câu 25: Nhà trường và Tổ bộ môn có ủng hộ cho thầy (cô) DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột không?

1. Rất ủng hộ
2. Ủng hộ
3. Bình thường

4. Ít ủng hộ

5. Không ủng hộ

Câu 26: Thầy (Cô) có đề xuất gì để DHTH giáo dục KNS thông qua môn GDTC cho HS ở các trường THPT khu vực thành phố Buôn Ma Thuột đạt hiệu quả cao?

.....

Thầy/cô vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Họ và tên:.....**Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ

Thâm niên công tác:

1. Dưới 5 năm

2. Từ 5 đến dưới 10 năm

3. Từ 10 đến dưới 20 năm

4. Từ 20 năm trở lên

Học vị: 1. Trung cấp 2. Cao đẳng 3. Đại học 4. Thạc sĩ 5. Tiến sĩ

Đơn vị công tác:

1. Trường THPT Thực hành Cao Nguyên

2. Trường THPT Dân tộc Nội trú Tây Nguyên

3. Trường THPT Trần Phú

4. Trường THPT Lê Duẩn

5. Trường THPT Buôn Ma Thuột

6. Trường THPT Nguyễn Du

7. Trường THPT Cao Bá Quát

8. Trường THPT Chu Văn An

9. Trường THPT Hồng Đức

10. Trường THPT Lê Quý Đôn

11. Trường THPT Phú Xuân

12. Trường THPT Dân tộc Nội trú Nữ Trang Long

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 3
PHIẾU PHỎNG VẤN

*(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn giáo dục thể chất ở các trường
THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật)*

Kính thưa Quý Thầy (Cô)!

Đề tiếp cận nội dung DHTH giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma thuật nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng cho HS nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GD trong giai đoạn hiện nay. Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài **“Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật”**. Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây bằng cách đánh khoanh.

Rất mong sự hợp tác của Quý Thầy/Cô.

Mọi thông tin thu thập được đều được giữ kín và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

Mọi ý kiến phản hồi, xin quý thầy/cô gửi về: Chu Vương Thìn – Giảng viên Bộ môn Giáo dục Thể chất, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên.

ĐT: 0975930600 - 0832734735, email: cvthin@ttn.edu.vn

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy (Cô)!

Câu 1: Xin thầy (Cô) cho biết, những kỹ năng sống nào sau đây là cần thiết cho việc tích hợp GDKNS cho học sinh trong dạy học môn GDTC ở các trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuật?

Quý thầy (cô) hãy chọn mức độ phù hợp và khoanh tròn vào số cho sẵn ở mỗi ô, cụ thể:

- | | | |
|--------------------|-------------------|----------------|
| 1. Không cần thiết | 2. Chưa cần thiết | 3. Bình thường |
| 4. Cần thiết | 5. Rất cần thiết | |

TT	KỸ NĂNG SỐNG	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ				
1	Kỹ năng nhận thức	1	2	3	4	5
2	Kỹ năng thiết lập mục tiêu	1	2	3	4	5

3	Kỹ năng giao tiếp	1	2	3	4	5
4	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc	1	2	3	4	5
5	Kỹ năng ứng phó với căng thẳng	1	2	3	4	5
6	Kỹ năng thể hiện sự tự tin	1	2	3	4	5
7	Kỹ năng lắng nghe tích cực	1	2	3	4	5
8	Kỹ năng thể hiện sự thông cảm	1	2	3	4	5
9	Kỹ năng thương lượng	1	2	3	4	5
10	Kỹ năng làm việc nhóm	1	2	3	4	5
11	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	1	2	3	4	5
12	Kỹ năng tư duy phê phán	1	2	3	4	5

Câu 2: Xin thầy (Cô) cho biết về mức độ phù hợp của việc tích hợp GD KNS tại trường mà thầy cô đang công tác?

TT	Kỹ năng sống	Mức độ phù hợp							
		Năng lực GV		CSVC		Kế hoạch GD		Năng lực HS	
		Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1	Kỹ năng nhận thức								
2	Kỹ năng thiết lập mục tiêu								
3	Kỹ năng giao tiếp								
4	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc								
5	Kỹ năng ứng phó với căng thẳng								
6	Kỹ năng thể hiện sự tự tin								
7	Kỹ năng lắng nghe tích cực								
8	Kỹ năng thể hiện sự thông cảm								
9	Kỹ năng thương lượng								
10	Kỹ năng làm việc nhóm								
11	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn								
12	Kỹ năng tư duy phê phán								

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 4
PHIẾU PHỎNG VẤN

Các em HS thân quý!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu về tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS trong dạy học môn giáo dục thể chất ở trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Xin các bạn vui lòng cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây bằng cách khoanh tròn hoặc đánh dấu “X” vào lựa chọn mà các bạn cho là phù hợp hoặc viết thêm ý kiến vào những chỗ trống (....) .

Rất mong sự hợp tác của các bạn. Mọi thông tin thu thập được đều được giữ kín và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

Mọi ý kiến mong các bạn gửi về: Chu Vương Thìn – Giảng viên Bộ môn GDTC, khoa Sư phạm, trường Đại học Tây Nguyên.

ĐT: 0975930600 - 0832734735, email: cvthinh@ttn.edu.vn

Xin chân thành cảm ơn các em!

Các em vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

Họ và tên:..... **Giới tính:** 1. Nam 2. Nữ

Năm sinh: **Dân tộc:**

Khối học: Lớp 11.

Câu 1. Các em hãy cho biết các em đạt được mức độ nào dưới đây khi thực hiện DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC ?

TT	Mức độ nhận thức	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Kiến thức	1	2	3	4	5
2	Kỹ năng	1	2	3	4	5
3	Thái độ	1	2	3	4	5

Câu 2. Các em hãy cho biết mức độ hứng thú trong các giờ DHTH ở trường THPT thông qua môn GDTC?

1. Rất hứng thú
2. Hứng thú
3. Bình thường
4. Không hứng thú
5. Rất không hứng thú

Câu 3. Em hãy cho biết ý kiến về mức độ quan trọng của việc DHTH giáo dục kỹ năng sống ở trường THPT thông qua môn GDTC ?

1. Rất quan trọng
2. Quan trọng
3. Bình thường
4. Ít quan trọng
5. Không quan trọng

Câu 4: Trong các giờ học môn GDTC ở trường phổ thông, anh/chị nhận thấy mức độ hiệu quả khi giáo viên sử dụng kỹ năng thiết lập mục tiêu và làm việc nhóm vào môn học GDTC?

1. Rất hiệu quả
2. Hiệu quả
3. Bình thường
4. Ít hiệu quả
5. Không hiệu quả

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

PHỤ LỤC 5
PHIẾU ĐO TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM

(Kĩ năng thiết lập mục tiêu)

Hãy tự đánh giá về mức độ thực hiện với các tiêu chí của kỹ năng thiết lập mục tiêu dưới đây của bản thân bằng cách khoanh tròn vào số cho sẵn ở mỗi ô chỉ mức độ thực hiện mà bạn cho là phù hợp với mình:

1. Yếu

2. Trung bình

3. Tốt

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Mức độ thực hiện
1	Mức độ rõ ràng của mục tiêu	1	Mục tiêu đưa ra không được rõ ràng hoặc quá chung chung.
		2	Mục tiêu được đưa ra, nhưng thiếu hành động mô tả về những gì sẽ thực hành để đạt mục tiêu
		3	Mục tiêu được đưa ra rõ ràng và có hành động mô tả về những gì sẽ thực hành để đạt mục tiêu
2	Khả năng có thể đo lường được của mục tiêu	1	Mục tiêu thiếu cấu trúc để đánh giá. Không thể đo lường mục tiêu
		2	Mục tiêu có thể được đánh giá được, nhưng với mức độ chưa ràng.
		3	Có thể đánh giá mục tiêu trong suốt cả buổi/tuần thực hành.
3	Mức độ có thể đạt được của mục tiêu	1	Mục tiêu không phù hợp với năng lực cá nhân, quá khó để đạt được
		2	Mục tiêu phần nào phù hợp với năng lực cá nhân
		3	Mục tiêu phù hợp với năng lực cá nhân và các điều kiện cần có để đạt được mục tiêu
4	Tính thực tiễn của mục tiêu	1	Mục tiêu không thực tế và không liên quan đến nội dung môn học giáo dục thể chất
		2	Mục tiêu có liên quan đến nội dung môn học giáo

			dục thể chất
		3	Mục tiêu liên quan rõ đến nội dung môn học giáo dục thể chất
5	Kế hoạch đạt mục tiêu	1	Kế hoạch không rõ người thực hiện, chưa thấy các hành động cụ thể và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu
		2	Kế hoạch cho thấy người thực hiện, các hành động và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu nhưng chưa cụ thể và chưa rõ ràng
		3	Kế hoạch thấy rõ người thực hiện, thấy các hành động cụ thể và thời gian hoàn thành để đạt mục tiêu

Chủ đề này có ích đối với bạn không?

a) Có

b) Không

c) Không xác định

Theo bạn có cần thay đổi gì trong chủ đề này cho phù hợp hơn không? Nếu có thì đó là gì?

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 6
PHIẾU ĐO TRƯỚC VÀ SAU THỰC NGHIỆM
(Kĩ năng làm việc nhóm)

Hãy tự đánh giá về mức độ đạt được với các tiêu chí của kỹ năng làm việc nhóm dưới đây của bản thân bằng cách khoanh tròn vào số cho sẵn ở mỗi ô chỉ mức độ đánh giá mà bạn cho là phù hợp với mình:

1. Tốt 2. Khá 3. Trung bình 4. Yếu

TT	Tiêu chí	Mức độ đánh giá	Mức độ thực hiện
1	Đóng góp của cá nhân cho nhóm	1	Thường xuyên đưa ra những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia tất cả các hoạt động.
		2	Thường xuyên cung cấp những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia phần lớn hoạt động.
		3	Đôi khi cung cấp những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Tham gia vào các hoạt động khi được yêu cầu.
		4	Hiếm khi đưa ra những ý tưởng hữu ích khi tham gia vào nhóm và trong các hoạt động tập luyện, thi đấu. Từ chối tham gia một số hoạt động.
2	Khả năng giải quyết vấn đề	1	Tích cực tham gia và đề xuất mức độ thực hiện cho các hoạt động.
		2	Điều chỉnh các mức độ thực hiện do người khác đề xuất.
		3	Không đề xuất mức độ thực hiện nhưng sẵn sàng thực hiện các mức độ do người khác đề xuất.
		4	Không cố gắng giải quyết vấn đề hoặc giúp người khác

			giải quyết vấn đề hoặc để những người khác tự thực hiện.
3	Thái độ trong làm việc nhóm	1	Thường xuyên tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Luôn tích cực tham gia các hoạt động được giao.
		2	Thỉnh thoảng tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Thường có thái độ tích cực về các hoạt động được giao.
		3	Hiếm khi tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Thường có thái độ tích cực về các hoạt động được giao.
		4	Không bao giờ tham gia vào các hoạt động luyện tập cùng nhóm. Thường có thái độ tiêu cực về các hoạt động được giao.
4	Mức độ tập trung vào nhiệm vụ được nhóm phân công	1	Luôn tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra. Thể hiện sự tự tin trong các hoạt động
		2	Tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra trong hầu hết thời gian. Được tin tưởng bởi các thành viên nhóm
		3	Tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra trong một khoảng thời gian. Để các thành viên khác trong nhóm đôi khi phải thúc giục và nhắc nhở
		4	Hiếm khi tập trung vào nhiệm vụ và những hoạt động đang diễn ra. Thường xuyên bị nhắc nhở nhiệm vụ từ các thành viên nhóm
5	Khả năng hợp tác với	1	Luôn luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ người khác. Tham gia tất cả các hoạt động nhóm
		2	Thường xuyên lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ người khác. Hầu như tham gia các hoạt động nhóm

	những người khác trong nhóm	3	Có lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của người khác, nhưng đôi khi không tham gia vào các hoạt động trong nhóm.
		4	Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ người khác. Thường xuyên không tham gia các hoạt động của nhóm.
6	Thời gian tham gia hoạt động tập luyện trong nhóm	1	Tham gia hoạt động tập luyện đầy đủ; tuân thủ giờ tập cùng nhóm
		2	Tham gia hầu hết các hoạt động nhưng thời gian tập có đôi khi không tuân thủ cùng thời gian của nhóm.
		3	Tham gia hoạt động tập luyện nhưng mức độ tập trung chưa cao; thời gian chưa được tuân thủ đúng
		4	Ít tham gia hoạt động tập luyện; khi được khuyến khích có tham gia nhưng mức độ tập trung kém
7	Mức độ liên kết giữa cá nhân với nhóm	1	Tôn trọng tất cả các thành viên trong nhóm. Thoải mái trao đổi kinh nghiệm, có ý kiến đóng góp cho nhóm và luôn thể hiện ý thức nhóm trong các hoạt động
		2	Tôn trọng tất cả các thành viên trong nhóm. Phần lớn thời gian thoải mái trao đổi kinh nghiệm với nhóm và có những đóng góp cụ thể.
		3	Tôn trọng các thành viên trong nhóm, nhưng một số thành viên trong nhóm không cảm thấy thoải mái khi kết hợp và đóng góp không nhiều.
		4	Cạnh tranh cá nhân; không thoải mái trong các hoạt động phối hợp

Chủ đề này có ích đối với bạn không?

a) Có

b) Không

c) Không xác định

Theo bạn có cần thay đổi gì trong chủ đề này cho phù hợp hơn không? Nếu có thì đó là gì?

PHỤ LỤC 7

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GDTC
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Thực hiện theo Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GD&ĐT)

Lớp 11

Cả năm: 37 tuần (70 tiết)

Học kì I: 19 tuần (36 tiết)

Học kì II: 18 tuần (34 tiết)

HỌC KỲ I

TIẾT	BÀI HỌC	NỘI DUNG DẠY HỌC	TÍCH HỢP GD KNS
Tiết 1	TDNĐ Chạy bền	- Giới thiệu mục tiêu, nội dung chương trình TD lớp 11 - Nam học TD liên hoàn từ động tác 1-9. - Nữ học TDNĐ động tác 1-2. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên, cách thở trong khi chạy.	Thiết lập mục tiêu
Tiết 2	TDNĐ Chạy bền	- Nam ôn nội dung TDLH từ 1 – 9, học TD liên hoàn từ động tác 10 - 20. - Nữ ôn nội dung TDNĐ từ 1 – 2, học TDNĐ động tác 3. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên, giới thiệu hiện tượng đau sóc trong khi chạy và cách khắc phục.	Thiết lập mục tiêu
Tiết 3	TDNĐ	- Nam ôn nội dung TDLH từ 1 – 20, học TD liên hoàn từ động tác 21 - 20. - Nữ ôn nội dung TDNĐ từ 1 – 3, học	Thiết lập mục tiêu

	Chạy bền	TDNĐ động tác 4. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên, một số bài tập hỗ trợ	Làm việc nhóm
Tiết 4	TDNĐ Chạy bền	- Nam ôn nội dung TDLH từ 1 – 30. - Nữ ôn nội dung TDNĐ từ 1 – 4, học bài mới 5 – 6. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên, phân phối sức trong khi chạy.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 5	TDNĐ Chạy bền	- Nam ôn nội dung TDLH từ 1 – 30, học mới động tác 31 – 40. - Nữ ôn nội dung TDNĐ từ 1 – 6, học bài mới 7 – 8. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm, sức khỏe, giới tính,... cách tự đo mạch trong khi chạy.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 6	TDNĐ Chạy bền	- Nam ôn nội dung TDLH từ 1 – 40, học mới động tác 41 – 50. - Nữ ôn nội dung TDNĐ từ 1 – 6, học động tác 9. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 7	TDNĐ Chạy bền	- Ôn tập hoàn thiện bài TDNĐ và bài TDPTC. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 8	Kiểm tra TDNĐ	Nội dung Thẻ dực liên hoàn và TDNĐ.	
Tiết 9	Chạy tiếp sức Chạy bền	- Tập 1 số bài tập hỗ trợ, chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, chạy tăng tốc độ. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

Tiết 10	Chạy tiếp sức Chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập 1 số bài tập bổ trợ, chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, chạy tăng tốc độ. - Tập cách trao nhận tín gậy - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 11	Chạy tiếp sức Chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập 1 số bài tập bổ trợ, chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau, chạy tăng tốc độ. - Ôn tập cách trao nhận tín gậy. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 12	Chạy tiếp sức Chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập 1 số bài tập bổ trợ. - Ôn tập cách trao nhận tín gậy. - Giới thiệu một số luật trong nội dung chạy tiếp sức. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 13	Chạy tiếp sức Chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện kỹ thuật chạy tiếp sức, phối hợp nhuần nhuyễn trao nhận tín gậy trong đội. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 14	Chạy tiếp sức	Kiểm tra chạy tiếp sức.	
Tiết 15	Đá cầu Chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn Tập giạt cầu. Kỹ thuật di chuyển “bước lướt”. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 16	Đá cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Học tung cầu một nhịp. - Đá tấn công bằng mu bàn chân, Ôn kỹ thuật di chuyển “bước lướt”. 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

	Chạy bền	- Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính.	
Tiết 17	Đá cầu Chạy bền	- Ôn tăng cầu một nhịp - Đá tấn công bằng mu bàn chân, Ôn kỹ thuật di chuyển “bước lướt”. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 18	Đá cầu Chạy bền	- Ôn tăng cầu một nhịp. - Đá tấn công bằng mu bàn chân, Ôn kỹ thuật di chuyển “bước lướt”. Đấu tập. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 19	Đá cầu Chạy bền	- Ôn các nội dung đã học. Đấu tập. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Làm việc nhóm
Tiết 20	Đá cầu	- Kiểm tra đá cầu	
Tiết 21	Bóng chuyền Chạy bền	- Giới thiệu một số luật trong bóng chuyền. - Thực hiện được chuyền bóng cao tay và đệm bóng. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 22	Bóng chuyền Chạy bền	- Bước đầu làm quen với kỹ thuật phát bóng thấp tay chính diện, biết phối hợp một số bài tập khi thi đấu bóng chuyền. - Thực hiện được chuyền bóng cao tay và đệm bóng. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 23	Bóng	- Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay chính	Thiết lập mục tiêu

	chuyền Chạy bền	diện, - Thực hiện được chuyền bóng cao tay và đệm bóng. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Làm việc nhóm
Tiết 24	Bóng chuyền Chạy bền	- Thực hiện kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Thực hiện được một số bài tập phối hợp trong thi đấu bóng chuyền. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 25	Bóng chuyền Chạy bền	- Thực hiện kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Phối hợp kỹ thuật phát bóng và đệm bóng bước 1. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 26	Bóng chuyền Chạy bền	- Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Ôn kỹ thuật phát bóng và đệm bóng bước 1. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 27	Bóng chuyền Chạy bền	- Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình - Phối hợp kỹ thuật phát bóng và đệm bóng bước 1, chuyền bóng 2 tay trước mặt. - Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 28	Bóng chuyền	- Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Phối hợp kỹ thuật phát bóng và đệm	Thiết lập mục tiêu

	Chạy bền	<p>bóng bước 1, chuyên bóng 2 tay trước mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học một số luật trong thi đấu bóng chuyên - Biết cách thực hiện thở phối hợp với bước chạy, phân phối sức trong khi chạy bền. 	Làm việc nhóm
Tiết 29	<p>Bóng chuyên</p> <p>Chạy bền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kĩ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình, hiểu một số luật trong thi đấu bóng chuyên. - Chuyên bóng 2 tay trước mặt - Biết cách thực hiện thở phối hợp với bước chạy, phân phối sức trong khi chạy bền. 	<p>Thiết lập mục tiêu</p> <p>Làm việc nhóm</p>
Tiết 30	<p>Bóng chuyên</p> <p>Chạy bền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn kĩ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Chuyên bóng 2 tay trước mặt vào ô đánh số. - Biết cách thực hiện thở phối hợp với bước chạy, phân phối sức trong khi chạy bền. 	<p>Thiết lập mục tiêu</p> <p>Làm việc nhóm</p>
Tiết 31	Kiểm tra bóng chuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phát bóng thấp tay nghiêng mình - Vận dụng kĩ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình khi tập luyện và thi đấu 	
Tiết 32	Kiểm tra chạy bền	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chạy bền trên địa hình tự nhiên. - Học sinh nghiêm túc trong giờ kiểm tra. 	
Tiết 33, 34, 35	Chạy tiếp sức	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt các giai đoạn kĩ thuật trong khi chạy - Phối hợp tốt giữa các thành viên trong đội 	

Tiết 36	Chạy tiếp sức	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra Chạy tiếp sức. - Học sinh nghiêm túc trong giờ học, nắm và thực hiện tốt kỹ thuật động tác. 	
----------------	---------------	---	--

HỌC KÌ II

Tiết 37	Đá cầu Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Một số động tác bổ trợ đã học ở lớp 10. - Kỹ thuật di chuyển bước lướt. - Tầng “giật” cầu - Tập mô phỏng động tác chân lăng, động tác chân giậm và một số bài tập phát triển thể lực do gv chọn 	Thiết lập mục tiêu
Tiết 38	Đá cầu Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật di chuyển bước lướt. - Tầng “giật” cầu - Tập mô phỏng động tác chân lăng, động tác chân giậm - Phối hợp chạy đà-giậm nhảy -trên không <p><i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên</p>	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 39	Đá cầu Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Tầng “giật” cầu - Kỹ thuật tầng cầu (nhịp 1), đá tấn công bằng mu bàn chân. - Phối hợp chạy đà- giậm nhảy- trên không- tiếp đất, một số bài tập bổ trợ (do GV chọn) 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 40	Đá cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Một số kỹ thuật đã học (do GV chọn) <p><i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Kỹ thuật đánh đầu tấn công</p>	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

	Nhảy xa	<p>- Tập phối hợp chạy đà- giậm nhảy- trên không - tiếp đất, một số bài tập bổ trợ (do GV chọn)</p> <p><i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên, cách đo mạch</p>	
Tiết 41	Đá cầu Nhảy xa	<p>- Một số kĩ thuật đã học (do GV chọn)</p> <p>- Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật một số bài tập bổ trợ (do GV chọn)</p>	<p>Thiết lập mục tiêu</p> <p>Làm việc nhóm</p>
Tiết 42	Đá cầu Nhảy xa	<p>- Một số kĩ thuật đã học (do GV chọn)</p> <p>Kĩ thuật tung cầu (nhịp 1),</p> <p><i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> -Kĩ thuật đánh đầu tấn công, đá tấn công bằng mu bàn chân.</p> <p>Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật một số bài tập bổ trợ (do GV chọn)</p> <p>- Một số điểm trong Luật Điền kinh (phần nhảy xa)</p> <p><i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên, cách theo dõi sức khỏe</p>	<p>Thiết lập mục tiêu</p> <p>Làm việc nhóm</p>
Tiết 43	Đá cầu Nhảy xa	<p>- Như nội dung tiết 42 hoặc do GV chọn</p> <p>- Một số điểm trong Luật Đá cầu</p> <p>- Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật, một số bài tập bổ trợ (do GV chọn)</p> <p>- Một số điểm trong luật Điền kinh (phần nhảy xa)</p>	<p>Thiết lập mục tiêu</p> <p>Làm việc nhóm</p>
Tiết 44	Đá cầu	<p>- Các kĩ thuật đã học, đấu tập hoặc do GV chọn</p>	<p>Thiết lập mục tiêu</p>

	Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Một số điểm trong luật Đá cầu -Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật, một số bài tập bổ trợ và phát triển thể lực (do GV chọn) <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên 	Làm việc nhóm
Tiết 45	Đá cầu Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ thuật đã học, đấu tập hoặc do GV chọn - Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật - Một số bài tập bổ trợ và phát triển thể lực (do GV chọn) 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 46	Đá cầu Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ thuật đã học, đấu tập, kiểm tra thử hoặc do GV chọn - Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật, một số bài tập bổ trợ và phát triển thể lực (do GV chọn) <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 47	Đá cầu	Kiểm tra	
Tiết 48	Nhảy xa	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hoàn chỉnh 4 giai đoạn kĩ thuật, một số bài tập bổ trợ và phát triển thể lực, kiểm tra thử. (do GV chọn) <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 49	Nhảy xa	Kiểm tra	
Tiết 50	Cầu lông TTTC	<ul style="list-style-type: none"> -Di chuyển đơn bước, đa bước;Đánh cầu thấp thuận tay, trái tay. -Đánh cầu cao thuận tay -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên 	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

Tiết 51	Cầu lông TTTC	-Di chuyển đơn bước, đa bước; Đánh cầu cao thuận tay, Đánh cầu thấp thuận tay, trái tay -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 52	Cầu lông TTTC	-Như nội dung tiết 51 -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 53	Cầu lông TTTC	-Nội dung như tiết 51 hoặc do GV chọn -Kỹ thuật đập cầu chính diện -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 54	Cầu lông TTTC	-Kỹ thuật đập cầu chính diện; phát cầu(do GV chọn) -Một số điểm trong Luật Cầu lông -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 55	Cầu lông TTTC	-Kỹ thuật đập cầu chính diện; phát cầu -Đấu tập -Một số điểm trong Luật Cầu lông -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 56	Cầu lông	-Kỹ thuật đập cầu chính diện -Đấu tập -Một số chiến thuật (do GV chọn) -Thực hiện kế hoạch dạy học của	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

	TTTC	GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	
Tiết 57	Cầu lông	-Kỹ thuật đập cầu chính diện -Một số chiến thuật -Đấu tập	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
	TTTC	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	
Tiết 58	Cầu lông	-Đánh cầu cao thuận tay, Đập cầu chính diện -Đấu tập -Một số chiến thuật (do GV chọn)	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
	TTTC	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	
Tiết 59	Cầu lông	-Đánh cầu cao thuận tay. Đập cầu chính diện hoặc do gv chọn -Đấu tập	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
	TTTC	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	
Tiết 60	Cầu lông	-Đánh cầu cao thuận tay, đập cầu chính diện hoặc do gv chọn -Đấu tập	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
	TTTC	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	
Tiết 61	Cầu lông	-Một số kỹ năng học sinh thực hiện còn yếu(do GV chọn) -Đấu tập	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm

	TTTC	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV	
Tiết 62	Cầu lông TTTC	-Như nội dung tiết 61, chuẩn bị kiểm tra -Thực hiện kế hoạch dạy học của GV <i>Bài tập thêm (không bắt buộc):</i> - Chạy trên địa hình tự nhiên	Thiết lập mục tiêu Làm việc nhóm
Tiết 63	Cầu lông	Kiểm tra	
Tiết 64-65	TTTC Chạy bền	-Thực hiện kế hoạch dạy học của GV -Chạy trên địa hình tự nhiên	
Tiết 66	TTTC	Kiểm tra	
Tiết 67-70		Ôn tập, kiểm tra học kì II, kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.(chạy bền và những nội dung chưa kiểm tra)	

PHỤ LỤC 8

MẪU KẾ HOẠCH DẠY HỌC THỰC NGHIỆM LỚP 11

KẾ HOẠCH BÀI DẠY (TIẾT 6): THỂ DỤC NHỊP ĐIỀU – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thể dục nhịp điệu:

+ Nam ôn nội dung thể dục liên hoàn từ 1 – 40, học mới động tác 41 – 50.

+ Nữ ôn nội dung thể dục nhịp điệu từ 1 – 8, học mới động tác 9.

- Chạy bền: Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo nhóm sức khỏe, giới tính.

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo an toàn trong khi tập luyện.

+ Rèn luyện ý thức tự giác, hoạt động tập thể trong khi học.

2. Năng lực

- Năng lực chung

+ Năng lực tự chủ và tự học: HS thực hiện việc sưu tầm tranh ảnh phục vụ bài học theo yêu cầu của GV.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về động tác; Biết hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập và trò chơi hỗ trợ cho bài học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động luyện tập, trò chơi, thi đấu, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phân tích được động tác trong luyện tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề để giải quyết phù hợp nhất.

- NL đặc thù

+ NL sử dụng kiến thức về TĐTT.

+ NL giải quyết vấn đề về bài thể dục nhịp điệu.

+ NL hình thành thói quen tập luyện thường xuyên để phát triển nhân cách đức trí, thể mỹ.

+ NL vận dụng để tập luyện thường xuyên, hàng ngày.

+ NL hợp tác là biết phối hợp với đồng đội trong quá trình tập luyện và thi đấu TĐTT.

+ NL tính toán biết xác định được LVĐ phù hợp với sức khỏe của cá nhân.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác, tích cực và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.
- Thể hiện tinh thần tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn trong tập luyện
- Có ý trí vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên để đạt kết quả tốt trong

luyện tập

- Thể hiện sự yêu thích môn học trong học tập và rèn luyện.

4. Giáo dục kỹ năng sống

Trong tiết học này chúng tôi sẽ tích hợp GD kỹ năng làm việc nhóm cụ thể như sau:

- GV dùng tranh ảnh các động tác chuẩn bị học trong bài mới cho HS tự nghiên cứu, tập luyện và tự phân tích theo ý hiểu.

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác cho HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm.

* Tích hợp với các môn học

- Biết nghe được nhịp và lời bài hát để bắt đầu vào tập động tác.

- Hiểu được hiện tượng đau sóc hông và cách khắc phục, đo mạch đập trước và sau khi chạy.

- Biết rèn luyện tính tự giác, tự học của từng HS và khả năng hoạt động nhóm tạo sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Địa điểm: Sân vận động trường.

2. Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị giáo án, tranh ảnh TD, chuẩn bị còi.

3. Chuẩn bị của học sinh: Trang phục đúng qui định của trường, vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

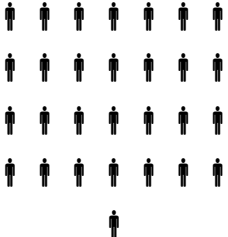
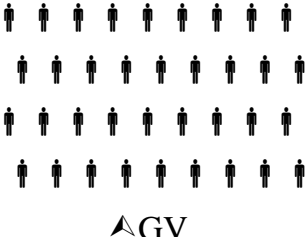
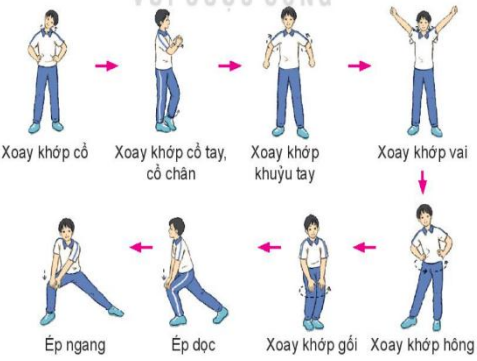
1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS bước vào tiết học mới

2. Nội dung: Nhận lớp, khởi động, kiểm tra bài cũ

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
----------------------------	-------------	-------------------------

	LƯỢNG	
<p>- GV và HS làm thủ tục nhận lớp</p> <p>+ Đội hình nhận lớp</p>  <p>+ Cán sự lớp báo cáo sĩ số và tình hình của lớp.</p>	1 phút	<p>1. Nhận lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán sự lớp báo cáo sĩ số. - GV nhận lớp với đội hình 4 hàng ngang.
<p>- GV cho HS khởi động:</p>  <p>▲GV</p> <p>- Cụ ly giãn cách một sai tay</p>  <p>Hình 2. Xoay các khớp, ép dọc, ép ngang</p> <p>GV kết hợp với cán sự lớp hướng dẫn HS khởi động kỹ</p>	6 phút	<p>2. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung + Chạy nhẹ nhàng. + Xoay các khớp + Ép dây chằng + Căng các cơ - Khởi động chuyên môn + Ép dẻo các khớp. Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, gót chạm mông, đá lăng trước, Chạy đập sau, tăng tốc
<p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>GV: Gọi theo tinh thần xung phong</p> <p>HS: Quan sát tự sửa, đánh giá bạn thực hiện, sai bản thân</p> <p>GV: quan sát, nhận xét, cho điểm, sửa sai.</p>	1 - 2 phút	<p>3. Kiểm tra bài cũ</p> <p>Nam từ nhịp 21 - 30 TDLH</p> <p>Nữ từ bài 7 – 8 TDNĐ</p>

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Động tác TD liên hoàn Nam từ 1- 50

1. **Mục tiêu:** HS thực hiện được động tác TD liên hoàn Nam từ 1 - 50

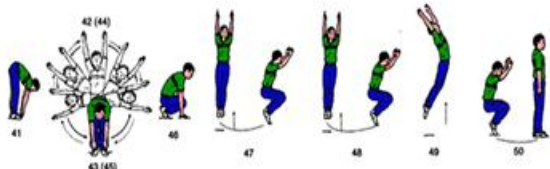
2. **Nội dung:**

+ Ôn tập động tác TD liên hoàn nam từ 1 – 40

+ Học mới động tác TDLH nam từ 41 - 50

3. **Sản phẩm:** HS thực hiện đúng các động tác

4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Lớp phân nhóm luyện tập riêng</p> <p>* GV thị phạm động tác, hướng dẫn HS tập luyện động tác bài TDLH nam từ 1 - 40. HS luyện tập, thực hiện ghép nhạc.</p> <p>* Tìm hiểu</p> <p>- GV chia nhóm nam thành 3 nhóm phát phiếu tranh ảnh từ động tác 41 đến 50 cho các nhóm hoạt động thảo luận nhóm tìm hiểu động tác và tư duy tự tập, phân tích theo ý hiểu của HS và nhóm.</p> <p>Học động tác từ 41 – 50:</p> 	<p>2 phút 2 lần</p> <p>3 phút</p>	<p>1. Động tác TD liên hoàn Nam từ 1-50</p> <p>* Ôn tập động tác liên hoàn từ 1 – 40.</p> <p>Biết nghe nhạc và lời bài hát để bắt đầu vào tập động tác.</p> <p>* Học động tác 41 – 50:</p> <p>ĐT 41: Duỗi thẳng hai chân thành tư thế đứng gập thân, hai chân khép hai tay duỗi, ngón tay chạm muc bàn chân.</p> <p>ĐT 42 - 43: Quay thân, vòng từ dưới lên cao theo chiều từ trái sang phải, kết thúc động tác giống 41.</p> <p>ĐT 44 – 45: Như 42-43 nhưng quay theo chiều từ từ phải qua trái.</p> <p>ĐT 46: Gập gối thành tư thế ngồi</p>

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập. - HS tiến hành luyện tập theo nhóm. - GV quan sát hướng dẫn sửa sai cho từng HS, từng nhóm. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi một số HS trong các nhóm lên thực hiện các động tác và phân tích động tác. - Các HS khác theo dõi, nhận xét. <p>*GV thực hiện nhanh, chậm, phân tích động tác, tập hoàn chỉnh động tác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV thị phạm 2 - 3 lần động tác TDLH nam cho HS nắm vững kiến thức, hướng dẫn HS tập luyện theo nhóm và ghép nhạc. - HS thực hiện đồng loạt dưới sự hướng dẫn của GV. - HS thực hiện luyện tập theo nhóm, theo tổ. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS.</p>	<p>4 - 5 phút</p> <p>3 - 4 lần</p>	<p>xồm, hai tay chống đất.</p> <p>ĐT 47: Bật nhảy lên cao quay người 180^o theo chiều từ trái – sang phải, hai tay lên cao. Kết thúc hai chân chụm khuyu gối.</p> <p>ĐT 48: Như 47.</p> <p>ĐT 49: Bật nhảy căng thân, chân và hai tay đưa thẳng ra phía sau, đầu ngửa.</p> <p>ĐT 50: Rơi xuống thành tư thế đứng co gối, hai nửa trước bàn chân, mắt nhìn theo tay. Duỗi thân thành tư thế đứng nghiêm.</p> <p>- HS thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác và tập đúng theo nhạc</p>
--	------------------------------------	---

Hoạt động 2: Động tác TDNĐ Nữ 1 - 9

1. Mục tiêu: HS thực hiện được động tác TDNĐ Nữ 1 - 9


2. Nội dung:

+ Ôn động tác TDND Nữ từ 1- 8

+ Học động tác 9 bài TDND nữ

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* GV cho HS tự ôn tập động tác 1 – 8 bài TDND nữ. HS luyện tập, thực hiện ghép nhạc.</p> <p>* Tìm hiểu</p> <p>- GV chia nhóm HS nữ thành 3 nhóm phát phiếu tranh ảnh động tác 9 cho các nhóm hoạt động thảo luận nhóm.</p> <p>- YC: Hình thành cơ bản đúng tư thế động tác trong tranh ảnh, phân tích theo ý hiểu của HS và nhóm.</p> <p>Động tác 9: Kiễng gót từng chân (2 x 8 Nhịp).</p> <p><small>Động tác 9 : Kiễng gót từng chân (2 x 8 nhịp hoặc 4 x 8 nhịp) – TTCB : Như nhịp 8 của động tác 8 (H. 11).</small></p>  <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo phiếu học tập.</p> <p>- HS tiến hành luyện tập theo nhóm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi một số HS lên thực hiện các động</p>	10 phút	<p>2. Động tác TDND Nữ 1- 8</p> <p>* Ôn động tác 1 – 8 bài TDND nữ</p> <p>Biết nghe nhạc và lời bài hát để bắt đầu vào động tác tập.</p> <p>* Học động tác 9</p> <p>Nhịp 1-2: Chân trái co gối, tì bằng mũi chân, đưa hai tay ra trước lên cao và đan chéo, lòng bàn tay hướng trước, căng ngực ngẩng đầu.</p> <p>Nhịp 3-4: Kiễng gót chân phải, hai tay đưa từ cao - sang ngang – xuống dưới và đan chéo trước bụng.</p> <p>Nhịp 5-6: Như 1 – 2.</p> <p>Nhịp 7-8: Như 3 – 4.</p>

<p>tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các HS khác theo dõi, nhận xét. * GV thực hiện nhanh, chậm, phân tích động tác, tập hoàn chỉnh động tác. - GV thị phạm 2 - 3 lần động tác thể dục liên hoàn nữ cho HS nắm vững kiến thức, hướng dẫn HS tập luyện theo nhóm và khớp nhạc. - HS thực hiện đồng loạt dưới sự hướng dẫn của GV. - HS thực hiện luyện tập theo nhóm, theo tổ. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật động tác và tập đúng theo nhạc
---	--	--

Hoạt động 3: Chạy bền

1. **Mục tiêu:** HS thực hiện được động tác chạy bền trên địa hình tự nhiên
2. **Nội dung:** Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên
3. **Sản phẩm:** HS thực hiện đúng động tác
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>* Liên hệ thực tế</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm và phát phiếu hỏi cho 4 nhóm HS (2p).</p> <p>Câu 1: Để khắc phục hiện tượng đau sóc em cần</p>	4-5phút	Hiểu được hiện tượng đau sóc và cách khắc phục, đo mạch đập

tự nhiên Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Lần lượt HS thực hiện chạy - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung đánh giá mức độ thực hiện bài tập của HS		
---	--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

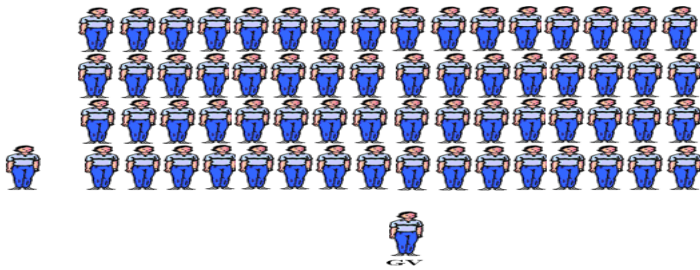
- Mục tiêu:** HS ôn luyện các động tác đã học.
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập
- Sản phẩm:** Bài luyện tập của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
1. Luyện tập GV chia lớp thành các nhóm để luyện tập tại chỗ: + Thực hiện lại động tác 41 - 50 bài TDLH nam và động tác 9 bài TDNĐ nữ. Học sinh luyện tập, ghép nhạc. - Dưới sự chủ trì của từng nhóm trưởng, từng HS luyện tập theo nhóm từ 4 – 6 em. - GV quan sát và kịp thời sửa sai và nhắc nhở HS tập luyện nghiêm túc.	6 phút 3 - 5 lần	HS tập luyện các động tác đã học Biết nghe được nhịp và lời bài hát để bắt đầu vào động tác tập.
2. Thả lỏng, hồi tĩnh Đội hình thả lỏng X	2 phút 21 x 8n	Thực hiện các động tác thả lỏng, căng các cơ, khớp tay, chân và toàn thân.

<p>X x x x x x x x x x</p> <p>† GV</p> <p>GV hướng dẫn cho HS thả lỏng và căng cơ</p> <p>3. Nhận xét giờ học</p> <p>- GV nhận xét ý thức học tập và quá trình thực hiện động tác của HS cả lớp. Nhấn mạnh những lỗi sai thường mắc trong các động tác và đưa ra cách khắc phục.</p> <p>- HS nghiêm túc và chú ý lắng nghe.</p>	1 phút	Nhận xét về ý thức học tập và quá trình thực hiện động tác
---	--------	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. **Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức.
2. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập
3. **Sản phẩm:** HS thực hiện luyện tập
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>GV cho bài tập về nhà: Về nhà ôn tập những động tác đã học.</p> <p>+ Nam: động tác 1 - 50</p> <p>+ Nữ: bài TD số 1 - 9</p> <p>Đội hình GV hướng dẫn bài tập vận dụng</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- GV nhắc nhở HS chú ý đảm bảo an toàn khi luyện tập.</p> <p>- HS tự sắp xếp thời gian tập luyện ngoài giờ học và đảm bảo an toàn khi tập luyện.</p>	2 phút	Về nhà ôn tập những động tác đã học.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY (TIẾT 13): CHẠY TIẾP SỨC – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Chạy tiếp sức: Hoàn thiện kỹ thuật chạy tiếp sức, phối hợp nhuần nhuyễn trao nhận tín gậy trong đội

- Chạy bền: Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính.

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo an toàn trong khi tập luyện.

+ Rèn luyện ý thức tự giác, hoạt động tập thể trong khi học.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: HS thực hiện việc sưu tầm tranh ảnh phục vụ bài học theo yêu cầu của GV.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về động tác; Biết hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập và trò chơi hỗ trợ cho bài học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động luyện tập, trò chơi, thi đấu, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phân tích được động tác trong luyện tập, trong cuộc sống; Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề để giải quyết phù hợp nhất.

- NL đặc thù:

+ NL sử dụng kiến thức về TĐTT.

+ NL hình thành thói quen tập luyện thường xuyên để phát triển nhân cách đức trí, thể mỹ.

+ NL vận dụng để tập luyện thường xuyên, hàng ngày.

+ BL hợp tác là biết phối hợp với đồng đội trong quá trình tập luyện và thi đấu TĐTT.

+ NL tính toán biết xác định được LVĐ phù hợp với sức khỏe của cá nhân.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác, tích cực và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

- Thể hiện tinh thần tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn trong tập luyện.
- Có ý trí vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên để đạt kết quả tốt trong

luyện tập

- Thể hiện sự yêu thích môn học trong học tập và rèn luyện.

4. Giáo dục kỹ năng sống

Trong tiết học này chúng tôi sẽ tích hợp giáo dục kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho các em trong các hoạt động cụ thể như sau:

Mục tiêu: Củng cố hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo vận động giúp HS có thể vận dụng vào cuộc sống.

- Hoạt động vận dụng trò chơi: Là hoạt động độc lập sáng tạo, yêu cầu cao về sự nhanh trí, khéo léo, tạo nên sự ganh đua căng thẳng giữa các cá nhân hoặc đội nhóm.

- Hoạt động này tạo sự hứng thú, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của HS nhằm phát triển phẩm chất chăm chỉ, năng lực tự chủ và tự học.

* Tích hợp với các môn học

- Hiểu được phản xạ trong xuất phát chạy là phản xạ có điều kiện.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Địa điểm: Sân vận động trường.

2. Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị giáo án, tranh ảnh minh họa, loa, bài nhạc.

3. Chuẩn bị của HS: Trang phục đúng qui định của trường, vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

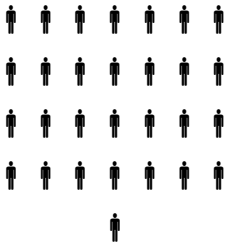
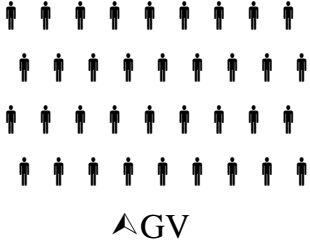
1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS bước vào tiết học mới

2. Nội dung: Nhận lớp, khởi động, kiểm tra bài cũ

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV và HS làm thủ tục nhận lớp	1 phút	1. Nhận lớp:

<p>Đội hình nhận lớp</p>  <p>+ Cán sự lớp báo cáo sĩ số và tình hình của lớp.</p> <p>- GV cho HS khởi động:</p>  <p>▲GV (Đội hình khởi động)</p> <p>- Cự ly giãn cách một sải tay - GV kết hợp với cán sự lớp hướng dẫn HS khởi động kỹ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ: GV: gọi theo tinh thần xung phong HS: quan sát tự sửa, đánh giá bạn thực hiện, sai bản thân GV: quan sát, nhận xét, cho điểm, sửa sai.</p>	<p>6 phút</p> <p>1 - 2 phút</p>	<p>- Cán sự lớp báo cáo sĩ số. - GV nhận lớp với đội hình 4 hàng ngang.</p> <p>2. Khởi động:</p> <p>- Khởi động chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Động tác tay cao phía trước + Động tác vận mình + Động tác lưng bụng + Động tác lườn + Xoay các khớp cổ tay cổ chân <p>- Khởi động chuyên môn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chạy bước nhỏ + Chạy nâng cao đùi + Chạy tăng tốc độ <p>3. Kiểm tra bài cũ Một số luật trong nội dung chạy tiếp sức</p>
--	---------------------------------	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

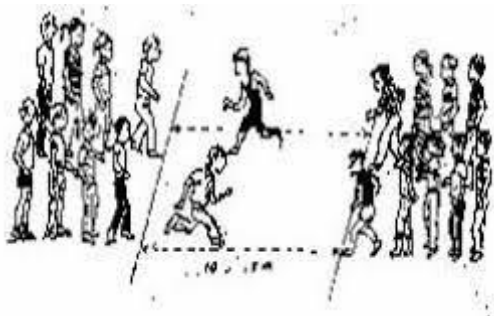
Hoạt động 1: Chạy tiếp sức

1. Mục tiêu: HS thực hiện được các kỹ thuật chạy tiếp sức.

2. **Nội dung:** Ôn tập các kĩ thuật chạy tiếp sức, chuẩn bị kiểm tra thử cho HS.

3. **Sản phẩm:** HS thực hiện đúng các động tác.

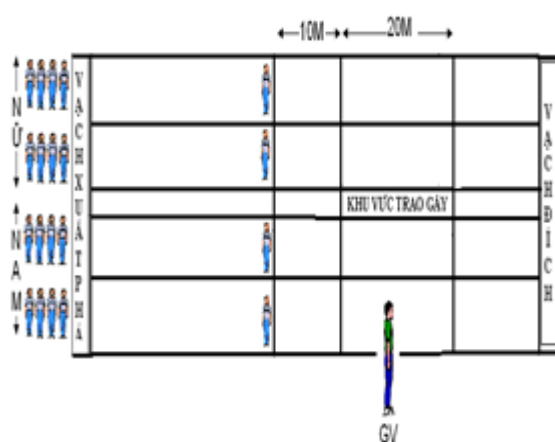
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* Trò chơi hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none">- Chia lớp thành 4 nhóm có số lượng người bằng nhau.- GV giải thích cách chơi và luật chơi- HS chú ý lắng nghe và thực hiện trò chơi  <p>GV quan sát và chỉ huy trò chơi.</p> <p>Kết thúc trò chơi đội thua cuộc sẽ bị phạt chông đẩy</p>	14-15 phút	<p>* Trò chơi</p> <p>- <i>Cách chơi:</i> Khi có lệnh cho trò chơi bắt đầu, những em số 1 ở bên A nhanh chóng nhảy sang bên B và trao bóng cho bạn số 1 ở Bên B, rồi đi vòng về tập hợp ở cuối hàng bên B. Em số 1 bên B khi nhận được bóng thì nhanh chóng vượt qua vạch giới hạn chạy sang bên A và trao bóng cho bạn số 2 ở bên A rồi đi vòng về tập hợp ở cuối hàng bên A...Trò chơi cứ tiếp tục như vậy một cách nhanh nhẹn cho đến hết lượt. Cặp hàng nào xong trước ít phạm quy thì cặp hàng đó thắng. Nếu để bóng rơi, có quyền nhặt bóng lên và tiếp tục cuộc chơi.</p>

*** Nội dung tập luyện**

- GV chia HS thành các nhóm, tiến hành ôn tập hoàn thiện kĩ thuật chạy tiếp sức

Đội hình luyện tập:



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành luyện tập theo nhóm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi 1 số nhóm HS lên thực hiện động tác

- Các HS khác theo dõi, nhận xét

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS

Nếu chạy ra khỏi vạch giới hạn trước khi có hiệu lệnh cuộc chơi hoặc khi chưa nhận được bóng đã chạy là phạm quy.

1. Ôn tập chạy tiếp sức

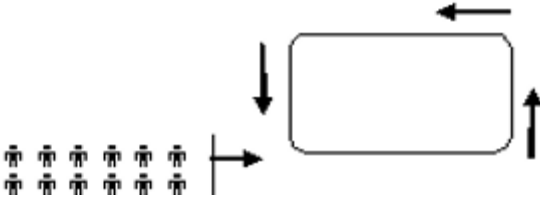
Ôn tập hoàn thiện kĩ thuật chạy tiếp sức, chuẩn bị kiểm tra thử cho HS.

Hoạt động 2: Chạy bền

1. Mục tiêu: HS thực hiện được động tác chạy bền trên địa hình tự nhiên.

2. Nội dung: Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên.

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng động tác.

<p>Đội hình chạy bền trên địa hình tự nhiên</p>  <p>- HS chạy bền trên địa hình tự nhiên</p> <p>Nam chạy 5 vòng sân</p> <p>Nữ chạy 3 vòng sân</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt HS thực hiện chạy - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện bài tập của HS</p>		
---	--	--

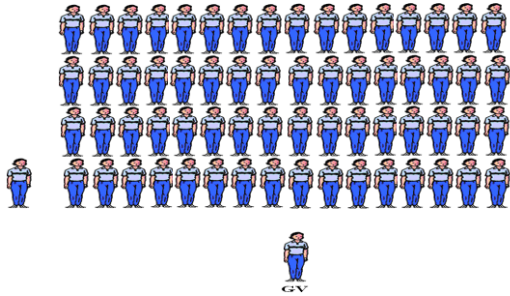
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS ôn luyện các động tác đã học.
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập
- Sản phẩm:** Bài luyện tập của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>1. Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS luyện tập theo nhóm chạy tiếp 	<p>5-6 phút</p> <p>3 - 5lần</p>	<p>HS tập luyện các động tác đã học</p>

+ Kỹ thuật trao và nhận tín gậy.

Đội hình GV hướng dẫn bài tập vận dụng.



- GV nhắc nhở HS chú ý đảm bảo an toàn khi luyện tập.

- HS tự sắp xếp thời gian tập luyện ngoài giờ học và đảm bảo an toàn khi tập luyện.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY (TIẾT 16): ĐÁ CẦU – CHẠY BỀN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đá cầu: Học tung cầu một nhịp - đá tấn công bằng mu bàn chân, Ôn kỹ thuật di chuyển “bước lướt”.

- Chạy bền: Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên theo sức khỏe và giới tính.

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo an toàn trong khi tập luyện.

+ Rèn luyện ý thức tự giác, hoạt động tập thể trong khi học.

2. Năng lực

- NL chung:

+ NL tự chủ và tự học: HS thực hiện việc sưu tầm tranh ảnh phục vụ bài học theo yêu cầu của HS.

+ NL giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về động tác; Biết hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập và trò chơi hỗ trợ cho bài học.

+ NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động luyện tập, trò chơi, thi đấu, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phân tích được động tác trong luyện tập, trong cuộc sống; Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề để giải quyết phù hợp nhất.

- NL đặc thù:

+ NL sử dụng kiến thức về TDTT.

+ NL hình thành thói quen tập luyện thường xuyên để phát triển nhân cách đức trí, thể mỹ.

+ NL vận dụng để tập luyện thường xuyên, hàng ngày.

+ NL hợp tác là biết phối hợp với đồng đội trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT.

+ NL tính toán biết xác định được lượng vận động phù hợp với sức khỏe của cá nhân.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác, tích cực và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.
- Thể hiện tinh thần tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn trong tập luyện
- Có ý trí vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên để đạt kết quả tốt trong tập luyện
- Thể hiện sự yêu thích môn học trong học tập và rèn luyện.

4. Giáo dục kỹ năng sống

Trong tiết học này chúng tôi sẽ tích hợp GD kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho các em trong các hoạt động cụ thể như sau:

Hoạt động kỹ thuật ô bi:

- Giải quyết được nhiệm vụ và yêu cầu của GV giao cho.
- Tăng cường tính độc lập của cá nhân trong quá trình thảo luận nhóm.
- HS phát triển được NL giao tiếp và hợp tác, có cơ hội học hỏi lẫn nhau khi được thảo luận lần lượt với nhiều bạn trong lớp, HS chia sẻ kết quả thảo luận.

* Tích hợp với các môn học

- Hiểu được hiện tượng choáng ngất và cách khắc phục.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Địa điểm: Sân vận động trường.

2. Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị giáo án, tranh ảnh TD nêu có.

3. Chuẩn bị của học sinh: Trang phục đúng qui định của trường, vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

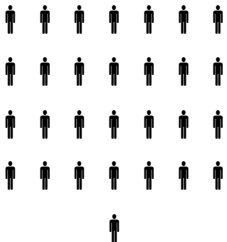

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS bước vào tiết học mới

2. Nội dung: Nhận lớp, khởi động, kiểm tra bài cũ

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- GV và HS làm thủ tục nhận lớp</p> <p>Đội hình nhận lớp</p>  <p>+ Cán sự lớp báo cáo sĩ số và tình hình của lớp.</p> <p>- GV cho HS khởi động:</p>  <p style="text-align: center;">▲GV</p> <p>- Cự ly giãn cách một sai tay</p> <p>- GV kết hợp với cán sự lớp hướng dẫn HS khởi động kỹ</p> <p>- Kiểm tra bài cũ:</p> <p>GV: Gọi theo tinh thần xung phong.</p> <p>HS: quan sát tự sửa, đánh giá bạn thực hiện, sai bản thân.</p> <p>GV: quan sát, nhận xét, cho điểm, sửa sai.</p>	<p>1 phút</p> <p>6 phút</p> <p>1 - 2 phút</p>	<p>1. Nhận lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán sự lớp báo cáo sĩ số. - GV nhận lớp với đội hình 4 hàng ngang. <p>2. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung: <ul style="list-style-type: none"> + Động tác tay cao phía trước + Động tác vặn mình + Động tác lưng bụng + Động tác lườn + Xoay các khớp cổ tay cổ chân - Khởi động chuyên môn <ul style="list-style-type: none"> + Chạy bước nhỏ + Chạy nâng cao đùi + Chạy tăng tốc độ <p>3. Kiểm tra bài cũ</p> <p>Kĩ thuật di chuyển bước lướt</p>

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đá cầu

1. Mục tiêu: HS thực hiện được động tác tâng cầu một nhịp - đá tấn công bằng mu bàn chân

2. Nội dung:

- + Ôn tập tâng giạt cầu;
- + Học tâng cầu một nhịp - đá tấn công bằng mu bàn chân.

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>*Hoạt động 1.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV cho lớp di chuyển thành 2 vòng tròn đồng tâm, đối diện nhau và phát phiếu hỏi cho các học sinh phía trong vòng tròn.</p> <p>Câu 1: Kỹ thuật “giạt: cầu thường được sử dụng trong trường hợp nào? (Được sử dụng để xử lý những đường cầu thấp, rơi gần phía trước người tập)</p> <p>Câu 2: Kỹ thuật tâng cầu (nhịp 1) – đá tấn công bằng mu bàn chân thường được sử dụng trong thi đấu đá đôi, đá ba hay đá đơn? (đá đơn)</p> <p>Câu 3: Kỹ thuật di chuyển bước lướt thường được sử dụng trong trường hợp nào? (Thường được áp</p>	4-5 phút	<p>1. Tìm hiểu kiến thức</p> <p>Tâng cầu một nhịp - đá tấn công bằng mu bàn chân</p>

dụng để đỡ những quả bóng nhỏ gần lưới hoặc đá dọc hai biên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành thảo luận theo theo nhóm 2 người sau 2 phút học sinh vòng trong di chuyển theo chiều kim đồng hồ để hình thành cặp đối tác mới cùng nhau thảo luận vấn đề.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi bất kì HS nào trong lớp trả lời các câu hỏi đã giao trong phiếu học tập

- HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét câu trả lời.

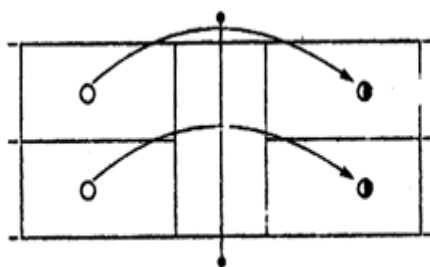
Bước 4: Kết luận, nhận định:

***Hoạt động 2**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS

GV thị phạm và hướng dẫn cho HS tập luyện.



Tâng cầu một nhịp – đá tấn công bằng mu bàn chân

5 - 10 phút
5 lần

2. Đá cầu

a, Ôn tâng giật cầu.

b, Tâng cầu một nhịp – đá tấn công bằng mu bàn chân:

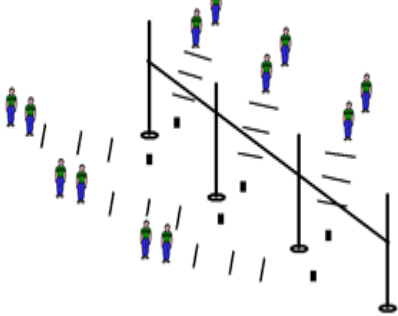


CHUYỂN CẦU BẰNG MU BÀN CHÂN

Đây là kỹ thuật cơ bản trong đá đơn, khi cầu bay ra phía sau hay sang hai bên của đầu thủ, người phòng thủ tâng cầu một nhịp rồi đá tấn công sang sân đối phương.

TTCB: Tương tự như động tác tâng giật cầu nhưng lưng thẳng.

Động tác: Khi thấy cầu bay sang sân người tập nhanh chóng chuyển

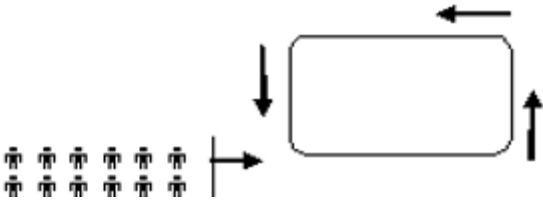
 <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiến hành tập luyện theo nhóm. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi nhóm HS lên thực hiện động tác - Các HS khác theo dõi, nhận xét <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS</p>	<p>trọng tâm sang chân trụ, rồi xoay người theo cầu chân đá nâng thẳng và cao về phía cầu thân trên ngã về sau theo hướng ngược lại để giữ thẳng bằng. Tiếp xúc cầu khi cầu còn ở độ cao 1,2-1,5m, lúc này người tập xoay nhẹ bàn chân sau cho tiếp xúc đúng vị trí để cầu rời vẩy nhẹ cổ chân cho cầu bay bổng về phía lưới theo đường vòng cung, sau đó di chuyển đến vị trí thích hợp đá cầu qua lưới.</p> <p>Sau đó trở về tư thế chuẩn bị .</p> <p>c, Di chuyển bước lướt</p> <p>Dùng sức mạnh bật phát của chân trái, phối hợp với chân phải bật mạnh để đưa cơ thể lướt nhanh về bên phải theo hướng quả cầu rơi, khi tiếp đất là chân trái làm trụ, chân phải nhanh chóng tiếp xúc cầu bằng mu bàn chân với kỹ thuật búng cầu, giật cầu, tâng cầu nhịp một (tùy theo ý đồ của người đá cầu mà sử dụng kỹ thuật đá cầu cho phù hợp).</p> <p>2 lần</p>
--	--

Hoạt động 2: Chạy bền

- 1. Mục tiêu:** HS thực hiện được động tác chạy bền trên địa hình tự nhiên
- 2. Nội dung:** Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên
- 3. Sản phẩm:** HS thực hiện đúng động tác

4. Tổ chức thực hiện:

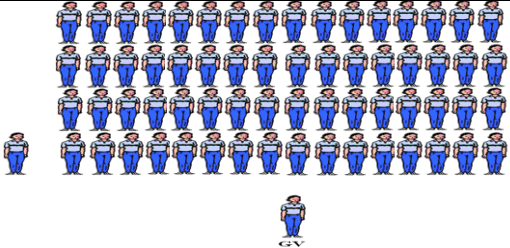
HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>* Hoạt động 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành 4 nhóm và phát phiếu hỏi cho 4 nhóm học sinh?</p> <p>Câu 1: Hiện tượng choáng ngất do đâu? (khi chạy bền do phải gắng sức kéo dài có thể xảy ra hiện tượng chóng ngất)</p> <p>Câu 2: Cách khắc phục hiện tượng choáng, ngất? (khi chạy về đích tuyệt đối không được dừng lại đột ngột, cần giảm tốc độ và hít thở)</p> <p>Câu 3: Chạy bền gồm mấy giai đoạn? (có 4 giai đoạn)</p> <p>Câu 4: Nêu các giai đoạn của chạy bền? (khởi động, xuất phát, tăng tốc, về đích)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đại diện trong nhóm lên bốc thăm phiếu câu hỏi, các HS trong nhóm thảo luận và đưa ra câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- Học sinh đại diện trong nhóm trả lời phiếu hỏi, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét câu trả lời.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	3 - 4 phút	Hiểu được hiện tượng choáng ngất và cách khắc phục
<p>*Hoạt động 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nhận xét, bổ sung câu trả lời cho từng nhóm.</p>	5 – 6 phút	Rèn luyện sức bền và phân chia sức trong lúc chạy

 <p>Đội hình chạy bền trên địa hình tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chạy bền trên địa hình tự nhiên <p>Nam chạy 5 vòng sân</p> <p>Nữ chạy 3 vòng sân</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt HS thực hiện chạy - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện bài tập của HS.</p>		
---	--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS ôn luyện các động tác đã học.
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập.
- Sản phẩm:** Bài luyện tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>1. Luyện tập</p> <p>GV cho HS luyện tập những động tác đã học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật tăng cầu 1 nhịp – đá cầu tấn công bằng mu bàn chân. + Sau đó gọi 2 HS thực hiện kỹ thuật tăng cầu 1 	<p>5 - 6 phút 3 - 5 lần</p>	<p>HS tập luyện các động tác đã học</p>

 <p>- GV nhắc nhở HS chú ý đảm bảo an toàn khi luyện tập. - HS tự sắp xếp thời gian tập luyện ngoài giờ học và đảm bảo an toàn khi tập luyện.</p>		
--	--	--

KẾ HOẠCH BÀI DẠY (TIẾT 23): BÓNG CHUYỀN – CHẠY BÈN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Bóng chuyền:

+ Bước đầu làm quen với kỹ thuật phát bóng thấp tay chính diện, biết phối hợp một số bài tập khi thi đấu bóng chuyền.

+ Thực hiện được chuyền bóng cao tay và đệm bóng.

- Chạy bền: Luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo an toàn trong khi tập luyện.

+ Rèn luyện ý thức tự giác, hoạt động tập thể trong khi học.

2. Năng lực

- NL chung:

+ NL tự chủ và tự học: HS thực hiện việc sưu tầm tranh ảnh phục vụ bài học theo yêu cầu của GV.

+ NL giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về động tác; Biết hợp tác trong nhóm để thực hiện bài tập và trò chơi hỗ trợ cho bài học.

+ NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua các hoạt động luyện tập, trò chơi, thi đấu, vận dụng linh hoạt các phương pháp, phân tích được động tác trong luyện tập,

trong cuộc sống; Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề để giải quyết phù hợp nhất.

- NL đặc thù:

+ NL sử dụng kiến thức về TĐTT.

+ NL hình thành thói quen tập luyện thường xuyên để phát triển nhân cách đức trí, thể mỹ.

+ NL vận dụng để tập luyện thường xuyên, hàng ngày.

+ NL hợp tác là biết phối hợp với đồng đội trong quá trình tập luyện và thi đấu TĐTT.

+ NL tính toán biết xác định được LVD phù hợp với sức khỏe của cá nhân.

3. Phẩm chất

- Có ý thức tự giác, tích cực và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

- Thể hiện tinh thần tập thể, đoàn kết, giúp đỡ bạn trong tập luyện

- Có ý trí vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên để đạt kết quả tốt trong luyện tập

- Thể hiện sự yêu thích môn học trong học tập và rèn luyện.

4. Giáo dục kỹ năng sống

Trong tiết học này chúng tôi sẽ tích hợp GD kỹ năng thiết lập mục tiêu và kỹ năng làm việc nhóm cho các em trong các hoạt động cụ thể như sau:

* Hoạt động **kĩ thuật “Động não”**.

- Huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng. Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày, khuyến khích số lượng các ý tưởng, cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

- Trưởng nhóm nhận chủ đề và xác định rõ một vấn đề.

- Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: Trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau và đưa ra ý kiến.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Địa điểm: Sân vận động trường.

2. Chuẩn bị của GV: Giáo án, trang phục thể thao, tranh ảnh, mô hình, bóng chuyền.

3. Chuẩn bị của HS: Trang phục đúng qui định của trường, vệ sinh sân tập và chuẩn bị dụng cụ tập luyện theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

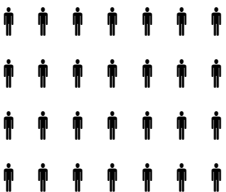

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS bước vào tiết học mới.

2. Nội dung: Nhận lớp, khởi động, kiểm tra bài cũ.

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- GV và HS làm thủ tục nhận lớp</p> <p>Đội hình nhận lớp</p>  <p>+</p> <p>†</p> <p>+ Cán sự lớp báo cáo sĩ số và tình hình của lớp.</p>	1 phút	<p>1. Nhận lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán sự lớp báo cáo sĩ số. - GV nhận lớp với đội hình 4 hàng ngang.
<p>- GV cho HS khởi động:</p>  <p>△GV</p> <p>(Đội hình khởi động)</p> <p>- Cụ ly giãn cách một sải tay</p>	6 phút 2lx8n	<p>2. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung: + Xoay các khớp cổ tay, vai, lưng bụng, hông, gối, xoay dọc ngang, ép căng cơ... - Khởi động chuyên môn + Ép dẻo các khớp.

<p>- GV kết hợp với cán sự lớp hướng dẫn học sinh khởi động kỹ</p> <p>- GV kiểm tra bài cũ: Gọi 2 hs thực hiện kỹ thuật chuyền bóng cao tay và đệm bóng. Có nhận xét cho điểm từng em.</p>	<p>1-2 phút</p>	<p>+ Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, gót chạm hông, đá lăng trước, + Chạy đạp sau, tăng tốc.</p> <p>3. Kiểm tra bài cũ + Kỹ thuật chuyền bóng cao tay và đệm bóng</p>
---	-----------------	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Bóng chuyền

1. Mục tiêu: HS thực hiện được kỹ thuật động tác di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp tay chính diện.

2. Nội dung: Ôn tập tư thế cơ bản, kỹ thuật động tác di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp tay chính diện.

3. Sản phẩm: HS thực hiện đúng các động tác

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Hoạt động 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, tư duy sáng tạo ra trò chơi và đặt tên cho trò chơi sao cho phù hợp với nội dung bài học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiến hành nghiên cứu và thảo luận nội dung theo hướng dẫn của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi 4 nhóm trưởng lên và đưa ra tên trò chơi, phân tích cách chơi và luật chơi mà nhóm</p>	<p>14 -15 phút</p>	<p>- Trò chơi các nhóm trong lớp</p>

đã thảo luận

- Các HS khác theo dõi, nhận xét

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV bổ sung sao cho phù hợp các trò chơi HS đưa ra và cho nhóm trưởng chỉ huy nhóm chơi theo trò chơi HS đã đưa ra.

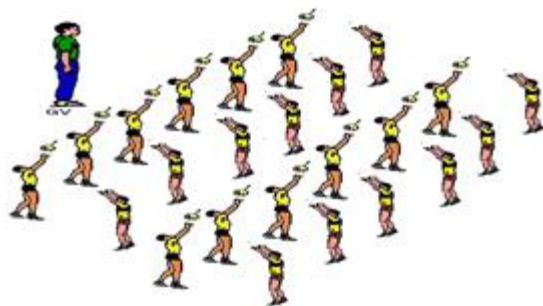
-GV nhận xét các trò chơi của từng nhóm

Hoạt động 2:

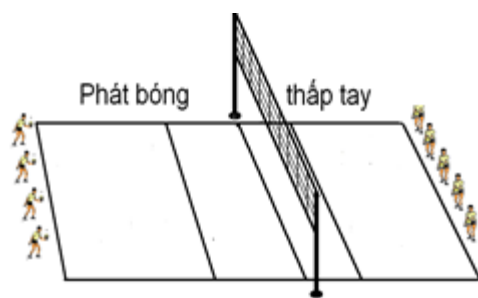
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn cho HS tập luyện và đảm bảo an toàn khi tập luyện:

- Đội hình học bóng chuyền



- Gv Quan sát nhắc nhở HS tập luyện



- Giáo viên quan sát sửa sai chung cho cả lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành luyện tập theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2 - 3 HS lên thực hiện động tác.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét.

7-10 lần

Bóng chuyền

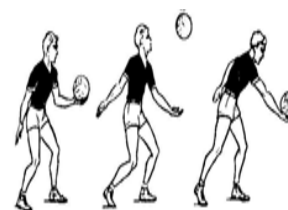
Ôn tư thế cơ bản.

Ôn di chuyển,

Chuyền bóng cao tay

Đệm bóng.

Ôn phát bóng thấp tay
chính diện



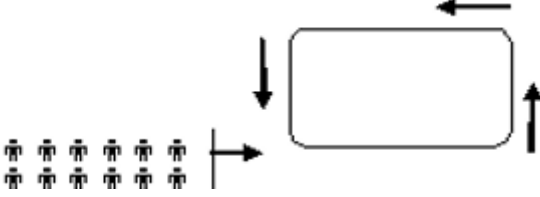
- HS luyện tập đồng loạt, luyện tập theo tổ, theo nhóm kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng thấp tay chính diện.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá mức độ thực hiện của HS.		
---	--	--

Hoạt động 2: Chạy bền

1. **Mục tiêu:** HS thực hiện được động tác chạy bền trên địa hình tự nhiên.
2. **Nội dung:** Luyện tập chạy lặp lại các đoạn 20m.
3. **Sản phẩm:** HS thực hiện đúng động tác.
4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Hoạt động 1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành 4 nhóm và phát phiếu hỏi cho 4 nhóm HS?</p> <p>Câu 1: Nêu 1 số hiện tượng có thể xảy ra trong khi chạy bền? (HT cực điểm, HT đau sóc, HT chuột rút, HT choáng ngất)</p> <p>Câu 2: Khi bị đau sóc em cần làm gì? (chạy chậm lại và hít thở sâu).</p> <p>Câu 3: Chúng ta cần làm gì để vượt qua giai đoạn cực điểm? (duy trì cường độ vận động đều, nỗ lực ý chí vượt qua giai đoạn cực điểm)</p> <p>Câu 4: mạch đập sau khi chạy tối đa không quá bao nhiêu lần/ phút (120-140 lần/ phút).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS đại diện trong nhóm lên bốc thăm phiếu câu hỏi, các HS trong nhóm thảo luận và đưa ra câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p>	9 - 10 phút	- HS thảo luận theo nhóm và đưa ra câu trả lời đúng.

<p>Học sinh đại diện trong nhóm trả lời phiếu hỏi, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét câu trả lời.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung câu trả lời cho từng nhóm.</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>  <p>Đội hình chạy bền trên địa hình tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chạy bền trên địa hình tự nhiên <p>Nam chạy 5 vòng sân</p> <p>Nữ chạy 3 vòng sân</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt HS thực hiện chạy - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung đánh giá mức độ thực hiện bài tập của HS</p>		<p>- Chạy bền</p> <p>Bài tập phát triển sức bền: Chạy lặp lại các đoạn 200m.</p>
---	--	---


C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** HS ôn luyện các động tác đã học.
- Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập.
- Sản phẩm:** Bài luyện tập của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>1. Luyện tập</p> <p>GV cho HS luyện tập những động tác đã học:</p> <p>+ GV gọi 2 HS lên thực hiện kỹ thuật phát bóng thấp tay chính diện.</p> <p>+ GV quan sát, sửa sai chung.</p> <p>2. Thả lỏng, hồi tĩnh</p> <p>Đội hình thả lỏng</p> <pre style="text-align: center;"> x X x x x x x x x x x </pre> <p style="text-align: center;">↑ GV</p> <p>GV hướng dẫn cho HS thả lỏng và căng cơ</p> <p>3. Nhận xét giờ học</p> <p>- GV nhận xét ý thức học tập và quá trình thực hiện động tác của HS cả lớp. Nhấn mạnh những lỗi sai thường mắc trong các động tác và đưa ra cách khắc phục.</p> <p>- HS nghiêm túc và chú ý lắng nghe.</p>	<p>5 - 6 phút 3 - 5 lần</p> <p>2 phút 2l x 8n</p> <p>1 phút</p>	<p>HS tập luyện các động tác đã học</p> <p>Thực hiện ác động tác thả lỏng, căng các cơ, khớp tay, chân và toàn thân.</p> <p>Nhận xét về ý thức học tập và quá trình thực hiện động tác.</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- 1. Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức.
- 2. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã hướng dẫn để luyện tập
- 3. Sản phẩm:** HS thực hiện luyện tập
- 4. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	ĐỊNH LƯỢNG	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>GV cho bài tập về nhà: Về nhà ôn tập và thực hiện thành thực kĩ thuật phát bóng thấp tay chính diện.</p> <p>Đội hình GV hướng dẫn bài tập vận dụng</p>  <p>- GV nhắc nhở HS chú ý đảm bảo an toàn khi luyện tập.</p> <p>- HS tự sắp xếp thời gian tập luyện ngoài giờ học và đảm bảo an toàn khi tập luyện.</p>	2 phút	Về nhà ôn tập và thực hiện thành thực kĩ thuật phát bóng thấp tay chính diện.